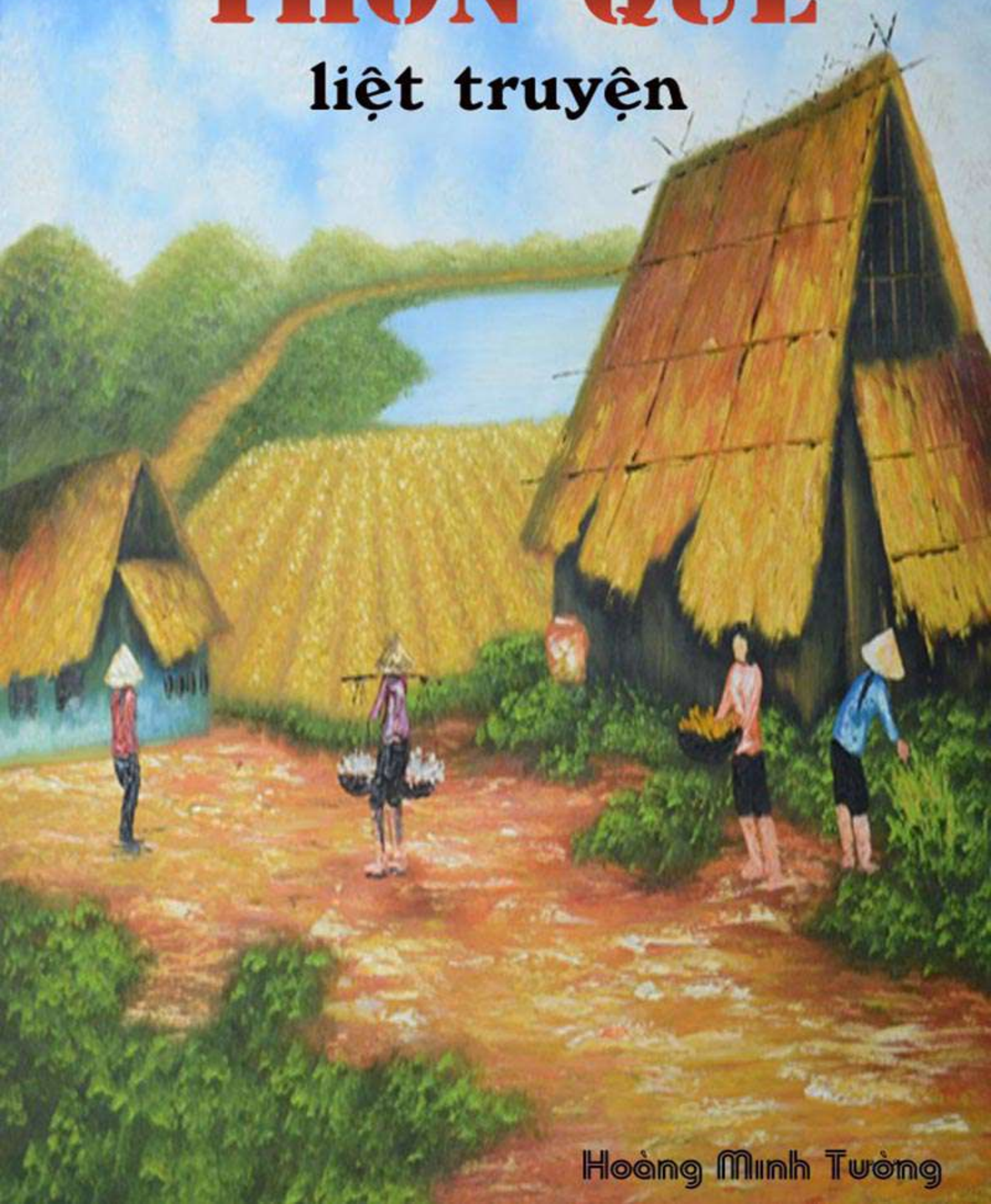


THÔN QUÊ

liệt truyện



Hoàng Minh Tường

THÔN QUÊ LIỆT TRUYỆN

---* ❖ *---

Tác giả: Hoàng Minh Tường

Nhà xuất bản Đang cập nhật

Nguồn text: Waka

Đóng gói: @nguyenthanh-cuibap

PHẦN 1

Thôn Quê Liệt Truyện

HỘI THỨ I

MÙA WORLD CUP VỀ LÀNG

Xó nhà quê thành nơi cá cược

Đào Tiến Ngang bỗng tiến lên trên

---* ❖ *---

Quán hàng của chị Cu Bưởi được đặt làm Trung tâm Uân cúp (World Cup) của làng. Chiếc ti vi 21 inch “đời” second hand (đồ cũ) mua trong Cửa Lò với giá một triệu một, chị Cu Bưởi nói vống lên sáu triệu, thế mà khối người tin sái cổ.

Ngày khai mạc World Cup là ngày hội của trẻ con và đàn ông trai tráng trong làng. Quán chị Cu Bưởi ngay từ đầu chiều đã đông nghịt. Mọi ngày một can bia Kim Bài năm lít bán lay lắt, nay đã bán đến can thứ ba.

Cánh máu mê cờ bạc thì thảo: “kỳ này tạm nghỉ tổ tôm xóc đĩa. Chơi cá độ bóng đá vui hơn. Vừa giải trí, vừa có “tươi mát” nữa đấy”. Ấy là họ ám chỉ Mộng Huyền, cô em họ đang chồng chị Cu Bưởi mới từ Hải Phòng lên. Cô nàng chừng ba chục cái xuân xanh. Nghe đâu đã một đời chồng. Gái đầu ba mà còn tư mở nồn nường hơn khối cô 18. Cho nên quán chị Cu Bưởi thực sự là một điểm hẹn, một tình trường hứa hẹn nhiều pha gay cấn trong mùa World Cup.

Một nhân vật cả làng không ai ngờ đến, trước giờ bóng lăn, bỗng xuất hiện ở quán chị Cu Bưởi, là Đào Tiến Ngang.

Ba tháng trước, vào cái buổi chiều Ngang và vợ y, cô Nguyễn Thị Chanh ký đơn ly hôn ở Ủy ban xã, y tuyên bố xanh rờn: “Tôi thề sẽ không về cái làng này”. Vậy mà kia, chưa đầy trăm ngày, đã ngồi lù lù như tổ mối trong quán chị Cu Bưởi. Rõ là ngang hơn cua.

Không ồn ào, thậm chí còn lặng lẽ và ra vẻ bí mật, từng đệ tử cá cược xin được gặp riêng cô Mộng Huyền để ghi tên đặt cược. Gặp riêng, là để cho

kín đáo, tránh sự để ý của công an xã, kỳ thực các “thầy đề”, thầy chánh”, “thầy lý” của làng đều muốn lấy cơ để sờ tay, đụng chân, ngó thật lâu, thật sâu vào chỗ ngực áo ngồn ngộn, nồn nường hơn cả trứng gà bóc kia. Như đi guốc trong bụng tất cả những gã râu dê, Mộng Huyền vừa đặt quyển sổ hồ hững trên đùi, vừa rướn bộ ngực đồ sộ cho các con dê ngắm thoả thích, rồi mới ồm ở chọc ngoáy chơi: "Ba ngàn chẳng bỏ. Anh cứ đánh hẳn con ba chục. Pháp chấp Sênêgan hai trái là ăn quá non đấy". Các con giới phấn khích, tay nào cũng cựa vống lên, ba ngàn thành mười, mười ngàn lên năm mươi ngàn. Ông Tư Râu mới được con ái đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc gửi cho năm trăm đô, bị Mộng Huyền khích liền đặt cửa Pháp chấp ba trái rưỡi, anh nào thắng, ông xin biếu một trăm ngàn.

Cả làng chỉ duy nhất mình Đào Tiến Ngang đặt cửa trên cho Sênêgan. Rút từ túi áo ra tờ mười ngàn nhàu nhĩ, gã chậm rãi lấy hai tay vuốt lại cho phẳng, rồi đưa lên ngang mày, kính cẩn như một tín đồ Hồi giáo, gã lim dim mắt, miệng lẩm bẩm điều gì rồi hôn chụt vào giữa đồng bạc, và tuyên bố đồng dục: “Tôi đặt cửa Sênêgan chấp Pháp một trái rưỡi”. Dân cá cược của làng nhìn gã như vừa gặp người từ hành tinh khác đến. Rõ là ngang phè. Cả bàn dân thiên hạ người ta đặt cửa cho đội đương kim vô địch thế giới. Thế mà riêng một mình gã dám quay ngoắt một trăm tám mươi độ, đặt cửa cho mấy anh da đen nhà quê mới tập đá bóng sân đất trắng, có là ngu. Vừa ngang vừa ngu. Đã thế thì giết. Cho thằng Đào Tiến Ngang chết bất đắc kỳ tử.

Mộng Huyền. Ghi cho anh cá với Tiến Ngang. Đồng ý Sênêgan chấp Pháp trái rưỡi - Đĩ Chu xưa nay chỉ đi xem nhò, chưa hề biết đến cá cược bao giờ, bỗng nổi máu ăn thua, rút phắt tờ hai mươi nghìn xanh lè, gí sát mặt cho Ngang nhìn rồi đưa cho nhà cái. Tư Râu cũng rậm rịch khắp người, định nhảy vào cuộc. Ông gõ gõ hai tờ năm mươi nghìn xanh màu đô la trên tay, nhưng nhìn thấy cái mặt căng căng của Ngang, lại chần chừ. Chả đại. Chơi với thằng gàn, trên răng dưới các tút kia, đến vợ con nó sờ sờ ra đấy, nó còn bỏ, huống chi chuyện cá cược trời ơi. Có thằng nó, nó cũng chạy

làng. Tụt quần nó ra mà đòi tiền à? Tư Râu và mấy tay cá độ chuyên nghiệp nhất tề đưa mắt cho nhau, ngằm bảo nhau thế.

Tiến Ngang rút ra 5 tờ mười ngàn đỏ chói, hươ một vòng.

- Sênêgan chấp Pháp một trái rười. Năm mươi ngàn mới cóng đây. Yêng hùng hảo hớn ở cái làng này đâu hết cả rồi? Còn ai dám cá cược với thằng Ngang này không?

Năm tờ giấy bạc lại hươ lên một vòng kèm theo tiếng cười sảng sặc đầy thách thức, ngạo mạn.

Chỉ có mình Đĩ Chu chấp Ngang.

Thực ra tên bố mẹ đặt cho gã là Sang - Đào Tiến Sang. Nhưng không hiểu từ bao giờ, cả làng đều gọi chệch đi: Đào Tiến Ngang. Bạn học thời phổ thông với gã thì bảo: Cái tên Đào Tiến Ngang là do bạn bè lớp 12 với gã đặt cho gã. Chả là, lần ấy, khối 12 tổ chức kỷ niệm sinh nhật Đoàn 26/3. Cuối buổi liên hoan, cao hứng Sang xung phong đọc một bài thơ về tuổi trẻ hăng hái tiến lên:

“Thanh niên anh dũng tiến lên

Tiến lên phía trước, tiến lên hàng đầu

Hàng đầu rồi tiến đi đâu?

Tiến lên hàng đầu rồi tiến ... sang ngang”

Có ai đó hét lên: “Tiến sang ngang, ha ha. Thằng Đào Tiến Sang nó tiến sang ngang. Phen này thằng Tiến Ngang nó giết nhà thơ Bút Tre rồi”. Cả lớp cùng ôm bụng cười. Đúng là câu thơ của Bút Tre: “Tiến lên hàng đầu rồi tiến... lên trên” đã bị Sang sửa thành “... tiến sang ngang”. Thế là cậu tú Đào Tiến Sang được đổi thành Đào Tiến Ngang từ đấy. Cái tên Ngang mới là bản chất của gã. Ngang phè. Ngang cãnh bừa. Ngang như cua. Ai dính vào gã cũng thấy tức như bò đá. Ai đời, cả làng thực hiện chủ trương đồn ruộng, tránh tình trạng manh mún, mỗi hộ vài sào nhưng bơi ra ở bốn năm cánh đồng. Riêng Ngang tuyên bố: “Cứ như cũ mà làm. Ruộng đất hợp tác phân khoán, đã có sổ đỏ, hà tất gì phải đồn?” Cả bốn đội trong làng đồn thửa xong. Riêng đội một vẫn “nguyên y vân- vẫn y nguyên” vì có

Ngang ở đó. Rồi chuyện cái cống rãnh qua xóm. Mỗi người góp mười nghìn. Gã phá ngang: “Lấy quĩ phúc lợi mà làm. Riêng nhà tôi, các vị cứ chừa ra”. Tiếp đến chiến dịch diệt chuột. Cả làng nhất tề ra quân. Ngang phá bình: “Sinh ra đội bảo vệ thực vật để thờ à? Các vị cứ đuổi hết chuột vào ruộng nhà tôi. Tôi nuôi để kinh doanh món đặc sản gà đồng. Chuột luộc ướp lá chanh, hết ý”.

Ấy thế cho nên cả làng ai cũng thương Chanh, hoa khôi của xã, của huyện một thời. Rõ là “Thài lài cầm bãi cứt trâu”. Lấy Ngang, Chanh không chỉ khổ mà còn nhục. Thà gã cứ nói ngang cho sướng mồm, đằng này vừa ngang vừa lười, vừa ham mê cờ bạc trai gái. Cả họ xúm vào khuyên Chanh cắt đứt cho nó nhẹ... đũng quần. Trước khi li hôn, món gia tài đáng giá nhất mà Chanh mới sắm được là chiếc xe Tàu hơn mười triệu, cũng bị Ngang cầm quán để đánh bạc.

Lần này về, Ngang tuyên bố: “Tôi cược đội Sênêgan thắng để lấy tiền chuộc cho Chanh chiếc xe máy”.

Không ai tin Ngang.

Chỉ riêng Mộng Huyền, không chỉ tin, mà còn khích lệ gã.

Mắt Ngang chột loé lên như có tia chớp. Gã xoè năm ngàn cho chị Cu Bưởi!

- Cho tôi gọi điện thoại ra Hà Nội. Chị đọc cho tôi số máy điện thoại nhà mình.

Thế là Ngang đánh bạc với Đài Truyền hình Việt Nam, với hãng Nokia. Gã đặt cửa cho Sênêgan thắng Pháp và loé lên một con số 2.500 người đồng ý với gã. “Vâng. Tôi dự đoán có 2.500 người dám ngang như tôi”. Gã bảo cô gái ở đài Truyền hình Việt Nam như thế.

Không phải chờ đến hai hiệp. Chỉ đến phút thứ 31, cái anh chàng da đen 19 điốp ấy đã làm Ngang nhảy dọc lên khiến anh Đĩ Chu tức điên suýt nữa lấy cái đòn xóc chọc vào đít gã.

Nhưng sung sướng nhất, sung sướng đến tột cùng đời Ngang là lúc phát thanh viên chương trình giải trí Truyền hình tuyên bố danh sách những

người trúng thưởng. Tim Ngang chột như có thể vỡ òa khi người ta đọc tên số máy trúng giải nhất - 034832143, số máy điện thoại nhà chị Cu Bưởi.

Có thể chứ, những chú sư tử đen bất diệt - Quáng quàng Đào Tiến Ngang ôm choàng lấy cả chị Cu Bưởi, cả Mộng Huyền. Rõ thật là:

“Buồn ngủ lại gặp chiếu manh

Đang buồn rỗng túi bỗng thành triệu phú (trệu phú) (!).”

HỘI THỨ II

ĐI LĨNH THƯỞNG

Hót tay trên Mộng Huyền ra tỉnh

Mở quán hàng gái đẹp bán hoa

---* ❖ *---

Lại nói về Mộng Huyền. Sau khi đã bàn với chị Cu Bưởi tìm cách hót tay trên giải thưởng của Đào Tiến Ngang, cô nàng đón chuyến ô tô khách đầu tiên từ Chợ Cháy đi Hà Đông, rồi nhảy xe buýt ra thẳng Đài Truyền hình Trung ương.

Chao ôi là sang trọng, là văn minh, lịch sự. Đài Truyền hình đầu não quốc gia có khác. Cổng xây như màn sân khấu chèo. Tất tạt mọi người ở bộ phận Giải trí truyền hình đều đón tiếp Mộng Huyền rất chi là ân cần hoà nhã. Cứ nhìn ánh mắt của cánh đàn ông, đủ biết Mộng Huyền vẫn còn hấp dẫn, ngon lành. Có lẽ cũng chính vì cái thế mạnh ấy mà người ta chỉ xem qua hợp đồng điện thoại, chữ ký chứng nhận và con dấu Ủy ban xã đỏ chói, đã vui vẻ làm thủ tục trao tặng giải thưởng ngay cho Mộng Huyền.

Tay Mộng Huyền run run khi chạm vào chiếc máy điện thoại vừa lấy từ hộp xốp ra. Lần đầu tiên trong đời cô nàng mới được nhìn và cầm một thứ đồ dùng tinh vi và xa xỉ thế này. Thoáng trong đầu Mộng Huyền một phép chia. Ba người cùng chung nhau cái máy di động này. Chị Cu Bưởi và Mộng Huyền tất nhiên phải được phần hơn. Nhưng cũng phải cho Đào Tiến Ngang tí chút.

- Anh ơi, thế em muốn lấy tiền...

- Tiền hả? Định qui ra thóc chứ gì? Tiếc rằng ở đây không phát thưởng bằng tiền. Muốn bán, em cứ ra các cửa hàng bán điện thoại ngoài phố.

Theo lời chỉ dẫn, Mộng Huyền lân la đến các cửa hàng bán điện thoại. Nhưng cô nàng không thể thẳng nổi nỗi sợ hãi khi nghĩ đến chuyện bị lừa,

hoặc bị trần lột.

Chợt nhớ đến cô bạn Hồng The cùng quê, giờ đã là một bà chủ ở một làng ngoại thành, Mộng Huyền liền đi tìm.

Hai đứa gặp nhau, mừng như bố chết vừa sống lại.

- Giời ơi, tưởng thế nào, ai ngờ mày chỉ có một năm xương... còn toàn là thịt (!)

Mộng Huyền ôm chầm lấy cô bạn thân, đấm thùm thụp vào cái lưng cánh phản rồi cứ ấp gương mặt vào cái cổ nục nạc của bạn mà cười khinh khích.

Mộng Huyền xuýt xoa mãi về cơ ngơi, gia sản của Hồng The. Các cụ xưa nói cấm có sai: “Giàu nhà quê không bằng ngôi lê Hà Nội”. Cái con Hồng The cao kều, gầy như cá mẫm, mồm vầu, bị bọn con trai trong lớp đặt cho biệt danh “The mái tây hiên”, ai ngờ bây giờ đã là một bà chủ kinh doanh địa ốc có hẳn một toà lầu bốn tầng với vườn cây cảnh rộng vung vinh như nhà địa chủ, cộng thêm 20 phòng cấp bốn cho sinh viên thuê, mỗi tháng thu năm triệu bạc. Thì ra con người ta có số cả. Hơn mười năm trước Hồng The từ quê lên Hà Nội, vô tình vợ được anh chồng làm nghề mổ lợn, gấp đôi tuổi The. Hai vợ chồng nhảy dù vào xóm liều Thanh Nhàn, chiếm mấy trăm mét vuông đất làm nơi giết mổ gia súc. Tưởng chiếm bừa, nhảy dù đại một vài năm, ai ngờ để lâu cứ trâu hoá bùn. Năm 2000, Nhà nước giải toả, cả xóm liều hơn hai trăm hộ cùng ăn vạ. Vợ chồng The xơi tái năm trăm triệu tiền đền bù.

- Này, tao chỉ nói riêng với mày thôi nhé. Lão chồng tao tuy già, xấu, nhưng được cái thương vợ con, lại tháo vát, biết tính toán. Ngày đất ngoại thành còn rẻ như bèo, một chỉ chục mét vuông, lão nhà tao mua ngay 500 mét vuông ruộng rau muống. Bây giờ vứt đi cũng hai cây một mét. Buôn gì cho lại?

- Eo ôi, một nghìn cây vàng... - Mộng Huyền kêu rú lên vì những con số quá sức tưởng tượng. Cô ả quyết định tâm sự hết mọi điều và nhờ Hồng The giúp cách trở thành một bà chủ ở Hà Nội.

- Rồi tao sẽ làm mối cho mày một “đầy tớ của nhân dân”, tức là một lão bụng phê ngồi xe con, tiêu tiền Nhà nước ấy mà. Càng già càng háo của ngọt, càng muốn sống gấp. Lão này giàu cực. Có vợ nhà quê. Ba thị mẹ. Mày mà tòi cho lão một hoàng tử thì quá Nữ hoàng. Nhưng thôi, chuyện ấy tính sau. Bây giờ phải nghĩ cách kiếm tiền mùa World Cup này đã. Phải dùng cái điện thoại di động này mà kinh doanh...

- Nhưng cậu bảo mình gọi di động cho ai?

- Mày dốt. Gọi cho chỗ nào có tiền. Đi theo tao. Hồng The gọi một chiếc taxi. Hai cô bạn đến một cửa hàng điện thoại di động. Chỉ sau mười phút, họ đã đổi được một chiếc điện thoại NOKIA của bọn chôm chĩa bán lại cùng với hai triệu rưỡi tiền mặt.

- Thấy chưa, vừa có tiền, vừa có máy điện thoại. Có năm trăm trăm nghìn mà vẫn nghiêm chỉnh, vẫn gọi đi năm châu bốn biển.

- Tớ phục tài cậu - Mộng Huyền nhìn bạn đầy biết ơn.

- Bây giờ tao bày cách cho mày kinh doanh. Trong tháng World Cup này, với cái máy di động cũ 500.000đồng này, nếu làm ăn giỏi, mày cũng kiếm được 50 triệu.

- Tức là lãi một trăm lần?

- Chứ sao. Mà sắc đẹp như mày, có khi còn hơn. Bọn đàn ông cả thế giới đang đứng mỡ lên về quả bóng tròn. Mày có những hai quả, phải cho chúng nó chết.

Hồng The vừa nói vừa dẫn người Mộng Huyền rồi lột coóc xê để nhìn bằng được hai bầu vú ngồn ngộn, nõn nà mà không giấu được sự ... ghen tỵ.

Ngày ngày hôm ấy, vợ chồng Hồng The đã thu xếp cho Mộng Huyền một gian nhà trọ đầu hồi, kề mặt tiền ngõ xóm. Một tấm biển lớn “Câu lạc bộ World Cup “ được treo lên, kèm theo những dòng quảng cáo, giật gân:

+ phục vụ xem bóng đá miễn phí bằng màn hình phẳng 21 inh.

+ Đại lý độc quyền chương trình giải trí truyền hình.

+ Chỉ cần một cú điện thoại di động 5000 đồng bạn sẽ có cơ hội trúng thưởng một máy ĐTDĐ NOKIA.

Quả là một cách làm kinh tế rất thức thời và độc đáo. Tất cả tiện nghi, trang thiết bị của câu lạc bộ, từ tivi 21 kinh, bàn ghế, ly cốc, bia chai, nước ngọt, thuốc lá, cà phê... đều do vợ chồng Hồng The bao trọn gói. Có thêm hai thiếu nữ trắng mũm mĩm, chưa đầy hai mươi tuổi mà đã tỏ ra ăn chơi sành điệu, không biết Hồng The kiếm ở đâu cũng đến phụ tá cho Mộng Huyền bán bia, cà phê và giải khát.

Lễ khai mạc câu lạc bộ World Cup nhằm đúng ngày đội tuyển Pháp đấu với đội Đan Mạch. Đây là trận tử chiến của đương kim vô địch thế giới, vì thế mới ba giờ chiều, quán hàng của Mộng Huyền, - tức CLB World Cup đã chật ních người, toàn cánh đàn ông trong phờng, thợ thuyền và cánh sinh viên ở trọ. Chiếc máy điện thoại di động (phế thải) của Mộng Huyền liên tục chuyển tay từ người này sang người khác. 5000 đồng một cuộc gọi cho số máy 1750 của Đài Truyền hình. Không gọi được thì 3000. Nhiều gã tỏ ra ga lăng đưa hẳn một tờ đỏ mười nghìn, không cần trả lại.

Vừa cho thuê điện thoại di động, vừa đứng ra thu tiền cá độ, vừa bán bia, cà phê, thuốc lá, nước ngọt... chưa bao giờ Mộng Huyền thu nhiều tiền, chưa bao giờ được đóng vai bà chủ đích thực như bây giờ. Thế mới biết:

“Đàn bà dễ có mấy tay

Đời xưa mấy mặt đời nay mấy gan”

Kiều

HỘI THỨ III

ĂN VÀ NHÀ NƯỚC

Chín Quý phù phép biến đất thành vàng

Mộng Huyền đưa tình trai làng siêu đố

---* ❖ *---

Dù đã được chuyển thành phường từ hơn một năm nay, nhưng dân địa phương vẫn không quên được chữ làng. Họ vẫn quen gọi: Làng Đầm Soi. Con đường cao tốc vắt qua làng. Khu liên hợp thể thao nằm cuối đồng làng, khiến nơi đây trở thành nơi có tốc độ đô thị hoá cao nhất nước. Người các tỉnh kéo về mua nhà mua đất ùn ùn. Các khu thương mại, khu chế xuất, khu đô thị dân dân thi nhau mọc lên. Giá đất tăng chóng mặt. Những ngôi nhà cổ ba gian hai chái lần lượt được đập bỏ thay bằng các nhà bê tông hộp bốn năm tầng. Chỉ cần bán một sào thổ cư, đủ tiền xây hai, ba ngôi biệt thự.

Có tiền, dân không thiết làm ruộng. Sào ruộng, làm mưa mặt, một năm hai vụ, cao nhất được bốn tạ thóc, giá sáu trăm ngàn đồng, không bằng một tuần ngồi chợ. Và lại, lần lượt những cánh đồng A, cánh đồng B, cánh đồng C được thành phố thông báo Nhà nước sẽ thu hồi, được lên phường án đền bù... khiến bao nhiêu đồng đất bờ xôi ruộng mật một thời mặc nhiên trở nên hoang hoá.

- Trời ơi, tắc đất tắc vàng. Bỏ hoang là có tội. Các vị không trồng thì để tôi - Người tuyên bố xanh rờn ấy là Chín Quảng, biệt danh là chín Quý, một nông dân mới phát lên nhờ kinh doanh địa ốc.

Không ai biết Chín Quý giờ có bao nhiêu tiền. Chỉ biết rằng lão giàu nhất làng Đầm Soi. Trong vòng tám năm lại đây, một mình lão đã xây cất 10 ngôi nhà, bao gồm ngôi biệt thự ba tầng trên mảnh đất thổ cư của ông bà lão để lại ở giữa làng, nay vợ chồng lão đang ở, và chín dinh cơ cho chín thằng con trai lão. Dinh cơ nào cũng to vật vờ hai, ba tầng, có ngôi còn xây hẳn một gara dùng để chứa... xe bò (!). Ấy là chưa kể của chìm. Người ta

kháo nhau: Vợ lão có hẳn một cối đựng trầu bằng đồng thau để chứa vàng. Toàn các loại nhẫn, khuyên tai, dây chuyền mụ mua ở các hiệu cầm đồ.

Nhắc đến Chín Quý, người làng Đầm Soi đều mừng tượng ra ngay một lão nông chạc ngoài sáu mươi, mặt to phè, mắt híp, dáng dấp như một su-mô Nhật Bản. Nét độc đáo nhất của Chín Quý là quanh năm lão vận một bộ bà ba nâu. Mùa hè, những ngày quá nóng, lão cởi áo, mặc may ô cháo lòng. Độc đáo hơn, cứ ra khỏi nhà là lão cưỡi Honda. Cưỡi xe máy xịn, nhưng lại mặc đồ âm lịch và đội nón. Cái nón với lão là vật bất ly thân. Trông lão đi Honda mới thấy kỳ cục. Nửa tàu, nửa ta, hết như một nhân vật lập dị muốn chơi trội để thiên hạ lác mắt.

Chục năm trước, Chín Quảng thuộc diện cùng đinh làng Đầm Soi, năm nào hợp tác xã cũng phải trợ cấp. Hai vợ chồng thích ăn hơn thích làm, hai bố mẹ già, chín thằng con trai láo lếu, nghịch ngợm hơn quý sứ. Có lẽ cái biệt danh Chín Quý người ta đặt cho lão bắt nguồn từ chín cái tàu há mồm này.

Nhưng rồi sông có khúc, người có lúc. Bỗng một hôm vợ chồng Thi La và Hồng The, những kẻ mỗ thị lợn chui và nhảy dù xuống xóm liêu Thanh Nhàn, lân la tìm gặp Chín Quý hỏi mua năm sào ruộng phần trăm vợ lão đang cấy rau muống. Đây là ruộng của hợp tác xã, nguyên tắc không được bán, nhượng. Nhưng thấy Hồng The hỏi giá quá hời, Chín Quý bùi tai, xong bég. Từ vụ thắng giòn già năm cây vàng ấy, Chín Quý dùng làm vốn quay vòng, lần lượt mua các thửa ruộng phần trăm trong làng, rồi lại tìm khách sang tên tiếp. Lãi mẹ đẻ lãi con, có kỳ trong tay lão có tới mấy nghìn mét vuông đất. Thế rồi giá đất leo thang. Lão trúng quả đậm. Chín thằng quý trở thành chín công tử, mỗi đứa một dinh cơ, lấy vợ hẳn trong phố, con ông nọ bà kia.

Đã thành tinh trong nghề kinh doanh địa ốc, nên khi các cánh đồng làng Đầm Soi được chuyển đổi thành đất đô thị, Chín Quý không bỏ qua thời cơ. Thoạt đầu, lão mượn ruộng của anh em, họ hàng, những người đã được đền bù hoặc đã lên phương án nhưng chưa nhận tiền đền bù, giâm tạm ít quất, đào, trồng giặm vài chục gốc chuối, ít cây bạch đàn, bằng lăng... những thứ

cây lão nhật được ở các bãi rác sau Tết hoặc mua lại của các vườn ươm. Ai hỏi, lão bảo: “Mình trồng cho công ty công viên cây xanh. Cũng là lấy công làm lãi thôi mà”. Đến khi các đơn vị được Nhà nước cấp đất đến làm thủ tục giao nhận đất, mọi người mới ngả ngửa: Chín Quý đúng là quý quá. Cứ đếm cây ăn tiền. Mỗi cây đền bù từ 20-50 ngàn đồng, tùy loại. Một sào cây, trả cho chủ ruộng một phần ba, lão cũng kiếm được vài chục triệu.

Thế là cả làng Đầm Soi học kinh nghiệm Chín Quý. Những cánh đồng trũng, trước kia chỉ cấy lúa và thả rau muống, nay đồng loạt biến thành vườn. Nơi thì loi nhoi mấy cây chuối, nơi xơ xác mấy chục gốc quất, đào hoặc nhãn, vải, bạch đàn. Đây là chính là những cái bẫy để “phạt vạ” các chủ đầu tư, thực chất là phạt vạ Nhà nước. Hết như trường hợp những que tre cắm bãi cút trâu dọc đường làng ngày xưa. Có giỏi thì thử đụng vào.

Cách đây ba tuần, đúng vào ngày khai mạc World Cup, cuộc đụng độ đầu tiên diễn ra giữa bố con Chín Quý và công ty Xây dựng X. Đội quân cơ giới hùng mạnh gồm hàng chục xe Bò Ma chở cát, xe ủi, máy gạt của công ty khi vừa chạm vào ô ruộng trồng quất, bạch đàn của Chín Quý thì phải dừng lại. Chín thẳng con lão kéo theo vài chục đầu gấu cùng cuốc, xẻng, xà beng dàn thành hàng rào bao quanh vườn cây được chằng vôi bằng những đoạn dây thừng. “Thừng nào làm gãy một cây chuối, một cây quất, tao băm giữa ruộng”. Lão Chín Quý tuyên bố xanh lè làm mấy anh công nhân lái máy ủi xuýt đá ra quần. Công ty Xây dựng X, lo tiến độ chậm, vôi xuống thang, thương lượng với bố con Chín Quý, chịu tang giá đền bù. Đến lúc này thì lão lại làm cao. Lão đếm tất tật các loại cây trong ruộng và rao giá chóng mặt khiến lãnh đạo công ty không thể chấp nhận. Hai bên không tìm được tiếng nói chung. Bế tắc.

Mọi chuyện tưởng cứ kéo dài nhì nhằng. Vả lại mùa World Cup đang tới cao trào. Sự xuất hiện “Câu lạc bộ World Cup” của Mộng Huyền hầu như đã hút hồn cả chín thẳng con trai Chín Quý. Chúng không chỉ máu mê cá cược, cờ bạc, mà còn háo sắc. Chỉ cần một ánh mắt tổng tình của Mộng

Huyền, một cú lắc mông như điệu vũ sexy của cô nàng là các gã đều ngẩn ngơ, quên hết cả nhiệm vụ phải canh phòng miếng ruộng trồng cây đèn bù.

Cho tới trận bán kết đầu tiên giữa đội chủ nhà Hàn Quốc và những cỗ xe tăng Đức, một trận tử chiến giữa hai châu lục Á - Âu. Cả sân vận động một màu đỏ rực và sôi sục như một chảo lửa. Tất cả dân cá độ của làng Đầm Soi đều tập trung ở CLB World Cup của Mộng Huyền. Chiếc điện thoại di động của cô nàng chuyền tay nhau gọi cho số máy 1750 để đánh cá với Đài Truyền hình. Cuốn vở học trò dày 48 trang của Mộng Huyền ghi danh sách cá độ kín đặc.

Đúng lúc đội Hàn Quốc do mũi tiên phong An Chung Hoan đang chọc một mũi khoan thép qua hàng phòng thủ Đức để lọt vào vòng 16 mét 50 thì bỗng Chín Quý như từ trên trời rơi xuống, hét lớn: “Dẹp hết bóng đá lại. Kéo tất cả ra ngoài đồng. Bọn máy ủi đang lấp hết vườn cây rồi”. Mọi người ngớ ra không hiểu đầu của tai nheo thế nào. Chỉ riêng chín thằng con của Chín Quý bỗng vụt đứng lên, mỗi đứa một con dao, một đoạn cây, lao ra đồng.

“Mẹ kiếp. Chúng nó lừa các con ông xem Uân Cup để phá hoại hoa màu. Đứa nào ra bảo vệ cây, ông thưởng cho mười nghìn”. - Chín Quý hươ lên một xấp bạc đỏ chói. Nhưng lần này thì bóng đá đã thắng lão. Không ai thèm để ý đến trò ăn vạ Nhà nước của bố con lão. Họ đang bị cuốn theo đường bay của trái bóng tròn. Rõ thật là:

“Tưởng ba đầu sáu tay Chín Quý làm càn

Nào ngờ vỏ quýt dày đã có móng tay nhọn.”

HỘI THỨ IV

TỪ ĐÌNH TẶC ĐẾN NẤP CỐNG TẶC

Cửa ngõ Thủ đô rải đình gài bẫy

Nấp cống trên đường xoáy trộm nấu gang

---* ❖ *---

Nạn đình tặc trên đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài trước đây và đường Pháp Vân - Cầu Giẽ gần đây buộc các chiến sĩ công an hình sự phải vào cuộc. Một chuyên án đặc biệt được triển khai. Bọn đình tặc đánh hơi thấy sự nguy hiểm, không bảo nhau, chúng đều lạng lẽ tản về các xóm ngoại thành, ém quân, chờ thời cơ.

Một trong những trùm đình tặc ở đường Pháp Vân - Cầu Giẽ là Hàn Võ. Gã đã có hai tiền sự, từng bị đi tập trung cai nghiện tại Hoà Bình. Vùng quê gã vốn có nghề làm miến dong hái ra tiền. Nhưng gã lười, thích ăn chơi đua đòi. Gặp kẻ xấu rủ rê, bập vào nghiện hút lúc nào không hay.

Hội rộ lên nạn đình tặc trên đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài, cho gã biết có một nghề tàn bạo, thất nhân tâm, nhưng kiếm được tiền, ấy là “nghề” rải đình kiem vá sấm lốp xe máy, xe đạp. Đọc báo, mặc dù không biết thủ phạm của những cú xiên lốp, lộn nhào xe “ngoạn mục” trên đường cao tốc kia là ai, nhưng gã đã coi những đình tặc kia là những nhà phát minh vĩ đại. Cho chết. Trông những bọn quần là áo lượt, mặt mày nhẵn bóng ngồi xe ô tô máy lạnh, xe máy loại sang phờn phơ đi trên con đường nhựa láng bóng vừa rải thảm, chạy qua quê Hàn Võ, gã đã thấy lộn ruột. Đã thế thì phải nộp tiền mãi lộ. Nộp càng nhiều càng ít. Thậm chí có đũa vì đình mà bỏ xác trên đường cũng đáng đời. Hàn Võ triết lý tàn nhẫn và lạnh lùng như thế. Và rồi gã lạng lẽ chuẩn bị mấy cân đình. Toàn loại đình năm phân. Có thêm một số đình ba chạc. Công việc rải đình nhẹ nhàng quá đi dạo mát. Nửa đêm, tay dứt túi quần đạp xe đủng đình đi giữa lòng đường, thỉnh thoảng như vô tình, vốc một nắm đình tung ra. Công việc còn lại là bố trí điểm vá

xăm lớp ở chỗ đón lông thích hợp. Gã rủ thêm thằng Thái Khèo chuyên bơm vá ở chợ. Ngay ngày rải đình đầu tiên, chỉ trong buổi sáng đã có mười tám con mồi dẫn xác đến. Đình xuyên táo qua mấy đoạn sấm. Đình làm bực cả tanh lớp. Mười nghìn, mười lăm nghìn một miếng vá. Năm mươi nghìn một chiếc sấm sao vàng. Hai đứa xơi tái bốn trăm nghìn.

Ngày thứ hai, yếu tố bất ngờ không còn, lại thêm mấy thằng cha ở chợ Vân Từ đánh hơi thấy miếng ngon đến vá hôi. Thế mà hai thằng cũng xơi ngon ơ hai trăm ngàn.

Ngày thứ ba. Ngày thứ tư... đến mãi ngày thứ năm công an mới vào cuộc, cũng là lúc bọn Hàn Võ, Thái Khèo rút êm vào một ổ hút chích, đập phá xả láng rồi tản về các làng quê ngoại thành.

Hàn Võ có ông anh vợ tên là Tám Muôn. Chẳng phải ai xa lạ, đó chính là thằng quỉ thứ tám của ông Chín Quý. Chín đứa con, do chính lão đặt tên. Tám Muôn là thứ tám, tên Muôn. So với bảy thằng anh, Tám Muôn và Chín Năm là hai công tử út, nên được nuông chiều. Khi lão Chín Quý, nhờ kinh doanh địa ốc đã phát lên thành đại địa chủ thời kỳ đổi mới, thì Tám Muôn đã được xếp vào hàng “phá gia chi tử”. Bỏ học từ cuối năm lớp 8, gã theo bạn bè ra Móng Cái, sang tận Trung Quốc buôn bán. Cô bạn tên Thanh Xoan người làng bên, bằng tuổi, nhưng dậy thì sớm, phồng phao, đa tình bám theo gã nhặng nhặng. Chiều cô nàng, Tám Muôn cho người yêu qua Đông Hưng du lịch. Chuyển xuất ngoại sang Trung Quốc ấy khiến cô ả nhớ đời. Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, nhưng yêu gái Việt. Đã đời quá. Đến lần thứ hai cô ả đòi Tám Muôn cho đi tận Phòng Thành, Bắc Hải. Nhưng đó là lần cuối cùng. Chuyển ấy, Thanh Xoan có đi mà không có về.

Liên tiếp trong ba năm, Tám Muôn thay gần chục người tình. Có ba cô gái, cùng cảnh ngộ như Thanh Xoan, được gã đưa sang Trung Quốc rồi để lại đó. Có người nghi hoặc đồn rằng Tám Muôn tham gia vào đường dây buôn bán phụ nữ qua biên giới. Đào ôi, khẩu chứng vô bằng. Tám Muôn khinh mười lăm phút.

Cô vợ mà Tám Muôn đột ngột cưới sau hàng chục cuộc tình chim chuột là Hiền, chị gái Hàn Võ. Khen cho kẻ cặp bà già gặp nhau. Hiền cầm tinh

con rắng, tuổi Đinh Tỵ, gã Giáp Dần, tuổi hổ, vậy mà cưới nhau xong, Tám Muôn đã nhũn như con chi chi, nể vợ một phép. Hai vợ chồng làm nghề mổ thịt chó. Hiền đặc biệt có duyên bán hàng. Ngày ba chú cày tơ, hết veo.

Cuộc viếng thăm của cậu em vợ khiến Tám Muôn khả nghi. Chỉ liếc qua điệu bộ, cử chỉ, gã đã bắt bài, đoán trúng phóc.

- Công an đang cần trên đường Pháp Vân- Cầu Giẽ hai mươi tư trên hai mươi tư giờ. Cậu bùng lên đây là phải.

- Anh bảo sao? Việc gì tôi phải bùng? - Hàn Võ vỗ ngực bồm bộp. - Mà y bị được “cá” chứ sao bị nổi anh. Tao còn biết mỗi ngày mà y với thằng Thái Khèo rải hết năm cân đinh. Số đen đã lập rồi. Chỉ có tí chứng cứ là còng số tám sẽ sập.

- Có gan ăn cướp thì có gan chịu đòn. Tôi đâu có ngán. Dạt lên đây là muốn nhờ ông anh bày cho chút mưu kế làm ăn.

Tám Muôn nhìn xoáy vào mặt gã em vợ rồi bảo:

- Ông già tao đang cần người trông vườn cây.

- Vườn cây nào? Trang trại trên Hoà Lạc phải không?

- Hoà Lạc mẹ gì. Ở ngoài đồng kia kìa. Lão bô nhà tao đang lập mưu ăn vạ Nhà nước. Ruộng đền bù rồi, tranh thủ trồng mấy cây để ăn vạ, bắt đền bù tiếp.

- Xong ngay - Hàn Võ giơ ngón tay cái lên - Ông bảo với ông già để tôi làm Thạch Sanh cho.

Vậy là suốt cả mùa Uân Cúp, Hàn Võ năm phục canh vườn cây đều cho Chín Quý. Chính những đêm dài dằng dặc trong túp lều bên ruộng cây giữ đồng ấy, Hàn Võ đã biết thêm một ngón nghề mới. Ấy là nghề ăn trộm nắp cống trên những con đường mới mở ven nội thành.

Số là đêm ấy, cơn nghiện hành hạ Hàn Võ đến nhũn cả người. Gã rời căn lều lang thang vào phố xem có chôm chia được chút gì để hút chích. Bỗng dưới bóng tối vòm cây gã phát hiện ra hai đứa đang vờn một chiếc nắp cống tròn bằng gang pha sắt lên một chiếc xe bò buộc sau chiếc Honda ghê. Tưởng Hàn Võ là công an đi tuần, hai đứa sợ vãi đá.

Nhưng rồi, cuối cùng cả ba đứa đã tìm thấy ngôn ngữ chung. Hai thằng biếu Hàn Võ hai mươi ngàn và rủ gã những tối sau cùng hợp tác, được chiếc nắp cống nào cùng chia ba.

Từ hôm ấy, Hàn Võ có thêm một nghề mới, chính thức nhập hội với bọn nắp cống tặc.

Trên con đường cao tốc có dải thảm cỏ, hoa và cây cảnh đẹp như công viên, sau mỗi tối lại mất đi một chiếc nắp cống bằng gang, hoặc pha sắt. Những lỗ thủng đen ngòm, sâu hút trở thành những cái bẫy rình rập người qua đường.

Mỗi lần mất một chiếc nắp cống, những người công nhân tuần đường lại nhìn vào làng Soi với cái nhìn buồn bã, đầy trách cứ và nghi ngờ. Với những bọn nắp cống tặc đê mạt này thì đô thị hoá, công nghiệp hoá làm sao. Thế mới biết:

Dân trí thấp Chí Phèo thành kẻ cắp

Gặp cùng đình cao tốc hoá đường quê

HỒI THỨ V

LÈU CHỒNG ĐI THI

Cu Bưởi đưa con ra tỉnh đưa tài

Nàng Chanh thi đỗ, cả nhà méo mặt

---* ❖ *---

Anh Cu Bưởi từ Lâm Đồng về, khiến chị Cu Bưởi hoàn toàn bất ngờ.

- Sao bảo giá cà phê đang lên? Tưởng hai bố con cùng ở lại để vớt vát lấy đồng vốn, về làm gì cho tốn kém? - Thấy chồng về, lẽ ra phải hí hửng, sung sướng, nào ngờ chị Cu Bưởi lại gọi luôn một gáo nước lạnh.

- Giá cà phê cũng không bằng việc thi đại học của con Chanh - Anh Cu Bưởi tỏ rõ lập trường kiên định - Năm nay Bộ Giáo dục cải tiến lề lối thi cử. Cho con Chanh thi một năm nữa cho kịch đường tàu, hết nhẽ.

- Đào ôi, yêu con không phải lối. Hồi ra giêng, trước khi ông vào Lâm Đồng, tôi đã thống nhất với ông rồi. Nhà mình nghèo. Sức học con Chanh cũng không hơn gì thằng Quýt. Để nó ở nhà phụ giúp sào ruộng khoán với tôi một hai năm rồi cho nó đi lấy chồng. Con gái học lắm chỉ sinh lười, hư thân mất nết. Với lại nó đỗ đại học, mỗi tháng phải có năm trăm ngàn, bốn tạ thóc, tiền đâu ra?

- Cứ cho nó đi thi đã. Đỗ đại học, khắc tính - Anh Cu Bưởi thủng thảng, nhưng tiếng đàn chắc, như đinh đóng cột - Con người ta học đầy ra đấy, mình kém cạnh gì?

Anh Cu Bưởi đã quyết là thành mệnh lệnh răm rắp. Trước ngày đưa con đi thi, anh bảo vợ bán năm tạ lúa hơn bảy trăm ngàn, cộng với năm trăm ngàn anh mang từ Lâm Đồng về, vị chi là triệu hai. Nếu không phải đóng góp nhiều, chỉ tiền trợ và tiền ăn tiêu trong năm ngày cũng vung vỉnh chán.

- Ở, việc gì phải mất tiền trợ? Tưởng hai bố con ra ở nhờ bác Kim. Tôi đã sắp sẵn yến gạo ngon với con gà sống thối đây rồi - Chị Cu Bưởi tong

tả mang ra một cái túi xác rắn đựng đầy gạo, rồi vào bếp xách ra một cái lồng nhốt chú gà sống thiến có bộ lông đỏ rực như lửa.

Anh Cu Bưởi xua tay:

- Thôi, dẹp. Không phải phiền đến bác Kim. Dịch vụ nhà trọ ở Hà Nội giờ tiện lắm. Cùng lắm hai bố con cũng chỉ hết năm mười nghìn một ngày. Nhờ vả làm gì để phải mang ơn.

- Ở cái ông này, vừa ngang vừa hâm. Bác Kim là con ông bác ruột tôi. Đi lại cho nó thân tình ruột thịt, chứ phiền hà gì?

Anh Cu Bưởi làm ngơ, rít thuốc lào đến hôm má rồi thở khói cuồn cuộn lên mãi trần nhà. Dân Hà Nội, ông còn lạ gì. Có tí tiền là khinh người như mề. Mình ra chơi, mang gà, gạo, đồ, lạc ra hăn hoi, mà quá cái thẳng đi xin ăn. Cái ông Kim còn đỡ, chứ cái bà vợ thì thật quá đáng, lúc nào cũng sợ bản nhà, sợ dân nhà quê ra xin xỏ cái gì đó. Bực nhất là cứ ngồi xuống mâm là mụ ấy ánh ỏi: “Nhà quê các chú ăn bản mà chẳng thấy bệnh tật gì, lạ thật”. “Chú bảo cô ấy lần sau có ra chơi, đừng có mang gạo đồ gì cho rách việc. Bốn nghìn bạc một cân gạo tám thơm mang đến tận nhà, thiếu gì”. Nhiều lúc nuốt miếng cơm mà nghẹn ngang cổ họng.

Đã nói là làm, anh Cu Bưởi bảo vợ thả gà, cất gạo, nhất định không thềm nhờ vả nhà bác Kim. Hai bố con xếp xe đạp lên nóc xe khách, rồi từ bến xe Hà Đông, lai nhau trên chiếc xe đạp Phượng Hoàng ra Hà Nội, tìm đến trường thi.

Hoá ra dân nhà quê cơ man nào là các bậc cha mẹ cũng đưa con đi thi. Địa điểm thi của con Chanh là trường tiểu học Mùa Xuân, cách Trường đại học Luật hai dãy phố. Ở đó, để tạo điều kiện cho thí sinh các tỉnh xa về, nhà trường đã bố trí một số lớp học làm nơi ở trọ với giá rẻ bất ngờ. Năm mươi ngàn đồng, một người, một ngày. Ghép các bàn học sinh lại thành phản. Một lớp học có thể ở được hai chục người. Quạt trần, đèn điện chạy suốt đêm. Nước giếng khoan xả láng. Chỉ thiếu chiếu và màn. Nhưng không sao, mở quạt hết số, đắp tấm áo qua mặt, ngáy một mạch đến sáng là muỗi cũng phải chào thua.

Nhìn thiên hạ đưa con em đi thi, anh Cu Bưởi mới thấy dân trí nước mình giờ tăng lên nhanh thật. Tính ra toàn con em thôn quê, chứ thành phố có thấm tháp gì. Phòng anh trọ có ba nông dân quê Thanh Hoá, toàn sà sà tuổi nhau, lại cùng dân bộ đội xuất ngũ về. Thi ra con họ cũng đều thi đến năm thứ hai, năm thứ ba cả. Ông ở Hoằng Hoá năm kia cho con vào Huế thi, năm ngoái lên mãi Thái Nguyên. Tính ra mỗi năm hai bố con cưỡi một con bê đi thi đại học. “Nhà tôi cạnh Cầu Tào, dọc đê sông, nên lúc nào trong nhà cũng nuôi dăm con cả trâu lẫn bò. Tuần trước tôi mới bán một con bê một tuổi được triệu rưỡi, đủ tiền hai bố con giắt lưng ra Hà Nội thi đại học. Tôi bảo đưa con gái: “Thi đợt này nữa là thôi. Quá tam ba bận. Ba năm, tao mất ba con bò”. Ông quê Thiệu Yên bảo: “Mình ngăn nhưng nó vẫn nhất quyết đi thi. Nó bảo ở nhà làm ruộng buồn khổ, không chịu được. Không cho nó đi thi, nó sẽ ra Sầm Sơn làm ca-ve”... Bốn ông bố chụm vào nhau kháo chuyện, hút thuốc lào vặt và nén tiếng thở dài. Ra đến Thủ đô mà họ chẳng dám chơi bời, ăn uống, thăm thú gì.

Thế rồi ngày thi cũng đến. Khu nhà trọ của bố con anh Cu Bưởi bị lùa ra khỏi trường từ sáng sớm. Anh Cu Bưởi đưa Chanh đến một hiệu phở gọi cho con một bát tái gầu đặc biệt rồi dặn: “Con cố tập trung thi cho tốt. Bố hứa, nếu con thi đỗ, sẽ vay giật tiền mua cho con một chiếc Uây Tàu”.

Không ngờ, lời hứa hẹn ấy có một sức khích lệ kỳ lạ. Ngày thi đầu tiên con Chanh phấn khởi ra mặt. Nó ghé tai anh Cu Bưởi: “Phen này chắc chắn bố phải mất cho con cái Uây-Tàu. Cả hai bài thi hôm nay con đều làm ngon ơ...”

Vậy là con Chanh sẽ đỗ đại học. Thằng Quýt anh nó thì ba năm đều trượt vở chuối, phải vào Lâm Đồng trông coi rẫy cà phê. Nhưng con Chanh, mới hai vòng đã vượt Vũ Môn...

Ngày thi thứ hai của Chanh, anh Cu Bưởi ngồi ở quán nước công trường với một tâm trạng ngổn ngang lo âu, thấp thỏm, hồi hộp. Nếu con Chanh đỗ đại học thì sẽ ra sao? Tìm đâu ra sáu triệu đồng mua chiếc Uây-Tàu? Bán đi nửa rẫy cà phê trong Lâm Đồng? Có khi phải vậy. Thế còn mỗi tháng năm trăm ngàn đồng cho con trọ học ở Hà Nội? Một năm, mình mẹ Cu Bưởi

giỏi lắm làm được hai tấn lúa, vị chi ba triệu bạc. Không ăn, không tiêu thì đủ tiền cho con Chanh sáu tháng. Còn lại vay giật ở đâu?

Bài toán của anh Cu Bưởi có vẻ học búa hơn bài thi của Chanh nhiều lần. Tiếng trống điểm hết giờ. Các thí sinh ùa ra. Chanh cũng ùa ra. Cô muốn reo lên khoe với bố rằng bài hôm nay cô còn làm tốt hơn ngày hôm qua. Nhưng rồi cô bỗng sững sờ khi nhìn thấy gương mặt bơ phờ, hốc hác của anh Cu Bưởi. Kìa, sao thế bố ơi. Rõ thật là:

Con thi đỗ bố cười ra nước mắt

Một chữ thầy nghìn giọt mồ hôi

HỘI THỨ VI

CƯỚI BÒ ĐI TẬN VỢ CHO CON

Vào Vũng Tàu, Đĩ Chu học cách làm giàu

Vui quê mới, Trọng Chạch nuôi tôm, cưới vợ

---* ❖ *---

Vừa cấy xong mấy sào ruộng khoán thì vợ chồng anh Đĩ Chu nhận được thư của con trai từ Vũng Tàu: “Con sắp lấy vợ bố mẹ chuẩn bị cho con 5 triệu. Con sẽ về đón bố mẹ vào đầu tháng bảy”. Đọc xong thư con mà khắp người Đĩ Chu tá hoả, mồ hôi chảy ròng ròng. Rõ ràng đây là tối hậu thư. Cấm không được bàn cãi. Thăng Chạch, con trai cả của Đĩ Chu quyết không lấy vợ làng mà vào tận Vũng Tàu chọn vợ. Ghê chưa? Năm triệu, tức là ba tấn thóc. Đào mả bố nó lên cũng không kiếm đâu ra ngần ấy thóc. Đĩ Chu uống rượu, quát tháo vợ con inh ỏi. Đã thế ông không thèm vào Vũng Tàu xem mày có dám cưới xin nữa không? Chị Đĩ Chu rên rỉ: “Tôi nói mãi mà ông không nghe. Đã dấm cho nó con Ngọt xóm Thượng, vừa được người vừa được nết, mà ông không chịu. Nhà ấy khá giả, có cưới nhà mình cũng chẳng mất đồng nào, họ lo tất”. Ừ nhỉ, Đĩ Chu bỗng thần người. Tiếc con Ngọt quá. Xinh gái nhất vùng. Sau Tết vừa rồi lão chủ tiệm vàng Kim Sinh trên thị trấn đã cưới Ngọt cho thằng Nghiện, con trai lão. Tham vàng rồi sẽ khổ một đời thôi, con ạ.

Đầu tháng bảy. Vợ chồng Đĩ Chu chờ mãi nhưng không thấy Chạch về. Nóng lên chửi vung một lúc cho hả, chứ bản chất Đĩ Chu vẫn là người yêu vợ, thương con. Thăng Chạch là con đầu cháu trưởng. Chuyện vợ con hệ trọng cả đời. Năm triệu chứ mười lăm triệu, đã là bố mẹ thì phải lo. Không hở chuyện cưới xin của thằng Chạch với ai, Đĩ Chu lạng lẽ xuống quỹ tín dụng xã rút hai triệu, số tiền dự phòng chiến lược của hai vợ chồng; bán hai con lợn trong chuồng được chín trăm ngàn, đôi khuyên tai hai chỉ vàng bà ngoại cho chị Đĩ Chu ngày đi lấy chồng, được triệu bạc nữa, tổng cộng

cũng được ngót bốn triệu. Coi như cũng được bốn phần năm yêu cầu. Bí quá sẽ vay nóng nhà Cu Bưởi triệu bạc, chịu lãi mười phân là có thể thoả mãn ý nguyện của anh con trai trưởng.

Đùng một cái, lại có một bức điện khẩn: “Chạch không về được. Bỏ vào gấp theo đường máy bay. Bay từ Nội Bài giờ nào, chuyển nào điện vào số máy di động 0912043660, Chạch sẽ ra sân bay Tân Sơn Nhất đón”.

Ghê chưa. Đi ăn cưới bằng máy bay! Mà định giết bố trên giờ hay sao? Một cái vé máy bay mất triệu rưỡi, tức là cùng một lúc cưới hai con lợn mỗi con một tạ, hoặc một con bò hai tuổi bay lên giờ. Chuyện hoang đường. Dẫu có là Tôn Ngộ Không thì tao cũng vái cả nón. Bay vào Vũng Tàu cưới vợ cho mà xong thì vợ chồng tao chết. Đĩ Chu rên rầm trong lòng. Từ lúc nhận được bức điện, anh như người mất hồn, người mắc tính trầm cảm, đôi khi ngồi lặng hàng giờ trước chén rượu suông.

Nhưng rồi, cuối cùng, Đĩ Chu vẫn phải bay. Máy bay đáp xuống Tân Sơn Nhấn lúc giữa trưa. Ngoài trời nóng ba mươi sáu độ, nhưng thật lạ, trong lòng anh Đĩ Chu bỗng mát rười rượi khi anh con trai trưởng Nguyễn Trọng Chạch cùng vợ chưa cưới Đoàn Thị Út Sương ôm một bó hoa tươi đón bố ở cửa nhà ga. A, hoá ra thằng Chạch giỏi. Kiếm được con vợ mỏng mà hay hạt ra phết. Người cao ráo, phúc hậu, ngực nảy mông mẩy, dáng “vượng phu ích tử”. Ai bảo con gái miền Nam đen như củ chuối nhỉ? Láo. Da dẻ thế kia khối cô gái làng còn chạy dài. Đĩ Chu thầm khen con dâu tương lai. Rồi giả vờ đi tiểu tiện, anh máy con trai đi theo vào toilet, và bảo: “Mày chọn vợ thế là được. Nhưng còn cái vé của bố, những một triệu rưỡi. Bố đau quá”. Chạch hỏi: “Bố có mang vào năm triệu không?” Đĩ Chu cười nhả nhổ: “Có. Mẹ mày bắt bố để riêng ra một cục khâu vào cặp quần đây này. Nhưng bố đã tiêu vào cái vé máy bay một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn rồi”. Chạch cười hì hì: “Thế thì được. Bố cứ giữ lấy. Con muốn bố đi ngoại giao đợt này với cương vị một người có tiền chứ không phải vào cưới vợ cho con tay không. Phòng xa thế thôi chứ đám cưới này con dâu bố sẽ bao hết. Đây, tiền vé máy bay của bố, thanh toán luôn tót sịt để bố phần

khởi”. Chạch xoè cho bố hẳn mười lăm tờ một trăm ngàn đồng, khiến lần đầu tiên Đĩ Chu nhìn con trai mình như chiêm ngưỡng một tỷ phú.

Chuyến xe taxi từ Sài Gòn về Vũng Tàu không kém gì một cuộc thám tửng nguyên thủ quốc gia. Cảnh đẹp như trong mộng với bạt ngàn những cánh rừng cao su, những khu phố sầm uất, những ngôi chùa ẩn hiện trong cây. Lẽ ra xe đi thẳng từ thị xã Bà Rịa về Long Hải, nhưng Chạch lại bảo taxi chạy vòng ra Vũng Tàu để chiêm ngưỡng thành phố dầu khí với những dãy phố mới, những biệt thự, khách sạn tráng lệ. Và kia, biển hay chốn Bồng Lai? Con đường chạy vòng quanh núi chẳng khác gì những cảnh trong phim ảnh nước ngoài. Cho đến khi xe dừng trước một nhà hàng sang trọng ở bãi biển Thùy Vân thì niềm hạnh phúc và sự hứng thú của Đĩ Chu đã lên tới tột đỉnh. Những món đặc sản biển lần đầu tiên trong đời được ăn: cua, mực, tôm, cá... thứ nào cũng thượng hạng, đắt tiền. Và kia, bãi biển với cơ man là người, trông xa tưởng ai cũng trần như nhộng. Có những bà Tây còn nồng nặc mặc cả áo tắm, hở cả rốn, ngang nhiên đến ngồi ăn uống ở cạnh bàn Đĩ Chu. Eo ôi, ngưỡng chết đi được. Không có những bộ ngực vĩ đại, những cái rốn sâu hút kia thì Đĩ Chu còn ăn được thêm vài con tôm, con cua nữa.

Đang từ đỉnh Bồng Lai tiên cảnh, thoát cái Đĩ Chu đã lại trở về vùng thôn quê thoáng đãng. Ấy là lúc gặp vợ chồng ông thông gia Tư Queo, một nông dân chính hiệu vùng đất mỏ Miền Đông.

- Tôi nói với ông Năm như vậy - Tư Queo mở đầu câu chuyện với Đĩ Chu khi mọi người cùng ngồi vào bàn nhậu - Tôi thương thằng Hai Chạch ngay từ ngày đầu nó đến làm ao nuôi tôm cho tôi. Tính nó thật thà, lại hiền và ham làm, hạp với tôi lắm. Vợ chồng tôi chỉ có năm đứa con gái. Bốn đứa đã đi lấy chồng. Chỉ còn con út Sương, tôi thương nó nhất. Đến khi biết hai đứa thương nhau thì trúng cái bụng của tôi quá đi. Tôi bàn với bà nhà tôi cho hẳn hai đứa mấy công đất cho chúng đào ao nuôi tôm. Tiếp đó tôi cấp cho ba chục triệu mua tôm giống, mua thức ăn, máy sục khí. Vụ đầu tiên, trừ vốn liếng, công xá rồi, cũng lãi hai chục triệu.

- Vậy ư? - Đĩ Chu tròn xoe mắt khi nghe đến những món tiền khổng lồ.

Tư Quẹo cười lớn:

- Thế đã ăn nhằm gì. Bốn ao nuôi tôm của tôi năm rồi thu hai trăm triệu. Dân Long Đất chúng tôi từ ngày di dời xuống đây chuyển từ làm ruộng sang nuôi tôm, nhà nào cũng trúng lớn. Thăng Hai nó bảo đợt này ông vào Vũng Tàu lo cưới cho nó xong, mời ông ở lại luôn đây hỗ trợ giúp nó làm thêm mấy ao tôm. Vốn càng nhiều, càng dễ trúng lớn. Nhờ trời mưa thuận gió hoà, tôm không bị dịch bệnh, mỗi năm thu trăm triệu chẳng khó gì.

Cuộc đi tổ chức cưới vợ cho con trai của ông nông dân vùng đồng chiêm châu thổ sông Hồng trở thành cuộc đi trao đổi, bàn cách làm giàu. Thăng Chạch quả là có số đào hoa và luôn được quý nhân phù trợ. Đĩ Chu càng ngấm càng mừng cho con trai. Quả là mình cưới bỏ đi tậu vợ cho nó kỳ này cũng đáng. Có khi sau đám cưới này, mình sẽ ở lại thử một vài vụ nuôi tôm ở Vũng Tàu, cũng nên. Rõ thật là:

Con hơn cha cả nhà có phước

Bắc - Nam loan phượng trùng phùng.

HỘI THỨ VII

ĐĨ CHU ĐI MÁT XA

Thử chơi cái chốn tang bồng

Thuyền duyên ứ hự, anh hùng biết chãng

---* ❖ *---

Cưới vợ cho con trai xong, Đĩ Chu dự tính còn ở chơi Vũng Tàu vài tháng. Công việc đầu tiên là phải sang sửa cho vợ chồng thẳng con cái nhà. Hai gian thương lá dừa lợp bằng phirôximăng, một gian làm phòng ngủ, một gian tiếp khách, đó là món hồi môn vợ chồng Tư Queo tặng cho cô út. Vô nghề nghiệp, lại đi ở rể, đời thẳng Chạch thế là tởm chán. Nhưng món gia tài này thì mới ghê: ấy là một ao nuôi tôm năm trăm mét vuông mà vụ đầu tiên Chạch đã thu lãi gần hai mươi triệu đồng. Cả một món hồi môn lớn như thế, con gái quê Đĩ Chu có năm mơ cũng không thấy. Thích nhất là lời tuyên bố của ông Tư Queo sau tiệc cưới: “Tôi cho thẳng Hai, con út cái ao tôm để chúng lo sinh kế. Tôi không cho con cá mà cho bọn chúng cái cần câu. Cho cá chỉ ăn vài bữa hết vèo, cho cần câu thì tự lo sống cả đời”. Bà Tư Queo thì bảo: “Lẽ ra hai đứa phải đưa nhau về quê nội cúng tổ tiên, chào họ hàng! Nhưng thẳng Hai đi thì lấy ai trông ao tôm. Thôi, ông tha tội cho lũ trẻ nghe. Cho hai đứa thư thư đến Tết”. Đã nói đến như thế là hết nhời, chí lí quá đi. Đĩ Chu bảo: “Ông bà đã dạy thế thì tôi đâu dám trách cứ các cháu. Tôi sẽ viết thư về thưa chuyện với làng xóm họ hàng và cũng xin tình nguyện ở lại đây ít ngày giúp hai cháu trong lúc chúng mới ra ở riêng”.

Được bố trợ giúp, hăng máu, Chạch thuê luôn công đất của Tám Quới, hai bố con mượn nhân công cùng đào đắp hơn nửa tháng, thành một ao theo đúng tiêu chuẩn nuôi tôm công nghiệp. Vụ tới này, Chạch sẽ thả một vạn tôm sú giống Post 15. Nếu trời cho trúng, vụ cuối năm bét ra cũng lãi hơn chục triệu.

Trong thời gian ở Vũng Tàu, tình cờ Đĩ Chu gặp Đào Quý, bạn cùng chiến đấu ở chiến trường. Số Quý hên. Vào chiến trường chưa được hai năm thì được điều ra Bắc học văn hoá, rồi sang Rumania học ngành Dầu khí. Năm 1980 vào khai thác mỏ dầu ở Vũng Tàu. Đang làm ở Liên doanh Dầu khí Việt Xô, lương hơn ba ngàn đô la, gần bằng lương chuyên gia, đột nhiên năm 2000 Quý xin nghỉ việc, mua đất ngoài bãi Thuỳ Vân xây Hotel Seanght (khách sạn Biển Đêm)

Từ trận đánh thành cổ Quảng Trị năm 1972, tròn ba mươi năm, không ngờ lại gặp mày ở Vũng Tàu. Hoá ra trái đất tròn thật, ha ha... - Đào Quý ôm ghì Đĩ Chu đến nghệt thở, rồi đẩy anh ra, ngắm nhìn thật lâu cái thân hình đen chắc như một lõi cây xông khói, rồi gật gù - Nhưng mà cậu sống có lý hơn tở. Cậu luôn sống gần thiên nhiên, không mắc vào vòng bon chen, thớ lợ. Ba mươi năm rồi mà vừa thoáng gặp tở nhận ra liền...

Đĩ Chu cười, một nụ cười gần như mếu vì không ngờ ông bạn béo tốt, sang trọng như một đại gia ở cái xứ sở ăn chơi này lại đối xử với anh thân tình, suồng sã bạn bè đến thế.

- Mình già rồi. đi đâu bọn trẻ cũng gọi là bác - Đĩ Chu vừa nói vừa đưa mắt nhìn mấy cô tiếp viên khách sạn, váy ngắn ngang đùi non, đang túm tụm cười khúc khích, có vẻ như họ đang bàn tán về anh.

- Bác hay anh không thành vấn đề. Tôi với ông cùng “năm sọi”, nhưng trông ông còn phong độ lắm. Tở vừa đọc cuốn tiểu thuyết “Gia phả của đất” viết về quê mình. Có một đoạn tác giả tả một anh nông dân tên Thiết ra tỉnh, được người ta đãi một chầu mát xa. Để tở đọc hầu cậu bài thơ trong đoạn tả Thiết chuẩn bị đi nhà hàng thư giãn nhé:

“Trông xa tưởng bác đã già

Lại gần chỉ đáng gọi là chú thôi

Cầm tay, đích thị anh rồi

Ngả lưng nằm xuống là tôi với mình”.

- Cậu có hiểu bài thơ ấy nói gì không?

Thấy mặt Đĩ Chu nghệt ra, Quý cười ngật nghẻo, rồi giảng giải:

- Đầu đề bài thơ là “Vui xuống cấp”. Người vui và hạnh phúc nhất là anh chàng đi mát xa. Đầu tiên bị gọi là “bác”, rồi hạ cấp xuống “chú”, xuống “anh”, cuối cùng là “ta, mình”. Một người có tuổi chỉ thực sự có niềm vui và hạnh phúc khi được sống với một cô gái trẻ đẹp. Cậu đã được đi mát xa lần nào chưa?

- Chưa. Nghe nói đến, nhưng chưa bao giờ hình dung nó ra sao - Đĩ Chu thật thà thú nhận.

- Thế thì tôi đãi ông. - Nhưng không phải ở khách sạn của tôi mà ở một nơi kín đáo, an toàn. Tiền nong khỏi lo. Tôi bao hết.

Ban đầu Đĩ Chu từ chối. Vừa ngượng vừa sợ. Sau, Quỳ nói mãi, nể tình, đành tặc lưỡi. Thì chơi. Cho họ khỏi coi khinh cái thằng nhà quê không biết gì.

Đào Quỳ cho một đệ tử tên là Phạm Từ chở Đĩ Chu đến quán thư giãn Hương Biển.

- Các anh có hai người à? - Cô gái mặc áo ba lỗ, juýp trắng đầy khêu gợi chỉ lên tầng lầu. - Mời các anh lên phòng, anh Đào Quỳ đã điện thoại trước với cô chủ em rồi.

Phạm Từ kéo cô gái ra một góc nói nhỏ điều gì. Họ bầm chí nhau một lúc. Cô gái cười rinh rích. Rồi Phạm Từ quay lại bảo Đĩ Chu:

- Em cắt tóc gội đầu dưới này. Anh lên phòng thư giãn một chút. Thời gian bao nhiêu tùy thích. Em sẽ đợi.

Chưa kịp phân trần, Đĩ Chu đã bị cô gái váy trắng lôi tuồn tuột lên cầu thang, đưa vào một phòng sáng mờ mờ màu tím mê hoặc.

- Anh vào phòng xông hơi tắm đi. Em đợi.

Đĩ Chu vừa chờ đợi vừa bị động, như một cỗ máy. Anh như bị cô gái dẫn dắt, bày đặt cho từng động tác. Đầu tiên là cởi quần áo, rồi tiếng vòi xả phì phì. Hơi nước phun trắng như khói. Mùi lá sả, hương nhu dầu thơm bay ngào ngạt.. Thú vị quá. Đĩ Chu hít thở căng đầy cái hương vị quen thuộc của nồi lá xông quê nhà.

Nếu không có tiếng cô gái nhắc, có lẽ Đĩ Chu có thể ở trong phòng xông tắm đến hàng tiếng đồng hồ.

Từ phòng xông hơi bước ra, toàn thân Đĩ Chu là một khối căng cứng. Và, đến là xấu hổ. Đĩ Chu không dám đi thẳng người. Anh lom khom đi đến chiếc giường trải ga trắng muốt.

- Anh làm sao thế? - Cô gái bỗng cười khanh khách. - Nằm ngửa và thẳng người ra chứ.

- Xin lỗi. Để tôi nằm nghiêng một lúc. Tôi đau bụng - Đĩ Chu vẫn nằm co con tôm. Thực tình là từ phòng xông hơi đi ra, nhìn cô gái trắng nõn với cặp tay trần, bộ ngực ngồn ngộn, cặp đùi thon dài đầy khêu gợi, Đĩ Chu không thể chịu được. Trong đời anh, đây là lần đầu tiên anh nhìn thấy một người đàn bà quyến rũ, gợi tình như vậy.

Như trêu chọc Đĩ Chu, cô gái dẫn ngửa anh ra, ngã hẳn người vào anh khiến bộ ngực đồ sộ cọ vào mặt anh, cặp giò trắng muốt kẹp lấy bụng anh.

- Kìa anh, đuổi thẳng người để em mát xa cho nào.

- Cô chờ cho một lát, để tôi hết đau bụng đã - Đĩ Chu nói không ra tiếng. Cổ họng anh khô khát. Khắp người anh nóng hầm hập như lên cơn sốt.

- Em thừa biết anh đau ra sao rồi. Nào, để em xem - Vừa nói cô gái vừa trườn nhẹ bàn tay từ bụng anh xuống. Như bị điện giật, Đĩ Chu chồm dậy, ôm ghì lấy cô gái:

- Em làm tôi chết mất...

Đĩ Chu có cảm giác mình như một con thú, muốn cào, muốn cắn, muốn giải phóng hết bản năng mình.

Cô gái bỗng hét lên một tiếng, đẩy vội Đĩ Chu ra.

- Làm cái gì thế? Ai cho anh cái quyền được hôn tôi?

- Ở - Đĩ Chu ngơ ngác - Phải hôn mới là yêu chứ.

- Định công đoạn ba hả? - Mặt người đẹp đanh lại - ở đây không có tình yêu. Tất cả chỉ là dịch vụ. Muốn công đoạn ba thì đưa đây một triệu.

Đĩ Chu như muốn xỉu. Toàn thân anh xẹp xuống như một cái sấm xe đạp xả hết hơi. Anh chợt nghĩ đến một tấn thóc. Cả một năm cầm mặt trên đồng

mới được một tấn thóc.

- Tiếc à? Xiu rồi à. Thôi, đứng dậy đi. Hết giờ rồi.

Ném chiếc khăn lên người Đĩ Chu, cô gái đóng sầm cửa, đi ra. Rõ thật là:

Tưởng rằng vào chốn Thần Tiên

Ngờ đâu gặp máy chém tiền, rở kinh.

HỘI THỨ VIII

CHUYỆN KINH DỊ Ở LÀNG

Tham đường sửa vợ Đĩ Chu thất đức

Dứt tình thâm người mẹ trẻ hoá rồ

---* ❖ *---

Đĩ Chu vừa từ Vũng Tàu về nhà đã đụng phải ba đám cưới ở làng. Được đi ăn cỗ mà méo cả mặt. Mỗi đám năm chục ngàn tiền mừng, vị chi hết hơn tạ thóc.

Tối hôm trước Đĩ Chu uống rượu say bí tỉ ở đám cưới nhà Tư Cầu, say tới mức chính y cũng không biết bằng cách nào y về được tới nhà mà không ngã xuống cái hố voi tôi đầu ngõ.

Thật hú vía, cái hố voi trong bóng đêm mờ mờ rất dễ nhầm tưởng là một khoảng sân xi măng mà bọn trẻ con thường làm nơi đá bóng. Ủ, không biết bằng cách nào mà ta về nhà được nhỉ? Y phát đánh bốp vào cái đùi nần nần của vợ đang gác lên ngực mình, khiến chị Đĩ Chu đang gáy pho pho, giật bản người, ngồi vục dậy. “Phải gió cái nhà ông này! Lại dăng mỡ hay sao?” “Ta đang hỏi mẹ mày. Làm thế nào mà đêm qua ta về nhà được?” . “Uống lăm, đầu óc lú lẫn mất rồi. Tôi với thằng Quốc phải sang dìu ông về. May mà qua được chỗ hố voi nhà Bửu”. “Ủ, may. Ta cảm ơn hai mẹ con. Mai nhớ ra chuồng vịt sớm. Hôm qua đẻ bảy thành. Hôm nay chắc phải tám mươi”. Chưa nói hết câu, Đĩ Chu đã díp mắt, quay mặt vào tường ngủ tiếp.

Tảng sáng, quờ tay tìm vợ, Đĩ Chu bỗng thấy lạnh toát phía sống lưng. Quái, con mẹ này lên đi đâu? Một thoáng nghi ngờ như con rắn cuộn trong đầu khiến Đĩ Chu tỉnh như sáo. Y thò chân quơ đôi dép, nhìn quanh quất, rồi với lấy con dao phay. Léng phéng với thằng nào, ông giết. Vừa nghĩ Đĩ Chu vừa len lén đi ra sân, sục sạo khắp đầu hồi nhà. Cho tới khi trông thấy đôi quang thúng trong bếp, Đĩ Chu mới tin chắc vợ ra chuồng vịt nhặt trứng. Y thở phào, vớ chiếc điều cày làm một môi thuốc say đủ đủ.

Từ ngày Đĩ Chu nuôi đàn vịt siêu trứng và học được bí quyết ấp vịt bằng đèn điện, vợ y sinh ra thói tham công tiếc việc, sáng nào cũng dậy từ trước đài thể dục, mò mẫm ra chuồng vịt nhặt bằng hết số trứng vịt để trước lúc trời sáng. Đàn vịt bốn trăm con, trung bình mỗi sáng nhặt ba trăm quả trứng. Đến lười như hủi cũng phải ham. Cái thứ trứng vịt thật lạ, cứ như tự chúng phát ra ánh sáng, cái thứ ánh sáng của đèn nông, mờ và lạnh nhưng lại có sức hút ma quái của kim tiền.

Đang định nạp mỗi thuốc thứ hai thì có tiếng chân thành thịch như ma đuổi ngoài ngõ. Rồi vợ Đĩ Chu hốt hải bước vào sân, tay ôm trước bụng một cái bọc gì có vẻ nặng nằng.

- Quang thúng đâu? Tưởng mẹ mà đi thu trứng?

Chị Đĩ Chu đến bên chồng, mặt cắt không còn giọt máu, giọng líu lại như có ai rút lưỡi.

- Thầy nó ra chỗ ông Đông Đống mà xem... Tôi lấy được mấy thứ này...

Từ bọc khăn voan màu hoa, bỗng xổ ra ba hộp sữa Ông Thọ và một cân đường kính trắng, khiến Đĩ Chu tròn xoe mắt.

- Ai cho? Thằng nào? Đỡ gánh trứng vịt để lấy thứ này phải không?

Những câu hỏi dồn dập của Đĩ Chu, càng làm cho vợ y líu lưỡi. Mãi sau chị mới nói được:

- Vừa ra đến chuồng vịt, chưa kịp thu trứng thì tôi bỗng nghe thấy tiếng trẻ con khóc ở chỗ ông Đông Đống. Tự nhiên tóc tai tôi dựng cả lên. Hay là ma? Tôi đánh thức thằng Quốc, bảo nó nhặt trứng rồi đánh bạo ra chỗ có tiếng khóc. Trời ơi, thì ra một đứa trẻ còn đỏ hỏn nằm trong bọc. Chắc của một cô ả nào để trộm rồi vớt ra đây. Tôi lại gần định bế đứa bé, nhưng không biết lú lẫn thế nào lại ôm gói đường sữa này về nhà.

- Đồ ngu - Đĩ Chu bỗng gầm lên - Đứa bé có còn đấy không?

Bàn tay hộ pháp của Đĩ Chu giơ lên, muốn vả vào cái mặt tham lam, ngu dần, mất hết tính người của vợ. Nhưng rồi y kìm lại được. Thuận chân, y đá veo hộp sữa, như một phát đạn, bắn tòm xuống ao.

- Đứa bé đâu? Ra chỉ chỗ để tao đưa nó về - Đĩ Chu ra lệnh cho vợ rồi sai chân chạy ra chỗ ông Đông Đống.

Trời sáng bạch. Đã có thể nhìn rõ bụi gai tầm xuân phát phơ trên đỉnh gò đất cao bên đường, nơi dân làng quen gọi là ông Đông Đống. Người già trong làng bảo: Ông Đông Đống này thiêng lắm, thầy Tà từng yểm bùa ở đây.

- Sao không nghe thấy tiếng khóc? Đĩ Chu vừa chạy vừa vênh tai nghe ngóng. Chị vợ chạy lạch bạch phía sau, nói trong hơi thở:

- Đứa bé ở chỗ bụi tầm xuân.

Bụi tầm xuân đây. Làm gì có? Đĩ Chu đảo mắt nhìn quanh và y chợt sững người. Cái bọc trắng trắng đang nằm ở mép ruộng, nửa nổi, nửa chìm trong nước. Y nhảy bổ đến bế thốc cái bọc lên. Trời ơi, một bé gái. Nhưng hình như... Tưởng có một bàn tay vô hình bỗng bóp nghẹt tim Đĩ Chu, khiến y đau nhói. Với một động tác vô vọng, y nâng hai bàn tay, áp đứa trẻ vào bên má y xem nó có còn thở không. Mắt y giở ra hai cục nước đặc sánh. Muộn quá rồi. Đứa bé đã chết. Có thể khi vợ y lấy mấy hộp đường sữa, đã làm thay đổi vị trí nằm của nó, khiến nó rơi từ chỗ bụi tầm xuân kia xuống ruộng. Cũng có thể do nó khóc và động cựa nhiều quá. Cũng có thể một con sâu, một con kiến nào đó chui vào trong bọc đốt nó, khiến nó quẫy đạp mà lăn xuống. Ôi chao, một kiếp người!

Đĩ Chu lẳng lặng bế đứa bé về nhà. Vợ y hốt hoảng và lẳng xằng muốn chuộc tội, liền bị y giáng cho một cái bạt tai, nảy đom đóm mắt. Lúc khác, thể nào thị cũng gào lên, lu loa với hàng xóm láng giềng. Nhưng bây giờ thì thị im thít. Thị biết tội của mình. Chỉ vì tham ba hộp đường sữa mà thị đã giết một mạng người.

- Đi báo với đội trưởng thôn và mời bà con láng giềng đến đây - Đĩ Chu quắc mắt lệnh cho vợ. Rồi y bắt đầu hoạch định mọi việc cho một đám ma: đóng quan tài, khâm liệm và đưa đi mai táng. Y sẽ nói với làng xin được chôn cất đứa trẻ dưới gốc tầm xuân ông Đông Đống. Như thế, linh hồn đứa trẻ xấu số sẽ phù hộ cho vợ chồng con cái y và bà con xóm làng.

Chỉ một thoáng, cái sân nhà Đĩ Chu đã chật ních người. Khi thay tã lót cho đứa trẻ, người ta phát hiện ra một xấp tiền năm trăm ngàn đồng và một mẫu thư viết vội đây những lỗi chính tả nhét trong chiếc áo lót: “Người mẹ khốn nạn nhất trên đời trăm ngàn nằn nạy ông bà cô chú mở nòng từ bi ra tay nạm phúc nuôi giúp cháu bé lày...”

Chị Chu Chuối chưa đọc xong lá thư đã khóc nước nỡ. Tiếng khóc lây lan. Vợ Đĩ Chu dấm vào ngực bồm bộp:

- Tất cả tại tôi. Nếu tôi không tham mấy hộp đường sữa thì đã cứu được một kiếp người.

Năm ngày sau đám ma đứa bé xấu số, ở Chợ Mới bỗng xuất hiện một phụ nữ trẻ, chừng hai mươi, hăm hai tuổi, đầu tóc xoã xượi, quần áo nhàu nhĩ, cứ đi tha thân quanh bãi rác tìm nhặt những mảnh vải màu. Đám trẻ con biết là người điên, liền chạy theo trêu ghẹo, khiến đôi lúc thiếu phụ nổi cáu, cởi tuột khuy áo, lộ ra một bầu vú căng cứng, trắng ngồn ngộn: “Định bú tranh của con bà hả? Có giỏi thì vào đây. Này, cho mà bú thoả thích đây này”. Rồi thiếu phụ phá lên cười.

Những người đi chợ kháo nhau: Mẹ của đứa bé chết ở ông Đông Đông đây. Ngủ với giai bị nó ruồng bỏ rồi vứt con đi.

Không ai rõ thực hư thế nào. Giữa người thiếu phụ trẻ kia và đứa bé xấu số liệu có mối quan hệ gì không? Rõ thật là:

Thế gian chồng chất nợ nần

Gây ân oán, sẽ nhận phần oán ân.

HỘI THỨ IX

THÁM TỬ DÊ

Nổi máu tò mò, Tiếng Ngang làm thám tử

Nhờ ơn phúc trạch, người đẹp đến Trâu Quy

---* ❖ *---

Đào Tiến Ngang, tên thật là Đào Tiến Sang, người làng Động, bỏ vợ đi theo cave, bị phụ tình, ba tháng sau đành trở về làng sống với vợ cũ. Vốn khéo tay, lại học được nghề sửa xe máy, Ngang mua lại một quán hàng ở Chợ Mới, treo biển “bơm và xe đạp xe máy”, kiêm nơi cầm đồ và chữa chập, tiêu thụ đồ ăn cắp của bọn nghiện hút.

Việc thiếu phụ hoá rồ xuất hiện quanh chợ khiến Ngang đặc biệt chú ý. Gái kia, tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc tươm tất vào, kếm gì hoa hậu? Bằng con mắt của một tay chơi sành sỏi, Ngang ngầm định giá cô nàng: Nếu chuyển giao cho các hiệu cà phê ôm, các nhà hàng ở ngoài tỉnh, chí ít cũng được vài vé. Loại chân dài, đùi lẳn, mông nở, da trắng thế kia, bọn “dê” làm sao mà cưỡng được. Thật phí của giờ. Bệnh nửa dại nửa khôn kia mới phát, nếu quả thật là bệnh tình, chữa ắt khỏi.

Với niềm tin và hy vọng của một con buôn kiêm một gã “dê” thứ thiệt, Tiếng Ngang đặt quyết tâm bằng mọi cách phải tìm ra tung tích cô nàng. Thế là gã đóng vai thám tử, lần mò rình rập người phụ nữ hoà rồ liên tục trong một tuần lễ. Việc kết luận cô ả chính là mẹ đẻ trẻ bị bỏ rơi ở ông Đông Đông là hoàn toàn có cơ sở. Bằng chứng là vào một buổi chiều, lúc nhá nhem tối, Tiến Ngang nằm ép bên bụi tầm xuân trên đỉnh ông Đông Đông rình. Lúc sau, thấy cô ả xuất hiện, tay cầm một bó hoa dại. Ắ quì trước nấm mồ đứa hài nhi do vợ chồng Đĩ Chu và dân làng chôn cất, rồi cất tiếng khóc ai oán. Đầu tóc xoã xượi, tiếng khóc nỉ non trong cảnh tranh tối tranh sáng càng khiến không khí có vẻ Liêu Trai, làm khắp người Ngang nổi da gà. Gã tiến lại chỗ thiếu phụ.

- Này cô em, có uẩn khúc gì nói ra đi. Anh sẽ giúp.

Đang ngồi phủ phục, thoắt cái cô gái đã vùng đứng dậy, vừa nhìn Ngang, vừa đi giật lùi.

- Thằng đểu. Mà không được đụng vào tao. Mà đã giết con tao. Nó đang nằm dưới mộ kia kìa.

Ngang sấn đến chộp được tay cô gái. Nhanh như cắt, ả quì xuống cắn vào tay gã rồi vùng chạy, mắt hút vào bóng đêm.

Ba ngày sau không thấy cô ả xuất hiện ở Chợ Mới, Tiến Ngang đang thất vọng tưởng phải bỏ dở cuộc điều tra thì có người báo cô ả lại đang xì xụp khẩn vái ở ông Đông Đống. Lập tức Ngang tập hợp mấy đứa trẻ quanh chợ, cho mỗi đứa hai nghìn đồng, với nhiệm vụ bí mật bám sát cô ả, tìm bằng được nơi cô ả thường về ăn ngủ.

Quả nhiên, ngày hôm sau lũ thám tử nhí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chúng báo cho Ngang biết cô nàng tên là Thanh Hằng hiện đang ở nhà bà Tám Sách bán thịt chó và cháo vịt trên Vân Đình.

Quán bà Tám Sách là một địa chỉ ẩm thực nổi tiếng trong vùng. Đã bao lần Tiến Ngang cùng bạn bè chén chú chén anh ở đây. Người ta đồn rằng hai thứ đặc sản: Thịt chó và tiết canh, cháo vịt Vân Đình đang là món ẩm thực đồng quê được đặc biệt ưa chuộng ở Hà Nội, đều do các con cháu bà Tám Sách đưa từ quê ra.

Chẳng khó khăn gì lắm, Tiến Ngang đã tiếp xúc và mọi được nhiều thông tin từ bà Tám Sách về những uẩn khúc, bi kịch đời tư của cô cháu họ gọi bà bằng bác. Thanh Hằng, tên khai sinh là Nguyễn Thị Tươi, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ven biển, bố là thương binh xuất ngũ, mẹ làm ruộng kiêm nghề buôn cá khô mang bán trên mạn ngược. Năm 1982, khi bé Tươi mới ba tuổi thì người mẹ bỗng bỏ đi biệt tích. Sau này vỡ lẽ ra rằng trong những chuyến buôn cá khô lên mạn Việt Trì, Yên Bái, thị đã dăng dện với một gã buôn bè trên sông rồi anh ả rủ nhau vượt biên sang Hồng Công, sau lại vượt tiếp sang Canada, Mỹ.

Bốn năm sau bố Tươi lấy vợ mới. Mẹ kế là một mụ phù thủy theo đúng nghĩa của nhân vật này trong những câu chuyện cổ tích mà Tươi được biết. Không khí gia đình quá căng thẳng khiến vết thương cũ của bố Tươi tái phát, dăm bữa nửa tháng lại phải đi bệnh viện. Kinh tế gia đình tụt bấn. Công nợ chất chồng.

Một ngày kia có cô chị họ từ bãi biển X. về thăm nhà và “tuyển” nhân viên cho các cửa hàng dịch vụ. Nghe bà chị rủ rê, Tươi quyết định xuống bãi biển X. để kiếm tiền cứu bố và cũng là cách để thoát khỏi nanh vuốt mụ phù thủy.

Bãi biển X. thực chất là một cái bẫy người. Ngay ngày đầu tiên đặt chân đến quán cà phê Thủy Tiên, Tươi đã được khoác một cái tên mới : Thanh Hằng, và cô lập tức nằm gọn trong tầm ngắm của những Tú Bà trá hình suốt ngày ngồi sau những tấm màn che cửa, sau những quầy Bar, tay lăm lăm cầm máy bộ đàm gọi tới gọi lui điều động các cave và các vệ sỹ.

Ba ngày sau, vào một sáng chủ nhật, có một chiếc Tôyta màu xanh rêu sang trọng đỗ trước quán Thủy Tiên. Khách là một người đàn ông chạc ngót sáu mươi, hói trán nhưng tóc lại nhuộm đen nhưc, bụng căng tròn như người có chửa bốn tháng, xách cặp somsonai khoá mạ vàng, được chủ quán đón tiếp như một VIP đầy ngưỡng mộ và niềm nở. Họ thì thào to nhỏ hồi lâu rồi mụ chủ gọi Tươi ra cho khách xem mặt. Cặp kính đen soi khắp người Tươi như sấm soi một món hàng, rồi khách gật gật đầu xoè bàn tay trước mặt mụ chủ. Chủ quán xoè ra hai bàn tay. Khách lắc đầu. Cuối cùng họ thống nhất với nhau bằng ám hiệu một bàn tay và ba ngón tay, mà sau này Tươi hiểu ra rằng họ ngã giá đời con gái của cô đáng tám triệu đồng.

Khách về rồi, mụ chủ quán gọi Tươi vào phòng riêng và bảo:

- Người đi xe con vừa rồi xuống đây là anh Hai, giám đốc một liên doanh trên thành phố. Anh Hai thích em. Nếu em thực sự chưa bị phá trinh thì anh Hai sẽ mua, với giá một cây vàng.

Nghe đến đó, Tươi xây xẩm hết mặt mày, muốn ngất xỉu. Cô oà khóc chạy vào phòng, bỏ ăn đúng một ngày.

Mụ chủ gọi cô chị họ của Tươi đến. Cô chị họ lại thuyết phục, khuyên giải. Qua một đêm, Tươi tặc lưỡi, cũng đành nhắm mắt đưa chân.

Cuộc “đập hộp” giá một cây vàng - tương đương năm triệu đồng - được anh Hai khởi sự sau đó bốn ngày, nhằm vào ngày tốt hỉ mồng hai tháng sáu âm. Trọn gói năm triệu đồng này Tươi gửi về biếu bố dưỡng bệnh. Từ đây, cái tên Nguyễn Thị Tươi chính thức bị khai tử và Thanh Hằng tự kết liễu đời thiếu nữ để trở thành đàn bà.

Nhưng anh Hai không phải loại khách làng chơi tầm thường. Sau buổi “đập hộp” đời thiếu nữ của Thanh Hằng, anh làm một giao kèo với bà chủ quán Thủy Tiên: Ngoài anh Hai ra, không để Thanh Hằng tiếp bất cứ khách nào. Anh Hai sẽ trả lương cho Thanh Hằng và trả tiền cho chủ quán hậu hĩ. Cuộc già nhân ngãi non vợ chồng ấy kéo dài sáu tháng thì Hằng có chữa. Chủ quán yêu cầu anh Hai hoặc là đưa cô đi nạo thai, hoặc là phải đưa Hằng đi nơi khác. Vốn là kẻ khát nước, hai thị mệt, rấp tâm sẵn tìm một quí tử, anh Hai dẫn đo suy nghĩ một tuần rồi quyết định đưa cô bồ nhí từ bãi biển X. lên dưỡng thai ở một trang trại của một bạn thân trên vùng trung du.

Nửa năm ở trại Z. là thời gian hạnh phúc nhất đời Thanh Hằng. Cuộc đời tưởng sa vào lều xanh nào ngờ lại đưa Hằng trở thành một thiếp yêu, một mệnh phụ quý tộc.

Nhưng quả như người xưa nói: “Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí”. Chỉ hai ngày sau khi Thanh Hằng sinh một bé gái nặng ba kilô sáu tại bệnh viện T. thì sư tử Hà Đông của anh Hai kéo một đám lâu la và tiêu yêu đến. Anh Hai bỏ chạy tháo thân, còn Thanh Hằng và đứa trẻ sơ sinh bị kéo ra khỏi phòng sản phụ, đưa đến một vùng thâm sơn cùng cốc, với lời đe dọa: “Khôn hồn thì chôn vùi đời xuân ở đây. Nếu còn tìm gặp lão ta thì hai mẹ con phải chết”.

Một tháng sau, khi đứa trẻ đã cứng cáp, Hằng quyết định thoát khỏi chốn thâm sơn cùng cốc, tìm về nhà bà Tám Sách. Vốn liếng cuối cùng của hai mẹ con chỉ có chiếc nhẫn một chỉ và ba trăm ngàn đồng. Làm sao đủ sống và nuôi con? Bằng cách nào để về lại bãi biển X. bắt đầu lại bằng “nguồn

vốn tự có”? Không còn con đường nào khác, Hằng đã bán đi chiếc nhẫn lấy 500.000 đồng và gói đường sữa, như một chút lễ mọn, như món hành trang nghèo hèn cho con đi nương nhờ cửa người.

Vậy mà, chớ trêu thay, chính Hằng đã giết con mình. Giữa lúc vợ chồng Dĩ Chu cùng người làng Động chôn cất đứa trẻ cạnh bụi tầm xuân ông Đông Đống là khi người mẹ trẻ phát rồ. Cô hét lên một tiếng rồi cười sảng sặc, chạy từ nhà bà Tám Sách ra tít cánh đồng.

*

Câu chuyện bi thương của Thanh Hằng khiến Tiến Ngang cúi lòng. Gã bảo với bà Tám Sách:

- Cháu có ông cậu ruột làm bác sỹ trưởng khoa ở bệnh viện tâm thần Trâu Quỳ. Nếu bà đồng ý, cháu sẽ đến nói với cậu cháu xin cho cô Hằng đến điều trị ở đó. Mới phát bệnh, có thể chữa khỏi. Người như cô Hằng mà không cứu chữa thì phí lắm.

Bà Tám Sách nắm lấy tay Ngang, rân rãn nước mắt vì cảm kích trước tấm lòng nhân ái của gã. Bà thết gã một bữa rượu thịt chó tuý lúy rồi dúm vào tay gã hai trăm ngàn để gã đi ô tô sang Trâu Quỳ thu xếp cho cô cháu họ nhập viện. Thế mới biết:

Tiến Ngang rồi cũng tiến lên

Lòng sáng, chí bền rồi sẽ tiến xa.

HỘI THỨ X

THI SĨ LÀNG

Chồng thấp vợ cao, phân bắc phân xanh trồng hạnh phúc

Tình mòn tiền cạn, thi ca học vấn phá gia đình

---* ❖ *---

Đĩ Chu có cô em gái tên là Chi, lấy chồng ở làng Nguyễn. Chi có tướng đàn ông, cao to, vai u thịt bắp, mặt vuông chữ điền. Hồi thiếu nữ, không chàng trai nào ở làng dám mơ tưởng tới Chi. Họ sợ lấy Chi về làm chồng. Họ hãi những bước đi huỳnh huých, cặp đùi to như chân voi, bộ ngực rung rung đồ sộ của nàng. Điên lên, cô nàng kẹp cho một đêm không ra bã thì cũng ra nước - Trai làng khát nhau thế.

Hai mươi tuổi, vẫn không có một mảnh tình vắt vai, tưởng Chi ế chồng. Vậy mà: “Lầu thâu gió mát trăng thanh. Bồng đầu có khách bên đình sang chơi”. Khách bên đình đây là anh giáo Giới, một người làng Nguyễn, cùng xã. Giới học sư phạm mười cộng một, ra dạy học một năm thì đi bộ đội, vào chiến trường năm 1973, năm 1976 bị thương ở biên giới Tây Nam, được xuất ngũ, trở về nghề dạy học. Không biết duyên số thế nào, gặp Chi, Giới mê tít thò lò. Vốn có tâm hồn thi sỹ, lại từng có thơ đăng ở tờ báo của Binh chủng từ hồi còn quân ngũ, ngay buổi gặp Chi đầu tiên, Giới đã sáng tác được một bài thơ đăng trên tờ báo của Hội Văn nghệ tỉnh:

“Anh đã qua ngàn ngày gian khổ

Từ Đáy Giang đến chiến trường Cấm (Puchia)

Về quê hương bỗng thấy mình trẻ lại

Trong vòng tay em âu yếm dịu dàng...”

Bài thơ, không ngờ trở thành món sính lễ để Giới hỏi cưới Chi. Sau này, Chi gặng hỏi: “Vì sao mọi người chê em to mà anh lại yêu em, có thơ về em”. Giới đã thú nhận: Chi giống Na, cô gái Quảng Trị mà anh đã gặp ở

chiến trường một cách lạ lùng. Chính cô gái ấy đã biến anh thành đàn ông trước ngày anh vào mặt trận. Niềm sung sướng và hạnh phúc mà Na ban tặng cho Giới trong những ngày mà ranh giới giữa cái sống và cái chết chỉ trong gang tấc ấy đã làm anh hằng đêm hồi tưởng lại. Năm 1976, vừa từ quân y viện ra, Giới đã về Cam Lộ để tìm lại người đàn bà đầu tiên của đời anh mà không thấy. Chính vì thế, khi gặp Chi, ngay lập tức giáo Giới đã choáng váng. Cũng đáng cao to ấy. Cũng cặp vú như hai quả bưởi, phồn thực và quyến rũ ấy. Đó mới thực là đàn bà, cái thế giới nuôi dưỡng những cảm hứng thi ca!

Và kỳ lạ, cặp vợ chồng như đôi đũa lệch: anh chồng lẻo khoẻo thư sinh, nặng không đầy bốn mươi năm ký, cô vợ hộ pháp cao hơn chồng một chòm tóc, “một đũa ả bằng cả người anh” ấy, nào ngờ lại là cặp vợ chồng hạnh phúc. Ở đâu cũng thấy cặp kè như đôi sam. Hàng năm giới hàng xóm láng giềng tịnh không thấy họ to tiếng một lời. Cô vợ mẫn như gà, nhưng anh chồng cũng tốt giống. Họ đẻ liền bốn năm ba đứa, một trai hai gái. Và thật bất ngờ, giáo Giới trở thành nhà thơ, hội viên Hội Văn nghệ tỉnh với bút danh Chi Giới, có tập thơ “Gánh phân xanh” ca ngợi phong trào nuôi bèo dâu, làm phân xanh hợp tác xã những năm cuối thập kỷ bảy mươi. Tập thơ lấy lời đề từ nổi tiếng của thi sĩ Bút Tre: “Anh đi gà lợn hát ca. Anh về đây nhà phân bắc phân xanh.”

Xét về đủ mọi phương diện, thì đó là một cặp vợ chồng lý tưởng, một gia đình hạnh phúc.

Vậy mà "tin đâu như tiếng sét ngang..", đúng như nhà thơ Bút Tre đã viết, cả làng Động bồng đồn ầm lên rằng giáo Giới, tức nhà thơ Chi Giới bỗng dưng trở thành gã vũ phu, ngày nào cũng đánh vợ.

- Làm gì có chuyện ấy - Dĩ Chu gạt phắt những lời đàm tiếu - Tôi còn lạ gì cô Chi. Nó là em gái tôi, tôi phải biết. Mấy chục năm qua nó không làm chồng giáo Giới là đại hồng phúc cho nhà tôi.

Nhưng sự thật, nhúng vào nước không chìm, lửa đốt không cháy. Cả làng Nguyễn ngày nào cũng nghe thấy tiếng đấm đá huỳnh huých, kèm theo là giọng khàn khàn của giáo Giới: “Chết này. Cho mày biết tay ông.”

Đĩ Chu vẫn bán tín bán nghi. Gần đây vợ chồng Chi có mâu thuẫn, ông biết. Nguyên do cũng chỉ là chuyện thi đại học của cái Thi, con gái út của họ. Anh chồng lãng mạn, quyết lập kỷ lục đưa cả ba đứa con vào trường đại học. Cô vợ thực dụng, muốn cô con gái út đi xuất khẩu lao động lấy tiền đầu tư cho hai đứa lớn, hoặc ở nhà lấy chồng, gần mẹ gần con. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu căng thẳng từ khi giáo Giới đưa con gái ra Hà Nội dự thi vào trường Đại học Xã hội và Nhân văn. “Giời ơi, thằng Văn, cái Thơ học đại học ngoài Hà Nội, tiền trọ, tiền ăn, tiền học phí một tháng đã mất đứt một triệu, bằng nửa năm tôi làm tám sào ruộng khoán. Bây giờ lại thêm một đại học nữa, quá bằng thầy nó dùng đại học để giết tôi”. Mới đầu Chi chỉ rên rầm thế. Sau thấy bố con nhất quyết tìm cách “giết” Chi bằng được, chị mới nổi khùng lên, ném hết các tập thơ phân bắc phân xanh ra ngoài sân. Thế rồi một dịp may bỗng đến: Chi “bắt được” tờ giấy báo đại học của Thi, liền giấu biến đi. Cái Thi buồn chán vì tưởng không đỗ đại học, bỏ ăn hai ngày, còn giáo Giới cay cú, hoài nghi, quyết khăn gói ra hẳn trường Đại học hỏi cho ra nhẽ. Rất may kết quả bốn môn thi vẫn còn được lưu trên mạng Internet. Con gái anh đỗ vào hạng ưu, chỉ kém thủ khoa có hai phẩy năm điểm.

Về nhà, giáo Giới lạng lẽ tìm kiếm. Cuối cùng anh đã tìm thấy tờ giấy báo đại học của con gái bị vợ anh vo tròn đút vào hốc đòn tay mái bếp. Đồ vô văn hoá. Đồ vai u thịt bắp suốt đời chỉ biết ăn xó mó niêu. Người ta tốn kém vài chục triệu không lo nổi cho con vào đại học. Con mình thi một phát ăn ngay. Không biết sướng, biết vinh hạnh mà còn cố bày ra cái trò vô học. Thế là lần đầu tiên giáo Giới nổi trận lôi đình. Anh túm tóc vợ, giáng một cái bạt tai. Nào giờ, hệt như vớ bi hài kịch chị Dậu tức nước vỡ bờ mà nhà văn Ngô Tất Tố mô tả ngày nào, chị Chi liền xoay người, ngáng chân, vặn sườn giáo Giới, khiến anh chàng leo khoẻ ngã chổng vó giữa sân. Đám trẻ con và mấy người hàng xóm chỉ biết ôm bụng mà không dám cười thành tiếng.

Có lẽ bị hạ nhục giữa thanh thiên bạch nhật, trước bàn dân thiên hạ hay sao mà từ hôm ấy giáo Giới bắt đầu trả thù vợ. Cái tiếng đấm đá, vật lộn

huỳnh huych, kèm theo tiếng giáo Giới “Chết này. La nữa nên này” làm sao mà giấu nổi thiên hạ.

Đĩ Chu bắt đầu tin em gái mình gặp thằng chồng vũ phu. Muốn nhân chứng vật chứng rõ ràng, ly lạng lẽ đi rình.

Tối ấy, có người báo, Đĩ Chu liền sang ngay thôn Nguyễn, bí mật đột nhập vào nhà giáo Giới. Đang có tiếng vật lộn huỳnh huych trong buồng. Có cảm giác hai người đang ngồi đè lên nhau. Mỗi lần tiếng một quả đấm thui xuống, lại thấy tiếng giáo Giới hỗn hển: “Chết này, La nữa lên này”.

Đĩ Chu tiến đến cửa sổ, ghé mắt nhìn qua cái lỗ thủng bằng quả táo ở cánh cửa. Và y bỗng không tin ở mắt mình: Em gái y, như một sư tử cái đang ngồi đè lên người anh chồng lẻo khoẻ, hai cặp giò hộ pháp trắng bóc kẹp chặt lấy bụng anh chồng, còn một tay nắm lại mỗi lần thọi vào mạng sườn giáo Giới thì anh chàng lại kêu lên: “Chết này!”

Chưa bao giờ Đĩ Chu gặp cảnh ngộ đại bi hài đến thế. Hay là y mắc bệnh hoang tưởng, tâm thần? Rõ thật là:

Nhờn tiền thấy cảnh bi hài

Mà sao lại tưởng chuyện ngoài thế gian.

HỒI THỨ XI

HOẠN THƯ THỜI HIỆN ĐẠI

Trót vì tay đã nhúng chàm

Dại rồi còn biết khôn làm sao đây

(Kiều)

---* ❖ *---

Không hiểu bằng cách nào mà rồi bọn trẻ con hai làng Nguyễn và Động cũng biết chuyện giáo Giới bị vợ đánh đòn. Nhanh như điện, một bài vè được bọn trẻ truyền đi:

Vè vè vè vè

Cái vè sợ vợ

Tôi van u nó

Cứ việc nằm trên

Thay cho tiếng rên

Cho tôi tiếng quát

Để cho làng nước

Tưởng tôi cười rông...

Tiên sư cái tay nào sáng tác ra cái bài vè ấy. Ăn đứt thơ của thi sĩ Chi Giới. Cứ như thơ Hồ Xuân Hương. Thanh thanh, tục tục khó lường.

Nghe bọn trẻ hát, suốt đêm Đĩ Chu không chớp mắt. Quá bằng thiên hạ ỉa vào mặt cả họ nhà Chu. Tôm đội cút lên đầu. Đời nay mới thấy cảnh vợ cười lên bụng chồng, đấm vào mạng sườn chồng như giã giò. Chao ơ, cũng mang danh con gái họ Phạm đấy. Cái họ danh giá nhất vùng, cụ Thượng tổ được phong “Phúc lộc thượng đẳng thần”, được dân làng lập bài vị thờ ngoài đình. Rồi ba người đàn bà được phong “Tiết hạnh khả phong”, một con gái họ được phong thời Lê Trung hưng, hai nàng dâu họ được truy

phong thời Minh Mạng và Tự Đức, giấy sắc phong vẫn còn lưu giữ ở nhà thờ họ. Vậy mà cái cô em gái y, tiếng là được nuôi dạy tử tế, con nhà nề nếp gia giáo, bỗng đốc chứng thành mù nặc nô. Mà cái thằng giáo Giới cũng hèn. Bị vợ đánh, không trị được thì cầm mẹ cái mồm đi, lại dở cái thói sỹ dờm hét toáng lên, quá “lạ ông tôi ở bụi này”. Rõ trò hề. Vừa hèn vừa hề. Thy sỹ cái cục cứt. Bọn thanh niên xã gọi nhại là thi sỹ Chi Dưới cũng đáng đời.

Giận em gái, xấu hổ thay cho em rể, một chiều nọ. Đĩ Chu sai vợ thịt con vịt què, một mình y làm hết một chai sáu nhăm, rồi y sai con gọi cô Chi đến cho y hỏi tội.

Đúng là tửu nhập, ngôn xuất. Mặc dù cài then cổng, đóng chặt cửa nhà trên, mà tiếng y vẫn âm vang, thao thao bất tuyệt khiến bọn người ngôi lê đôi mách trong làng lũ lượt rủ nhau đến nghe trộm.

- Cô với chú Giới không đơn thuần chỉ là hai con người, hai đứa đực cái - Đĩ Chu hăng giọng mở đầu bài giáo huấn - Tôi nhắc lại, không phải chỉ đơn thuần đực cái mà là vợ là chồng. Các cụ ngày xưa nói: “đạo vợ chồng”, chứ không nói “cái trò vợ chồng”. Mà đã nâng lên đến hàng “đạo” tức là thiêng liêng lắm rồi. Người vợ từ xưa luôn phải theo đạo “tứ đức, tam tòng”. Tứ đức là công- dung- ngôn - hạnh. Tam tòng là tòng phụ, tòng phu, tòng tử. Ở nhà phục tòng cha, xuất giá phục tòng chồng, chồng chết phục tòng con. Theo đó mà suy, người đàn ông từ xưa đã là rường cột gia đình. Thế nên mới lại có câu: “Một trăm đứa con gái, không bằng hòn đá tảng con trai”. Chú Giới có đàn đực, cũng là chồng cô. Cô phải “tòng” chú ấy, chứ không có quyền cưỡi lên người chú ấy. Nói cho cô biết nhé. Thằng anh cô không bao giờ hồ đồ. Phải đích mục sở thị thì anh mới nói. Cái tối, chính mắt mình nhìn thấy em gái mình trèo lên bụng chồng, anh đau xót quá, xấu hổ quá...

Đến đây, giọng Đĩ Chu bỗng ngạt đi. Và thật lạ, y khóc. Nước mắt giàn giụa trên gương mặt gỗ ghe nứt nẻ của y. Những giọt nước có sức lây lan, khiến Chi cũng không cầm lòng nổi. Chi khóc ti ti, hết như cái cô bé Chi ngày xưa, hồi tám, chín tuổi, bị anh Chu mắng, oan mà không dám cãi.

Đám người hiếu kỳ rình nghe trộm trường câu chuyện giáo huấn đến đây là tạnh vỡ, toan bỏ về, bỗng bấm chí nhau dán tai vào cánh cửa nhà Chu.

- Dạ thưa, anh nói hết rồi thì đến lượt em - Tiếng Chi nấc lên đầy đau đớn - Nói lời không thì anh không tin. Đây, em có mấy lá thư đây làm bằng. Thằng chồng em thà nó cứ dần đụt, ngớ ngẩn như chú Ngốc ở chợ Mới, hay thơ thần dở hơi như nó vẫn làm. Em cam chịu hết. Nhưng đằng này nó là con dê. Ngần ấy tuổi đầu rồi mà còn dăng mớ thì thụt thư từ với người đàn bà mãi tận trong Quảng Trị...

Trời ơi, Đĩ Chu tình hẳn rượu. Ba lá thư như những tờ cáo trạng trước mặt y kia, là bằng chứng làm đảo ngược tình tiết vụ án.

- Để tôi sẽ đọc - Đĩ Chu dụ giọng - Cô kể vắn tắt tôi nghe diễn biến sự việc như thế nào?

- Anh còn nhớ năm bảy ba, nhà em có vào chiến trường Quảng Trị...

- Tôi còn lạ gì. Năm bảy hai tôi suýt nghèo ở cái cối xay thịt thành cổ Quảng Trị. Năm bảy ba tôi ra thì chú Giới vào...

Năm ấy nhà em gặp cô Na, người cao to giống em. Hai người tăng tịu. Cô Na có chữa, sau này đẻ được một đứa con trai.

- Có đúng thế không? Sao bây giờ cô mới nói?

- Em nói sai em chết. Bác cứ đọc ba lá thư kia thì bác rõ. Năm bảy sáu, trước khi lấy em, Giới đã vào Cam Lộ tìm Na, nhưng không thấy. Tưởng chuyện dan díu ấy đã qua. Nào ngờ năm ngoái, bỗng có một lá thư gửi về Hội Văn nghệ tỉnh, nhờ chuyển cho nhà thơ Chi Giới. Thì ra, cô Na đọc một bài thơ của nhà em đăng trên tạp chí Tản Viên Sơn. Thế là anh ả tìm thấy nhau sau đúng hai mươi tám năm trời. Vì thơ cả đấy. Em cũng chết vì thơ của lão ta. Như cái câu: “Anh đã qua nghìn ngày gian khổ. Từ Đáy Giang đến chiến trường Cấm...”

- Biết thơ rồi. Nói tiếp cái chuyện cô Na đi.

- Mụ Na bây giờ là một doanh nghiệp giàu có ở Đông Hà. Từ năm tám mươi mụ ta đã buôn hàng lậu từ Lào về Đông Hà. Thằng con trai đặt tên là

Hoài Bắc, tức là nhớ anh bộ đội miền Bắc, đã có vợ con, hiện là Giám đốc công ty hữu hạn trên cửa khẩu Lao Bảo...

- Khá quá. Không ngờ chú Giới đổi đời - Đĩ Chu không tìm được sự thán phục, xen chút ghen tị.

- Em biết ngay bọn đàn ông các anh mà. Cũng cùng một giuộc - Chi được dịp bồi luôn cho anh trai một cú đòn gió - Nhận được thư mẹ Na, hè năm ngoái, nhân có chuyến phòng Giáo huyện tổ chức đi tham quan Huế, nhà em mới mò vào tìm gặp mẹ Na.

- Thật vậy không?

- Trong thư kia có đủ hết. Anh đọc khắc biết. Thảo nào, từ năm ngoái, lão Giới tự nhiên rùng rình tiề. Mẹ Na còn viết thư: “Anh cứ cho con Thi đi học. Tiền học của con em lo hết”. May mà hôm lão Giới nhà em ra Hà Nội hỏi điểm thi Đại học cho con Thi, ở nhà em tình cờ phát hiện ra mấy lá thư này. Rõ ràng là trời có mắt.

- Ái chà chà. Hoá ra không phải Chi hỗn láo với chồng mà là ngựa ghè hờn ghen - Đĩ Chu vỗ đánh đét vào đùi mình, như y chợt khám phá ra cái tổ con chuồn chuồn. Phen này thì:

“Làm cho cho mệt cho mê

Làm cho đau đớn ê chề cho coi”

(Kiều)

HỘI THỨ XII

TÌNH YÊU MỘT THUỞ

Tình gửi lại hoá chồi xanh đất lửa

Oán xưa đi còn mây biếc trời cao

---* ❖ *---

Những lá thư của người đàn bà Quảng Trị có sức cuốn hút như những đoản thiên tiểu thuyết. Lần đầu tiên trong đời, Dĩ Chu đóng vai một trí thức, giương mục kính, ngồi trước đèn đọc ngẫu nhiên từng dòng chữ nhỏ li ti, đây những thổ ngữ và lỗi chính tả. Đọc nữa. đọc nữa. Cái trò nhìn trộm, ngó trộm bao giờ cũng thú. Huống chi đây lại là ngó trộm vào cuộc đời một người đàn bà. Mà không, phải nói cho đúng khái niệm thế này. Như nhìn trộm người đàn bà đang thoát y trong phòng tắm.

“Cam Lộ ngày 1 tháng 5 năm 2001.

... Suốt 28 năm em và con đi tìm anh trong tuyệt vọng, nào ngờ bây chừ đã tìm thấy anh”. Hoài Bắc ơi, mạ cho con đọc bài thơ ni. Con đọc đi rồi nói mạ nghe”. Em dúm vào tay hăn bài thơ “Oan trái cuộc tình “ của anh. “Chi Giới chính là bút danh thi sĩ của cha con đó”. Hăn gạt đi và bảo: “Thôi mạ, thơ thần làm chi. Tránh xa các nhà thơ thì may tuổi thọ của mạ còn kéo dài. Mạ không nghe chuyện một trăm nhà thơ lấy chung một người đàn bà có tên là Nàng Thơ đó ư? Vậy mà suốt mấy chục năm Nàng Thơ vẫn chẳng chữa đê. Đi bệnh viện khám, bác sĩ bảo: Nàng Thơ vẫn còn màng trinh”. Nghe thẳng Hoài Bắc nói giỡn, ẹ la: “Mồ tổ mi. Nhưng đây là thơ của thẳng cha mi. Anh gửi lại giọt máu miền Cam Lộ. Đó, thơ cha mi đó. Cha mi ngủ với tau có một lần mà đê ra mi. Cũng nhờ có những dòng thơ thần này mà hai mươi tám năm trời, giờ mạ đã tìm thấy cha cho mi đây”. Rồi em khóc như trời sập. Đến lúc đó thẳng Hoài Bắc mới tin. Nó bảo: “Sư tử Hà Đông khùng khiếp lắm. Mạ ra ra là không có đường về. Để con ra ngoài nớ

thăm dò trước. Con có thằng bạn thân làm phóng viên báo Nông nghiệp. Hẳn biết rõ ba cái ông nhà thơ lắm mà”.

Anh ơi, thằng con của chúng mình, anh không tưởng tượng hẳn tuyệt vời như thế nào đâu. Hẳn đã nói là làm. Hẳn ra ngoài nó, tìm anh thiệt. Trở về, hẳn bảo: “Mạ ơi, cha con thiệt rồi. Nhìn thấy cha, thằng bạn con suýt kêu trời. Sao hai cha con giống nhau lạ lùng. Mạ hãy tưởng tượng, cái ngày cha con yêu mạ, chắc cũng có khuôn mặt, dáng người giống hệt như con bây chừ”. Em lặng đi, tưởng có thể vỡ tim vì sung sướng. “Con gặp cha thế nào? Cha không hỏi gì mạ ư?”. “Đời nào con lại nhận cha dễ dàng thế. Máu mủ thì đúng rồi. Nhưng còn tình cảm nữa chứ. Nhỡ ông không nhận con thì sao. Chuyển này ra, con chỉ có nhiệm vụ dò tìm, nhận mặt. Giờ thì mạ viết thư cho cha con đi. Nếu cha nhận thì mạ con mình gặp. Nếu không nhận thì... quên ổng đi”. Hẳn nói rồi hẳn khóc. Anh ơi, nhìn hẳn khóc thật tội nghiệp. Hai mươi tám năm trời, giờ hẳn mới tin rằng mình có một người cha...”.

*

“Cam Lộ ngày 27 tháng 11 năm 2001.

Anh ơi,

Vậy là bây chừ em đã hoàn toàn mãn nguyện. Chỉ cần má con em gặp anh một lần như những ngày vừa qua là đủ. Quá mỹ mãn rồi. Anh đã bù đắp lại cho em hai mươi tám năm đặng đặng. Em như vùng đất ba dan khô nẻ, bỗng được thoả thích tắm mưa... Những ngày ở bên nhau, em chưa kịp kể gì về em cho anh nghe cả. Bây chừ em kể hết. Để anh biết rằng, đến được với anh hôm ni, mạ con em đã phải trải qua biết bao tủi cực, đã phải đổ bao máu, mồ hôi và nước mắt.

Chắc anh còn nhớ cái lần chúng mình chia tay nhau ở chân động Ông Do ấy. Thằng Bắc đã được hoài thai trong vách hầm tránh pháo. Thế rồi em mang giọt máu của anh trong túi nhục ê chề. Người ta vu cho em chứa hoang với bọn lính Ngụy đóng đồn bên kia sông chờ thi hành Hiệp định. Em trốn vào Đà Nẵng với hy vọng gặp anh trong nó.

Hơn một năm ở Đà Nẵng, bằng mấy kiếp người. Để nuôi được thằng Hoài Bắc, em chấp nhận tất cả. Có một ông tư sản cỡ bự, tuổi bằng cha em, có xưởng làm nước đá ở đầu cầu Sông Hoàn đã nhận là cha đỡ đầu thằng Bắc, mua cho mạ con em một ngôi nhà ở gần chùa Non Nước. đó là lần duy nhất em làm vợ không có giá thú. Nhưng rồi cuộc vui ngắn chẳng tày gang. Chỉ bốn tháng sau, mẹ vợ phát hiện ra vụ bê bối tình ái của ông chồng, liền thuê côn đồ đến phá nhà và hành hung mẹ con em.. Em bị một trận đòn ghen thừa sống thiếu chết, bị gãy một xương sườn, phải nằm nhà thương cho tới khi quân giải phóng vô thành phố...

Năm 1976, mạ con em về quê. Chao ơi, vùng Cù - Tân Sở quê em, nơi Vua Hàm Nghi từng chạy giặc từ Huế ra, dựng cờ chống Pháp, xửa bạt ngàn rừng, bạt ngàn hồ tiêu, giờ hoang hoá, cỏ dại ngút đầu. Không ngày nào không có người cuốc phải bom. Bọn Mỹ thả dày đặc. Lại đành bỏ đất, bỏ quê mà đi.

Làm cách chi để nuôi sống thằng Hoài Bắc và tìm gặp anh, hi? Có một con bạn rủ em lên Hướng Hoá buôn hàng từ Thái Lan, từ Lào qua cửa khẩu. Vậy là đã mở ra một con đường sống. Gần chục năm em lẫn trong đoàn người buôn hàng lậu từ biên giới về Đông Hà. Chập tối ra bờ sông Sêpôn chờ hàng. Thuốc lá jet, đường, sữa, mì chính, đá lửa, len, vải... Tất cả đều quán quanh người, quán đây chân tay. Suốt đêm luồn rùng từ Lao Bảo đưa hàng về các điểm tập kết để chuyển về Đông Hà, Quảng Trị. Từ phu khuân vác, vận chuyển, em trở thành đầu nậu, thành chủ hàng. Vàng, đô la, chưa đủ vốn thì em khai thác “vốn tự có”. Ba mươi tuổi, em vẫn còn trẻ đẹp, khối gã lái xe, thuế vụ xin chết. Thì tui biểu các anh mần chơi, tiếc gì. Chỉ cần các anh để tui kiếm tiền nuôi thằng Hoài Bắc. Vậy đó anh. Em coi thế giới đàn ông như thứ trò chơi. Với em, đàn ông chỉ có duy nhất một người...”

*

“Cam Lộ, ngày 16 tháng 7 năm 2002

... Đã bao lần em suy nghĩ về lời khuyên của anh, rằng chuyện này chưa nên để Chi biết. Em không muốn mạ con em phải sống trong sự dối trá. Có

chi mà phải giấu chị Chi, hi? Em có tranh vợ cướp chồng chi? Phải năm năm sau khi thằng Hoài Bắc ra đời, anh mới cưới chị Chi kia mà. Và lại, bây chừ mạ con em đã quá đầy đủ về vật chất rồi. Ngoài ngôi nhà ba tầng ở thị trấn Cam Lộ, em còn có bốn thiên hồ tiêu ở trong Cù, thằng Hoài Bắc có Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp đóng trên Lao Bảo. Mạ con em cần chi tiền bạc. Em xin nói với anh lần này: Em và con chỉ cần tình người. Chừng nào thằng Hoài Bắc chưa về làng Nguyễn của anh, chưa được thắp nén hương để nhận ông bà, họ hàng thì em vẫn chưa xứng đáng là một người mẹ...”.

Trời ơi, chai sạn đến như Đĩ Chu, mà đọc đến đây cũng không cầm nổi nước mắt. Y đặt tay lên ngực, xiết nhẹ. Tưởng như tim y cũng đang đau nhói. Y thương người đàn bà ở vùng gió Lào, cát trắng kia, hay y ghen vì một tình yêu quá lớn mà đời y không thể có. Giáo giới quả là hạnh phúc. Hạnh phúc hơn y rất nhiều. Hoá ra em gái y cũng yêu hẳn. Đọc những dòng thư này, cô Chi dù có xuống tóc đi tu cũng phải biến thành sư tử. Đời là thế. Chém cha cái kiếp lấy chồng chung. Bà Hồ Xuân Hương chửi vậy còn là nhẹ.

Không thể kìm được sự bái phục, và cũng để tỏ rõ lập trường của ông anh rể, Đĩ Chu chủ động tìm gặp giáo Giới.

- Chú đừng chấp cô ấy làm gì. Đàn bà không đái qua ngọn cỏ ấy mà - Sau khi gọi hai chai bia Kim Bài và hai gói lạc rang, Đĩ Chu vừa trịnh trọng giót hai cốc bia ngẫu bọt vừa bảo giáo Giới thế.

- Dạ, không, nhà em đâu dám đái...

- Nào, uống đi... Chú đừng tưởng tôi không biết gì. Hôm vừa rồi, tôi mới chửi cho một trận. Mình là vợ, không được phép cưỡi lên bụng chồng...

- Đâu có... - Giáo Giới đưa tay gỡ đôi vành tai đỏ lựng.

- Đào ôi, tao là anh nó, tao còn lạ gì - Đĩ Chu khà một tiếng, cạn hết vại bia - Nhưng mà cũng tại chú đào hoa quá. Nhà thơ có khác. Được đàn bà yêu đến thế, vợ đêch nào chẳng ghen.

Giáo Giới nhìn ánh mắt ranh mãnh của ông anh rể, chột hiều ra.

- Nhà em đã nói hết với bác về chuyện cô Na...

- Tao đọc thư của cô ấy rồi. Người như thế, cô Chi đáng gọi bậc chị. Để tao thu xếp. Anh và cô chú phải vào trong ấy đón cô Na và cháu Hoài Bắc về...

Thế mới biết:

Thế gian chỉ một cõi Người

Ngọt cay cũng một cây Đời sinh ra.

HỘI THỨ XIII

LÊN CHÙA MƠ GẶP THỊ MÀU

Trước cửa thiền, mở lòng sám hối

Chốn phồn hoa, đóng cửa tiêu sầu

---* ❖ *---

Từ hôm đứa bé đỏ hồng bị chết ở ông Đông Đống, vợ Đĩ Chu nhiều lúc cứ ngẩn ngơ như người bị tâm thần. “Thấy chùa. Quả báo đấy. Tham lắm vào. Thấy gói đường sữa tối mắt, làm con bé rơi xuống ruộng. Nó thù đấy. Phen này khéo phải đi nhà thương Trâu Quỳ”. Người ta kháo nhau thế. Lời sầm sì đến tai Đĩ Chu, y cười khẩy: “Người ta ghét cái thói tham của mẹ mà y họ bảo thế. Cố làm việc tu nhân tích đức vào, rồi sẽ qua hết. Thôi, dẹp chuyện ấy lại. Bảo con mua cho ta chai rượu, tối nay ta “giải tà” cho”. Rồi Đĩ Chu đưa mắt nhìn vợ rất gian. Cô nàng hồi này đẩy ra. Cái mông cong tớn, trông đến ngứa mắt.

Được “giải tà”, vợ Đĩ Chu thấy tự tin, tươi hơn hớn. Hôm sau, có đám các bà đi chùa Ràng dâng hương, chị liền bám theo.

Cũng sáng ấy, Đĩ Chu có khách. Vợ chồng Lập Lác đánh xe con từ ngoài tỉnh về, nhất mực mời Đĩ Chu ra chơi bằng được.

Lập Lác vốn ba đời làm nghề mổ thịt lợn ở chợ Mới. Ngày mới từ chiến trường về, Đĩ Chu làm công an xã, chuyên đi rình bắt bọn cờ bạc, nấu rượu lậu, mổ thịt gia súc chui. Nhà Lập Lác tối nào cũng có một đám bạc. Đánh cò con vài nghìn thôi. Đĩ Chu đến, dắt theo khẩu K54. Cả chiếu bạc sợ run như cây sậy. Có anh ngồi đá cả ra chiếu, ướm sững quần. Đĩ Chu nhìn khắp lượt rồi bảo: “Các ông ăn vụng không biết chùi mép. Giấu tôi thế đểch nào được. Đánh vui mà đêm nào cũng thức đến sáng, vui cái củ c. Tiền giấu dưới chiếu, nước đá ông Cò làm ướm sững cả kia kìa. Lần sau đánh nhỏ thôi”. Cử chỉ ấy của Đĩ Chu khiến cả bọn phục sái cổ. Lập Lác chạy theo chấp tay vái giời: “Em cảm tạ bác. Từ sáng mai, mời bác lại xơi tiết canh,

lòng lợn”. Đĩ Chu cười khẩy, bỏ đi. Vợ Lập Lác biết ý, từ hôm sau, mỗi sáng cho con mang đến nhà Đĩ Chu một quả tim lợn còn nóng hổi. Có thể chứ. Vợ chồng nó ăn ở cũng biết điều.

Đến cái vụ Lập Lác dám cả gan ra bãi Mã Đồng đào thịt trâu mang bày bán ở chợ thì quả là chuyện động trời. Số là năm ấy có dịch vi trùng nhiệt thán. Trâu bò chết như ngã rạ. Ban đầu các nhà thấy triệu chứng trâu kém ăn, liền mổ bán chạy. Thậm chí có con đã chết, người ta cũng xả thịt mang lên chợ. Ủy ban xã gấp rút phát lệnh, bắt các gia đình có trâu chết phải đào hố sâu, rắc vôi bột lên trên rồi chôn. Vậy mà một tối, Lập Lác dám rủ mấy người ra Mã Đồng đào một con trâu vừa chôn, lấy thịt bấp mang bán. Chuyện ấy, không có Đĩ Chu cứu, Lập Lác bóc lịch chỉ ít cũng ba năm. Đĩ Chu còn khuyên Lập nên lánh đi khỏi làng cho cán bộ xã họ đỡ ngứa mắt. Lập Lác nghe theo, gửi con cái cho bố mẹ, hai vợ chồng ra tỉnh, tiếp tục hành nghề mổ lợn.

Nào ngờ, thế gian biến cải vũng nên đồi. Chỉ trong vòng gần mười năm, vợ chồng Lập Lác đã trở thành tỷ phú, có nhà bốn tầng, có hai đám đất hơn hai trăm mét vuông dọc đường Láng - Hoà Lạc, có xe Matiz bốn chỗ ngồi. Oách hơn nữa là chính tay Lập Lác lái xe. Hàng ngày, cứ bốn giờ chiều là gã tự lái xe con đến sân tennis Tràng An, nơi dành cho các VIP (nhân vật quan trọng) để làm vài séc, rồi rủ các quan chức đi bia bọt, thân tình còn hơn cả anh em bạn bè.

Chuyến này hai vợ chồng Lập Lác mang một pho tượng phật về cúng tiến chùa làng. Chắc là mới trúng quả gì đó.

- Nói thật với bác, em vừa mới hoàn thành khu nuôi gấu 16 chuồng. Em bỏ nghề thịt lợn để đầu tư nuôi gấu công nghiệp bác ạ - Lập Lác thì thảo với Đĩ Chu - Với lại, em vừa cho thằng cháu bác, thằng Hùng Còi, con thứ hai của em ấy, sang Úc du học tự túc bác ạ.

- Thế cơ à? - Đĩ Chu tròn mắt, ớ ra một lúc mới dám hỏi - Chắc phải mấy chục triệu?

- Mỗi năm 10 nghìn đô, tức là một trăm năm mươi triệu bác ạ. Người ta đầu tư cho tương lai, chẳng lẽ mình chẳng làm gì. Ở nhà, một năm nó cũng

phá của vợ chồng em ba bốn con a còng, cũng ngang từng ấy tiền.

- Tôi phục cô chú quá.

- Bác cứ nói thế. Chúng em không nhờ tài năng đức độ của bác thì đâu có ngày hôm nay. Nói chẳng giấu bác. Bức tượng Phật mà vợ chồng em rước ngài về chùa hôm nay, có cả vàng ở trong ấy đấy.

- Sao? Làm bằng vàng à? Tôi tưởng sơn son thếp vàng là người ta chỉ sơn và thếp lớp giấy trang kim?

- Em chỉ nói riêng với bác thôi nhé - Lập Lác rí tai Đĩ Chu - Trong hộ tâm ngài có một cây vàng đấy. Em đã cho thợ bí mật giấu một lá vàng hiệu Con Rồng 999 trong gỗ. Bác đừng nói mà kẻ xấu nó nghe thấy, nó ăn cắp tượng...

Đĩ Chu lạnh toát mồ hôi. Hoá ra nhà giàu có toàn nghĩ ra cách ăn chơi tàn bạo.

Lập Lác lại nói:

- Chuyến này mời bác ra tỉnh, vợ chồng em muốn được dịp trả nghĩa bác. Em sẽ đích thân chọn một con gấu vừa bắt từ rừng về, rút biểu bác vài chục xô xô mật tươi. Tuổi bác phải có thứ này...

- Không có, nhiều khi tôi cũng chết dở - Đĩ Chu thật thà, muốn trút hết bầu tâm sự...

- Em hiểu - Lập Lác nháy con mắt lác, ghé sát tai y - Tất nhiên em phải đãi bác cả cái khoản đó. Bác thích gì, em xin chiều hết. U18 hay đập hộp, bóc tem, có hết. Đời bây giờ mở cửa, đáng sống lắm bác ơi....

- Ngại gì, đi chơi một chuyến, chứ sao. Đĩ Chu thu xếp đồ đạc, định ra xe, thì vợ Đĩ Chu đi chùa về.

- Thầy nó ơi, tôi bảo...

- Lại việc “giải tà” chắc? Đĩ Chu đang bán tín bán nghi thì vợ y đã lôi y xềnh xệch vào buồng.

- Thầy nó xem. Tôi vừa xin cho thầy một quẻ. Ngài bảo đúng lắm. Gia trạch, tài lộc, phúc đức, đúng hết. Nhưng riêng cung thiên di của thầy nó, đợt này đang có vấn đề:

“Ra đường gặp chúa Sơn lâm

Phải lường cho hết để mong ngày về”

- Vấn đề cái con tầu - Đĩ Chu ngó qua quẻ bói, rồi cười khẩy - Chỉ được cái mê tín dị đoan. Sơn lâm gì ở ngoài tỉnh? Thôi, mở tủ lấy cho ta ít tiền bán trứng hôm qua, để ta còn đi không có vợ chồng Lập Lác đang chờ.

Cho đến lúc ngồi trên xe, Đĩ Chu ngẫm lại quẻ bói, y bỗng tùm tùm cười thầm. Chẳng ngờ, qua kính chiếu hậu, Lập Lác nhìn thấy, cất tiếng hỏi:

- Ông bác cười em đấy à? Bác buồn cười vì tay Lập Lác mỡ thịt lợn ngày xưa giờ lại vắt vẻo ngồi trước tay lái để đưa ông anh ra chơi Hà Nội phải không?

- Ta đang nghĩ đến chúa Sơn Lâm chú ạ - Đĩ Chu đáp ồm ồm.

Và rồi những hình ảnh của lần đi mát xa ở Vũng Tàu năm ngoái lại ào ạt hiện về, khiến Đĩ Chu rạo rức. Chúa Sơn Lâm là cái bọn mắt xanh mỏ đỏ ấy. Lập Lác đã hứa rồi. Chuyến này thì...

Mây mưa thoả sức vẫy vùng

Sơn lâm tỏ mặt anh hùng cho coi.

HỘI THỨ XIV

TAY CHƠI NHÀ QUÊ

Hàn vi từ lợn đi lên

Bây giờ cười gấu, lấy tiền khó gì

---* ❖ *---

Tại trại nuôi gấu của Lập Lác quả là một khu chăn nuôi công nghiệp hiện đại. Gần hai chục chuồng được làm bằng loại thép vuông không rỉ, to như thước thợ, chắc chắn hơn cả chuồng thú ở công viên Thủ Lệ. Giữa hai dãy chuồng là một hành lang rộng, đủ cho nhân viên và khách đến mua mật gấu đi lại dễ dàng.

- Từ nghề nuôi mỡ thịt lợn đến nghề nuôi gấu lấy mật là một bước đại nhảy vọt - Lập Lác nói với Đĩ Chu - Chẳng dám khoe với bác, em chỉ kể bác nghe chuyện này: Hôm nọ, ông anh họ em, làm chức gì đó ngang với Phạm Sỹ Chiến, bạn thân của Năm Cam, đi xe con đến đây. Em biểu hai chục xê xê mật gấu. Bác ấy tặng lại hai tờ đô và bảo: “Chú là người sẽ mang vinh quang về cho dòng họ”. Em bảo: “Ấy chết, bác cứ nói thế. Chính các bác mới làm cho họ ta mở mặt với thiên hạ”. Bác ấy văng tục với em và bảo: “Chỗ anh em, tao bảo thật. Bọn tao chỉ là lũ ăn tục nói phét. Chính nông dân các chú mới thực sự đóng góp của cải cho xã hội. Ví như cái trại nuôi gấu này, chỉ các chú mới nghĩ ra được. Các chú góp phần làm cho cánh già chúng tớ trẻ lại, thiết lập lại cơ chế: “trên bảo dưới nghe”.

Cả Đĩ Chu và Lập Lác cùng nhìn nhau cười ngất. Nhớ tới cái đận cả hai gian nhà mái bằng nền gạch hoa bóng lộn của Lập Lác được ngăn lại, dùng làm chỗ nuôi chục con lợn vỗ béo, suốt ngày vợ chồng gã xắn quần tới bẹn dùng vòi phun cọ rửa, dùng quạt điện quạt cho lợn, rồi bột cá, cám bã, rau bèo... Đĩ Chu càng thấy anh họ gã nói đúng. Phải tập dượt từ nghề mỡ lợn, nuôi lợn công nghiệp, Lập Lác mới có đầu óc nuôi gấu hôm nay. Mười sáu

con gấu kia, bỏ rẻ mỗi tháng vợ chồng gã cũng thu ba chục triệu bạc tiền lời.

Chờ hai ngày, Đĩ Chu vẫn không thấy Lập Lác nói gì đến chuyện mật gấu, cũng tịnh không nhắc gì đến chuyện mát xa- mát gần. Đành rằng ăn uống, ngủ nghỉ thì Lập Lác quá chu đáo. Ngay ba trận cỗ, bia rượu thịt cá ê hề. đúng là kiểu xã hội làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu, thích gì ăn nấy. Nhưng cái khoản nhu cầu kia? Uống rượu mật gấu, ăn chân gấu hàm thuốc bắc. Khắp người Đĩ Chu rậm rịch kiểu gấu. Minh tế nhị không dám nói ra, thì Lập Lác nó cũng phải tự hiểu chứ?

Sang ngày thứ ba, lừa lúc vợ đi vắng, Lập Lác mới kéo Đĩ Chu lên tít sân thượng, trên đó đã trải chiếu sẵn và tú ụ một mâm sâm cầm đủ món.

- Thằng bạn em vừa đi săn ở Nho Quan về. Hôm nay đãi bác món đặc sản sâm cầm, tất nhiên, phải uống rượu sâm cầm. Cái này còn mạnh hơn cả mật gấu. Loài chim này từng bay hàng vạn cây số từ vùng giá lạnh sang đây, từng ăn những củ sâm Cao Ly già hàng trăm tuổi cho nên khắp người nó thơm phức mùi sâm. Loại chim này, ngày xưa dùng để tiến vua. Chỉ vua chúa mới được dùng.

Đĩ Chu ngẩn nhìn Lập Lác đầy bái phục.

Bây giờ Lập Lác mới đi vào câu chuyện chính.

- Nhưng thôi, dẹp chuyện ăn uống này lại. Cả chuyện biếu bác mấy chục xô xô mật gấu cũng để lại. Em đang chờ một con gấu ngựa bọn thợ săn mới bắn ở rừng Nghệ An sắp chuyển ra. Phải biếu bác loại mật gấu rừng mới xứng. Loại mật gấu nuôi công nghiệp này dớm, bác không nên uống.

- Chú cứ bày vẽ.

- Bày vẽ là thế nào. Với bác, em quý hơn cả anh em ruột thịt. Cho nên chuyển này, mời bác ra để giúp em một việc...

- Việc gì? Khó đến như cái hồi chú đi đào trộm thịt trâu chết, tôi còn giúp được nữa là...

- Việc này tế nhị hơn nhiều... - Lập Lác đưa mắt nhìn quanh rồi ghé sát tai Đĩ Chu thì thào, mồm thổi vào tai y đầy mùi chim.

Nghe Lập Lác nói, Đĩ Chu chỉ còn nước chắp hai tay bái phục sát đất. Cỗ nhân nói cấm có sai: “Mạnh vì gạo, bạo vì tiền” - “Nén bạc đâm toạc tờ giấy”. Thời đếch nào cũng thết. Có tiền mua tiên cũng được.

Ngày hôm sau, theo đúng kế hoạch, Lập lác lái chiếc Matiz chở Đĩ Chu sang Gia Lâm. Trên xe, có hai anh em, Lập Lác mới được dịp dốc hết bầu tâm sự:

Cô em tên là Hoa. Cô chị tên là Mai. Đúng là hai bông hoa giáng trần bác ạ. Nhưng thói đời, hồng nhan bạc phận. Ông bố mắc bệnh nan y. Bà mẹ bị tai nạn giao thông. Cậu em út còn đang học dở cấp ba. Thế là cô Hoa, đang học trung cấp, đành bỏ dở, đi làm ở một nhà hàng Karaôkê để kiếm tiền thuốc thang cho bố mẹ. Vừa vào hát với cô em, chân tay em đã mỏi rã rời.

- Chú nó thế nào. Hát mà lại mỏi chân tay?

- Bác chưa đi Ka rao kê bao giờ à? - Lập Lác nhìn Đĩ Chu vẻ thương hại

- Thôi được, thế thì tối nay bác sẽ đi hát. Để em kể tiếp. Em liền rủ cô nàng đến nhà nghỉ... Trời ơi, còn hơn tiên giáng thế... Nghe cô nàng kể về hoàn cảnh gia đình, em rút ví, tặng luôn ba trăm đô và đề nghị được cưới nàng làm vợ. Nàng khóc thút thít, cảm động vì tấm lòng của em và bảo: “Nhưng em đã có người yêu. Anh ấy người cùng làng, tốt với em lắm. Nếu anh không chê, em sẽ giới thiệu chị gái em cho anh. Chị ấy hơn em mười tuổi, nhưng còn đẹp hơn em cơ...” Em nổi máu tò mò, liền đóng vai một giám đốc, đến thăm nhà. Trời ơi, đích thị nàng Kiều. Nếu Hoa là Thuý Vân thì Mai chính là Thuý Kiều. Nàng dạy lớp một ở trường làng. Ba mươi hai tuổi, đã có một đời chồng và đứa con gái năm tuổi. Anh chồng chết do một tai nạn sập hầm. Nói thực với bác, lâu lắm rồi em mới lại có một mối tình sét đánh. Em mê nàng ngay từ lần gặp đầu tiên. Nhưng với nàng thì ngược lại. Nàng tỏ ra dè dặt đắn đo, kiểu con nhà lành. Em chợt nhớ một câu nói của một nhà tỷ phú người Mỹ : "Cái gì không mua được bằng tiền thì có thể mua được bằng rất nhiều tiền". Câu nói này của một đại gia cùng đánh tennít dạy em. Vậy là em cú. Được, ta thử mua bằng rất nhiều tiền xem sao. Thế là em trở thành nhà tài trợ. Đưa bố đi bệnh viện. Mua thuốc và bồi

dưỡng bố mẹ, sắm xe máy cho hai chị em... Tóm lại, chỉ tốn kém vài chục triệu mà em vừa thương xuyên ngủ với cô em, lại cửa đổ được cô chị.

- Chú liều quá. Nhỡ hai chị em nó ghen nhau thì sao?

- Khi yêu được cô chị rồi, em cắt ngay cầu cô em. Với lại, cô em khôn như rận. Khi đã cuỗm được ở em một món tiền và bàn giao cô chị để trả nợ sòng phẳng, liền tổ chức cưới chồng, xoá sạch dấu vết quá khứ. Các cụ nói cấm có sai: “Đánh đi mười phương cũng để một phương lấy chồng”.

- Nhưng tôi nghĩ với cô Mai, chú cũng chỉ chơi bời...- Đĩ Chu ra vẻ hiểu đời.

- Chơi bời là thế nào? Thế thì bác chẳng hiểu em - Lập Lác lắc đầu, tựa hồ như muốn văng ra khỏi tai những điều Đĩ Chu vừa nói - Bác coi em là thằng chơi bời trác táng. Em công nhận. Thời buổi bây giờ, tất cả mọi thứ dịch vụ đều được đưa tới tận phòng ngủ... Ngỡ hư hỏng như em, chỉ còn mỗi Hoa hậu hoàn vũ là em chưa được xài thôi. Nhưng chơi của dỏm nó vẫn khác với chơi của xịn. Đàn bà xịn thứ thiệt là loại chỉ có một người đàn ông. Thứ lang chạ, dù hoa hậu, á hậu cũng vứt. Cho nên, gặp Mai, em biết là đồ xịn. Và em quyết đầu tư. Nói thế này để bác hiểu em. Em chỉ có một thằng con trai, là thằng Hùng Còi của bác đang học tự túc ở Ot - si - tờ - rây- li-a. Sang bên ấy, không biết thế nào. chỉ một vụ khủng bố, sập nhà cao tầng cũng tôi đời. Đi ngoài đường, xe cán phải, cũng tôi đời. Ấy là chưa kể hút chích, gái gú, sỉ đả đây mình. Cho nên, dù cháu có xuất ngoại, em cũng hãi lắm. Thế nên em mới nghĩ phải làm một suất nữa cho chắc ăn. Nuôi một đứa con bây giờ cũng chỉ vất vả bằng nuôi một con bécgiê, một con gấu. Với lại thuê Ôsin tháng dăm trăm bạc, rẻ như bèo.

- À ra thế - Đĩ Chu tròn mắt, thiếu chút nữa thì phủ phục dưới sàn xe mà bái phục.

Cho tới khi nhìn thấy cô giáo Mai rạng rỡ ngồi như một mệnh phụ đứng đón trước hiên nhà thì tự nhiên Đĩ Chu bỗng trào lên sự ghen tuông của một gã đàn ông kém cỏi, ít thành đạt.

Rõ thật là:

*Thế gian cay đắng bội phần
Kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra.*

PHẦN II

Thôn Quê Ký Sự

LÀNG TÔI

CHUYỆN THẬT NHƯ ĐÙA

Tặng các thế hệ bạn đọc làng Động Phí của tôi

I. Phát hiện có tính khảo cổ: Làng Động Phí có tên ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Sự kiện Cristóph Côlông phát hiện ra Châu Mỹ chắc cũng chỉ bằng việc tôi phát hiện ra cái tên Động Phí quê tôi được khắc trên bia đá Văn Miếu - Quốc Tử Giám là cùng. Chắc chắn tôi là người đầu tiên “phát hiện” ra sự kiện này. Tất nhiên, chẳng phải tôi giỏi giang gì. Chữ Nho tôi mù tịt. Số người đọc được văn tự Hán Nôm ở làng tôi đã lần lượt quy tiên cả rồi. Ngay như thầy tôi, một “trí thức” làng, từng đọc “Kim Vân Kiều truyện” bằng chữ Nôm cho tôi nghe ngày tôi còn bé dại, lại thường hay ra Hà Nội, vậy mà không hề biết rằng Động Phí quê tôi lại được vinh hạnh khắc tên trên văn bia tiến sĩ.

Số là, tôi có người bạn vong niên là nhà văn Nguyễn Quang Lộc, hiện đang giữ chức “quan Tế Tửu” (một cách gọi đùa của cánh nhà văn) trông coi Văn Miếu- Quốc Tử Giám. Hồi dựng dãy nhà bia, anh Lộc cho dịch toàn bộ tên các tiến sĩ ra chữ Quốc ngữ và khắc chữ trên đá, đặt tại hai nhà bia tả hữu. Tôi đến dự khánh thành và bàng hoàng phát hiện ra tên làng mình được khắc trên tấm bia tiến sĩ thời Lê. Đó là khoá thi năm Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 (1766). Khoá thi này có 11 người đỗ, không có Trạng Nguyên, trong đó chỉ có một Đệ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân là Ngô Thì Sĩ người Tả Thanh Oai, một trong những sáng lập viên của Ngô Gia Văn Phái. Tiếp đến là mười người đỗ Đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, đứng thứ ba hàng Đệ Tam giáp là Đặng Dụng Chu, người xã Động Phí, huyện Sơn Minh.

Huyện Sơn Minh thì đúng là tên cũ của huyện Ứng Hoà tỉnh Hà Tây quê tôi rồi. Nhưng còn Động Phí? Sao không phải là thôn mà là xã Động Phí? Tôi thoáng nghi ngờ. Có sự lầm lẫn nào chẳng? Cái làng Động Phí của tôi,

cả cái xã Phương Tú của tôi nữa, từ xưa chưa hề là đất học. Sát xã tôi, trên Vân Đình, xưa có Dương Khuê, Dương Lâm. Trên Liên Bạt liền đó có Nguyễn Thượng Hiền và dòng họ Bùi của Thượng thư Bùi Tuấn, Bùi Thận, Bùi Bằng Đoàn. Thời cách mạng, bao tướng tá, bộ thứ trưởng lại tập trung dưới Khu Cháy. Người làng tôi cấp bậc cao nhất chỉ đến hàm trung tá về hưu và trường phó phòng làng nhàng. Mặt bằng dân trí, quan trí như thế, lẽ nào lại được ghi tên vào Văn Miếu? Nhảm. Chắc là nhảm to rồi.

Tôi phóng xe về làng hỏi ngay ông bác ruột tôi, một cụ già ngoài thất thập, về ông tiến sĩ Đặng Dụng Chu. Bác Nam tôi (mất năm 2001, thọ 83 tuổi), bảo:

- Ông tiến sĩ Đặng Dụng Chu thì bác không thấy nói đến. Chỉ biết ngày xưa làng ta là xã Động Phí. Xã Động Phí trước có 3 thôn: Nguyễn Xá, Động Phí, Ngọc Động, thuộc tổng Đạo Tú, phủ Ứng Hoà. Sau cách mạng gộp thêm các thôn Hậu Xá, Dương Khê, Phí Trạch thuộc tổng Phương Đình, thành xã Phương Tú bây giờ.

- Con nhớ ra rồi - Tôi nói - Hồi thầy con còn sống, ngày giỗ tết, ông cụ vẫn thường khấn: Việt Nam quốc, Hà Đông tỉnh, Ứng Hoà phủ, Đạo Tú tổng, Động Phí trung thôn...”

Ngày xưa Ứng Hoà còn có tên Sơn Minh và Ứng Thiên. Làng ta không có họ Đặng. Nhưng trên Nguyễn Xá, họ Đặng là to nhất - Bác Nam tôi giảng giải - Hình như trên ấy có một ông Nghè. Mộ ông Nghè này còn ở chỗ trường cấp I. Chắc ngày ông xưa đất của ông Nghè ở làng mình. Động Phí mình vẫn còn khu đất Dinh ở cửa đình nhìn sang, có đạo huyện lấy xây dựng kho giống, nay chia cho dân hai thôn Nguyễn Xá, Động Phí làm nhà. Ngay đầu nhà cháu, ngày trước có thẹo đất gọi là Miếng Ấn, có doi đất đâm ngang sang Dinh gọi là Ông Bút. Làng mình xưa phát về bút nghiên. Từ ngày lập con long mạch chạy từ Nguyễn Xá xuống để làm chợ Mới, nghiệp văn chương, quan lộc của làng mình bị triệt...

Những giảng giải của ông bác ruột giúp tôi khẳng định rằng tiến sĩ Đặng Dụng Chu chính là người thôn Nguyễn Xá xã tôi, rằng Động Phí quê tôi

chính là địa danh lừng lẫy được xướng lên giữa kinh kỳ, được khắc vào văn bia Quốc Tử Giám ngót hai trăm năm mươi năm trước.

Cứ tưởng sau phát kiến có tính “khảo cổ” của tôi, cả họ Đặng, cả làng Nguyễn Xá sẽ kéo nhau ra Hà Nội để đập chữ, đúc khuôn, lục tìm các kho sử liệu để làm sống lại một ông Nghè từng làm rạng danh dòng tộc, làng nước. Vậy mà không. Như đã ném xuống ao bèo... Tôi ngậm ngùi nghĩ đến câu: “Quan nhất thời, dân vạn đại”. Họ Đặng Nguyễn Xá vẫn còn đó với những người bạn học một thuở với tôi: “Đặng Dụng Tê, Đặng Dụng Thường, những người thợ cày hôm nay và mãi mãi, còn ông Nghè làng thì hầu như đã bị quên lãng, thậm chí không còn thấy nhắc tên trong gia phả. Rất may... là ông tiến sĩ Đặng Dụng Chu còn được gắn với hai chữ Động Phí quê tôi. Nếu không có hai chữ Động Phí, chắc chắn tôi sẽ không tìm thấy ông giữa Hà Nội đông đúc và đa tạp của thời mở cửa hôm nay. Cũng chính từ cái tên Động Phí mà tôi nhận ra những người làng. Kỳ lạ quá, lâu nay cứ tưởng chỉ có mình tôi thành người Hà Nội. Hoá ra, giờ đã một góc làng. Kỳ lạ nhất là mới đây, tôi lại phát hiện ra một sự kiện độc đáo : Làng tôi có nghề phở gia truyền.

II. Phở gia truyền - một phát hiện bất ngờ

Một sáng tháng Chín đầu năm ngoái, nhân có cuộc họp trên phía Cầu Giấy, tôi rẽ qua cửa Chùa Hà tìm một quán phở. Kia rồi, “Phở gia truyền”, tấm biển kẻ dùng chữ đại bằng vô ý đập vào mắt tôi. Phải nói ngay rằng lâu nay tôi rất dị ứng với hai chữ gia truyền mà người ta quá lạm dụng để câu khách: “Thuốc ghê gia truyền”, “Cắt tóc gia truyền”, “Thuốc hôi nách gia truyền”, “Phở gia truyền”... Cứ cái đà này chắc rồi sẽ đến “Cơm, cháo gia truyền” Lỡ bịch hết sức.

Nhưng cái quán “Phở gia truyền” kia tấp nập chẳng khác gì những bia “Hải xồm”, “Bò tùng xẻo” giữa trưa hè đổ lửa. Chắc là ngon nên mới đông khách thế. Tôi quyết định “hạ mã”, đá cái chân vào một cái ghế, cất giọng sang sảng, bắt chước kiểu sành điệu của nhà văn chuyên gia về phở Nguyễn Tuân:

- Một tái gầu!

Một cậu bé xăng xái ra lau bàn và gạ:

- Dạ, bác dùng thêm trứng gà nữa nhé!

Đang cúi sờn vì một gã choai từ đâu nhảy bổ đến chộp ngay lấy đôi giầy đòi đánh xi, tôi liền phủ đầu tiếp:

- Cậu định biến tôi thành lợn à? Trứng cho lẫn với phở thì gia truyền cái nổi gì?

Đang nói, bỗng bắt gặp cái lừ mắt của gã ngồi bàn đối diện, tôi vội im bật. Tôi ngại cái đầu húi cua, cái cổ to như bò mộng có đeo sợi dây chuyền vàng như xích chó Nhật của gã. Bát phở của gã đầy tú ụ, lại kèm thêm hai lòng đỏ trứng gà.

Người đàn bà bưng bát phở cho tôi chừng như muốn làm dịu bớt sự căng thẳng không cần thiết nơi quán xá. Chị ta mỉm cười định nói với tôi điều gì, nhưng rồi chợt sững lại, nhìn tôi, rồi ríu rít kêu lên:

- Ôi, anh Hoàng. Anh đi đâu mà đến ăn phở ở đây?

Tôi nhận ra Mảo, con ông cậu đằng mẹ. Mấy năm trước Mảo chuyên buôn trứng vịt lộn từ quê ra Hà Nội. Thỉnh thoảng đến thăm vợ chồng tôi cô thường xách theo chục trứng làm quà.

- Cô nghỉ buôn trứng rồi à? Đi phụ giúp hàng phở đã lâu chưa?

- Phụ giúp ai? Anh tưởng em đi làm nghề bưng bê phải không? Giời ơi, đây là hàng phở nhà em - Mảo gọi ới vào quầy phở, nơi một người đàn ông thấp đậm đang tay dao tay thớt xẻ thịt vào các bát - Anh ơi, bác Hoàng đến ăn phở nhà mình.

Đúng là “chuyện lạ đó đây”. Hai vợ chồng hàng phở này tôi còn lạ gì. Cô Mảo, hồi tôi đi thoát ly, còn bé tí. Nhà ông cậu tôi đông con, bốn gái hai trai. Cô chị cả tên Bầu có chút nhan sắc, lại hát hay, trúng tuyển đoàn chèo Hà Nội, đổi tên thành Bình, Thu Bình. Thời còn tivi đen trắng, cả làng chỉ có một chiếc Néptuyn nhà Kiên Lộ. Mỗi lần Thu Bình lên tivi, đóng vai Thị Kính, cả làng lũ lượt kéo nhau đến xem, xéo nát cả vườn rau, đổ cả hàng rào nhà Kiên Lộ. Thu Bầu (hay Thu Bình) là niềm tự hào của làng tôi. Những năm 70-80, công điểm hợp tác ngày được năm lạng thóc, cả nhà cậu

tôi bảy tám miệng ăn, đói vàng mắt. May mà thỉnh thoảng có tem phiếu, đường sữa của Bầu gửi về. Rồi cậu tôi ốm cả năm giờ. Sau đám tang bố, Bầu lại gồng lưng công cả gia đình. Bầu xin việc cho các em, đưa vào Sông Bé, đưa ra Hà Nội. Mãi lấy chồng quê, nhưng cũng nhờ nhà chị gái ở Hà Nội làm nơi đi về và tập kết trứng vịt lộn để phân phát cho các đại lý tiêu thụ. Còn anh chồng cô Mãi, con ông Thiêm xóm Am, tôi cũng chẳng lạ. Ông Thiêm là thợ sê kì cừu, thời trẻ quanh năm cút kít trên những cánh rừng Tây Bắc. Làng Động Phí quê tôi từ thượng cổ, có ai làm nghề phở, sao vợ chồng Mãi lại dám nhận là "phở gia truyền"?

Chồng Mãi đợi tôi ăn xong, mời tôi vào trong nhà, giọng nhỏ chỉ đủ cho tôi nghe:

- Chắc bác thấy lạ vì em treo biển "Phở gia truyền"? Vì bác là nhà báo, cho nên chúng em phải thưa cặn kẽ. Phở nhà văn đích thực gia truyền bác ạ. Cả làng Động Phí mình hiện giờ cũng có tới chục hiệu phở ở Hà Nội. Em tạm kể bác nghe mấy hiệu phở có tiếng, mỗi ngày bán được dăm chục cân bánh phở. Như hiệu anh Sử trên đường Lạc Long Quân, hiệu chị Sợi dưới đường Lạc Trung, hiệu anh Pha ở Thành Công...

- Tất cả đều là "Phở gia truyền"? - Tôi hỏi.

- Vâng. Gia truyền cả. Làm sao chúng em dám bịa đặt để loè bịp thiên hạ? Câu chuyện nghề phở gia truyền làng ta dài lắm. Lúc khác em sẽ thưa bác rõ.

Tôi tròn mắt, như vừa nghe một câu chuyện đùa.

- Cô chú làm anh như trên trời rơi xuống - Tôi nói - Tôi đẻ ở làng Động Phí, làm sao lại không biết. Nghề gia truyền chính cống của làng mình là nghề làm ruộng và nghề cửa xẻ...

- Thêm một nghề làm thừng nữa bác ạ - Cô Mãi chen vào.

- Ừ, ngoài nghề làm thừng nữa...

Tôi ngời thừ ra. Bỗng nhớ nôn nao những kỷ niệm về làng. Chao ơi, nếu nghề cửa xẻ chỉ dành riêng cho cánh mày râu, thì nghề làm thừng làng tôi lại là nghề chỉ dành cho đàn bà, con gái. Giống như nghề làm nón, nghề

đan lát, mây tre, nghề làm thừng rất thích hợp với nhà nông, nhất là lúc nông nhàn. Ngày bé, không biết đã bao nhiêu lần tôi ngủ cuộn tròn trong lòng mẹ, những buổi mẹ ngồi chắp thừng. Nhiều khi nửa đêm tỉnh giấc, vẫn thấy mẹ một mình một ngọn đèn dầu chắp từng sợi giang, thành những vòng trắng muốt. Vui nhất là lúc đánh thừng. Những nhà có sân rộng được chọn làm nơi để các bà, các cô tập trung chắp thừng và đánh thừng. Sợi chập hai phải dùng suốt. Đến sợi chập ba người điệu nghệ vung lên như múa. Vừa làm, cánh con gái vừa hát chèo, cánh trung niên, người già thì kể chuyện cổ tích, hoặc lấy Kiều, ngâm Lục Vân Tiên, Phan Trần, Phạm Tải - Ngọc Hoa... Có thể nói nghề làm thừng là một nghề nghiệp mưu sinh, nhưng cũng là nét sinh hoạt văn hoá của làng. Nó là một nét thơ, một giai điệu trữ tình giữa hai mùa cấy hái nhọc nhằn. Nó đối nghịch hoàn toàn với nghề cửa xẻ, một nghề lao lực, nhọc nhằn, nhưng đã có thời kỳ từng hái ra tiền...

III. Nghề cửa xẻ, vang bóng một thời

Không ai biết nghề thợ xẻ làng tôi có từ bao giờ. Có người bảo, từ ngày thôn Nguyễn Xá lập con long mạch để lập chợ Mới, làng Động Phí không ai đỗ đạt, chức sắc gì nữa, đành chuyển sang nghề cửa xẻ.

Cũng là vì đồng đất xưa quanh năm úng lụt, trai làng phải xoay ra tìm nghề phụ mưu sinh. Từ xưa, đã thành một quy ước ngầm: Đàn ông không dính dáng gì đến chuyện đồng áng. Mọi công việc từ cấy hái, gánh phân, nhổ mạ, cho tới cày bừa đều do đàn bà con gái đảm nhiệm. Phụ nữ Động Phí, có tiếng đảm đang, lại xinh đẹp. Các ông chồng, ông bố, ông con cứ việc quanh năm cút kít trên những cánh rừng Tây Bắc, Việt Bắc, Tết nhất, hội làng mới kéo nhau về.

Nghe các cụ nói, cửa xẻ ngày xưa là một nghề đầy lao lực và nguy hiểm. Lên rừng, tức là dẫn thân vào chốn rừng thiêng nước độc. "Hổ Báo Hà, ma Trái Hút", "Sông Thao nước đục người đen, ai lên Vũ Ẽn thì quên đường về". Những câu ca dao này là do thợ xẻ làng tôi mang về cùng với những cái bụng báng như người chữa sáu, bảy tháng, những thân hình tiều tụy, mặt bủng chân chì, những trận sốt rét rung giường. Chưa thống kê hết

nhưng số người làng tôi bỏ xác trên rừng từ xưa tới giờ cũng đếm ngoài con số chục. Gỗ đẽ, chết. Ngã nước, không thuốc thang kịp, chết. Bị thợ săn bắn nhầm, chết. Vác gỗ xay chân xuống vực, chết. Kinh nhất là những người ngã nước, tức là bị sốt rét do muỗi anophen gây ra. Mặt xanh như đất nhái, mắt trắng dã, môi thâm sì, đi đứng lẩy bẩy. Anh Hai Đáng, con bà cô ruột tôi, anh Phảng con bác ruột tôi, chú Bểu, chú Nhựt em họ tôi, đều là những chàng trai thợ xẻ chết trẻ vì bệnh sốt rét trên rừng. Tôi nhớ ngày bé, từng chứng kiến cảnh cô tôi dắt anh Hai Đáng ra vườn bắt ngựa cổ, chờ. Khi cuốc được con giun, cô bắt anh há miệng, thả con giun vào và nuốt cái ực. Ban đầu anh Hai còn dùng nghị lực để nuốt, sau kinh quá, nôn thốc nôn tháo ra cả mặt xanh, mặt vàng. Cô tôi lại dùng cách nhét con giun trong quả chuối tiêu bắt nuốt. Đó là phương pháp chữa ngã nước hiệu nghiệm nhất thời ấy. Nhưng kết cục, anh tôi cũng không qua khỏi. Anh chết năm 21 tuổi, khi cô tôi vừa lấy vợ cho anh ba tháng.

Thời kỳ nghề cửa xẻ làng tôi thịnh phát nhất là những năm 1957-1962. Ngày ấy cả miền Bắc là một đại công trường xây dựng. Nhu cầu gỗ cho các công trình rất lớn. Đoàn ông Động Phí tràn ngập các cánh rừng Hoà Bình, Điện Biên, Lai Châu, Nghĩa Lộ, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên... Nếu như ngày xưa thợ xẻ thường đi lẻ một hai đôi, thì giờ cả một hiệp thợ hai mươi, ba mươi đôi. Có những công trường đông tới năm, sáu chục đôi. Thợ xẻ ở thành lán trại, có bếp ăn đông tới trăm người, phân công kíp thì vào rừng dùng cưa ngang hạ cây; kíp dựng triền đà, dùng cưa dọc để xẻ gỗ; kíp chuyển gỗ thành khí về xưởng tiếp tục bong ván, xẻ gỗ tấm, gỗ hộp.

Ngày làng tôi lập hợp tác xã nông nghiệp (1959), cánh thợ xẻ ủng hộ nhiệt liệt nhất, bởi vào hợp tác đàn bà con gái ở nhà có điều kiện tương trợ, giúp đỡ nhau, cánh đàn ông đi xẻ yên tâm hơn. Để giúp đỡ một cách thiết thực, các hiệp thợ xẻ bàn nhau mua sắm đèn măng-xông, phong màn quần áo cho đội ngũ văn nghệ thôn; tìm mua trâu từ trên rừng về cho hợp tác đủ sức kéo; mua sẵn cứu trợ những ngày giáp hạt... Làng tôi vốn nhiều ruộng nhất xã. Ngày hợp nhất hợp tác toàn xã, hàng trăm mẫu ruộng cánh Đồng

Tranh, Quây Võ, Đồng Bói bị điều cho thôn Nguyễn Xá, Cánh Làn, Đồng Đậu bị điều cho thôn Ngọc Động. Đất ruộng Động Phí, gia sản, mồ hôi nước mắt từ xa xưa của làng giờ bị mất đi tới một phần ba, vậy mà cánh thợ xẻ cũng chẳng nuối tiếc gì... "Cứ lấy ruộng đi cho vợ con ở nhà đỡ vất vả, kiếm tiền đã có thợ xẻ chúng tôi". Cánh thợ xẻ tin ở đường lối hợp tác xã, tin ở tương lai của nghề cửa xẻ đến thế (!).

Chao ôi, những ngày hoà bình ấy thật thần tiên. Làng tôi lên nhà ngói âm âm. Tiền của làng chuyển về qua bưu điện Vân Đình nhiều nhất huyện. Chẳng cần học hành, chẳng cần quan chức Nhà nước, thanh niên Động Phí cũng danh giá nhất xã. Đang đêm, có tiếng chó sủa, ánh đèn pha quét từ chợ Mới đến cửa đình, tiếng ô tô âm âm lăn bánh rồi dừng lại ở một ngõ xóm nào đấy, ấy là những xe tải chất ngất toàn loại gỗ tứ thiết của cánh thợ xẻ chuyển từ trên rừng về.

Trong ký ức lũ trẻ con ngày ấy, thợ xẻ làng tôi thật sự là những trang nam nhi hảo hán. Một lần vừa tan học, Thanh (bạn học thời cấp I giờ là thiếu tá về hưu, chủ tịch Mặt trận xã) hút hải kéo tôi ra cổng trường, khoe: "Thợ xẻ làng mình vừa đi máy bay từ Điện Biên về. Mà mà nhìn thấy anh Bích, anh Hiền thì phát ngất luôn. Vali xách tay đầy ắp tiền. Giày mốt ngoé đen bóng, quần gabadin là thẳng ly, sờ vào đứt tay. Thợ xẻ mà trông oai hơn bộ trưởng". Anh Bích tức là anh rể của Thanh sau này, một người hùng của làng, cho đến bây giờ dẫu ngoài sáu mươi, đã có tới bốn, năm đời vợ, vẫn có một cô vợ út khoảng ba mươi tuổi ở Hà Nội, vẫn phong độ như đang tuổi tứ tuần. Bích thuộc loại "tứ hùng" làng tôi những năm sáu mươi: "Nhất Bích, nhì Hiền, tam Quang, tứ Sính". Cả bốn cao thủ này thời ấy đều đẹp trai như tài tử xinê, lại có tay nghề cao, có tài đối ngoại nên thường được bầu làm thủ lĩnh các hiệp thợ (một hình thức cai đầu dài bấy giờ). Riêng ông Bích, người hùng số một, người hào hoa nhất làng lúc nào cũng được các "bồ" trẻ theo tít tít. Ngày ấy, trừ lèo tèo vài quan chức trung cao cấp có tiêu chuẩn đi máy bay, còn dân thường ai dám liều mạng bỏ tiền để đi loại phương tiện sang trọng ấy. Thế mà thợ xẻ làng tôi, thường đi máy bay tuyến Điện Biên - Gia Lâm như cơm bữa. Riêng bộ tứ hùng: Bích,

Hiền, Quang, Sính thỉnh thoảng còn đi xe con cùng các quan chức miền ngược từ công trường về làng để tuyển thêm thợ, để ký kết các hợp đồng.

Vậy mà, từ ngày xuất hiện cửa máy, nói chính xác hơn là từ ngày những cánh rừng đại ngàn Việt Bắc - Tây Bắc căn bản đã được phá xong, nghề thợ xẻ làng tôi cũng theo đó lụi dần. Có sinh thì có diệt, có thịnh phải có suy. Ấu cũng là quy luật. Nhưng cái thời "hậu cửa xẻ" làng tôi, quả là một thời bi kịch, với những tệ nạn khôn lường.

Ấy là hai tệ nạn cờ bạc và nghiện hút, những hệ quả tất yếu kéo theo của nghề cửa xẻ. Chúng như những con bệnh ủ sẵn, chỉ chờ nghề cửa xẻ suy vi để bùng phát.

Hãy tưởng tượng mùa mưa trên những cánh rừng. Mưa thối đất, thối trời. Thợ xẻ chỉ còn một việc duy nhất giết thời gian là chum chặn ngủ hoặc cờ bạc. Đủ loại bài bạc: xóc đĩa, tổ tôm, chắn, tiến lên, phỏm, tam cúc, cờ tướng, cờ ca rô... Có khi hàng tháng trời mưa tầm tã. Thợ xẻ nằm ngồi ngả gối trong lán. Đèn măng-xông sáng thâu đêm cho các cao thủ tổ tôm, chắn, xóc đĩa. Thỉnh thoảng quá nhọt mồm cánh thợ xẻ nhà ta lại rủ nhau đưng một con cày, một chú heo rừng đánh chén túy lúy hoặc tặc lưỡi kéo vại bi thuốc phiện. Lâu dần nàng tiên nâu theo về làng, tiêm nhiễm vào lớp trẻ.

Có dạo làng tôi như có dịch. Ấy là thời kỳ tôi viết tiểu thuyết "Con Hoang", cuốn tiểu thuyết được tôi ấp ủ từ lâu, với mong muốn tái hiện một phần đời sống những người thợ xẻ. Nhưng những gì tôi viết còn xa mới đến sự thật ở làng. Tôi gọi là "thời hậu cửa xẻ".

IV. Thời hậu cửa xẻ

Một trong những "sản phẩm" của thời "hậu cửa xẻ" là thằng cháu con bà chị ruột tôi. Chị tôi, số hẩm hiu, lấy phải anh chồng vừa rượu chè, vừa vũ phu. Có chửa thằng thứ hai, bị anh chồng đánh một trận thừa sống thiếu chết, đành bỏ Kim Bôi về nhà. Thầy tôi uống rượu liền một ngày, rồi bảo: "Thôi, coi như không có thằng ấy nữa. Ở nhà mà nuôi con".

Thằng K. tốt nghiệp phổ thông, thi hai năm không đỗ đại học, gói sách vở đi học nghề cửa xẻ. Ba tháng sau, tôi về, u tôi bảo: "Thằng K. bỏ về rồi

con ạ. Cửa xẻ lao lực, sức nó không chịu nổi. Với lại, hình như nó bị ngã nước". Tôi sinh nghi. Nó có triệu chứng buồn ngủ và ngáp vặt, nhưng da không xanh tái. Rất có thể thằng này dính thuốc phiện. Tôi tìm cách cho nó đi bộ đội. Rất may, đang có đợt khám tuyển của Quân khu Thủ đô. Thế là thằng K. trở thành lính cậu, được đóng quân và tập luyện ngay giữa Hà Nội.

Thời kỳ những năm 1985-1995 có thể coi như giai đoạn cáo chung nghề thợ xẻ của làng. Cửa máy, đục máy, bào máy đã thay thế hết những dụng cụ cửa xẻ thủ công. Những đôi thợ cửa cuối cùng cũng từ những xóm người Mường, người Thái. Hoà Bình, Sơn La lục tục rút về làng. Ruộng đất giờ chỉ còn chưa đầy một sào một đầu người. Một gia đình dăm sào khoán, làm ừ nửa tháng là xong. Vô công rồi nghề, thanh niên tối tối thường tụ tập, đàn đúm quanh dãy quán mới mở ở cửa đình. Đã có hiện tượng mất trộm vặt. Đã nhiều trường hợp gây gỗ đánh lộn nhau. Đau nhất là cái chết của con anh P. Thằng con cùng các bạn ngồi chơi, một thằng khác đến nhìn đều. Hai bên châm chọc nhau. Thế là thằng con nhà S. về vác dao nhọn ra đâm con nhà P. trúng tim, chết ngay trên đường đi cấp cứu ở bệnh viện Vân Đình.

Bây giờ, nhìn lại thời kỳ ấy, tôi mới hiểu. Đó là những ngày vật vã cam go nhất của làng, cũng là thời kỳ bộc lộ bản lĩnh và truyền thống của một làng đã từng khắc đậm tên mình trên văn bia Quốc Tử Giám gần 250 năm trước.

Nhóm "Tứ hùng" buông tay cửa, nhanh chóng thích nghi với công việc mới: Ông Hiền đưa các con ra Thường Tín học nghề vớt cá giống sông Hồng, rồi ươm thả cá, sau chuyển sang nghề ấp vịt, trở thành một chủ ấp vịt lớn nhất vùng. Ông Sính cũng chuyển nghề thả cá, kết hợp nấu rượu và chăn nuôi. Ông Quang trở thành chủ một xưởng mộc lớn, cùng cánh thợ mộc làng nhận hợp đồng đóng đồ mộc cho các cơ sở đồ gỗ ở Hà Nội. Riêng ông Bích người hùng số một, người hào hoa nhất làng lúc nào cũng được các "bồ" trẻ bao, mở các tiệm hàng dịch vụ ở Hà Nội.

Có một tốp thợ xẻ mở hướng vào Nam, mang cửa và đồ nghề đi tiên trạm vào tận các tỉnh Sông Bé, Lâm Đồng. Gặp đất phương Nam màu mỡ, thợ xẻ ta xoay hướng, về bán cơ nghiệp đưa bầu đoàn thể tử vào Nam. Đợt đi đầu tiên, bắt đầu từ năm 1985 với gần chục gia đình. Sau đó, lần lượt hàng chục gia đình khác kéo nhau vào Bảo Lộc, Lâm Đồng, mua đất trồng dâu, trồng cà phê. Cho tới nay, đã có tới một phần tư làng Động Phí lập ấp ở phương Nam. Tôi nhớ mãi một đêm mưa 16 năm về trước. Vợ chồng Hoán, con ông chú ruột tôi dắt bốn đứa con lếch thếch ra Hà Nội, tìm đến nhà tôi. "Vợ chồng em đi cao su Phú Giềng bác ạ - Hoán báo- Cùng đi với chúng em còn có bác Hiến, cô Hải và ba gia đình nữa. Em đi chuyến này, bao giờ mở mày mở mặt được mới về quê". Ngày ấy thằng Tú con Hoán mới 10 tuổi, giờ đã lấy vợ sinh con. Vậy mà suốt từ ấy, do đời sống gieo neo, bố con Hoán vẫn không về thăm nhà. Tháng 10 năm ngoái chú tôi mất, vậy mà ông con trưởng Hoàng Minh Hoán, vẫn biệt ở Sông Bé không về nhìn mặt bố lần cuối cùng.

Cuộc mưu sinh ở đất khách, quả là không dễ dàng gì. Ngay ở chốn quê, thời kỳ "hậu cửa xẻ" vừa qua, cũng đầy thử thách và lắm bi kịch.

Bóng đen khủng khiếp nhất trùm lấy làng tôi là đôi cánh của "nàng tiên nâu". Nó bắt đầu hình thành từ một ổ chứa đầu làng do một thợ xẻ mang từ trên rừng về. Nạn nhân đầu tiên là mấy gã choai ham chơi, thích của lạ, không học hành, vô nghề nghiệp. Tiếp đến là mấy anh công nhân "hậu Sông Đà". Nhà máy thủy điện Hoà Bình xây dựng xong, hết việc, lại không thích theo công trường vào Yaly, mấy chàng thợ kéo nhau bỏ về làng ăn vợ bố mẹ. Anh Đường, con ông bác ruột tôi, than thở: "Thằng thứ hai nhà anh hỏng mất chú ạ. Bỏ không lái bò ma trên Sông Đà rồi. Bắt đầu đua đòi với bọn nghiện hút" - Anh Tải, cũng con ông bác ruột, thấy tôi về, lên thì thào: "Thằng con tôi đã nghiện hút. Chú phải giúp tôi điều nó đi khỏi làng. Công nhân bốc vác, bảo vệ, việc gì cũng được. Tôi chỉ có mình nó. Phải cứu, trước khi nó chết".

Lần ấy về quê, suốt đêm tôi không chợp mắt. Nửa đêm vục dậy, đi quanh khoảng sân rộng, quanh gốc hồng xiêm nơi lưu giữ bao kỷ niệm ấu thơ.

Bỗng đập vào tai những tiếng động lạ, giống như tiếng cối đá tảng xiết trên nền gạch. Lại có tiếng xúng xoảng của xích sắt. Tối qua, u tôi bảo: "Làng ta dạo này trộm cắp như rươi. Xống cái gì ra là mất. Hôm kia nhà Thịnh mất nồi cám lợn đang vằn trong bếp. Hôm qua nhà Hán mất ổ gà mái đẻ. Chó trong làng cũng bị bọn nghiện thuốc phiện đánh bả giết sạch rồi. Quả thật, suốt đêm không nghe tiếng chó. Chỉ có tiếng xích sắt và tiếng cối đá碌 kéo lê trên nền gạch.

Sáng ra, u tôi bảo: "Thằng con anh Th. nghiện thuốc phiện, chuyên đi ăn trộm, bố nó xích chân vào cối đá碌 mấy hôm nay đấy. Tối nào mà nó chẳng lê cối đá đi khắp sân". "Con nghe nói thằng K. nhà mình...". Tôi chưa nói hết câu, u tôi đã thở dài, bảo : "U sợ cậu ghét bỏ nó, lâu nay không dám nói. Chứ thằng K. nhà mình lần nào về cũng đến ổ thuốc phiện. Hết nghĩa vụ quân sự, cậu xem có việc gì tìm cho nó làm, chứ về làng, không thoát khỏi nghiện kia đâu...".

Tôi kể chuyện thằng K. với vợ. Hai vợ chồng bàn cách tìm việc cho K. sau khi xuất ngũ. Rất may đúng những ngày báo chí ầm lên về tin hai chàng trai Thanh Ấm, Vân Đình, sát xā tôi, tự chặt hai ngón tay để cai thuốc phiện, cũng là lúc thằng K. có việc làm tại một tỉnh phía Nam.

V. Vật vã thoát khỏi "nàng tiên nâu"

Hai chàng trai Thanh Ấm được báo chí biểu dương như hai "người hùng", dám dũng cảm kê ngón tay trở lên thớt, rồi dùng dao bầu chặt phăng một ngón tay để tự thề: "từ nay quyết không hút thuốc phiện", đã gây cho bọn choai choai ở làng tôi một bài học cảnh tỉnh. Thấy chưa, phải ăn chơi như Vân Đình, Thanh Ấm, thủ phủ và trung tâm kinh tế văn hoá xã hội của huyện Ứng Hoà. Thích hút là hút, không thích là chặt tay tuyên bố xanh rờn : "Bái bai". Nhiều gã trai làng tôi hay tập tọng bắt chước trai Thanh Ấm, Vân Đình, trước thường vật vờ ở làng, nay vọt ra Hà Nội tìm việc làm và cũng lấy cớ tránh xa "nàng tiên nâu" để khỏi hậu hoạ.

Trong số những trai làng có nghị lực vượt lên hoàn cảnh, T. là một hình mẫu hoàn lương đáng khâm phục. Mẹ T. là con cô ruột tôi, T. là cháu ruột Thanh. Bố chết do gỗ đẽ ở Tuyên Quang, mẹ tật nguyền, hai anh em T. có

một tuổi thơ đầy nhọc nhằn vất vả. Thế rồi, như có phép lạ, cả hai đều lớn vòng lên, cùng theo đội quân thợ xẻ cuối cùng của làng lên rừng. Ấy là những năm 88-90, chỉ trong vòng 3 năm, cả hai anh em đều tự xây được nhà, lấy được vợ, yên bề gia thất. Chị Ba thường khoe với tôi: "Từ ngày các cháu nó khôn lớn, chị đỡ vất vả. Trong hai thằng, thằng T., anh cả có chí lắm cậu ạ. Đi xẻ không có việc, cháu chuyển sang học xây, học mộc. Tự làm được nhà, tự mua được xe máy nữa cậu ạ". Chưa kịp mừng cho chị, mấy tháng sau về, đã nghe u tôi kể: Thằng T. sa vào cờ bạc đề đóm hay hút hít thế nào mà phải bán cửa nhà xe máy để gán nợ, con ạ. Khổ thân cô Ba, lại lộc cộc với cái xe bò lên ở nhờ nhà Chiến.

Tôi xuống nhà Thanh. Vợ Thanh đi rang mẻ lạc, hai đứa nhắm rượu, Thanh bảo:

- Thằng T. bị thua một quả đề, sạt nghiệp. Chán nản, con giờ có nguy cơ lại sa vào nghiện hút. Không triệt được mấy ổ thuốc phiện thì hỏng hết thanh niên. Từ Vân Đình kéo xuống khu Cháy, một đường dây thiên lạ địa võng của nàng tiên nâu đã giăng bẫy cả rồi. Vân Đình bây giờ có khác gì Hà Nội. Đủ cả tiệm vàng bạc, Karaokê, hớt tóc máy lạnh, nhà nghỉ, Internet, vi tính, hiệu may thời trang...

- Nhưng thú vị nhất là Vân Đình đang biến thành một trung tâm ẩm thực
- Tôi nói - Khách chùa Hương về, thường đỗ xe kín phố để thưởng thức các món cháo vịt, vịt nướng, giò chả Vân Đình.

- Và thịt chó Vân Đình thì đã từng xuất khẩu ra Hà Nội. Sau khi lễ chùa Hương về, khách thường qua Vân Đình ăn thịt chó để giải hạn. Nếu ví Vân Đình là Hà Nội, thì Động Phí ta giờ cũng ngang với Hà Đông...

Tôi gật gù. Đúng, làng tôi đã đô thị hoá một cách chóng mặt. Từ Chợ Mới xuống cửa Đình đã mọc lên một dãy phố. Đêm đến đèn điện sáng trưng. Cháo lòng tiết canh, thịt vịt, thịt cày, bia hơi, bàn bi-a, phòng chơi điện tử... mở đến đêm khuya.

- Đô thị hoá là thước đo trình độ văn minh của làng - Tôi nói - Chỉ có điều phải hướng mọi sinh hoạt vào mục đích phát triển kinh tế xã hội và vui

chơi lành mạnh. Công an, dân quân đâu mà không ra tay triệt phá các ổ thuốc phiện?

- Khó lắm ông ơi, công an huyện, rồi dân quân xã năm vùng, mai phục hàng tháng trời mà vẫn không chộp được thủ phạm. Chúng hoạt động tinh vi hơn cả tình báo. Hai "người hùng" chặt ngón tay để cai nghiện ở Thanh Ấm từng du hí xuống làng mình để "kết bạn". Mình lo thằng T. nhà này rồi khó thoát khỏi vào nhà đá bóc lịch...

Sự lo xa của Thanh, ai ngờ chỉ vài tháng sau đã xảy ra nhỡn tiền. Lần về quê sau đó vài tháng, chị Ba gặp tôi, sụt sùi:

- Cậu có quen toà án, công an Hà Nam nói giúp thằng T. hộ chị. Nó xuống Phủ Lý đòi tiền, thằng kia không những không trả mà còn vu hoạ để bắt nó ngồi tù.

Câu chuyện hoá ra không đơn giản như chị Ba tôi trình bày. Nó có tính chất một vụ án hình sự.

Số là, sau khi quyết tâm từ giã nghề đóm, thằng T. vay tiền sắm một con Minkhơ để đi buôn. Nó kết bạn với X., một gã cũng vô nghề nghiệp như nó, người mãi dưới Phủ Lý. Hai đứa ban đầu buôn chung. Sau X. phân công T. chuyên vận chuyển hàng từ các nơi về Phủ Lý. Ban đầu tiền nong còn sòng phẳng. Sau đó thằng X. dở chứng chiếm dụng vốn, quỵt tiền công. Số tiền X. nợ T. lên tới bốn triệu đồng. Một lần xuống đòi tiền, X. không trả, T. liền ra nhà mẫu giáo đón con X., đưa hẳn về làng, rồi T. gọi điện thoại bảo X., : "Tao đón con mày về nhà tao rồi, mang tiền lên trả tao, rồi chuộc con về".

Không ngờ X. là một tay cao thủ. Hẳn ghi được cuộc điện thoại của T. Và lập tức viết đơn lên công an huyện, vu cho T. tội "bắt cóc con trai tống tiền".

Trong thời gian giam cứu, do quá thật thà, T. khai: "Sau một thời gian buôn bán với X., T phát hiện ra X. lợi dụng T. để vận chuyển thuốc phiện, T. quyết định không tiếp tục nữa. Nhưng X. không cho nghỉ và tìm cách giữ lại bốn triệu đồng để bắt T. phải tiếp tục hợp tác." Lời khai của T. không ngờ lại là đầu mối của một chuyên án triệt phá đường dây thuốc phiện của

công an Hà Nam. Nhưng khi lệnh bắt khẩn cấp X. được phát ra thì X. đã cao chạy xa bay.

Vậy là nghiêm nhiên T. trở thành tội phạm trong một vụ án vận chuyển ma túy. Cuộc hoàn lương vừa chớm tia hy vọng, nào ngờ móng vuốt nàng tiên nâu lại vây bủa, dẫn T. vào tù. Có người bảo: "Từ hai chục năm nay, ngày nào làng tôi cũng có người ngồi tù".

Nhiều người lại bảo: "Nhưng chưa bao giờ làng Động Phí mình lại mở hướng ra khắp các tỉnh Bắc Trung Nam, nhất là mở hướng ra Hà Nội nhiều như bây giờ. Thôi thì đủ thứ nghề: mộc, xây, trộn bê tông, cho thuê cốp pha, làm nhôm kính, kỹ sư, dạy học... Đến khó như nghề phở mà Động Phí cũng có hơn chục hiệu phở gia truyền ở Hà Nội nữa là...

VI. Từ trứng vịt lộn... đến phở gia truyền...

Trở lại câu chuyện phở gia truyền.

Thuyết phục mãi mà tôi vẫn không tin, Mão, bà chủ hiệu phở gia truyền ở cửa Chùa Hà liền bảo:

- Người có công đầu mang nghề phở về làng ta là chị Sợi, con bác Hiền. Bác Hiền gái là chị ruột bố chồng em. Bọn em đều theo học chị Sợi rồi tự thuê nhà, mở cửa hiệu. Anh muốn biết nghề phở gia truyền làng ta bắt đầu từ đâu cứ xuống hỏi chị Sợi.

Theo lời chỉ dẫn của Mão, tôi tìm đến hiệu phở Lộc Ninh giữa phố Lạc Trung, Hà Nội.

Sợi là con gái thứ chín của anh Hiền, một trong "tứ hùng" của làng tôi thời thịnh phát nghề cửa xẻ. Nếu theo về ngoại, tôi phải gọi anh Hiền bằng chú. Nhưng đặng nội, cấp bậc anh Hiền chỉ ở hàng anh, một ông anh họ, thuộc chi trên. So với anh Bích, anh Hiền không thua kém về mặt đào hoa. Ngày còn trai trẻ, anh thuộc loại điển trai, lại có tài hát cải lương, hát chèo. Hồi mới vào hợp tác xã, đội văn nghệ làng tôi vào loại nhất huyện. Anh Hiền chuyên đóng kép chính với những vai Trần Sỹ Mỹ, Phạm Tải, Kim Nham trong các vở cải lương, vở chèo nổi tiếng. Là người thường được phụ nữ yêu thầm nhớ vụng, nhưng anh không năm thê bảy thiếp, mà chỉ có

"độc" hai vợ theo đúng quy ước ngầm của cánh thợ xẻ làng. Một vợ do bố mẹ dạm hỏi và một vợ "dắt về" trong thời gian đi xẻ. Lạ thế, hai bà sống chung với nhau trong một nhà, bà cả chín đứa, bà hai hai đứa, vậy mà suốt ngần ấy năm tịnh không xô xát, điều tiếng gì. Anh hiền là một người đàn ông giỏi phép gia phong, lại công tâm, công bằng trong cách đối xử, nên được vợ con yêu kính, nể trọng.

Khi nghề cửa xẻ thoái trào, anh Hiền lập tức xoay ra nghề thả cá rồi ấp vịt. Mười một đứa con, tạo thành một đạo quân đông đúc và hùng hậu, mỗi đứa dẫn đầu một đàn vịt trăm con dàn khắp các cánh đồng. Người khác mở lò ấp cao nhất chỉ đạt bảy mươi phần trăm, anh ấp đảm bảo nở đến chín mươi phần trăm. Từ chỗ ấp vịt con, anh xoay ra ấp trứng vịt lộn để cung cấp cho thị trường Hà Nội. Lãi gấp đôi.

Nhưng rồi bãi chăn thả vịt hẹp dần. Hoá chất, thuốc trừ sâu đã giết sạch các loại tôm tép, côn trùng. Bốn thằng con trai lần lượt đi bộ đội. Những đứa khác làm giáo viên, công nhân Sông Đà. Anh Hiền đành cố thủ mở một lò ấp tại nhà để giữ nghề.

Anh có cô gái út tên Sợi, ham làm giống mẹ, cao to giống bố, đi công nhân thợ điện Sông Đà, lấy một anh lái xe KAMA người Nam Định. Họ cưới nhau vào thời hậu Sông Đà, có con khi một vạn công nhân Sông Đà hết việc, một số phải giảm biên, một số phải vào Yaly để xây công trình thuỷ điện mới.

Sợi về quê chồng đẻ con. Hai vợ chồng làm tạm một gian nhà tranh ngoài vườn, nhận một mẫu ruộng khoán, làm quần quật từ sáng tinh mơ tới mờ đất mà vẫn không đủ ăn. Anh Hiền quyết định điều Kiu, con trai thứ hai, một chuyên gia ấp vịt, xuống giúp em gái và em rể mở lò ấp trứng. Dần dần lò ấp vịt của Ninh và Sợi trở thành một cơ sở tiếng tăm nhất vùng. Tiến tới, Sợi quyết định buôn tận gốc, bán tận ngọn. Hàng ngày, theo xe hàng, Sợi mang trứng vịt lộn từ Nam Trực, Nam Định lên Hà Nội, bỏ mối cho từng cửa hàng bán lẻ. Rồi huy động cả các chị em trong quê Động Phí như Mão, Vải cùng ra Hà Nội bỏ mối trứng vịt lộn. Chỉ trong vòng 5 năm, bằng

nghe trứng vịt lộn, vợ chồng Ninh - Sợi đã xây được nhà ngói, sân gạch và nuôi chạy hai đứa con một cách sung túc.

Nhưng rồi tai nạn ập đến. Một lần chiếc xe khách chở chất giặt mười sọt trứng cùng với Sợi và ba mươi tám hành khách từ Nam Trực lên đến Bình Lục thì bị đổ. Một người chết. Hàng chục người bị thương trong đó có Sợi, và tất nhiên ba nghìn quả trứng trị giá ba triệu đồng - tất cả vốn liếng của Sợi, bị giập vỡ tan tành.

Nửa tháng nằm viện, Sợi bị sút đi mười cân. Ra viện, ngẩn ngơ hàng tháng trời. Tiếc của thì ít mà sợ không dám đi những "chuyến xe bão táp" đầy bóng đen tử thần thì nhiều. "Hay là chúng mình chuyển sang nghề làm phở" - Sợi bàn với chồng. Ninh bảo: "Ngày xưa bố có nghề làm ở Hà Nội. Nhưng cụ về quê lâu rồi". Sợi hỏi chuyện bố chồng. Mới hay ông Vũ Đông Hàm đã từng phụ giúp cho một người Tàu làm phở, rồi chính ông xoay sang làm phở gánh, phở đẩy ở phố Hàng Mành. Người Giao Cù, Đông Sơn, Nam Trực quê ông làm nghề phở ở Hà Nội khá đông, hình thành một trường phái phở Nam Định, có thể coi như một nghề gia truyền.

Thế là Sợi và Ninh quyết định gửi con cho ông bà ngoại, kéo nhau ra Hà Nội thuê nhà, mở hiệu phở.

Cửa hàng phở của Sợi có tên Lộc Ninh, gọi ghép tên con và tên chồng. Do Ninh hoàn toàn nắm được bí quyết của bố truyền lại: Cách ninh xương bò, cách pha mắm muối, gia vị, cách làm nước phở, cách thái, trần thịt... hiệu phở của họ ngày một đông. Từ lúc làm chục cân một ngày, nay có ngày làm đến tạ bánh, năm chục cân xương, vài yến thịt bò.

Theo Sợi, các anh trai, em trai, chị gái, anh chị em họ lục tục từ quê Động Phí ra.

Họ vừa phụ giúp, vừa học nghề. Các hiệu phở gia truyền Động Phí với các ông bà chủ: Kiu, Ky, Lý, Văn, Vải, Sử, Pha, Noãn, Mão, Toán... lần lượt ra đời, tạo thành một tập đoàn phở gia truyền làng Động Phí ở Hà Nội.

Tôi xuống thăm Sợi khi hai vợ chồng vừa khánh thành ngôi nhà ba tầng ở sau phố Lạc Trung. Sợi bảo: "Làm phở ba năm cháu mua được sáu mươi mét vuông đất. Làm tiếp hai năm nữa cháu xây được ngôi nhà này".

Tôi nhìn cô cháu gái nặng hơn sáu chục ký, ra dáng một bà chủ căn cơ, quán xuyến và thầm cảm phục người đã khai mở cho một nghề mới của làng, đã một lần nữa ghi tên làng Động Phí giữa thủ đô Thăng Long ngàn năm văn vật.

LÀNG TÔI

BỐN LẦN MỠ, VẮN TỰ XÂY CÁT MỘT NGÔI NHÀ

---* ❖ *---

Ông giáo Thụ, còn gọi là ông giáo Đăng, là con dì con già với tôi. Mẹ ông năm nay 96, hơn mẹ tôi 10 tuổi, cả hai chị em hiện được xếp trong danh sách topten - 10 cụ bậc nhất của làng.

Bảy mươi tuổi, nhưng ông giáo Thụ cường tráng, da dẻ đỏ au, tiếng nói sang sảng. Người mới gặp, tưởng ông chỉ ngoài sáu mươi.

Lần về làng gần đây, gặp ông đi xe đạp như một cua-rơ đang tập dượt trước mùa thi đấu, tôi tròn mắt kinh ngạc.

- Em bái phục ông anh. Chẳng bù cho chục năm trước, ba bốn lần lên bàn mỗ, tưởng đi đứt...

Ông giáo Thụ cười ngất:

- Càng lao động càng khoẻ ra chú ạ. Tôi nghiệm ra con người ta chết khó hơn là sống. Năm tám bảy (1987) tôi đau bụng quằn quại liền ba ngày. Gan lì như tôi, gan tới mức đau chỉ nghiêng răng, tì gậy vai giường, vậy mà lần ấy tôi cũng phải kêu rên. Vào bệnh viện Việt Đức, các bác sĩ mổ lấy ra một hòn sỏi thận to bằng ngón chân cái. Sau lần mổ ấy, tôi yên trí mình hết bệnh tật, liền bắt tay thực hiện kế hoạch của đời mình, tức là bằng sức lực của một anh giáo về hưu non, phải tự mình xây cho thằng con thứ ba một ngôi nhà...

Ông giáo Thụ đưa tôi đi thăm ngôi nhà từ chín mươi phần trăm vật tư, như gạch, ngói, kèo, chếnh, rui mè cho tới chín mươi phần trăm công sức đều một mình ông tạo dựng. Đó là một ngôi nhà ngói năm gian vào loại to nhất làng, trong đó ba gian nhà trên, một gian buồng lợp ngói, một gian hồi đỡ mái bằng, kèm theo là hai gian bếp, một bể đựng nước mưa năm mét

khối, một khu nhà tắm nhà vệ sinh liên hoàn, một giếng khoan và hàng chục mét tường bao.

Nhìn mái ngói rêu mốc, vườn na vườn chuối xanh um, không ai mừng tượng nổi nơi đây đã từng là một công trường, ngổn ngang tre gỗ, bạt ngàn gạch xi, gạch mộc và những lò gạch kiểu Triều Tiên do chính tay ông giáo Thụ dựng lên. Câu chuyện một mình xây một ngôi nhà của ông từng là đề tài bàn tán của làng tôi suốt mấy năm ròng. Chính ông giáo Thụ, vào năm 1987 ấy đã gợi ý cho tôi một cách ví von: "Nhà giáo là người nông dân có nghề phụ là nghề dạy học". Câu định nghĩa này đã được tôi đưa vào bài phóng sự "Làng giáo có gì vui", được giáo giới tâm đắc cho mãi tới bây giờ.

Những năm ấy, cả nước sống trầy trật. Cán bộ giáo viên phải ăn độn bo bo, hạt mì, phải mua phân đạm thay tiêu chuẩn gạo. Hàng ngàn giáo viên bỏ nghề lo sinh kế bằng cách đi buôn, đi làm thuê, chăn nuôi lợn... Ông giáo Thụ vào nghề giáo từ năm 1965, dạy cấp I trường làng, trở thành đảng viên, giáo viên dạy giỏi nhiều năm, nhưng rồi vào những năm kinh tế khó khăn, lại tinh giảm biên chế, mới ngoài năm mươi, ông đã xin về hưu non.

- Ngày ấy tôi nghỉ dạy học, cũng vì cái ngôi nhà này chú ạ - Ông giáo Thụ bực bạch - Sau ngày cháu Cách hy sinh mở mặt trận Tây - Nam, tôi cứ canh cánh một món nợ với thằng Chắt, em nó. Chả là, trước ngày Cách hy sinh, cháu viết thư cho vợ chồng tôi nói rằng bố mẹ hãy tập trung cưới vợ, xây nhà cho em Chắt. Con sẽ lấy vợ Sài Gòn và sinh sống ở trong đó...

- Thằng Chắt chứ không phải thằng Đất - tôi hỏi.

Tên cúng cơm cháu là thằng Đất. Cái -Cách - Ruộng - Đất, bốn đứa đẻ liền nhau sau cái cách ruộng đất chú ạ. Thằng Cải, anh cả, đi bộ đội rồi chuyển ngành về mỏ thiếc Tĩnh Túc. Thằng Cách hy sinh năm 1981 ở K. giờ vẫn chưa tìm thấy mộ. Con Ruộng đổi là Lan. Thằng Đất, đi bộ đội đổi tên là Chắt, hiện ở Binh đoàn Trường Sơn. Ngày ấy, nếu không nghỉ dạy học thì không biết đến bao giờ tôi mới xây được cho thằng Chắt ngôi nhà này...

- Nghe nói, bác đã trù tính trồng xoan, trồng tre từ chục năm trước đó?

- Làm một ngôi nhà ở nông thôn, cốt nhất bốn thứ vật liệu: gỗ, tre, gạch, ngói. Tôi hạ quyết tâm phải tự tay mình sản xuất được bốn thứ này. Về xoan và tre, như chú thấy đấy, ngay từ ngày ông cụ nhà tôi còn sống, hai bố con tôi đã đặt kế hoạch trồng đủ hai ngôi nhà, một cho chú út, một cho thằng cháu Chất. Năm đầu tiên tôi nghỉ hưu, cũng là năm tôi hạ xoan, hạ tre ngâm riêng từng bè. Không có thứ gỗ gì làm nhà tốt bằng xoan ngâm, tre ngâm, hàng trăm năm không mối mọt. Khi ngâm tẩm đã đủ thời gian rồi, tôi vớt lên, bắt đầu công đoạn mộc. Từ cây xoan, tùy theo kích cỡ dài ngắn, to nhỏ được chọn đục đẽo thành kèo, chếnh, xà gỗ, trụ, nóc. Mỗi thứ được đánh số, xếp vào kho. Với tre ngâm cũng vậy, tôi bào, chuốt, uốn từng cây tre, chọn một bộ đòn tay cho mái trước, mái sau, pha từng thanh rui, vớt từng cặp, buộc lại, cất vào kho...

Tôi nhìn lên mái nhà. Một bộ nóc bằng gỗ xoan và tre ngâm sáng bóng, cân đối và tinh xảo như một công trình nghệ thuật hoàn chỉnh. Đúng với cái nghĩa cây nhà lá vườn. Đẳng đẳng hai chục năm trời, những cây xoan vườn, những bụi tre bánh tẻ kia được ông thổi hồn mình vào đó, được ông bào chuốt nâng niu để tạo nên rường cột ngôi nhà. Nhưng vất vả, nặng nhọc nhất lại là công việc thổ mộc. Ở công đoạn này, trừ ngày đổ mái bằng gian buồng và cất nóc nhà, còn lại tất cả các công việc từ đóng gạch xỉ, gạch mộc, ngói, cho tới đào móng, xây tường, chát tường... đều chỉ mình ông với sự trợ giúp phần nào của vợ con. Phần mộc gần xong, ông giáo Thụ liền bắt tay vào phần nề. Mỗi chiều, ông nhào một mẻ vôi xỉ thật nhuyễn, ủ qua đêm, để hôm sau cùng vợ con đóng từng viên gạch. Ba gian xây bằng gạch xỉ, cần bao nhiêu viên, ông tính sát tới từng viên. Gian mái bằng xây bằng gạch nung và toàn bộ năm gian ngói lợp, cần mấy vạn gạch, ngói? Lại từng cối đất sét nhào kỹ, mỗi ngày đóng vài chục viên gạch mộc, vài trăm viên ngói mũi. Đóng rồi phơi khô. Lại tự tay đập lò gạch dã chiến theo kiểu Triều Tiên cải tiến, mời thợ lành nghề về đốt bằng rơm liên tục ba ngày ba đêm, cho tới khi những viên gạch viên ngói ra lò đỏ au. Khi hàng vạn viên gạch xỉ, ba lò gạch ngói nung hoàn thành, thì viên sỏi thận thứ hai lại kéo ông giáo Thụ lên bàn mổ.

- Cay quá chú ạ - Ông giáo Thụ nói như tiếc rẻ - Không vương viên sỏi ấy thì tôi đã khởi công ngôi nhà từ năm 93, chứ không phải để tới năm sau.

- Vậy là bác phải mổ đến ba lần? - Tôi thầm nhẩm tính.

- Cho đến bây giờ, tổng cộng bốn lần rồi chú ạ. Này nhé, đầu tiên là mổ rách trực tràng. Rồi hai lần mổ thận vào năm 87 vào năm 93. Đến năm 96, do tôi bưng bê gạch ngói, vôi vữa quá nhiều trong hai năm tự xây nhà, nên bị sa vị bẹn, lại phải lên bàn mổ. Lần ấy, đang leo lên giàn giáo xây, thấy đột ngột đau quặn quại, hoá ra cả một ổ ruột bị sa xuống...

- Nếu tính từ lần mổ ấy đến giờ, cũng đã sáu năm rồi - tôi nhìn ông giáo Thụ với lòng cảm phục và kính trọng - Trông bác hôm nay, không ai nghĩ rằng ông giáo làng 70 tuổi này đã phải vật lộn với thần chết trên bàn mổ tới bốn lần.

- Tôi đã nói rồi. Con người ta chết khó hơn là sống....

- Nhưng sống, chiến thắng bệnh tật, để tự tay mình xây dựng được một ngôi nhà như thế này cũng khó không thua kém gì việc phấn đấu để trở thành một anh hùng...

Ông giáo Thụ đắc chí vì cách ví von này, nắm tay tôi, vừa rung vừa cười ngất.

LÀNG TÔI

NHỮNG TỶ PHÚ ĐỒNG CHIÊM

---* ❖ *---

Nghe tiếng các làng khảm trai Chuyên Mỹ - Phú Xuyên từ lâu, nhưng mãi tới giờ tôi mới đích mục sở thị. Quả là danh bất hư truyền. Một vệt bốn, năm làng nằm dọc bờ đê hữu ngạn sông Nhuệ bỗng đột khởi lên hai tháp chuông nhà thờ sừng sững của hai thôn Chuôn Thượng, Chuôn Trung. Và từ đó kéo dài ra hai phía sầm uất, đông vui những cửa hàng, tiệm ăn và đông nhất vẫn là các xưởng sản xuất la liệt tủ và bàn ghế, tranh treo tường khảm trai chìm, khảm trai nổi, khảm đá. Không âm ỉ, nhưng tấp nập, hối hả và náo nhiệt. Cả xã, chỗ nào cũng thấy tiếng xè xè của các bàn mài, ép trai, tiếng cưa, rũa trai như tiếng dây đàn bị mắc vào một vật giòn và mỏng. Mùi trai ốc bị mài rũa khen khét, hăng hăng rất đặc trưng cho một làng nghề.

Dẫn tôi "cưỡi ngựa xem hoa" trên chiếc Dream đầy bùn đất đồng chiêm dọc các làng nghề ấy là ông Nguyễn Hữu Lượng, cựu chiến binh, có hai em trai là liệt sĩ, ba con trai từng trong quân ngũ. Ông Lượng quê làng Đồng Vinh, một làng thuần nông, ở cách các thôn trong xã Chuyên Mỹ như một ốc đảo giữa biển lúa xanh. Làng Đồng Vinh, cũng như Cao Xá bên cạnh, mới "nhập khẩu" nghề khảm trai của các làng Chuôn gần chục năm nay, nhưng đã giàu lên trông thấy. Chứng cứ là đất ven làng trước kia rẻ như bèo, giờ đã hơn triệu một mét vuông. Con đường trục làng từ bờ đê sông Nhuệ xuống đang hình thành một dãy phố với hàng chục ngôi nhà hai, ba tầng.

Dẫn tôi đi thăm các chủ xưởng có máu mặt nhất làng, những ông Lê Văn Thiêm, Dương Văn Thóc, gia đình nào cũng có hai, ba chục thợ, chuyên sản xuất gia công cho làng mộc Đồng Kỵ, Bắc Ninh và xuất bán cho các tỉnh phía Nam, ông Lượng bảo:

- So với mấy làng Chuôn thì Đồng Vinh vẫn không thấm tháp gì. Làng tôi, những ai có máu mặt, có tay nghề đều muốn vào Sài Gòn mở xưởng. Ngay như ba thằng con tôi, chúng cũng dắt díu vợ con vào Sài Gòn từ dăm năm nay. Thanh niên bây giờ nó nhạy bén, có trí làm ăn lớn. Sau khi xuất ngũ về, cả ba thằng cháu nhà tôi đều sang làng Chuôn học nghề khảm trai. Bây giờ cả ba đều có nhà cửa đàng hoàng trong đó. Mỗi năm trừ mọi khoản, mỗi đứa cũng lãi được dăm chục triệu. Đứa khá nhất đã tự mua vài trăm mét đất, xây dựng nhà ba tầng. Đứa kém cũng thuê được đất dựng xưởng, thu hút tới ba, bốn chục thợ. Làng Đồng Vinh tôi nhỏ nhất xã, chỉ hơn ba trăm hộ, 1.400 dân mà hiện giờ đã có hơn trăm thợ khảm trai trong Sài Gòn...

Câu chuyện của ông Lượng khiến tôi bất ngờ. Tưởng tôi còn hoài nghi, ông Lượng bèn dẫn tôi đến nhà chủ tịch xã Trịnh Xuân Tịnh.

Mặc dù ông Lượng đã giới thiệu tôi là người quen biết, bố tôi với bố ông Lượng từng là bạn với nhau ngày xưa, tôi lại là một nhà báo từng viết nhiều về nông thôn, nhưng ông chủ tịch xã vẫn nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi bảo:

- Đài báo đang âm lên về vụ Năm Cam. Nhà báo các ông có kẻ cũng Maphia lắm. Ông có giấy giới thiệu của tỉnh của huyện không?

Biết là đang gặp một cán bộ xã, loại mẫu người mà Nam Cao từng tả trong truyện ngắn "Đôi mắt", tôi bèn trình trọng trình ông tấm thẻ nhà báo. Ông chủ tịch nheo mắt, nhìn rất lâu vào chữ ký và tên người cấp thẻ, rồi bảo:

- May là thẻ này không thuộc diện thu hồi như thông báo của Hội Nhà báo gần đây. Ông Thứ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin ký thì được.

- Báo cáo anh, tôi là một nhà báo ngẫu hứng - Tôi đã bắt đầu thấy nóng mặt vì chạm tự ái nghề nghiệp - Thấy nói xã ta làm ăn giỏi, ghé thăm chơi. Nếu các anh không tạo điều kiện cho tôi thâm nhập thực tế thì đành cáo từ...

Chủ tịch xã cười dàn hoà:

- Đồng chí thông cảm. Chúng tôi làm việc phải dựa trên nguyên tắc. Chắc ông Lượng đã giới thiệu qua về địa phương chúng tôi. Xã Chuyên Mỹ là xã lá cờ đầu của huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. Với dân số 8.700 người, 2.032, 506 héc ta đất nông nghiệp, nhưng thu nhập của dân là từ tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Năm 2001 tổng thu nhập của Chuyên Mỹ là 32 tỷ đồng. Bình quân 4 triệu/người/năm.

Tôi thực sự bất ngờ về những số liệu mà ông chủ tịch xã dẫn ra vanh vách không cần sổ sách. Ông chủ tịch nói tiếp:

- Cả xã Chuyên Mỹ, 100% lao động đều có công ăn việc làm ổn định. Trẻ con, ngoài giờ học cùng lao vào làm khảm trai. Hàng năm chúng tôi thu hút 1.000 lao động từ các nơi khác đến làm thuê và học nghề, đồng thời xuất đi mọi miền trong nước khoảng 1.500 thợ có tay nghề.

- Ông có thể cho biết là xã mình có bao nhiêu tỷ phú?

- Nếu tỷ phú chỉ đơn thuần là vốn liếng, tài sản tổng cộng một tỷ đồng cũng có tới hàng trăm. Như bố con ông Lượng đây, đủ tiêu chuẩn tỷ phú từ mấy năm nay - Ông chủ tịch khẳng định.

- Có thể so sánh thế này - Ông Lượng bổ sung - Nếu trong lĩnh vực nghề nông, ông Nguyễn Đắc Hải, người thôn Chuôn Ngọ xã tôi được nhà nước phong tặng Anh hùng lao động, may ra đạt cấp tỷ phú. Nhưng riêng trong khu vực nghề truyền thống thì nhiều người còn vượt rất xa ông Hải về tổng thu nhập.

- Đúng là xã tôi có tới vài ông Hải đạt cấp tỷ phú. Ông Lượng thử đưa nhà báo đến một vài tỷ phú xã mình xem sao - Ông chủ tịch xiết tay tôi đầy tự tin.

Tôi theo ông Lượng đến giữa làng Chuôn Thượng. Có một cụm ba ngôi biệt thự cao tới bốn năm tầng sơn màu gạch non làm tôi sửng sốt. Nếu so với những ngôi biệt thự của các đại gia ở vùng Quảng Bá, Nghi Tàm, Hồ Tây thì mấy ngôi biệt thự này không hề thua kém về qui mô, diện tích và trình độ kiến trúc, thẩm mỹ. Đó là cụm biệt thự của ba anh em tỷ phú Thăng - Hải - Thanh.

Chủ nhà Vũ Ngọc Hải cùng vợ là Nguyễn Thị Lãnh niềm mở mời chúng tôi vào phòng tiền sảnh, nơi đặt bộ sa lông gụ khảm trai như phòng lễ tân của một khách sạn năm sao. Vợ chồng Hải còn khá trẻ, chưa đến bốn mươi, béo tốt, trắng trẻo, đúng mẫu người của những ông bà chủ xưa nay.

Câu chuyện của chúng tôi chân tình, cởi mở ngay từ lúc mới gặp. Hải kể về cuộc hành trình sang Trung Quốc tìm nguồn vỏ trai cho làng nghề của anh từ những năm 1986-1987. Đó là thời kỳ nguồn vỏ trai ốc ở Việt Nam đã cạn kiệt. Khắp các sông hồ từ Hải Dương, Hà Bắc, Hà Nam tới vùng Đồng Nai, Sông Bé trong kia đều cạn nguồn trai, ốc... Muốn phục hồi làng nghề khảm trai, không có cách nào khác là phải có nguồn vật liệu trai ốc dồi dào. Hai anh em Vũ Văn Thắng, Vũ Ngọc Hải, Vũ Thị Thanh tìm đường sang Trung Quốc, lên tít mạn Vũ Hán, Thượng Hải. Trời ơi, cơ man nào là vỏ trai. Những vỏ trai lớn bằng hai bàn tay, dày và óng ánh vân xà cừ. Đang là các bãi phế thải, dân Trung Quốc thấy có người đến mua, vội bán thốc bán tháo đi ngay. Thế là Thắng và Hải đưa những tấn hàng nguyên liệu đầu tiên từ Trung Quốc về thẳng những làng Chuôn quê mình.

- Cho tới nay, nguồn nguyên liệu vỏ trai hàng tháng chúng tôi cấp cho cả xã ổn định, mỗi tháng từ 400 đến 500 tấn - Vũ Ngọc Hải nói - Riêng nguồn ốc và cừu khổng lồ là những thứ nguyên liệu đắt gấp trăm lần vỏ trai thì phải nhập từ Singapore, Ấn Độ. Anh hãy tưởng tượng, mỗi tấn vỏ trai giá 4 triệu đồng, nhưng mỗi tấn vỏ ốc, vỏ cừu khổng lồ giá nhập vào đã tới 400 triệu đồng.

- Và các anh độc quyền nguồn nguyên liệu?

- Chúng tôi đã làm quen mười lăm năm nay rồi. Khách hàng muốn bán vỏ trai, vỏ ốc đều tìm đến chúng tôi, vả lại, người mua được hàng trăm tấn nguyên liệu cung cấp ổn định cho nghề khảm trai không chỉ của Chuyên Mỹ mà khắp mọi miền đất nước, phải có vốn hàng chục tỷ đồng, phải có ngoại tệ ở ngân hàng để thanh toán hàng tuần.

Ông Lượng nói riêng với tôi:

- Vừa rồi, ông Thắng, anh trai ông Hải đây đã ủng hộ xã 100 triệu đồng để làm con đường vào làng.

Tôi chợt hiểu. Mình đang nói chuyện với những tỷ phú đích thực của đồng chiêm.

LÀNG TÔI

NGƯỜI NÔNG DÂN CÓ MƯỜI BẰNG DŨNG SĨ

---* ❖ *---

Làng Bật, nơi tôi từng trọ học những năm đầu cấp hai, cách đây vừa tròn bốn mươi năm, là một làng nổi tiếng văn vật. Nơi đây đã sản sinh ra hai dòng họ Nguyễn và Bùi, với những tên tuổi: Nguyễn Thượng Hiền, Bùi Bằng Đoàn, Bùi Huy Phồn, Bùi Huyền Kiêu, Bùi Tăng Việt (tức là nhà thơ Hoàng Cầm)

Người làng Bật đầu tiên mà tôi gặp trong chuyến về thăm này là một cựu chiến binh. Đó là trung úy Nguyễn Văn Kha, người còn lại của một đơn vị đặc công huyền thoại. Căn nhà anh Kha ở, so với ngày tôi trọ học, đã khang trang đẹp đẽ hơn nhiều. Tôi phát hiện ra ngoài tấm Huân chương kháng chiến treo trang trọng trên tường còn có mười tấm bằng dũng sĩ trong góc tủ.

- Trời ơi, một tài sản đáng giá. Mười tấm bằng dũng sĩ này nếu được lưu giữ trong bảo tàng có thể được lưu lại cho con cháu đời sau những những tấm sắc phong... - Tôi giương mục kính, cố đọc những dòng chữ đã bị thời gian phủ mờ.

- Tấm bằng này là đợt tuyên dương dũng sĩ diệt Mỹ trận xuất quân đầu tiên của tôi - Nguyễn Văn Kha chỉ từng tấm bằng và kể - Tôi tham gia quân đội bắt đầu từ ngày 30/4/1965. Trung đội tôi gồm 36 chiến sĩ,, xuất phát từ trường huấn luyện đặc công ở Xuân Mai, theo đường mòn Hồ Chí Minh, vào thẳng chiến trường Tây Nguyên. Chỉ sau 1 tháng nghỉ ngơi và trinh sát địa hình, đầu tháng 4/1966, bấy anh em chúng tôi đã xuất quân trận đầu, nửa đêm tập kích sân bay Bù Gia Mập bên trục lộ 20B, dùng B41, thủ pháo, bộc phá tiêu diệt một trung đội Mỹ và hàng chục lính lái máy bay Ngụy. Trận đánh diễn ra chỉ hơn 1 giờ đồng hồ, cả bấy anh em đều rút ra an

toàn. Trận ra quân này, cả bảy người đều đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ. Trận thứ hai, vào tháng 3/1967, đơn vị đặc công của Kha đã đánh hàng chục trận lớn nhỏ, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch trên trục đường 20, tạo điều kiện cho bộ binh ta tiến sâu vào chiến trường Tây Nguyên, Nam Bộ. Náo nức nhất là cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968. Đúng giao thừa, đơn vị anh cùng các mũi tiến công từ bốn phương tám hướng nhất tề tiến vào thành phố Đà Lạt. Lần đầu tiên chàng trai huyện Ứng Hoà, Hà Tây được tận mắt nhìn thấy những ngôi biệt thự Đà Lạt thấp thoáng trong rừng thông xanh. Đơn vị Kha chốt giữ Ty Công chính Đà Lạt bấy ngày. Địch điên cuồng phản kích lại, buộc quân ta phải rút khỏi thành phố. Trong trận đánh tử thủ Đà Lạt ấy, Kha bị thương, gãy xương đùi, phải về hậu cứ điều trị. Vết thương vừa lành, Kha lại cùng đồng đội lao vào những cuộc chiến đấu mới: đánh khách sạn Duy Tân, Đà Lạt năm 1969, đánh tiêu diệt máy bay HU1A, đốt cháy kho xăng Cam Ly, đánh nhà máy thuỷ điện Đa Nhim...

- Và trận đánh cuối cùng tháng 12/1971 ở Đồi Địch, tiêu diệt hai tiểu đội biệt kích Mỹ là trận đánh ác liệt nhất trong suốt 4 năm ở chiến trường của tôi - Kha kể - đang chạy tôi bỗng thấy một quầng lửa chói sáng trước mặt. Cánh tay trái bị đứt gãy, máu ra xối xả. Nhìn xuống, ổ bụng bị vỡ. Tôi biết mình sẽ chết, cố lê lết ra ngoài hàng rào, rồi lịm đi không biết gì nữa. Mấy ngày sau, tôi lơ mơ thấy mình đang nằm trong trạm quân y dã chiến. Thì ra, khi đơn vị cho người trở lại tìm, tôi đã gần như chết lâm sàng ở ngoài bìa rừng. Cánh tay trái bị dập nát, ổ bụng vỡ, phải cắt tám đoạn ruột.

Sau trận này, Nguyễn Văn Kha phải ra Bắc chạy chữa vết thương. Vậy là, với 35 trận đánh lớn nhỏ, mười lần dũng sĩ diệt Mỹ, anh là một trong hai người may mắn duy nhất của trung đội 36 người từ Xuân Mai ra đi ngày ấy, trở về quê hương.

Nguyễn Văn Kha tìm trong ba lô đưa cho tôi xem một bức ảnh. Đó là tấm ảnh độc nhất vô nhị của Kha chụp ở chiến trường. Bức ảnh do một phóng viên của Mặt trận Giải phóng chụp trong chuyến đến thăm để viết bài, chuẩn bị tư liệu phong tặng danh hiệu đơn vị anh hùng cho trung đội

đặc công 852 Bộ tư lệnh đặc công của Kha. Tiếc rằng, ngay sau đợt chụp ảnh viết bài ấy, nhóm phóng viên đã bị lọt vào ổ phục kích của địch và hy sinh. Đơn vị Kha cho đến năm 1971 cũng lần lượt hy sinh hết, chỉ còn lại mình Kha và Nguyễn Bá Thịnh sống sót trở về.

- Anh còn nhớ tên những người cùng chụp ảnh với mình không? - Tôi hỏi Kha.

- Quên làm sao được. Bốn thằng chúng tôi đều cùng tuổi. Nguyễn Năng Thấm ngồi đầu, rồi đến tôi, tiếp đến là Nguyễn Thượng Trung và Nguyễn Độ. Trong bốn thằng, chỉ riêng mình tôi có vợ, còn vẫn trai tân...

Anh Kha chợt gợi cho tôi nhớ đến chị Nghi vợ anh. Ngày chúng tôi trợ học, chị Nghi còn quá trẻ và xinh đẹp. Cưới xong mấy tháng, anh Kha đi bộ đội. Suốt gần mười năm, chị Nghi lặng lẽ chờ chồng, chăm sóc bà nội và bố mẹ chồng. Trong những mẫu người phụ nữ truyền thống, tôi thấy ít người phụ nữ nào như chị Nghi, vợ anh Kha.

- Anh là một phần mười tám của sự may mắn - tôi nói - Ba mươi sáu người đi mà chỉ có hai người trở về.

- Tôi trở về, nhưng đâu có được trọn vẹn - Kha nói và cho tôi xem những vết thương ở tay, ở bụng - Tôi xuất ngũ năm 1973, sau khi về tình đội, rồi huyện đội công tác ít ngày với thương tật 59 phần trăm. Chỉ còn hai phần trăm nữa, tức là tỷ lệ thương tật 61 phần trăm, thì vợ và con tôi cũng thêm được một khoản trợ cấp.

- Thiếu có hai phần trăm? Khó gì? Sao anh không đi khám lại? Đến khó như cái bằng tiến sĩ mà khối người còn mua được nữa là...

Kha nhìn tôi, lắc đầu.

Tự dưng tôi cảm thấy xấu hổ vì câu nói vừa rồi của mình. Nhìn những vết sẹo và thân hình gầy gò của người cựu chiến binh, tôi vừa ái ngại, vừa cảm phục. Kỳ lạ thay là sức chịu đựng, đức tính vị tha, chân chất mộc mạc của người đảng viên, người chi hội trưởng cựu chiến binh thôn Liên Bạt này. Anh chẳng những vẫn giữ được phẩm chất anh bộ đội cụ Hồ mà còn phát huy phẩm chất đó trong suốt những năm rời quân ngũ. Dù biết đi

khám lại thương tật, chắc chắn sẽ được cộng thêm phần trăm để hưởng một chế độ đãi ngộ khác, thậm chí nếu là kẻ cơ hội, trục lợi, sẵn sàng lo lót, chạy chọt để hưởng thêm mười, hai mươi phần trăm thương tật nữa, vậy mà ngót ba mươi năm qua, kể từ ngày xuất ngũ, Nguyễn Văn Kha vẫn chưa một lần đến quân y viện. Không ỉ vào đồng phụ cấp ít ỏi, Kha lại cùng vợ con xoay tròn với mấy sào ruộng khoán, đàn lợn, vài con vịt và nghề phụ thợ mộc. Hai vợ chồng anh không chỉ nuôi khôn lớn bốn đứa con mà còn chăm lo cho chúng ăn học. Cô chị cả tốt nghiệp cao đẳng, đã lấy chồng, cô thứ hai đậu cử nhân, đang làm tiếp bằng thạc sĩ. Cô thứ ba học đại học năm thứ 3. Cậu út vừa tốt nghiệp lớp 12, đang bước vào cuộc thi đại học với rất nhiều hăm hở...

PHẦN III

Những Người Đã Gặp

NGUYỄN KHẮC KIÊN MỘT ĐỜI LÀM THỦY ĐIỆN

---* ❖ *---

Trong số những người lãnh đạo của Tổng Công ty thủy điện Sông Đà, ông Nguyễn Khắc Kiên là một người có nhiều nét đặc biệt.

Một trong những điểm đặc biệt là ông dường như dị ứng với cánh báo chí, không thích xuất hiện trên báo hình, báo nói, báo viết. Suốt từ khi ông làm Phó Tổng giám đốc (1986) rồi Tổng giám đốc (1989). Chủ tịch Hội đồng quản trị (1998) cho đến khi nghỉ hưu (2001), rất ít khi thấy ông xuất hiện trên vô tuyến truyền hình, trên các đài báo. Thậm chí trong những giờ phút quan trọng nhất của thủy điện Sông Đà, thủy điện Ialy, Vĩnh Sơn, Sông Hinh... là lúc ngăn sông, lúc phát động tổ máy số 1, số 2... người ta cũng hiếm thấy sự hiện diện của ông Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên.

Còn nhớ năm 1991, khi nhà máy thủy điện Hoà Bình đang chuẩn bị cho tổ máy số 3 phát điện. Đây là thời kỳ Sông Đà đang gánh những hậu quả của nạn "nhân mãn", đang hứng chịu đòn của cơ chế bao cấp. Tiền hết, công nhân không có việc làm. Đời sống khó khăn. Ngày ấy, tôi đang là phóng viên báo Văn nghệ. Toà soạn phân công tôi lên Sông Đà để viết bài bút ký "Sông Đà để đưa thứ ba".

... "Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên có vẻ không hào hứng lắm khi tôi cứ nằng nặc đòi xuống hiện trường, nơi xí nghiệp Liên hiệp lắp máy số 10 đang khẩn trương lắp đặt tổ máy số 3.

- Cậu có thể in lại một bài báo nào đó người ta viết từ ngày lắp đặt tổ máy số 1, có sao đâu?

Câu nói khiến tôi lạnh toát người. Cái nghề báo chí này nhiều khi đến nghiệt ngã. Khen mãi người ta cũng phát chán. Được khen nhiều mà người ta vẫn sống không khá lên thì người ta đâm phát bực. Cũng may mà anh Kiên nói tiếp một câu để tôi đỡ mất lòng.

- Nói thế để cậu hiểu rằng công việc của chúng tôi vẫn cực nhọc và khó khăn như thế. Có điều mấy năm qua chúng tôi đã có nhiều kinh nghiệm, tay nghề và năng suất của chúng tôi đã cao hơn hẳn. Ví như chiếc rô-to nặng 630 tấn của tổ máy số 3 đã được lắp đặt an toàn vào sáng 24 Tết, so với việc lắp đặt rô-to của tổ máy số 1, số 2 đã nhanh hơn hai tháng rưỡi...

- Và người thợ cả vẫn là anh hùng Nguyễn Huyền Chiệp?

- Vâng, có thể nói văn hoa hơn, cụ thể hơn là những Nguyễn Huyền Chiệp. Chúng tôi đã thay thế cả một phần chuyên gia bạn.

- Những người thợ xây dựng Sông Đà thật là tuyệt vời - Tôi bỗng thốt lên bằng cái giọng điệu của một phát thanh viên có hạng - Thế thì nhất định phải xuống hầm máy anh ạ. Tôi muốn ghi lại không khí lao động của chiến dịch thi đua nước rút này.

Anh Kiên lắc đầu mệt mỏi. Tôi đọc trong đôi mắt trầm buồn của anh một cái gì đó gần như là một sự thất vọng.

- Tuỳ cậu thôi... nhưng với những anh làm tuyên truyền ở công ty thì tôi nói thẳng: "Không cần viết về các chiến dịch thi đua nữa. Hãy giúp tôi bằng cách vào các gia đình công nhân xem họ sống thế nào? Một bức tranh chẳng có gì vui vẻ đâu. Cái tập thể hàng vạn người ngày đang bị tha hoá dần.

Tôi kinh ngạc và bàng hoàng. Sao? Một bức tranh không có gì vui vẻ ư? Lần đầu tiên trong đời làm báo tôi bắt gặp một Tổng giám đốc có vẻ hơi khác đời. Dường như ở anh, cái gánh nặng của công việc, nỗi lo toan của người đứng mũi chịu sào cứ choán hết cả, lấn át cả những hào quang của công tích.

- Sông Đà đúng là một công trình thế kỷ - Anh Kiên trầm ngâm giây lát rồi trút bầu tâm sự - Toàn miền Bắc mỗi ngày dùng mười một triệu Kwh điện, thì sông Đà đóng góp là bảy triệu. Một tổ máy cho một tỷ Kwh/năm, ba tổ máy, chúng ta có ba tỷ. Điện Sông Đà hiện đã với tới Đà Nẵng. Nếu tổ máy số 3 hoà vào lưới điện quốc gia, điện sông Đà sẽ cấp hết cho cả miền Trung. Vấn đề bây giờ là hệ thống đường tải điện Nếu không làm kịp đường tải điện, sẽ xuất hiện tình trạng thừa điện. Thừa, nhưng không thể

cất vào kho như thóc gạo, vải vóc. Chỉ có thể xả bớt đi hoặc cho ngừng một tổ máy... Làm thủy điện rất tốn kém vốn đầu tư ban đầu, nhưng khi tổ máy đầu tiên đã phát điện, tức là đã hoàn thành bảy mươi phần trăm công việc. Ba mươi phần trăm còn lại cho các tổ máy sau tuy tốn ít vốn đầu tư hơn, nhưng mức độ khó khăn không nhỏ, vật tư và lao động cũng tốn kém không nhỏ. Thường, người tra chỉ quan tâm đến đưa con đầu lòng, cùng lắm là đưa thứ hai. Đến đưa con thứ ba thì... trời sinh voi, trời sinh cỏ. Tổ máy số 3 của Sông Đà đang trong cảnh ngộ ấy. Năm 1990, chúng tôi xin đầu tư 160 tỷ nhưng chỉ được duyệt 130 tỷ. Năm 1991, yêu cầu 152 tỷ, chỉ được duyệt 120 tỷ. Nhà nước có khó khăn, đành vậy, nhưng người gánh chịu trực tiếp vẫn là cánh thợ Sông Đà. Cậu hãy tưởng tượng: Một “bê” người đông tới hai vạn cộng với một vạn hai ngàn người già, trẻ em ăn theo. Mà khối lượng công việc của chúng tôi hiện nay đâu cần tới con số vạn ấy. Hiện tại chúng tôi chỉ cần bảy ngàn công nhân thôi. Cuối năm, chuẩn bị cho tổ máy số bốn chỉ cần hai ngàn người. Tìm việc làm, xoay ra nguồn thu nhập để nuôi hai vạn người quả là một bài toán nan giải. Căn bệnh duy ý chí và cơ chế bao cấp của chúng ta bây giờ mới “phát huy” tác hại cậu ạ. Công trình thế kỷ cho nên tăng người vô tội vạ. Tăng người thì tăng quỹ lương, tăng chế độ, lại có các ban bộ, bề thế, anh giám đốc chẳng phải nuôi ai nên các công ty, các xí nghiệp cứ phình ra. Rồi nhà cửa cũng phải nhất nhất lên cao tầng cho nó bề thế, xứng đáng với thành phố ánh sáng. Công trình, đất đai ở đây đâu có thiếu mà sao cứ thích làm nhà năm tầng. Bây giờ không ai thích ở tầng cao. Vì anh sống không có trời, không có đất, nghỉ việc một ngày là chết. Có đất anh sẽ có một cân rau, một con gà, một con lợn. Người ta khen thành phố chúng tôi đẹp, nhưng chúng tôi thì đau khổ. Cậu thử lên các tầng năm xem. Các phòng dần biến thành nhà vệ sinh. Cánh cửa, bản lề mất mát cả. Người ta sống dưới đất nhưng lại thích lên trên cao ỉa... (!) Chúng tôi làm ra điện, nhưng khi điện đã phát lên lưới rồi thì người quản lý cấp phát lại là Công ty Điện lực. Chúng tôi phải mua điện là đúng thôi. Nhưng cậu có tưởng tượng được không, chúng tôi mua trong hiện trạng thế này. Họ cấp cho chúng tôi điện 110 kilôvôn. Về nguyên tắc, khi đến hộ tiêu dùng phải là điện hạ thế 220 kilôvôn. Dùng điện 110 kilôvôn, thực tế khi đến các

hộ tiêu dùng điện bị hao phí ba mươi phần trăm. Còn gì bi thảm hơn khi ba mươi năm trần lưng xây dựng các công trình điện lực lại phải dùng điện trong tình trạng như thế? Chúng tôi là hộ tiêu thụ điện lớn. Chúng tôi ở đầu nguồn phải được cấp điện hạ thế xuống 220 kilôvôn chứ. Về đạo lý, những người làm ra điện chúng tôi phải được miễn một phần hoặc toàn bộ giá thành điện cho đến khi xây dựng xong công trình chứ. Vậy mà mỗi tháng chúng tôi phải trả hai tỷ đồng tiền điện, thiệt tới sáu trăm triệu đồng. Tôi đã nêu việc này tới Hội đồng Bộ trưởng, nhưng có người bảo tôi ăn vạ theo kiểu người Mèo”...

Câu chuyện của Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên cứ ào ạt xối xả như người ta vừa tháo mở một hầm xả lũ. Thật khác hẳn với tính cách trầm lắng, hơi có phần kín đáo ngày thường của anh. Nhắc tới cảnh ngộ và đời sống của những người công nhân, anh xúc động và phản kích thực sự, phản kích với tất cả tình cảm và trách nhiệm của một người đang gánh trên vai mình nỗi buồn vui của hơn ba vạn cư dân Sông Đà chứ không phải đang muốn hưởng lên để đón nhận những ban phát và vinh quang từ trên cao... (Sông Đà để đũa thứ ba - báo Văn nghệ - tháng 3/1991).

Có thể nói năm 1990, sau khi Nguyễn Khắc Kiên thay ông Ngô Xuân Lộc làm Tổng giám đốc Sông Đà, cũng là thời kỳ “hậu sông Đà” với biết bao cam go, thử thách. Với 15.000 công nhân dư thừa, cộng thêm 2000 công nhân hợp tác lao động từ Đông Âu và I Rắc trở về, làm cách nào đảm bảo đời sống cho họ?

Sau này, khi được nghe anh Kiên kể chuyện về cuộc đời mình, tôi hiểu ra rằng, chính những năm tháng tuổi thơ nhọc nhằn, những ngày rời quê hương Trực Ninh, Nam Định lên Hà Nội tự kiếm sống để học hết cấp ba và thi vào Trường Đại học Thủy Lợi, đã giúp anh có những quyết sách đúng đắn đưa Sông Đà vượt qua ghềnh thác của cuộc khủng hoảng “nhân mãn”.

Có thể nói, năm 1990 là năm Tổng công ty Thủy điện Sông Đà huy động tổng lực đi làm thuê - Anh Kiên đã tâm sự với tôi trong cái buổi sáng năm 1991 khi chúng tôi đi thăm hồ Sông Đà - Làm thuê vừa để có công ăn việc làm cho công nhân, vừa để bù đắp vào sổ ngân sách thiếu hụt mà Nhà nước

đầu tư. Chúng tôi đã điều 500 người và hơn 100 hộ gia đình vào công trình thuỷ điện Yaly. Hiện nay ở đó chúng tôi có một vùng kinh tế mới bằng vốn tự có của mình. Chúng tôi còn tham gia làm một loạt công trình thuỷ điện khác ở Vĩnh Sơn, Bình Định, Sông Hinh. Rồi tham gia đấu thầu Quốc tế công trình thuỷ điện ở Sêlabăng trên sông Sê đôn của nước bạn Lào, làm chợ Phnômpenh cho Campuchia rồi chợ Đông Hà, sân bay Nội Bài...

Cuộc “chuyển dòng” của Sông Đà vào Yaly và các nhánh khác bắt đầu như thế. Ba năm sau, năm 1994, vẫn với tư cách phóng viên báo Văn nghệ, tôi đã có một cuộc gặp gỡ với Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên ở công trường thuỷ điện Yaly. Lần ấy, sau tai nạn ô tô ở Tuy Hoà, Phó Tổng giám đốc, anh hùng lao động Trần Thọ Chử, người trực tiếp chỉ huy công trình thuỷ điện Yaly phải nằm viện, Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên chuyển hẳn văn phòng của mình từ Hà Nội vào Yaly để điều hành công trường.

Anh Kiên tiếp chúng tôi trong khu nhà cấp bốn sơ sài nhưng phương tiện làm việc lại có vẻ hiện đại hơn ở Sông Đà. Với chiếc máy vi tính đời mới, Tổng giám đốc có thể kiểm tra mọi số liệu, tiến độ của các công trường, giao nhiệm vụ cho từng giám đốc không chỉ ở phạm vi Yaly mà cả ở Sông Đà, Hà Nội, Vĩnh Sơn, Sông Hinh... Anh Kiên tự châm thuốc rồi đẩy bao Du Lịch mời mọi người. mấy chàng nhà báo tưởng Tổng giám đốc nghèo, liền rút thuốc ba số ra mời lại. Anh Kiên cười khoát tay:

- Các cậu quen sài sang rồi. Mình chỉ quen hút loại này. Dân công trường chúng mình trước hết phải biết sài những thứ kém giá trị nhất, sau đó là phải tập rèn luyện gian khổ.

- Vào Yaly đợt này cánh báo chí có cảm giác các anh đã vượt qua thời kỳ gian khổ năm 90-91 của Sông Đà - Tôi nói.

- Qua hẳn rồi - Anh Kiên khẳng định - Năm 1990 mình đưa 500 quân vào Yaly cũng là cách dẫn người và đón lõng, chứ không ngờ Nhà nước lại quyết làm thuỷ điện Yaly vào năm 1992. Rất may là có chủ trương xây dựng gấp đường dây 500KV để tải điện vào miền Nam. Vậy là đội quân tiền trạm của Sông Đà đã xuất kích đúng thời điểm và đúng hướng. Chúng

mình hiện đã có 3.000 quân ở Yaly với ba công ty chủ lực, sản lượng mỗi ngày đạt hơn một tỷ đồng...

Những ngày ở thăm công trình thủy điện Yaly, mới thấy tầm vóc người thợ Sông Đà giờ đã khác xa so với những năm trước. Họ đã làm chủ hầu hết các công đoạn xây dựng, xử lý hầu hết các sự cố kỹ thuật mà không cần sự trợ giúp của chuyên gia. Một đội ngũ cán bộ chuyên môn với những Nguyễn Hồng Quân, Trần Thọ Chử, Nguyễn Huyền Chiệc, Phạm Cường, Hứa Vĩnh Thêm, Cao Lại Quang, Nguyễn Từin Cầm, Trần Hoàng Vũ, Đinh La Thăng, Lê Văn Quế v.v... giờ đã trở thành trụ cột ở Yaly, ở Vĩnh Sơn, sông Hinh và nhiều công trình xây dựng khác.

Năm 1997, sau năm năm đổ mồ hôi, nước mắt và cả xương máu, hàng nghìn người thợ Sông Đà ở Yaly đã hoàn thành những hạng mục công trình quan trọng để tiến tới giai đoạn cuối cùng: Chặn dòng Sêsan vào năm 1998. Nhưng vào thời điểm Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên sau khi đi kiểm tra dự án công trình thủy điện Nà Lơi, Lai Châu để chuẩn bị lập dự án đầu tư về đến Hà Nội, thì nhận được điện báo của Giám đốc Nguyễn Tiến Cầm từ Yaly: Bên A và các chuyên gia đề nghị lùi việc lắp sông sang năm 1999, chứ không phải vào cuối năm 1998.

- Trong đời làm thủy điện, chưa bao giờ tôi đứng trước một thử thách như thế - Sau này, Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên kể lại - Vì sao anh Cầm lại tự ý thoả thuận với bên A? Vì sao cố vấn Sklirelkoov cũng đồng tình với bên A cho chậm tiến độ lại? Tất cả dự định, kế hoạch tôi đã lên chi tiết đến từng tháng, từng tuần. Lùi tiến độ là rất nguy hại. Nó sẽ ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, đến công cuộc điện khí hoá. Với Tổng công ty Sông Đà, công trình thủy điện Yaly không còn bao cấp như thủy điện Sông Đà. Chúng tôi là Tổng thầu bên B. Lùi tiến độ sẽ ảnh hưởng đến hàng vạn công nhân, đến túi tiền hàng ngày của họ, đến hàng ngàn máy móc phương tiện phải nằm chờ. Không. Tôi quyết định phải đẩy tiến độ lên, kiên quyết bảo vệ phương án lắp sông vào năm 1998. Tôi điện thoại cho anh Nguyễn Tiến Cầm ra Hà Nội gấp, tôi bảo cậu ta mang cả đồ đạc quần áo ra. Cầm hoảng quá vì sợ tôi cách chức, nhưng vẫn phải đồ đạc quần áo ra Hà Nội. Cuộc

họp ở Bộ Công nghiệp sau đó là một cuộc họp lịch sử. Cả lãnh đạo Bộ Công nghiệp, Bộ Xây dựng đều hoang mang. Nên ủng hộ bên A - ủng hộ ý kiến chuyên gia - hay nghe theo ông Kiên? Lắp sông cuối năm 1998 có là mạo hiểm không? Anh Lê, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đề nghị nếu bên B đảm bảo lắp sông đúng tiến độ thì phải ký cam kết. Tôi sẵn sàng ký. Vậy là, năm 1998, bằng sự dũng cảm, dám chịu trách nhiệm và lao động quên mình, những người thợ Sông Đà chúng tôi đã chặn dòng Sêsan đúng như kế hoạch đã cam kết với Nhà nước. Yaly thực sự là một mốc trưởng thành và chiến thắng của những người thợ Sông Đà.

*

Như một vị tổng chỉ huy, trong 10 năm cầm quân 1989 - 1999 liên tiếp thắng hai trận lớn là thủy điện Sông Đà và thủy điện Yaly, lẽ ra Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên có quyền được nghỉ ngơi để gặm nhấm niềm vinh quang và chiến thắng. Thế nhưng bản tính một người tham công tiếc việc, một người không bao giờ chịu đánh trống bỏ dùi, khiến sau cuộc lắp sông Sêsan thành công, tháng 10-1999 Nguyễn Khắc Kiên đã bay ra Hà Nội ngay để lập đoàn khảo sát công trình thủy điện Nà Lơi một lần nữa, với quyết tâm trong năm 1999 dự án thủy điện Nà Lơi phải bắt đầu khởi động.

Chuyến đi ấy, giống như cuộc tiến đánh Lạc Thành của Bàn Thống thời Tam Quốc bằng đường hẻm qua gò Lạc Phượng. Chỉ khác là Phụng Sồ Bàn Thống bị Trương Nhiệm sát hại ngay dưới chân gò Lạc Phượng, còn đoàn khảo sát thủy điện Nà Lơi gồm lái xe Soạn cùng Kính, Kế, Du do tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên dẫn đầu thì cả xe và người bị ném từ trên đèo Tăng Quái, Mường Ảng xuống hẻm vực. Sáng ấy họ trên đường về Hà Nội. Sương giăng mịt mù từ Tuần Giáo. Khi đến đèo Tăng Quái, tự nhiên lái xe ngoặt một cua gấp. Thế là cả chiếc xe Land Cruise, như một chiếc trực thăng vận, lao từ trên độ cao 40 mét đâm sầm xuống đáy thung lũng. Gần hai giờ đồng hồ sau, những người đi rừng mới phát hiện ra chiếc xe bão táp và năm thương binh Sông Đà trong đó. Thật lạ, lái xe và Du, Kính không việc gì. Hai người bị nặng tướng không qua khỏi: anh Kế bị gãy cột sống. Anh Kiên bị gãy sáu xương sườn, một xương bả vai.

Tôi đến thăm Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên khi anh đã dần bình phục, nằm điều trị ở bệnh viện Bộ Xây dựng, Thanh Xuân Bắc. Nghe anh kể lại cảm giác bay từ độ cao 40 mét từ đỉnh đèo Tăng Quái xuống vực, khắp người tôi nổi hết da gà.

Lại nhớ chuyển lên Sông Đà tháng 10 năm 1998. Hồi ấy Nguyễn Khắc Kiên còn làm Phó Tổng giám đốc phụ trách công tác thi công. Liên tiếp trong hai tháng, hai vụ ngạt khí độc suýt cướp đi sinh mạng hơn hai chục công nhân. Lần thứ nhất khi tiến hành nổ mìn để khoan phun ở vùng Trại Nhân, một khu vực Castơ phức tạp có nhiều hang động, chín công nhân vừa xuống kiểm tra, liền gặp khí độc, ngất xỉu. Khi tổ cứu sập mang máy thở và bình ô xy vào thì chín công nhân đã xám mèm như tàu lá héo.

Sau đó ít ngày, sau khi đóng cửa phải để tiến hành lắp đặt tổ máy số Một thì hầm xả nước số Hai bị rò. Không xử lý được sự cố này thì không thể khởi động được tổ máy số Một vào cuối năm. Phó Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên dẫn mười ba thợ lần xuống giếng để kiểm tra tìm nguyên nhân dò nước. Họ lọt dưới đáy một cái giếng đứng sâu 50 mét, mỗi chiều hai mét, rồi lần đường vào sâu gần hai trăm mét để đến điểm tiếp giáp cánh phải. Chính lúc đang tiến hành công việc thì một búi giẻ hai mươi kilôgam treo lơ lửng sát thành giếng bị phoi hàn bắt vào bốc cháy. Búi giẻ này chính là vật liệu thả xuống để lấp lỗ rò ngày hôm trước, vô tình bị dặt lại. Tưởng theo chiều thẳng đứng, không khí bốc cháy sẽ bay lên, nào ngờ do áp suất lớn ở thành giếng, khói cứ chìm dần xuống. Mười bốn người bị nhốt trong một cái ống, một đầu bịt kín, đầu kia bị khói chặn. Nhiều người bị ngạt, phải nhấp nước áo may ô che miệng để thở. Phó Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên khản giọng quát vào máy bộ đàm gọi cấp cứu. Gần một tiếng đồng hồ sau, khi cả mười bốn người đã lả đi thì đội cứu sập hầm mới tới kịp để thả bình ôxy và máy thở xuống.

- Vậy là trong đời làm thủy điện, anh đã hai lần chết hụt - Tôi nói.

Anh Kiên lặng thinh một lúc rồi tùm tùm cười.

- Cái số tớ, trời đánh không chết được. Lẽ ra mình đã chết bởi bom Mỹ từ hồi 1965, khi chúng đánh phá ác liệt công trình thủy điện Thác Bà. Nhân

đây xin kể vòng vo một chút về cái thời mình mới tốt nghiệp Đại học Thủy lợi ấy...

Ba mươi năm năm đã trôi qua mà Nguyễn Khắc Kiên vẫn nhớ như in những kỷ niệm ngày anh vừa tốt nghiệp Đại học ra trường. Đó là tháng 8 năm 1964. Công trường Thủy điện Thác Bà khai trương từ 1961, nhưng đến thời điểm này mới khởi công. Cũng là lúc giặc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc với sự kiện Vịnh Bắc bộ ngày 5-8-1964. Anh kỹ sư Nguyễn Khắc Kiên, 23 tuổi, được điều về bộ phận đúc bê tông. Kỹ sư và công nhân cùng ở chung những lán nửa dựng vôi. Chuyên gia Liên Xô xuống từng bộ phận của công trường. Để có thể làm việc trực tiếp với chuyên gia Liên Xô, anh Kiên phải tự học tiếng Nga qua một cuốn sách dạy bằng tiếng Pháp. Rất may, anh có sẵn một từ điển La rousse Pettit, vốn là vật bất li thân từ ngày còn học trường cấp 2 cổ Lễ, Nam Trực, rồi cấp ba Công nghiệp Hà Nội. chính vì cuốn từ điển có nhiều tranh minh họa, trong đó có những kiệt tác khoả thân của các danh hoạ Châu Âu thời Phục Hưng mà anh luôn bị các đồng chí lãnh đạo, vốn là bộ đội chuyên ngành, ghi vào sổ đen, bị phê bình là tiểu tư sản, suốt ngày chỉ tra tự vị, không chịu tăng gia, tập thể dục, xa rời quần chúng... Giữa trưa ngày 7-8-1965, sau buổi làm ca một, từ công trường về, đội trưởng đội sắt hàn Nguyễn Khắc Kiên giao ca cho người bạn cùng đội rồi ra bể nước trước khu tập thể tắm. Chưa kịp cởi quần áo thì anh bạn hốt hải chạy về bắt Kiên lên công trường bàn giao lại chi tiết kỹ thuật. Vừa đi khỏi khu lán trại thì vang lên tiếng kèng báo động. Máy bay Mỹ đến. Một chùm bom rơi trúng bể nước và khu lán trại. Cả một đội sắt hàn 48 người của anh nằm gọn dưới hố bom Mỹ.

- Chỉ chậm năm phút nữa, tôi sẽ chung số phận với 48 người bạn trong đội sắt hàn ngày ấy - Nguyễn Khắc Kiên kết thúc câu chuyện trong nỗi ngậm ngùi - Năm 1990 khi đã làm Tổng giám đốc Sông Đà, tôi cùng các đồng chí lãnh đạo Tổng công ty lên thăm Thác Bà. Chúng tôi quyết định cho xây một nghĩa trang để tưởng nhớ hơn 300 người thợ đã anh dũng hy sinh trong thời kỳ Mỹ ném bom ác liệt Thác Bà, trong đó có 48 thành viên đội sắt hàn của tôi...

*

Anh Nguyễn Khắc Kiên có một người em trai nổi tiếng là nhà văn Nguyễn Khắc Phục. Phục đa tài, thành tựu ở nhiều lĩnh vực: Thơ, trường ca, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, kịch bản điện ảnh... Anh có thể viết một cuốn sách nghìn trang trong vòng một tháng, lại có thể thao thao với bạn bè suốt ba bốn tiếng đồng hồ. Phục điều khiển vài chục nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết, một bộ phim mà cứ âm ỹ như điều khiển thiên binh vạn mã. Tính anh Kiên khác hẳn. Suốt từ năm 1989 làm Tổng Giám đốc Sông Đà cho đến năm 2001 về hưu, trong tay lúc nào cũng có hàng vạn quân, hàng nghìn chủng loại xe máy, tiêu tiền bạc tỷ, lấp sông Đà, cho chạy lần lượt tám tổ máy với công suất gần 2000 mêga oát, rồi lấp sông Sêsan hoàn thành công trình thủy điện Yaly, hoà vào điện lưới quốc gia hơn 700 mêgaoát điện nữa, rồi thủy điện Sông Hinh, Vĩnh Sơn, Nà Lơi và hàng chục công trình xây dựng khác... Vậy mà khi được hỏi về mình cứ trầm tĩnh kín đáo như không. Giữa Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên và nhà văn Nguyễn Khắc Phục khác biệt nhau như nước với lửa. Nếu như Phục thuộc dạng văn sỹ, khoáng hoạt, lãng tử, phù du, thì anh Kiên lại có cốt cách kẻ sỹ thời trước, khảng khái, mực thước, trọng chữ tín và ưa hành động.

Vốn cùng cánh viết lách, tôi quen biết Nguyễn Khắc Phục trước khi biết anh Nguyễn Khắc Kiên. Nghe Phục kể, tuổi thơ nhà anh em Nguyễn Khắc cũng chìm nổi lắm. Vốn sinh trưởng trong một gia đình nhà nho gốc, ông bố, sau khi đỗ Thành Chung, rời quê đi làm nghề da giầy, rồi làm công chức ở Hà Nội, Hải Phòng. Đến hoà bình bố mẹ Phục đưa sáu anh chị em về quê, một làng ở cửa sông Ninh Cơ. Ruộng đất ông bà để lại, nhưng không ai biết làm, phải đi thuê. Năm 1955, đê Ninh Cơ vỡ, mất mùa, gia đình lại ly tán đi làm thuê. Cái đận Nguyễn Khắc Kiên lên học cấp 3 ở Hà Nội cũng là lúc Nguyễn Khắc Phục phải theo chị gái ra vùng than Quảng Ninh. Anh Kiên vừa học vừa đi làm thuê, khi thì đội than ở bến Phà Đen, đếm thẻ tre lấy tiền, khi thì làm gia sư, kèm cặp cho các tiểu thư Hà Nội để lấy tiền thuê nhà trọ và mua phiếu ăn ở quán cơm sinh viên phố Bà Triệu.

Năm 1960, anh Kiên may mắn được vào Đại học, còn Nguyễn Khắc Phục đi học trường trung cấp Hàng hải, cho đến khi cuộc chiến tranh chống Mỹ diễn ra ác liệt thì anh đi chiến trường, và bắt đầu nổi tiếng bằng trường ca "Kể chuyện ăn cơm giữa sân".

Hồi anh Nguyễn Khắc Kiên thay ông Ngô Xuân Lộc làm Tổng Giám đốc Sông Đà, có người nói "Ông Kiên là con rể cụ Đỗ Mười nên mới được giữ cái chức ấy. Cứ đà này, chẳng mấy chốc mà ông Kiên lên tới Bộ trưởng". Tôi đã nói lại điều này với anh Kiên, nhân một buổi anh em vui vẻ ngồi với nhau. Anh Kiên cười tủm tỉm và bảo: "Họ nói thế tức là có ý cho rằng mình kém, phải dựa vào thế đồng chí Tổng Bí thư". Tôi bảo: "Thế chị Bích con cụ Đỗ Mười thật hả anh?". Vui chuyện, anh Kiên kể cho tôi nghe về mối tình của mình:

- Năm 1966, do giặc Mỹ bắn phá ác liệt quá, công trình thủy điện Thác Bà đành phải tạm ngừng thi công. Mình được cử sang thực tập tại phòng Thiết kế trên sông Đơnhiep thuộc thành phố Kiep, Liên Xô. Năm 1968, tình cờ mình gặp Nguyễn Thị Bích cũng sang Liên Xô thực tập về cơ khí. Chúng mình yêu nhau. Đầu năm 1972, đám cưới của chúng mình được tổ chức tại Hà Nội. Sau khi cưới mấy tháng thì Bộ Xây dựng điều mình về làm Khu trưởng Khu đặc biệt, chỉ huy bộ đội công binh xây dựng Lăng Hồ Chủ tịch. Thú thực, cho đến lúc gần tổ chức lễ cưới, mình mới biết Bích là cháu ruột cụ Đỗ Mười. Cháu, nhưng hai bác coi như con nuôi, vì bố Bích là em ruột bác Đỗ Mười, mất năm nàng vừa tám tuổi, bác Mười nuôi Bích từ đó. Cả mình và Bích đều giống nhau ở một điểm khá tính, không muốn nhờ vả, làm phiền hà đến bác, nhất là khi bác giữ chức vụ cao, trọng trách lớn. Chúng mình luôn giữ đúng đạo hiếu, đến cúng giỗ tết, thăm hỏi sức khoẻ hay những khi gia đình có công chuyện. Suốt những năm bác Đỗ Mười làm Tổng Bí thư vợ chồng mình càng phải giữ uy tín cho ông cụ.

Tôi bỗng nhớ một câu nói của Khổng Tử trong Minh Đạo Gia Huấn mà anh Kiên thường nhắc những lần trò chuyện với tôi: "Tri chỉ thường chỉ, chung thân bất si. Tri túc thường túc, chung thân bất nhục". Quả là tiết tháo

của kẻ sĩ mọi thời. Biết được cái giới hạn của sự hiểu biết, của sự đủ đầy thì suốt đời không bị coi thường, không bị ô nhục.

Thế nên, cái tin ông Nguyễn Khắc Kiên sinh ngày 3/3/1941 , tháng 3/2001 vừa chẵn sáu mươi tuổi, mặc dù tổ chức chưa hề có quyết định gì, đã viết đơn xin nghỉ hưu, khiến tôi càng tin ở cái tính khảng khái, tiết tháo của ông. Thật chả bù cho nhiều người, cái chức bé bằng hạt ngô, lại ngoại lục tuần mấy năm rồi mà vẫn cứ tham quyền cố vị, nài nỉ tổ chức cho xin ở lại thêm vài ba năm nữa...

Nghe tin anh Nguyễn Khắc Kiên nghỉ hưu, tôi đến thăm. Nhưng mấy lần tìm đến ngôi nhà ở khu Thanh Xuân Nam, lúc thì cửa đóng im ỉm, lúc cậu con trai Nguyễn Khắc Dũng trả lời: "Bố cháu lên Hoà Lạc. Vừa nghỉ hưu là cả hai bố mẹ cháu cùng lên Hoà Lạc".

Một ngày chủ nhật, tôi phóng xe Honda vượt hơn ba chục cây số tìm lên khu nhà nghỉ cuối tuần Hoà Lạc.

Ngôi nhà của ông Tổng Giám đốc về hưu ở cách đường nhựa chừng 200 mét. Đó là một ngôi nhà hai tầng coi nổi, nằm giữa một vườn cây có tường rào đá ong. Nói là trang trại thì nó quá nhỏ, vì chỉ rộng chưa đầy nghìn mét vuông. Nói là biệt thự thì càng không phải. Một nhà vườn của một gia đình trung nông thì đúng hơn.

Và kia, ông nông dân ra đón tôi chính là Tổng Giám đốc Nguyễn Khắc Kiên ngày nào. Chiếc quần soóc màu tro, chiếc áo phông màu cháo lòng, những bộ đồ hàng ngày của một người làm vườn. Anh Kiên bắt tay tôi rồi chỉ ao cá chừng năm chục mét vuông, vừa làm nơi nuôi cá, vừa quây một góc để thả chục con ngan, và nói:

- Tớ đang cho cá ăn. Từ khi thôi nghề thủy điện, tớ lại thấy khoái cái thú làm vườn.

Tôi ngó nghiêng, cánh mũi phập phồng như vừa phát hiện một hương vị lạ.

- Hình như có hương ngọc lan?

- Thì gốc ngọc lan ở ngay đầu hồi kia.

Anh Kiên dẫn tôi ra vườn. Thấp thoáng trong khóm lá xanh um một vài búp trắng xanh như búp tay thiếu nữ. Chà, hoa ngọc lan. Vừa thơm quý phái, vừa gợi vẻ thanh cao.

Chị Bích, cũng hệt như một bà trung nông, áo quần giản dị của người nội trợ, vừa tất bật cho mấy con mèo, đàn gà ri ăn, vừa lặng lẽ chuẩn bị cơm đãi khách.

- Nghe nói, vừa nghỉ hưu là anh lên đây ngay? - Tôi gợi chuyện.

Anh Kiên rút một điếu Du Lịch châm lửa, rồi đẩy bao thuốc rẻ tiền về phía tôi. Cử chỉ này khiến tôi nhớ lại lần gặp anh ở công trường thủy điện Yaly hồi năm 1994.

- Không lên đây thì ở Hà Nội làm gì? Tính tớ không ưa ăn không ngồi rồi. Tớ mua thửa đất này từ năm 2000 là cũng có ý dành cho lúc hưu. Ngày ấy gần một trăm triệu. Bây giờ thì chẳng mua được. Nghỉ hưu mình lại thấy thanh thản, người khoẻ ra.

- Chẳng lẽ anh đã quên Sông Đà, Yaly?

Anh Kiên bồng thừ người.

- Làm sao mà quên được... Hồi chỉ huy công trình Sông Đà là thời kỳ mình đang sung sức. Được chỉ huy một công trình lớn cũng là vinh dự của một đời người...

Theo ánh mắt anh Kiên, tôi nhìn lên tường. Đối diện hai bàn thờ nội, ngoại với đủ những đồ lễ của một bàn thờ truyền thống, là ba tấm Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba, Huân chương chống Mỹ cứu nước được treo trang trọng. Và kia, bức ảnh toàn cảnh nhà máy thủy điện Hoà Bình với mệnh mang sóng nước Sông Đà. Và kia nữa, giữa ngổn ngang sách báo, tạp chí, máy vi tính là cuốn từ điển La rousse petit, vật bất ly thân từ thuở học học trò. Cuốn sách như người bạn tri âm, như người thầy thông thái mãi đồng hành với anh trên suốt những công trường thủy điện Thác Bà, Sông Đà, Yaly... và cả ở khu vườn nghỉ hưu Hoà Lạc bây giờ...

NGƯỜI XUYÊN QUA TẦNG ĐÁ GỐC

---* ❖ *---

Năm 1993, đứng vào dịp đoàn nhà báo chúng tôi theo chân những người thủy điện Sông Đà, hành trình xuyên Việt vào Yaly thì nghe tin Phó Tổng giám đốc, Anh hùng lao động Trần Thọ Chử, trưởng đại diện của Tổng công ty Sông Đà ở miền Trung bị tai nạn ô tô ở Tam Quan, Bình Định, suýt tử nạn. Cùng bị tai nạn đợt ấy có thêm ông Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ông Bộ trưởng bị gãy sáu xương sườn, còn Trần Thọ Chử bị gãy chân phải. Nhiều người nghe tin đều ái ngại cho anh. Khổ, 15 năm xây dựng công trình ngầm Sông Đà, có mặt từ những mét khoan đường hầm đầu tiên cho đến khi cả tám tổ máy phát điện, bị đá vùi, đất lở, bị nghẹt thở vì khí độc, trăm thứ họa rình rập mà không chết, ai ngờ giữa đường nhựa bon bon lại suýt bị xới tái một chân. Có người vận ngay cái sự cố anh Chử bị tai nạn xe ô tô với sự viên vợ chồng anh vừa khánh thành căn nhà ở khu tập thể Thanh Xuân Nam. Thôi đúng rồi. Làm nhà không xem ngày giờ, tuổi tác là dễ “đi” như bôn. Khối người vừa làm nhà xong là đột tử. Luật bù trừ chẳng chừa một ai. Mới lên Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà năm 1989. Cũng năm ấy ngoài ông Bagachencô anh hùng “Hữu nghị”, duy nhất cả thủy điện Sông Đà chỉ mình ông Chử được phong Anh hùng lao động. Năm 1992 đưa vợ con từ quê ra, năm 1993 được phân đất, xây lèo một đò lên hai tầng. Tiến nhanh quá, đến giờ cũng phải hãm lại. Bị bể một chân còn là may. Phúc nhà ông Chử còn to như núi. Người ta kháo nhau như thế. Miệng lưỡi thiên hạ, biết đâu mà lường.

Gặp Trần Thọ Chử ở Tuy Hoà, trong cái nóng hừng hực của miền Trung, nhìn vào cái chân trắng toát, cứng đờ vì bó bột, cánh nhà báo nói với nhau: “Đau về thể xác một phần, nhưng uất về tinh thần tới mười phần. Có khác nào “Ông Ba mươi” trong bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ: “Ngậm một khối cảm hờn trong cũi sắt. Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua...”

Có thể nói, thời kỳ năm bó bột ở Tuy Hoà là những ngày bi kịch nhất trong cuộc đời Trần Thọ Chử. Anh vốn là một người hành động. Đường như cuộc đời sinh ra anh là để dành cho những đường hầm, cho máy khoan, mình phá đá và ồn ã, mù mịt công trường. Cánh nhà báo kháo nhau rằng, hiếm thấy khi nào gặp ông Chử ngồi bàn giấy. Hồi năm 1989, khi Trần Thọ Chử được duyên dương Anh hùng, các phóng viên tìm đến tới tận phòng vấn, quay phim, chụp ảnh. Anh trốn không chịu gặp các nhà báo. Nếu không từ chối được thì cũng ít khi được anh tiếp ở bàn giấy.

- Đi xuống công trường với tớ. Cái thân xác tớ, có gì mà viết. Xuống mà xem anh em công nhân người ta vất vả, gian khổ như thế nào. Cánh báo chí các cậu là chúa hay tô vẽ màu mè. Xuống công trường mới thấy rằng cuộc đời phong phú và phức tạp hơn mọi óc tưởng tượng.

Anh kéo cánh nhà báo cùng xuống công trường, cùng hoà đồng, thân thiện với anh em. Nhóm phóng viên báo Tiền Phong như Xuân Ba, Mạnh Việt, Phạm Yên rất khoái phong cách “người thợ” ở Trần Thọ Chử. Mỗi lần lên công trường thanh niên cộng sản Hoà Bình là họ tìm gặp ngay Trần Thọ Chử và có thể cùng anh thức liên mấy đêm trong hầm xả lũ với các kíp khoan.

Bây giờ thì chẳng ra làm sao. - Trần Thọ Chử chỉ vào chân thờ dài nói - Yaly đang giai đoạn khởi công. Vĩnh Sơn đang lắp đặt ống thép dẫn nước từ cửa đập xuống nhà máy. Còn Sông Hinh thì đang ngổn ngang trăm công ngàn việc. Mà giờ mưa bão này mới tai hại cho Sông Hinh. Đường từ Tuy Hoà vào bị lũ cuốn, xe ô tô ba cầu cũng không vào nổi. Các cậu không thể vào thủy điện Sông Hinh được đâu...

Đấy là lần duy nhất Trần Thọ Chử có dịp tâm sự với chúng tôi. Gần nửa năm ngồi duỗi đờ chiếc chân bó bột trong gió biển Tuy Hoà phóng dăng và như trêu chọc khiến người anh hùng của Sông Đà thèm được có người trút bầu tâm sự. Đó cũng là lần tôi được nghe anh kể về cuộc đời mình.

- Tớ tuổi Nhâm Ngọ (1942), cầm tinh con ngựa, giờ tớ bị xơi tái chân phải thì thành ra nghèo chứ con đâu mà mong nước kiệu với nước đại...

Ngay trong câu chuyện, dù một câu chuyện có vẻ bi ai, Trần Thọ Chử vẫn luôn lưu giữ được người nghe với một nụ cười mỉm, dí dỏm lạc quan. Thì ra người anh hùng thủy điện này, như hầu hết những người thợ anh hùng, đều phát tích từ một vùng quê, là một anh nông dân chính hiệu. Làng Bún, với tên chữ là làng Phấn Động, xã Tam Đa, Yên Phong, Bắc Ninh quê anh là một làng quê thơ mộng nằm bên bờ sông Cầu. Cái tên nôm làng Bún hẳn là bắt nguồn từ nghề làm bún từ xa xưa. Con gái làng Bún duyên dáng, đôn hậu hay lam hay làm như hết thảy những thiếu nữ làng quê xứ Kinh Bắc. Tháng ba, ngày tám, khi đã cấy xong cây mạ xuống đồng, các cô thiếu nữ lại theo mẹ đi chợ xa đong thóc làm hàng xáo. Nếu như làng Vân, làng Thổ Hà bên kia sông có nghề nấu rượu truyền thống, thì rượu của làng Bún bên này sông cũng ngon không thua kém. Có một thiếu nữ 18 tuổi, tuy ngô cách ngô một đường vòng thúng, nhưng hai nhà xây lưng với nhau, gần đến nỗi tiếng cười của cô gái bên này vọng ngay sang bên kia bờ rào, làm chàng trai cùng tuổi là Chử cũng xốn xang bồi hồi. Vốn mồ côi mẹ từ chín tháng tuổi, người cha gà trống nuôi con hơn 10 năm, nên Trần Thọ Chử vừa chớm lớn, người cha đã nghĩ đến chuyện cưới cho anh một cô vợ. Yêu đương thì cứ phải mưa dầm thấm lâu. Trước mắt là có người về làm ruộng, trông nom cửa nhà. Rồi còn sinh con đẻ cái, cày cấy nuôi chồng ăn học nữa chứ. Nghe nói nhà nước sắp tuyển con em cán bộ cốt cán đi học trường Bổ túc công nông Trung ương. Lấy được cô vợ về đảm việc gia đình hệ trọng vô cùng. Thế là cô gái nhà bên Hoàng Thị Thừa, vừa tròn 18 tuổi, mắt lá dăm, má lúm đồng tiền, thắt đáy lưng ong như bao thiếu nữ Quan họ, được Chử đón về làm vợ. Ấy là năm 1958. Đám cưới có thể gọi là tảo hôn ấy, nào ngờ lại là một cuộc xe duyên hạnh phúc, để rồi suốt ba mươi năm năm dang dẵng với bốn giai đoạn đáng ghi nhớ của cuộc đời Trần Thọ Chử: 4 năm học Bổ túc công nông ở Đông Triều (1960-1964), 7 năm học đại học ở Triều Tiên (1965-1971), 9 năm làm xây dựng ở Hải Phòng (1971-1978) và 15 năm làm ở công trường thủy điện Sông Đà (1979-1993), chị Hoàng Thị Thừa luôn luôn là bến đỗ, điểm hẹn, là nơi bình yên trở về và cũng là điểm xuất phát của người anh hùng.

Cánh thợ Công ty đường hầm Sông Đà đến là quỷ quái. Họ sáng tác ra hẳn một câu chuyện rồi kể cho nhà văn Trần Chinh Vũ để hư cấu đưa vào tiểu thuyết “Đá gốc”. Câu chuyện thế này: Có một lần cánh thợ xộc vào phòng giám đốc Trần Thọ Chử và bất ngờ bắt gặp phu nhân giám đốc từ quê lên chơi.

- Em chào Giám đốc... Cháu chào bác ạ.

Chị Thừa đỏ nhừ mặt, luống cuống không biết trốn đi đâu. Anh Chử bật cười mắng át:

- Mắt mũi các cậu làm sao vậy? Chị vừa ở quê lên chơi, các cậu tưởng là bà nội tứ đấy hả?

Mấy anh thợ vụng chèo khéo chống:

- Chị tha lỗi cho chúng em. Bọn em vừa ở hầm xả lũ ra, còn hoa cả mắt nên nhìn công hoá cuốc....

Chờ lúc mấy anh thợ ra về, chị điềm đạm nói với anh:

- Tôi cứ lên chơi thế này rồi lại làm ông khó xử.

- Vẽ chuyện. Mấy thằng láu táu chứ chúng nó không có ý gì đâu. Vợ già lại càng ngọt cơm canh, chứ sao lại khó xử.

Chị nhìn chồng thật thà.

- Ông ngày càng trẻ ra. Giá như ngày xưa, tôi đã lấy vợ bé cho ông rồi...

Đùa hay thật mà cứ như dòng suối mát. Kỳ lạ thay là người đàn bà làng Bún quê anh. Mấy chục năm đằng đẵng chăm sóc bố, mẹ kế, gánh vác công việc gia đình, rồi nuôi dạy năm mặt con để anh thênh thang những chân trời góc bể, hun hút hàng tháng trời dưới lòng đất mà tịnh không điều tiếng kêu ca gì. Chị như con sông Cầu, xanh mát, dịu dàng. Như bến đò bên sông lặng lẽ chờ....

Một người vợ như thế, có lên anh hùng thì cũng vui mà có trở thành thương binh thì cũng chẳng quá buồn. Sau này tiếp xúc với chị Thừa, tôi càng ngộ ra điều này: Nếu theo tử vi thì Anh hùng Trần Thọ Chử đắc địa ở cung thê tử và cung nô. Giúp anh làm nên sự nghiệp, một phần rất lớn có công của vợ con và bạn bè.

*

Như một ngẫu nhiên, đúng dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27-7 năm nay, tôi cùng Anh hùng lao động Trần Thọ Chử nguyên Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thủy điện Sông Đà vượt tám mươi cây số từ Hà Nội lên Hoà Bình. Trông cái dáng đi cà nhắc khó nhọc của Trần Thọ Chử tôi chợt nhớ tới cuộc thăm viếng khi anh nằm bó bột ở thị xã Tuy Hoà cuối năm 1993.

Đài tưởng niệm nằm trên đồi cao, ngay phía dưới bờ đập thủy điện, như một đài hoa, mở ra 168 cánh, mỗi cánh là một liệt sĩ, trong đó có 11 người bạn Liên Xô và 157 cán bộ công nhân Sông Đà.

Ngọn gió Sông Đà thổi bó hương cháy giòn giãt như đuốc. Chúng tôi lần lượt thắp mỗi bát hương một nén. Đi trọn một vòng, vừa hết 168 nén hương. Trần Thọ Chử dừng lại trước tấm đá có khắc dòng tên Lê Xuân Lý.

- Nếu Lý còn sống, bây giờ cậu ta đã 51 tuổi. Lý là người thợ đầu tiên hy sinh trên công trường thủy điện Hoà Bình. Năm 1972 ấy, Lê Xuân Lý vừa tròn 20 tuổi - Anh Chử chỉ sang thăm đá có khắc dòng tên Đậu Tiến Thọ - Còn đây là người cuối cùng hy sinh trên công trường Sông Đà. Đậu Tiến Thọ là kỹ sư thi công, quê Anh Sơn, Nghệ An. Năm 1994 được Tổng công ty giao cho phụ trách phần thi công đài tưởng niệm, Thọ đã dành toàn bộ tâm trí để hoàn thành công trình đền ơn đáp nghĩa này. Danh sách 167 liệt sĩ với ngày tháng năm sinh, năm mất, nơi sinh, quê quán, đã được khắc sẵn trên những tấm đá granit đen, nhưng đến khi mang ráp lên vòng tròn thì lại thừa ra khoảng trống bằng một tấm đá nữa. Đậu Tiến Thọ buồn bã bảo các bạn: "Ô thừa này không biết dành cho ai nữa đây?" Rồi anh nói đùa: "Hình như trong mấy tháng làm ở đây, mình đã trở nên quá thân thiết với 167 liệt sĩ, nên các đồng chí muốn rủ mình xuống cho vui?"

Câu nói đùa như lời trói buộc của định mệnh. Ngay sáng hôm sau, 12-12-1994, khi đang đi xe máy từ dưới dốc lên công trình thi công, Đậu Tiến Thọ bị tai nạn và mất trong ngày. Người kỹ sư 40 tuổi ấy đã ứng với ô 168, khép lại một danh sách những liệt sĩ đã hi sinh trong suốt giai đoạn 22 năm (1972-1994) lao động quên mình vì dòng điện Sông Đà.

Hơn hai mươi năm, gần ấy người nằm lại. Có hàng trăm cái chết khác nhau. Người bị sập hầm khoan, người bị xe máy cán, người bị điện giật, người bị rơi từ trên cao xuống lòng sông, người bị ngạt vì khí độc... Họ thực sự là những người lính hi sinh khi đang làm nhiệm vụ. Có khác chăng vũ khí của họ không phải là khẩu súng mà là xe, máy, chòng, cuốc... Vậy mà, cả 168 người nằm đây chưa một ai được công nhận liệt sĩ. Suốt những năm qua, Tổng Công ty Sông Đà chúng tôi đã đi kêu các cửa để có được một tiêu chuẩn liệt sĩ cho họ, nhưng chưa đâu nghe thấu.

Không hiểu vì hương khói, vì gió, hay vì những kỷ niệm với những người đã khuất, mà khoé mắt anh hùng Trần Thọ Chử hoe đỏ. Anh dẫn tôi ra phía lan can, chỉ về phía khu nhà máy thuỷ điện, giọng đứt quãng:

- Anh không thể tưởng tượng dưới chân con đập kia, dưới lòng nhà máy thuỷ điện kia, đã từng là hiện trường khoan đào hố móng hàng mấy năm trời của hàng ngàn cán bộ công nhân Sông Đà chúng tôi. Không ít những người bạn có tên trên đài tưởng niệm kia đã hi sinh trong những hố móng, những đường hầm Sông Đà. Tôi có thể đọc cho anh nghe từng họ tên, từng quê quán, chỉ ra nơi họ đã nằm xuống. Ví như các anh Chu Cao Khanh mất ngày 1 tháng 10 năm 1981, anh Phạm Văn Thanh mất ngày 20 tháng 6 năm 1982, anh Nguyễn Văn Phượng, công nhân học ở Liên Xô về, có cô vợ rất trẻ và xinh, mất năm 1984...

Những ký ức lần lượt hiện về. Trần Thọ Chử nhớ lại những kỷ niệm hơn hai mươi năm về trước.

Ấy là năm 1979, lần đầu tiên anh lên Sông Đà. Vốn là kỹ sư cầu hầm tốt nghiệp ở Triều Tiên năm 1971, về nước, anh được điều về Công ty Kiến trúc Hải Phòng, tiền thân của Tổng Công ty Bạch Đằng thuộc Bộ Xây dựng sau này. Hai công trình A315, A318 mà Trần Thọ Chử tham gia đầu tiên là những bể chứa dầu và các hầm tháo tác, mỗi bể chứa lớn tới hai nghìn mét khối. Khi được điều lên để phụ trách công trình ngầm Sông Đà, vừa tiếp xúc với các bản vẽ, anh đã thấy choáng ngợp bởi sự vĩ đại và phức tạp của nó. Đơn vị do anh phụ trách - tiền thân của Công ty Sông Đà 10 sau này, có khá đông các kỹ sư trẻ mới tốt nghiệp khoa cầu- hầm Đại học Xây dựng,

Mỏ địa chất. Một số người được tu nghiệp ở Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc... Họ được trang bị tốt về kiến thức, nhưng lại quá mỏng về thực tế. Dầu thiết bị, công nghệ tiên tiến của Liên Xô, một cường quốc về xây dựng thủy điện với các nhà máy lừng danh trên sông Đơnhiep, sông Lêna, sông Ăngcara, sông Iênhixây..., nhưng những người thực thi công trình thủy điện Sông Đà lại là những thanh niên Việt Nam nhỏ bé, nhiều người vừa đi ra từ cuộc chiến tranh. Chử nhớ lại những đợt khoan nổ mìn hố móng. Để khoan đủ cho ba mươi, thậm chí năm mươi tấn thuốc nổ một đợt, đã là một kỳ tích. Cả bãi khoan lúc nào cũng đánh chói tiếng mũi khoan xuyên vào đá, bụi trắng vì khói đá. Có anh thợ trẻ sau một tuần khoan đào, ho ra máu. Ngay như Chử, mấy lần đi khám bác sĩ đều bắt nghỉ vì phát hiện ra bụi đá tràn khắp phổi.

- Lần nổ mìn khủng khiếp nhất đời tôi là ở chỗ hố móng nhà máy kia - Trần Thọ Chử kéo tôi ra gần mép sông, chỉ tay về phía những đợt sóng đập tràn tung bọt trắng xoá. - Lần ấy chúng tôi cho nổ ba mươi tấn thuốc TNT. Các lỗ khoan đã nạp đầy thuốc. Kíp mìn đã được nối vào mạng để kích nổ. Đúng lúc ấy mây giông kéo kín bầu trời. Phía thượng nguồn đã nhằng nhịt chớp bão. Lệnh nổ mìn đã phát ra. Bộ phận gây nổ ấn nút. Vậy mà cả bãi mìn vẫn câm lặng. “Hở mạch rồi”. Tôi hét lớn. Anh em nhô đầu lên khỏi nơi nấp, nhìn nhau nản chí. Biết làm cách nào cho mìn nổ? Ai sẽ xông vào giữa bãi mìn mà tìm chỗ mạch hở? Chỉ cần sơ sẩy, cả người anh sẽ tung lên như xác pháo. Nhưng chẳng lẽ huỷ cả 30 tấn thuốc nổ khi trời đổ mưa xuống? Và biết đâu, những ngòi nổ quái ác kia sẽ là bẫy tử thần của bao người? Không còn cách nào khác, không đắn đo suy tính thiệt hơn, mình tôi lẫn vào bãi mìn... Cho tới bây giờ, tôi vẫn không hiểu bằng cách nào mà mình vẫn không bị xếp vào danh sách 168 người trên đài tưởng niệm kia? - Lần ấy, tôi đã tìm ra chỗ hở của mạch điện và nối lại...

*

Câu chuyện một mình đi vào bãi mìn của anh hùng Trần Thọ Chử khiến tôi chưa hết bàng hoàng thì phía sau tôi đã lao xao những giọng Nga quen

thuộc. Chúng tôi ngoảnh lại và nhận ra một đoàn khách Nga đang thấp hươg ở khu đài tưởng niệm.

- Tôi là Anhisơkin Bôrit Anatôlêvích, kỹ sư tổ chức thi công, từng làm việc ở Sông Đà những năm 1982-1983.

- Tôi là Merkhulốp Alêxandơ, chuyên gia địa chất, đã từng làm việc ở Sông Đà từ năm 1986-1990. Tôi có bốn người bạn thân đã nằm xuống tại công trình thế kỷ này...

Những người bạn Nga tự giới thiệu về mình. Họ là những chuyên gia của Viện thiết kế thủy công Matxcơva đang làm việc cho dự án thủy điện Sơn La thuộc Công ty tư vấn công trình điện I - Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Cô phiên dịch Vũ Ngọc Diệp có dáng người nhỏ nhắn và một chất giọng Nga khá chuẩn kéo một chàng trai cao dong dỏng có nước da trắng như con gái và đôi mắt xanh màu trời đến bên tôi:

- Xin giới thiệu, đây là Vôlentrìkốp Alêxandơ, kỹ sư làm ở đoàn chuyên gia thiết kế Sông Đà những năm 1982-1986, người đại diện cho các đoàn viên Thanh niên Cộng sản Liên Xô trên công trường thủy điện Hoà Bình đã tham gia thảo bức thư gửi thế hệ mai sau.

Tôi xiết chặt bàn tay Vôlentrìkốp trong tay mình. Thật tuyệt vời. Không ngờ sau hơn một phần tư thế kỷ lại gặp con người lịch sử này ở Sông Đà.

- Anh có thể cho biết nội dung bức thư nói gì với các thế hệ mai sau không?

Vôlentrìkốp nhún vai, mỉm cười.

- Bí mật. đợi đến ngày 1-1-2100, khi lá thư mở ra, sẽ biết. Hy vọng cả anh và tôi sẽ sống đến ngày đó.

Trong khi chúng tôi đang bàn đến chuyện 97 năm sau thì Trần Thọ Chử lại kéo Bôrit ra một góc, trò chuyện. Không ngờ trải qua bao nhiêu năm tiếp xúc với đất cát, xi măng, sỏi đá mà cái vốn tiếng Nga của Trần Thọ Chử vẫn đủ xài để tâm sự với ông bạn người Nga, vốn quen biết anh từ thuở Sông Đà. Trần Thọ Chử nói với tôi:

- Bôrit nhắc đến kỷ niệm về Khôrennôvích, về Andrây, hai trong mười một người bạn Nga, Ucraina, Azerbaijan, Bêlôrusia... đang có tên trên đài tưởng niệm kia. Khôrennôvích hy sinh khi anh đi ngang qua một máy biến thế dưới đường hầm. Còn Andrây, một chuyên gia khoan hầm trẻ tuổi mà tất cả những thợ đường Sông Đà đều biết quá rõ. Đợt sập hầm vùi trọn năm người, trong đó có Andrây và bốn công nhân Việt Nam, là mất mát lớn nhất của Công ty công trình ngầm. Lần ấy cũng như mọi ngày làm việc bình thường, tai nạn không có một dấu hiệu báo trước. Vòm hầm yên tĩnh ở dạng Pa ra bon khiến chẳng ai nghi ngờ. Đúng lúc ấy cỗ máy khoan Sbêxa bị hỏng. Một người phải chạy ra ngoài lấy dụng cụ sửa chữa. Đó là người duy nhất sống sót. Thế rồi một tiếng rắc, tiếng đá trở mình, hàng trăm khối đá của gương hầm sập xuống. Cả tổ khoan và cỗ máy Sbêxa bị vùi gọn. Mọi cố gắng cứu sập đã trở nên vô hiệu. Ba ngày sau người ta mới lôi được xác của họ ra...

Dường như câu chuyện đã làm cho những bước chân của Trần Thọ Chử khó nhọc hơn. Suốt từ đó cho tới khi lên nhà bảo tàng Sông Đà - nơi vốn là trung tâm điều bộ và giao ban công trường ngày trước - chúng tôi cùng rơi vào một thế giới hồi tưởng.

Tôi nhớ lại hồi còn là phóng viên báo Văn nghệ, những năm tám mươi, chín mươi, với cả chục lần lên Sông Đà. Đó là những năm tháng cả nước đói dài, xanh xao vì số gạo, tem phiếu. Thợ Sông Đà ưu tiên số một cũng không ngoài tiêu chuẩn dăm lạng thịt, nửa bánh xà phòng Liên Xô, mười tám ký gạo độn bo bo hoặc sắn. Có những ngày tôi đội mũ bảo hộ, mặc quần áo thợ, đi ủng xuống đường hầm với các kíp khoan. Kia, dưới chân núi Tượng kia, ngày ấy có một hầm giao thông cắt ngang hầm xả lũ số một, tạo nên một ngã tư lúc nào cũng nhộn nhịp người xe. Toàn những thợ khoan, thợ bê tông, thợ hàn sắt và những người thợ phụ dọn nền. Chân ủng dẫm lép nhép; khói thuốc lá mù đặc; vòm hầm tua tủa néo anke xù lên như lông nhím, lũng nhũng lưới thép chắn đá rơi. Rồi mắt nhất là hệ thống dây cáp điện, chằng chịt như mạng nhện đan xen cùng với những dàn sắt thép, những đường ống nước. Rồi xe Benla, xe Bô ma các loại ùn ùn chở vữa bê

tông, vòm cốp pha sắt vào, chõ đá khoan từ các gương hầm ra, máy kéo, máy nâng, lúc xoay ngang, lúc xoay dọc đưa thợ lên néo và gia cố các vòm hầm. Không khí trong hầm lúc nào cũng thềm một làn gió và ánh sáng. Cái thứ ánh sáng trời và gió tươi chứ không phải thứ quầng sáng mù mờ, vàng vọt từ những đèn gắn ở vách hầm kia. Khổ nhất là những đôi tai. Lúc nào cũng ù ù như có tiếng sấm, tiếng cối xay lúa. Nhiều lúc ngỡ điếc đặc. Nói với nhau chỉ bằng tay ra hiệu. Có lúc bực lên gào khản cổ, rất họng.

Gặp Trần Thọ Chử trong bộ quần áo bảo hộ, ủng cao, mũ nhựa úp ngang đôi mày rậm, tôi không thể nhận ra ông Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công trình ngầm. Đang ở gương số 3, thoát cái, Trần Thọ Chử đã có mặt ở gương khoan số 7. Thế rồi, chỉ hai tiếng sau, đã thấy anh có mặt ở nhà giao ban điều độ của Tổng công ty. Chẵn 15 năm rồi, thế mà tôi vẫn nhớ như in buổi giao ban công trường ấy. Tổng công trình sư Bagachencô tóc trắng như cước, mắt xanh màu biển Ban Tích bệ vệ như một lãnh chúa, ngồi giữa Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Kiên và chuyên gia trưởng Skliarencô, một người cao đĩnh, linh hoạt và quyết đoán. Tiếp đến là từng cặp Nga-Việt. Phó tổng giám đốc Nguyễn Hồng Quân kiêm Giám đốc thi công ngồi cạnh Svetlốp, Anatôli ngồi bên Nguyễn Vĩnh Thêm, và kia, Trần Thọ Chử, người hùng của công trình đường hầm mà anh em thường đặt cho biệt danh Hắc toàn phong Lý Quý, một trong một trăm linh tám anh hùng Lương Sơn Bạc, ngồi cạnh một ông to đùng người Udorbêkistăng có bộ râu quai nón rậm rì.

Trông cái dáng ngồi của Chử, tôi biết rằng anh đang rất mệt vì hai đêm vừa rồi gần như thức trắng. Tiến độ khoan ở đường hầm số 1 làm anh mất ăn mất ngủ. Người hiểu sâu sắc nhất Trần Thọ Chử lúc này có lẽ là nhà văn ăn lương biên chế Thủy điện Sông Đà Trần Chinh Vũ. Suốt giai đoạn chuẩn bị thông hầm xả lũ, Trần Thọ Chử đi đâu, Trần Chinh Vũ theo đấy. Anh đang ghi chép tư liệu phác thảo tiểu thuyết “Đá Gốc”. Đây là một đoạn Trần Chinh Vũ viết về cuộc giao ban Công ty đường hầm:

- Bắt đầu nhé - Trần Thọ Chử khịt mũi, nhìn mọi người - Ai có ý kiến gì đề xuất nên nói ngắn gọn thôi. Tình hình chung là đến chiều nay ở đường

hầm số 1 còn 68 mét nữa. Ta điếm xem tình hình làm ăn thế nào?

Các đội trưởng đưa mắt nhìn nhau, chẳng biết giám đốc sẽ cạo gáy đội nào trước. Trần Thọ Chử không có thói quen ghi chép, cũng không thích dùng thư ký riêng. Anh có một trí nhớ thần kỳ, cái trí nhớ mà các đội trưởng vẫn kháo với nhau rằng có một cái máy ghi âm trong đầu giám đốc, đã “ghi” được điều gì từ miệng đội trưởng nào thì có giới cãi. Mà đôi chân kiểu cầu thủ bóng đá Ba Đền của Chử cũng kỳ. Hầu như ở kíp khoan nào cũng thấy anh xuất hiện. Văn phòng giám đốc không lúc nào thấy anh, có việc gì, cán bộ phòng ban của Tổng Công ty cứ sục thẳng xuống hầm để tìm Chử, trao đổi và giải quyết luôn ở hiện trường.

- Kíp 4 đêm qua khoan gương số 6. Cả chục người mà sao chỉ mới căng được một vạt lưới. Chia nhau đi ngủ à?

- Dạ không.

- Anh cãi tôi sao được? Lúc tôi qua đấy là hai giờ sáng. Chỉ thấy mấy cậu đứng canh chừng hơn là đứng làm.

Anh kíp trưởng định đứng dậy phân trần. Chử khoát tay ra hiệu ngồi xuống.

- Đừng có ca lại bài ca muôn thừa cho tôi nghe. Lại khó này khó nọ chứ gì? Cái khó nhất cho một người thợ là ăn và làm bao giờ cũng phải tương xứng nhau. Ăn mà không làm, hoặc làm mà không tương xứng với mức đã ăn, tức là sống bám vào đồng đội, ký sinh lên lưng đồng đội. Đành rằng đêm qua có gần một giờ mất điện. Nhưng vẫn cần phải nói cho quân lính của anh biết: “Ăn thì thật, nhưng đừng có làm giả”. Tính mạng của giám đốc công ty đang kề miệng vực đấy, chứ không phải đứng trên bục nhận hoa hồng đâu.

Anh kíp trưởng tái mặt, ngồi im thin thít.

Chử đưa mắt về cuối phòng.

- Anh Tới đâu?

Đội trưởng Tới ngơ ngác đứng lên, đầy lo lắng.

- Đội của anh có bao nhiêu người bỏ ca rồi? Anh là đội trưởng có năm được không? Nếu chưa biết, lên thống kê mà ghi lại. Tôi đã nói khi bắt đầu vào chiến dịch rồi. Ai không chịu nổi thì nói trước đi. Đừng để đến bây giờ mới bãi công, đào ngũ. Tối nay về anh cho kiểm điểm đi. Ai không làm được thì làm đơn. Tôi sẽ cho sang đội đời sống, ở bộ phận chặn bờ.

Chữ quay tiếp sang đội trưởng đội 3:

- Gương của anh mười một kíp vẫn chưa nổ được. Riêng đội anh muốn trở thành cái máy kéo ghìm chân lịch sử lại hay sao? Anh có nghĩ đến các đội đi sau không? Anh đi chậm một bước, họ sẽ chậm mười bước. Sao các anh cứ ì ra thế? Hay đá chỗ đó đã trở thành kim cương hết rồi, cứng đến mức không thể khoan được hay cái sự Tết nhất đang đến nơi khiến các anh lo ở nhà không có ai nâng gấu quần vợ?

Những gương mặt hốc hác nhìn nhau. Bố ấy nói như sát muối, nói như chan tương đổ mè, nhưng phải thừa nhận bố ấy nắm chắc quá, không cãi được.

- Phải biết ngưng chứ. Đã nhập cuộc chơi là phải chơi cho đẹp. Anh nói cho tôi nghe đi. Có lấy lại được tiến độ không?

Đội trưởng đội 3 bật đứng dậy.

- Xin hứa với giám đốc.

Mặt giám đốc Trần Thọ Chữ giãn ra. Lâu lắm rồi mới thấy anh nhếch một nụ cười.

- Các anh ghi nhận hộ tôi. Ông đội 3 đã hứa rồi đấy nhé. Còn bây giờ, xin mời ông đội trưởng đội bê tông hầm. Anh Cục đâu?

- Có đây ạ - Đội trưởng Cục đứng dậy.

- Ngày nhỏ, anh có lần nào ra đình xem tế chưa?

Cục chưa hiểu được tình ý trong câu nói của giám đốc, nhưng vẫn cứ phải trả lời.

- Dạ, xem rồi ạ.

- Xem rồi hả. Vậy là anh đã thấy họ cứ mấy bước tiến lại có một bước lùi. Đội anh cũng vậy. Khi mà đã bốc lên thật không có đội nào đuổi kịp

mức đổ bê tông của đội anh nữa. Nhưng khi mặt anh vênh lên vì vinh quang, vì thành tích thì năng suất của đội anh rụt lại, như con rùa rụt cổ vào cái mai của nó, mặc cho các đội khác trèo qua lưng mình, nhảy múa trên lưng mình cũng không sao. Cái kiểu tế đình ấy đã chấm dứt được chưa? Thưa đồng chí đội trưởng Đinh Đức Cục?

Một khi đã được giám đốc gọi đầy đủ họ tên thì hãy dè chừng. Cục cũng hiểu như vậy.

- Thưa giám đốc. - Cục toan đứng dậy. Chử xua tay:

- Tôi không nghe những lời bào chữa đâu. Những cái đó tôi còn thuộc hơn cả các anh kia. Lại xe vừa xi măng vào không đủ, vòm cốt pha kéo chậm, vách hầm nổ không đều. Nghề đi hầm bao giờ chả vậy. Chỉ có một điều mà anh không bao giờ kể đến, là cái máu bốc đồng của anh, thích thì làm chết thôi, không thích lại ngồi dãi thề. Cái đầu của anh còn giỏi hơn cả Anhtanh nữa kia, tôi và mọi người đều biết thế. Nếu chỉ khen thưởng như Tổng Giám đốc đã khen thưởng anh là chưa đủ, còn phải bổ sung một hình thức nữa là roi quật. Mong anh hiểu ngay điều đó.

Cục chấp hai tay:

- Dạ hiểu ạ.

- Hiểu thế nào? Nói rõ xem - Chử tròn mắt.

- Dạ, em phải nằm sấp để giám đốc quật bằng roi mây ạ.

Cả phòng họp cười như phá. Trần Thọ Chử cũng bật cười:

- Hiểu được thế là tốt. Cho anh ngồi xuống. Bây giờ tôi nói ngay. Với tiến độ này, ta không thể thông hầm vào ngày kỷ niệm thành lập Đảng mừng ba tháng hai được. Số mét dài khoan còn dài quá. Nhưng ta phải quyết tâm thông hầm vào ngày năm tháng hai.

- Dạ, để sáng mừng sáu cho chẵn ạ - Một ý kiến đề xuất.

- Đúng ngày năm - Giọng Chử chắc nịch. Ai cảm thấy không làm được thì giơ tay lên tôi xem.

- Không ai dám giơ tay.

Vậy đó, hơn mười năm chui trong các ngã đường hầm thủy điện Sông Đà, lúc nào Trần Thọ Chử cũng như đang ở mặt trận, nóng bỏng một tinh thần thời chiến. Anh quát mắng, “ốp” quân như vị tướng xưa lính xông lên phía trước, nhưng bản thân anh luôn đứng ở tuyến đầu, luôn xả thân, bất chấp mọi hy sinh gian khổ. Nóng giận đấy, rồi lại quên ngay. Lại xuề xòa ngồi bá cổ mấy anh thợ trẻ cùng hút thuốc Lào, chia nhau vại bia vi sinh. Chính vì những phẩm chất rất thợ ấy mà năm 1989, chúng khẩu đồng từ, những người làm thủy điện Sông Đà đều nhất trí đề nghị nhà nước phong Trần Thọ Chử và Tổng công trình sư Bagachencô là Anh hùng lao động.

Vinh quang ấy, trước hết thuộc về những người dám dũng cảm xuyên qua những tầng đá gốc, mà Trần Thọ Chử luôn luôn là người đi tiên phong.

(Giải nhất cuộc thi viết về Thủy điện Sông Đà do báo Tiền Phong tổ chức năm 2005)

“CÔNG TỬ BẠC LIÊU” GỐC HÀ TÂY

---* ❖ *---

Con đường từ thị xã Bạc Liêu ra bãi tắm Nhà Mát dài năm cây số, có thể đặt tên là Đại lộ trại tôm giống, bởi san sát hai bên đường thẳng tắp năm kilômét ấy là các trại sản xuất tôm giống, cá giống, cái thì lợp tạm bằng tôn, cái thì sừng sững toà lâu hai, ba tầng, với những tấm biển quảng cáo bắt mắt: Tôm giống Minh Thành, Thuỳ Trang, Hợp Thành... chẳng kém gì khu liên hợp thịt chó với những Trần Mộc, Anh Tú, Mộc Tồn... ở Nhật Tân Hà Nội.

Tình cờ xe chúng tôi tấp vào trại sản xuất tôm giống Hợp Thành, nơi có mấy cô gái đáng để tôm giống cho khách. Chủ trại, một người thấp béo trạc 50 tuổi, quần soóc, áo sơmi cộc niềm nở tiếp chúng tôi. Thấy anh nói giọng Bắc, hỏi quê, thì ra người đồng hương Hà Tây.

- Tôi là Phạm Duy Kiên, quê xã Thống Nhất, Thường Tín - chủ trại tự giới thiệu.

- Gần nhà máy đường Vạn Điểm phải không? Vùng ấy thì tôi biết... Hình như quê anh ngày xưa có nghề vớt cá giống sông Hồng?

Anh Kiên tròn xoe mắt, rồi đưa cả hai bàn tay hộ pháp nắm tay tôi. Cử chỉ ấy khiến chúng tôi hoàn toàn trở thành những người thân thiết

Ngày bé tôi thường theo bố ra vớt trứng cá sông Hồng. Năm 1973, 18 tuổi tôi xung phong đi bộ đội, năm sau, 1974, vào chiến trường Đông Nam Bộ, lính của sư đoàn 4. Trải qua trận mạc, qua thử thách, tôi được kết nạp Đảng. Năm 1987 tôi xuất ngũ, với quân hàm thượng úy.

- Vậy duyên cớ gì một anh bộ đội phục viên lại đưa vợ con gia đình từ Thường Tín, Hà Tây vào tận Bạc Liêu?

Câu hỏi của tôi đã khơi trúng mạch, khiến Kiên tuần tuột dốc bầu tâm sự. Người đầu tiên trong gia đình Kiên vào Bạc Liêu lập nghiệp là chú em út Phạm Trung Kiên. Dường như Kiên thừa hưởng trọn vẹn những kinh

nghiệm gia truyền của nghề cá giống Vạn Điểm, Kiên lại có khiếu bẩm sinh nghề sông nước nên chỉ hai năm sau ngày miền Nam giải phóng, năm 1977, Kiên đã mang nghề cá sông Hồng vào tít đồng bằng sông Cửu Long. Trong ngành thủy sản, Phạm Trung Kiên nổi tiếng đến mức được mệnh danh là “Vua đẻ cá trắm miền Nam”, “Vua đầm hồ trang trại chuyên cho cá trắm đẻ”. Bằng những ngón nghề gia truyền và kinh nghiệm tích lũy trong hơn hai mươi năm lăn lộn khắp các tỉnh Trung Bộ, Nam Bộ, tới nay Kiên là chuyên gia số một cho cá trắm đẻ. Năm ngoái Kiên đã cho đẻ 235 triệu cá trắm bột. Với những con cá trắm mẹ của mình, Kiên có thể cho cá đẻ theo yêu cầu của khách hàng, một lần mười triệu, mười lăm triệu cá giống. Hiện vợ con Kiên đang sống ở Đà Lạt, có một cơ sở cho cá đẻ lớn nhất phía Nam. Anh là cộng tác viên đặc lực của Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II, thành phố Hồ Chí Minh. Hơn cả các viện sĩ, chuyên gia về cá, chỉ duy nhất Phạm Trung Kiên có thể cho cá đẻ theo ý muốn.

Năm 1988, sau khi xuất ngũ, Phạm Duy Kiên theo em trai Phạm Trung Kiên đưa vợ con từ Thường Tín vào Vĩnh Lợi, Bạc Liêu. Gia tài người lính chẳng có gì ngoài mấy hòm quần áo đồ đạc, đã thế còn kèm theo một vợ và rơ-moóc 4 đứa con. Nhờ chú em Phạm Trung Kiên nhượng cho căn nhà giá ba cây vàng, chàng thượng úy chuyển ngành bắt đầu nổi nghiệp truyền thống gây dựng trại giống cá, giống tôm. Từ con số không, 12 năm qua Phạm Duy Kiên đã trở thành tỷ phú, hơn đứt các công tử Bạc Liêu xưa. Mặc dù so với vua đẻ cá trắm miền Nam Phạm Trung Kiên, Kiên còn kém xa, nhưng anh cũng có một cơ ngơi sản xuất đáng nể: 5 ha tôm giống, 8 ha tôm thịt, 3 ha cá giống ở Bạc Liêu và 5 trại tôm giống với 50 bể ở Vũng Tàu.

- Tám hecta tôm thịt, tôi mua năm ngoái, lúc cơn sốt đất lên cao, với giá 600 triệu đồng - Anh Kiên bực bạch - Năm nay, mười ao tôm của tôi đã có giá 1 tỷ đồng. Riêng trại tôm giống ở Vũng Tàu hiện tôi giao cho con trai Phạm Văn Quân trông giữ. Cháu Quân đã nắm vững kỹ thuật cho tôm đẻ thành thạo. Năm ngoái cháu cho đẻ thành công 20 triệu tôm giống, thu lãi 300 triệu đồng.

Tôi ướm hỏi, thăm dò:

- Vậy một năm cộng các khoản thu, có tới một tỷ?

Anh Kiên cười lảng, tôi mắt tím lại, rồi nhìn xoáy vào tôi, tinh nghịch:

- Đây là bí mật kinh doanh. Nhưng chỗ đồng hương, cũng chẳng giấu gì. Năm ngoái tôi xuất một lúc 600 triệu đồng để mua 8 hecta tôm thịt ở phường 2 cũng là nhờ trúng vụ tôm. Cũng năm ngoái tôi hoàn thành cái biệt thự ở Vĩnh Lợi, sát đường Một, hướng đi Cà Mau. Tôi tính, được Nhà nước khuyến khích, cứ đà làm ăn như thế này, chục năm dành dụm lấy chục tỷ gửi tiết kiệm, mỗi năm rút lãi hơn trăm triệu, coi như tiền hưu trí của hai vợ chồng. Còn lại cơ ngơi nhà xưởng cho các cháu tự lo...

Trời ơi, tôi thầm kêu lên, cái anh nông dân Thường Tín quê tôi, mới ba chục năm trước còn chạy ăn từng bữa, mà nay nói tới tiền tỷ cứ ngon lành còn hơn cả công tử Bạc Liêu ngày trước.

- Đi sang bên kia thăm các cụ nhà tôi, chơi với ông anh cả tôi một chút. - Kiên chỉ tay sang toà biệt thự ba tầng sơn màu phấn hồng có tấm biển lớn: “Trại tôm giống Thủy Trang” - Ông anh tôi đi bộ đội trước tôi, xuất ngũ trước tôi, vào Bạc Liêu trước tôi, nghĩa là cái gì ông ấy cũng đi trước một bước. Hai bố mẹ tôi hiện đang ở với anh cả.

Chủ trại tôm giống Thủy Trang có tên là Phạm Ngọc Bạch, trông hao hao giống Phạm Duy Kiên, nhưng đen và sần chắc hơn. Đúng như anh Kiên nói, cơ ngơi và cung cách làm ăn của anh Bạch bề thế và công nghiệp hơn... Hỏi chuyện, anh Bạch chỉ cười, nửa như khiêm tốn, nửa như không muốn tiết lộ bí quyết làm ăn.

- Anh em tôi được như ngày nay là nhờ bố mẹ tôi - Anh Bạch vừa nói vừa gọi với lên lầu - Bố ơi, mời bố xuống dưới này, có khách ngoài Bộ Thủy sản vào chơi.

Có tiếng bước chân thoăn thoắt từ trên lầu, rồi một ông già tầm thước, da đỏ au, tóc trắng như cước, xuất hiện trong bộ pizama rất hợp mốt.

- Chú ở Bộ Thủy sản ngoài Hà Nội mới vào đây à? Ông Phát, ông Trịnh chắc còn khoẻ lắm nhỉ?

Tôi ngân ra một lúc, rồi chợt hiểu. Ông đang nhắc đến các vị lãnh đạo Bộ Thủy sản chục năm trước đây.

- Cứ nói tên tôi, Phạm Ngọc Thạch, người Thống Nhất, Thường Tín là cả Bộ Thủy sản đều biết - Như gặp người thân quen, ông già thao thao kể lại những năm tháng tuổi trẻ - Tôi làm cá từ năm năm sáu (1956). Ngày ấy còn có phong trào đi vớt trứng cá sông Hồng. Bây giờ chẳng còn ai đi vớt trứng cá nữa, vớt lại cũng chẳng còn trứng cá đâu mà vớt. Nhưng ngày ấy, đến mùa cá đẻ, hai bờ sông Hồng đông nghịt người, toàn dân xã Thống Nhất quê tôi. Hồi còn làm ăn tập thể, hợp tác chúng tôi có 250 khổ vớt, chuyên đi vớt trứng cá. Chắc canh còn nhớ cảnh dân bán cá giống, gánh hai thùng sơn vừa đi vừa lắc để lấy ôxy cho cá thở. Dân Thống Nhất đấy. Từ gánh cá, chúng tôi cải tiến chở bằng thùng phi, làm ôxy nhân tạo. Những năm Mỹ đánh bom ác liệt, tôi từng vào tận Thanh Hoá, Nghệ An làm cá giống. Sau giải phóng, Bộ Thủy sản về tận xã trưng tập bọn tôi về Bộ, giao cho chúng tôi vận chuyển cá giống bằng máy bay chuyên cơ vào Đồng Nai, Biên Hoà. Hồi ấy ông Trịnh làm Bộ trưởng. Đích thân ông Trịnh gặp tôi đề nghị giúp các tỉnh Nam Bộ phát triển nghề cá. Ở phía Nam tuy mới gây dựng từ sau năm 1975, nhưng nghề cá phát triển với tốc độ rất nhanh. Khắp từ Phú Yên, Khánh Hoà vào đây, nơi nào có trại cá giống, tôm giống là có người làng chúng tôi. Riêng ở Bạc Liêu, các chú thấy đấy, cả đại gia đình chúng tôi đã vào đây lập nghiệp...

Thì ra ông Phạm Ngọc Thạch này mới thực sự là người đặt nền móng cho những trại cá giống, tôm giống của ba anh con trai tỷ phú. Tôi lắng nghe và thầm cảm phục người đã khai phá, mở hướng cho nghề cá từ sông Hồng vào đồng bằng sông Cửu Long...

Trong lúc ông cụ say sưa kể chuyện, cụ bà từ lúc nào nhẹ nhàng từ trên lầu bước xuống gật đầu chào khách và sẽ sàng ngồi bên cụ ông, rót nước. Nhìn gương mặt đẹp phúc hậu, biết là ngày xưa cụ bà đã làm xiêu lòng bao chàng trai nghề cá sông Hồng. Tôi chợt bắt gặp hình ảnh bốn vợ chồng cha con ngồi quây quần dưới mái hiên toà biệt thự. Nếu có anh con trai út Phạm Trung Kiên “Vua đẻ cá trắm miền Nam” nữa sẽ đủ một bộ ba tỷ phú. Câu

nói của người xưa “Thứ nhất thả cá, thứ nhì gá bạc”, có thể nghi ngờ về thứ hai, nhưng về đầu thì hoàn toàn đúng với đại gia đình tỷ phú đồng hương của tôi đang lập nghiệp ở vùng đất Bạc Liêu màu mỡ và giàu có này.

TỶ PHÚ HẢI PHÒNG Ở MŨI CÀ MAU

---* ❖ *---

Những ngày cuối năm 2001, dường như cả tỉnh Cà Mau đều lên cơn sốt về chuyện con tôm. Gặp cánh nhà báo, anh Chín Khải, giám đốc Sở Thủy sản Cà Mau, chối đây đây: “Hẹn khi khác nghe. Đang vất chân lên cổ để kịp kế hoạch”. Tôi nói: “Thì chúng tôi cũng vất chân lên cổ để kịp làm báo Tết. Theo anh, năm nay Cà Mau sẽ đạt giá trị kim ngạch bao nhiêu?”. “Thì phải đạt 300 triệu đô đúng như kế hoạch chớ. Nếu không có vụ rớt giá đầu năm, vụ Taliban đâm máy bay vào nước Mỹ vừa rồi, thì 300 triệu ăn nhằm gì”. “Đơn vị nào tiêu biểu nhất của tỉnh hả anh?” “Vẫn CAMIMEX. Chỉ tiêu 80 triệu đô. Thế mới xứng đơn vị Anh hùng chứ”. “Ở Sóc Trăng, công ty Kim Anh cũng sẽ đạt 80 triệu đô. Như vậy sẽ có hai đơn vị, một quốc doanh, một tư doanh dẫn đầu cả nước”. “Kim Anh thực ra phải cộng cả phần của công ty Thái Tân, em nó. Chứ riêng Kim Anh, cũng chỉ nghiêng ngửa với xí nghiệp Minh Phú của Cà Mau. Năm nay Minh Phú sẽ đạt 70 triệu đô la, là doanh nghiệp tư nhân hàng đầu ngành Thủy sản...” Thấy tôi có vẻ hoài nghi, anh Chín Khải phẩy tay dứt khoát: “Thì anh cứ đi xuống các xí nghiệp. Anh cần đến nơi nào, quân tôi sẽ đưa đi.”

Chúng tôi phóng xe thẳng xuống phường 8, nơi đặt đại bản doanh của Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú.

Giám đốc xí nghiệp Minh Phú tưởng phải ba đầu sáu tay lọc lõi thương trường, hoá ra còn khá trẻ, với vóc dáng nhỏ nhắn thư sinh, dễ gần. Sinh trưởng tại Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng; tuổi Đinh Dậu - 1957, sinh viên khoá đầu tiên Đại học Thủy sản Nha Trang (1976-1981); tốt nghiệp kỹ sư thủy sản được điều về công tác tại Sở Thủy sản Minh Hải từ năm 1981 - Đó là lí lịch trích ngang của giám đốc Lê Văn Quang.

Lẽ ra Quang đã gắn bó với biển Hải Phòng, lẽ ra anh đã trở thành một kỹ sư nuôi cá dọc bến Phà Rừng, nếu năm 1976 trường Đại học Thủy sản không rời Hải Phòng vào Nhà Trang. Cuộc chia tay Thủy Nguyên năm 19

tuổi để bắt đầu đời sống tự lập, rồi năm 23 tuổi, lại ba lô túi xách hành tiến xuống tận vùng đất Mũi Cà Mau, là một bước ngoặt quyết định toàn bộ sự nghiệp của Quang sau này. Nhớ lại, những năm 1981-1982 ấy là thời kỳ khốn khó trăm bề. Bài học địa lý về rừng vàng biển bạc và câu chuyện về những công tử Bạc Liêu chỉ còn vang bóng một thời. Vừa lúa đồng bằng sông Cửu Long, năm thì nhiễm mặn, năm thì mênh mông nước trắng. Tàu thuyền thiếu xăng dầu nằm trơ trên bãi. Từ đâu đó, những dòng người lặng lẽ đến biển Bạc Liêu, đến vùng Đất Mũi để lén lút vượt biển, ra đi...

Biết bao đêm Quang nằm và nhớ Hải Phòng. Một đôi lần đã toan tính khoác ba lô về Bắc. Nhưng rồi có một cô gái quê Thái Bình, cùng cảnh ngộ xa nhà, đã giúp anh trụ lại. Cô gái ấy là Chu Thị Bình, cán bộ kế toán, năm 1985 trở thành người bạn đời tin cậy của Quang.

Từ phòng kỹ thuật của Sở Thủy sản, Lê Văn Quang được điều về phòng thu mua của Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh. Những năm 1984-1988 là thời kỳ anh được tập dượt, làm quen với thương trường. Mua tôm cá từ các tư thương, mang lên Sài Gòn nhờ các xí nghiệp đông lạnh gia công rồi thông qua Seaprodex xuất khẩu ra nước ngoài.

Năm 1988, đang làm quản đốc phân xưởng, được kết nạp Đảng, công việc đang thuận buồm xuôi gió thì không hiểu vì lý do gì Quang nhận được quyết định điều xuống huyện. Quá chán nản, anh bỏ lên thành phố Hồ Chí Minh xin việc.

Bước ngoặt này có ý nghĩa quyết định hướng đi của nhà doanh nghiệp tương lai. Đó thực sự là một cam go, bởi từ đây anh không chỉ chịu trách nhiệm riêng mình mà còn cho cả vợ con nữa. Rất may, Quốc doanh đánh cá Chiến Thắng đã đồng ý tiếp nhận Quang với điều kiện anh phải quay về Minh Hải mua tôm đưa lên thành phố chế biến theo phương thức lời ăn, lỗ chịu. Suốt ba năm, vợ chồng Quang đi lại như con thoi trên con đường hơn bốn trăm cây số từ thành phố xuống Cà Mau. Vợ chồng tự vay vốn, tự khai thác nguồn hàng, tự đưa đến các xí nghiệp chế biến.

Nhưng rồi xuất hiện một nghịch lý: Quang phải vay vốn, ký cược, mua tôm của tư thương bằng tiền tươi, nhưng sau khi xuất, hàng mấy tháng trời

các doanh nghiệp vẫn không thanh toán tiền. Lại đành quay về làm đại lý cho Seaprimexco, rồi Giarimex...

Cuộc bươn chải trên thương trường, những phiên toái, nhiều khô, cửa quyền của cơ chế... thôi thúc quang nhanh chóng thoát khỏi thân phận một gã làm thuê để trở thành một ông chủ đích thực. Vậy là ngày 14 tháng 12 năm 1992, doanh nghiệp chế biến thủy sản tư nhân Minh Phú (Minh Phú Seafood, Pte) ra đời, do Lê Văn Quang (chồng) làm giám đốc, Chu Thị Bình (vợ) làm phó giám đốc kiêm kế toán trưởng (và tất nhiên kiêm luôn cả thủ quỹ). Cái tên Minh Phú không có nghĩa gì khác là Minh Hải - giàu có, một hàm ý có tính khái quát và một tầm nhìn vượt khỏi vị thế một doanh nhân tư nhân.

Từ năm 1992 đến ngày Minh Hải tách tỉnh, năm 1997, bảy lần giám đốc Lê Văn Quang làm đơn xin xây dựng nhà máy chế biến thủy sản, nhưng cả bảy lần đều bị khước từ. Lần đầu tiên, Quyền Chủ tịch tỉnh Minh Hải sau khi xem đơn, gọi Quang lên bảo : “Tiền ở đâu bay xây? Tư nhân mà định giỡn mặt nhà nước sao được?”. Không nản, năm sau Quang lại đệ đơn xin xây nhà máy. Lại không được. Năm sau lại xin tiếp. Lại bị từ chối...

Thời kỳ này, Quang đã tìm được những khách hàng Nhật Bản tin cậy. Họ sang trực tiếp hướng dẫn Quang làm mặt hàng Nobashi (một loại tôm bóc vỏ đóng khay đông lạnh) hợp với thị trường Nhật. Đầu ra đã có rồi, vấn đề là Quang phải có nhà máy chế biến và được làm các thủ tục xuất khẩu trực tiếp.

Có một câu chuyện thú vị mà Quang chỉ kể với những người thực sự thân thiết. Ấy là vào năm 1996, sau khi đã sáu lần xin xây nhà máy, đã chán nản đến mức đành phải buông tay, thì anh được tin có một vị lãnh đạo tỉnh trước khi về hưu, xin được giấy phép xây nhà máy đông lạnh, nhưng không có tiền. Vị lãnh đạo nọ đồng ý nhượng lại giấy phép cho Quang. Quang hớn hờ lên gặp tỉnh, thì được trả lời: “Ông V. xây thì được, chứ anh thì không.” (!)

Lại một lần nữa Lê Văn Quang bỏ lên thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 8-1997 anh tìm đến khu chế xuất Tân Tạo mới hình thành, thuê 5000 mét

vuông đất để xây nhà máy. Đặt tiền cọc rồi, nhưng lãnh đạo khu chế xuất bảo Quang, phải quay về Cà Mau xin giấy xác nhận của Chủ tịch tỉnh đồng ý cho lên thành phố thì mới được duyệt.

Lúc này Minh Hải đã tách tỉnh. Chủ tịch tỉnh Cà Mau là ông Bảy Trị. Nghe Quang trình bày, ông tròn xoe mắt: “Ừa, sao mà không xây dưới này mà lại mò lên thành phố? Cà Mau tao thiếu chi đất. Mà có làm một trăm cái máy đông lạnh, tao cũng ký duyệt”. Nói vậy, nhưng khi bàn cụ thể đến việc cấp đất, ông Chủ tịch vẫn chắc lép. Ông bắt Quang phải làm công ty cổ phần, Quang 70 phần trăm, tỉnh 30 phần trăm vốn.

Quang về bàn với vợ, tưởng nàng êm xuôi, nào ngờ nàng tỏ ra rất đáo để: “Không có cổ phần chi hết. Gần chục năm làm đại lý và tham gia liên doanh, cổ phần, chán cảnh thủ tục phiền hà, cãi nhau suốt ngày lẫn rồi. Nếu tỉnh cho làm tư nhân thì làm không thì quyết lên thành phố”.

Ý vợ là ý trời. Quang lên trình bày với Chủ tịch tỉnh. Ông Bảy Trị đề nghị họp thường vụ mở rộng và quyết cho vợ chồng Quang thuê đất xây nhà máy đông lạnh.

Năm 1998, nhà máy đông lạnh Minh Phú bắt đầu xây dựng trên diện tích 23.400 mét vuông, với quy mô 2.500 tấn/năm tại khu đất hoang phường 8, cách trung tâm thành phố Cà Mau 4 kilômet, với số vốn đầu tư tới 40 tỷ đồng. Đầu 1999 nhà máy đi vào hoạt động. Cuối năm 1999 đã chế biến được 1.594 tấn tôm xuất khẩu, đạt giá trị kim ngạch 18.200.000USD. Năm 2000, tốc độ phát triển của Minh Phú tăng vọt 4.084 tấn tôm đông lạnh, đạt giá trị kim ngạch 56.562.000 USD.

Bây giờ, sau 3 năm thử sức trên thương trường, Minh Phú đã xấp xỉ đuổi kịp anh cả CAMIMEX, đơn vị anh hùng của ngành thủy sản Cà Mau. Với một cơ ngơi khang trang bề thế, một dây chuyền công nghệ hiện đại, đủ sức xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, EU và Mỹ, một đội ngũ hơn 30 kỹ sư tinh nhuệ, hơn 1300 công nhân thạo nghề có mức lương bình quân 1.300.000đ/tháng. Minh Phú vững tiến về đích với con số kỷ lục: 70 triệu USD kim ngạch xuất khẩu năm 2001.

Một kỳ tích của Hải Phòng ở đất mũi Cà Mau - tôi xiết chặt bàn tay Quang và thốt lên một câu nói có cánh.

Quang bảo:

- Em thành công chính là do cơ chế đẩy anh ạ. Chỉ cần một cơ chế mở, sẽ đẻ ra nhiều doanh nghiệp như bọn em thôi...

- Cơ chế, tất nhiên rất quan trọng, nhưng phải có những con người dám nghĩ, dám làm như Quang, như Bình. Nghe nói Minh Phú lại mới xây một nhà máy đông lạnh mới?

- Sao anh biết? - Quang nhìn tôi cười, rồi bật bạch - Em đang đầu tư 60 tỷ xây một nhà máy công suất 5.000 tấn/năm. Sang năm nhà máy sẽ đi vào sản xuất.

Tôi tròn xoe mắt. Kinh ngạc và thán phục. Thêm một nhà máy nữa, tức là tầm vóc của Minh Phú sẽ tăng gấp đôi, tức là năm 2002, Minh Phú sẽ tiến tới con số 150 triệu USD kim ngạch xuất khẩu. Một bước phi mã ngoạn mục độc nhất vô nhị của năm Nhâm Ngọ chẳng?

CON TÀU TRẮNG

---* ❖ *---

Rất nhiều người Hải Phòng còn chưa biết thành phố của mình có một con tàu trắng mang một cái tên rất gọi: Tàu nghiên cứu Biển Đông.

Cùng sinh ra một lứa với tàu biển Đông ở nhà máy đóng tàu thành phố cảng BERGEN NAUY, còn có bốn con tàu nữa của các khách hàng Mỹ, Bồ Đào Nha, Na Uy, Trung Quốc, nhưng có lẽ bốn con tàu kia đã trở thành đồ phế thải hoặc đưa về cảng làm phòng bảo tàng, chỉ còn tàu Biển Đông, “suốt 25 năm qua vẫn chạy tốt”.

Quả thật, theo thông lệ, 25 năm đã là đồ phế thải, nhưng cũng giống như nhiều xe máy Nhật Bản second hand, tàu Biển Đông vẫn là con tàu nghiên cứu sáng giá nhất của các nhà khoa học thủy sản Việt Nam.

Tôi có vinh hạnh được là thành viên dự thính của tàu Biển Đông để tham gia chuyến khảo sát đánh giá tình trạng nguồn lợi hải sản và các yếu tố hải dương học liên quan đến nghề cá trong tháng 10 vừa qua. Thành viên trên tàu ngoài các nhà khoa học của Viện hải sản Hải Phòng còn có ba nhà khoa học Thái Lan (thuộc tổ chức SEAFDEC) một nhà khoa học người Mỹ thuộc Cục nghề cá Hoa Kỳ và một nhà khoa học Đan Mạch thuộc tổ chức DANIDA. Tiến sĩ Chu Tiến Vĩnh, Trưởng phòng nghiên cứu nguồn lợi, viện Hải sản - trưởng đoàn nghiên cứu, tỏ ra ưu ái tôi đặc biệt. Anh nhường chiếc giường tầng duy nhất trong phòng khoa học trưởng cho tôi nằm, còn anh nằm trên chiếc ghế băng.

- Tôi chỉ lo ông say sóng - Anh Vĩnh nói - Nhiều người khi xuống tàu háo hức như đi du lịch, chỉ sau một vài ngày, gặp sóng lớn đã mặt xanh mặt vàng, bò lăn trên sàn tàu.

- Anh yên tâm. Tôi đã đi một chiếc ghe chở lợn từ Hà Tiên ra Phú Quốc trong một đêm mưa gió - Tôi nói và chợt nhớ lại toàn bộ cái đêm khủng khiếp năm 1986. Đêm ấy, tôi cùng một cán bộ giáo dục tỉnh Kiên Giang ra đảo Phú Quốc. Đến quần đảo Hải Tặc thì mưa gió nổi lên. Con thuyền chạy

bằng máy cole như chiếc vỏ trấu trên nồi cám lợn. Sóng trùn từ mũi tới đuôi con tàu. Có lúc chúng tôi thấy mình chìm ngấm dưới rốn sóng, bốn bề là ngọn sóng bạc đầu. Hai đứa tôi vừa trùn kín nilông vì rét, vừa ra sức tát nước để hai bố con ông lái chèo chống con thuyền. Hút chết. Đến nửa đêm thì thuyền cập bến Dương Đông...

- Tàu này to. Không khi nào bị sóng tràn lên mạn tàu. Nhưng mà lắc ra trò. Gió cấp 6, anh sẽ thấy.

Lời cảnh báo của anh Vĩnh, chỉ bốn tiếng sau đã nhỡn tiền. Nửa đêm, không ngủ được, tôi lên mũi tàu cùng thuyền phó Nhâm xem anh điều khiển tàu. Đêm đen đặc. Biển loé hàng trăm đốm sáng trắng. Ấy là đèn của dân Trung Quốc đánh cá ở vùng biển Bạch Long Vĩ của ta. Nhìn vào ra-đa tàu, hàng trăm chiếc tàu, như vỏ trấu quanh vùng đảo Bạch Long Vĩ.

Gió bỗng nổi lên. Tàu chao nghiêng. Tôi nôn nao, chạy thốc xuống buồng dưới khoang tàu, nôn thốc, nôn tháo, nôn tới mức tưởng như tháo mật ra ngoài. Đòn say sóng mới ra “chường” đầu tiên. Suốt buổi sáng hôm sau, trong khi các nhà khoa học đo đạc thu nhập các số liệu ở trạm; các thuỷ thủ kéo lưới, thì tôi nằm bẹp không thiết ăn uống gì, người quay cuồng nôn nao tưởng không thể sống được. Tôi thấm thía lời tâm sự đêm qua của thuyền phó Nhâm: “Làm ruộng tuy vất vả, nhưng đêm về còn có vợ con đầm ấm. Đi biển cực nhọc, nguy hiểm và cô đơn vô cùng”. Anh Nhâm quê Diễn Châu - Nghệ An, tốt nghiệp thuỷ sản, xuống tàu Biển Đông từ năm 1977, gắn bó với con tàu đã 24 năm. Suốt 24 năm ấy, anh vẫn để vợ con ở Diễn Châu, chỉ mình anh thành người Hải Phòng, vui buồn cùng con tàu trên khắp các vùng biển của Tổ quốc.

Rất may, hôm sau, gió lặng, tôi mới có thể đi lại trên tàu bình thường. Thăm thú tàu Biển Đông, tôi thực sự kinh ngạc với hệ thống máy móc đặc dụng của nó. Tàu được trang bị rada có thể quét xa gần trăm hải lý, các loại máy siêu âm dò luồng cá, đo độ sâu, máy đo dòng chảy và hướng, máy đo nhiệt độ tầng mặt, toạ độ vệ tinh, tín hiệu moóc với phao, hệ thống thông tin hiện đại và 5 loại lưới rê các cỡ từ 73 đến 160mm.

- Đây là con tàu hiện đại nhất của ngành khoa học thủy sản nước ta đấy anh ạ - Cựu thuyền trưởng Nguyễn Trọng Hiệp nói - Năm 1976 tôi có vinh dự là người sang Na Uy đưa tàu về. Hồi ấy, sau chiến thắng chống Mỹ, nhân dân Na Uy vô cùng cảm phục tinh thần dũng cảm của nhân dân ta, đã tặng chúng ta con tàu này trị giá 30 triệu cuaron, tương đương 5,6 triệu USD. Tàu có công suất 1500 mã lực, chuyên làm công việc thăm dò, nghiên cứu nguồn lợi biển. Về tàu Biển Đông, phải viết một pho tiểu thuyết nhiều trang. Riêng việc hầu hết các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta từ đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... đều đã xuống thăm tàu, cũng đủ thấy con tàu có vinh hạnh đến mức nào...

Nghe các thủy thủ, các nhà khoa học kể về con tàu, mới thấy hết những chiến công thầm lặng của các nhà khoa học chuyên nghiên cứu về biển 25 năm qua. Đã có bao nhiêu nhà khoa học của Viện Hải sản, các viện nghiên cứu, đã hoàn thành các công trình nghiên cứu của mình trên con tàu này. Hai giải thưởng Nhà nước vừa được tặng cho hai cụm công trình: “Nghiên cứu xây dựng công nghệ sản xuất giống một số loài tôm biển” của các tác giả: kỹ sư Vũ Văn Toàn, kỹ sư Nguyễn Cơ Thạch, tiến sỹ Hà Ký, GS.TSKH Nguyễn Văn Thoa, TS. Lê Văn Chí, TS Vũ Văn Dũng và cụm công trình “Nghiên cứu đánh giá nguồn lợi hải sản vùng biển Việt Nam” của các tác giả GS.TSKH Bùi Đình Chung, CN Phạm Ngọc Đăng, CN Nguyễn Hữu Đức thuộc Viện nghiên cứu Hải sản, đều có sự đóng góp của tàu nghiên cứu Biển Đông.

- Với Trường Sa, con tàu Biển Đông của Viện nghiên cứu Hải sản chúng tôi cũng đã nhiều lần được phục vụ và có rất nhiều kỷ niệm khó quên - Tiến sỹ Chu Tiến Vĩnh kể cho tôi nghe về cuộc ra đảo Trường Sa năm 1988 đầy gian khổ mà anh được phân công làm trưởng đoàn - Lần ấy chúng tôi gồm các nhà khoa học, các cán bộ Bộ Tổng tư lệnh Hải quân, Viện khoa học Việt Nam, tổng số 45 người ra làm nhiệm vụ nghiên cứu ở quần đảo Trường Sa. Đến đảo Nam Yết thì gặp bão. Bão đưa tàu dạt vào rạn san hô. Tàu bị mắc cạn, nếu không vượt ra ngoài rạn san hô thì có thể bị sóng đánh

tan. Anh Hiệp khi đó là máy trưởng đã dùng cảm hợp chân vịt cho tàu lùi ra. Tàu mất lái, trôi bốn ngày đêm về phía vịnh Thái Lan. Mọi người trên tàu tưởng như trăm phần trăm hy sinh. Tôi đã lệnh cho thủy thủ bó các tài liệu, bản đồ, súng ống vứt xuống biển, nếu tàu bị dạt vào Malayxia. Cuối cùng, tàu Việt Xô PETRO đã phát hiện ra chúng tôi, kéo tàu Biển Đông về Sông Đốc... Chao ôi. tam khoanh, tứ đốm. Con tàu đã qua 25 năm sóng gió mà vẫn còn giữ được thế này là một kỳ tích...

Tôi ngắm con tàu trắng mang tên Biển Đông, khi tàu cập cảng Cửa Lò để tiễn tôi về Hà Nội. Tôi ngắm tiến sĩ Chu Tiến Vĩnh, cựu thuyền trưởng Nguyễn Trọng Hiệp và các thủy thủ, các nhà khoa học trên tàu như ngắm nhìn các hiệp sỹ. Họ sẽ tiếp tục cuộc hành trình dọc Biển Đông suốt một tháng nữa để thăm dò nghiên cứu tiếp 39 trạm biển đã vạch sẵn trên hải đồ. Cơ bão số 6 đang đổ bộ vào Bình Định. Biển Đông nổi sóng cấp 5. Chao ôi, giá tôi có chút tài như nhà văn Aimatốp, tác giả tiểu thuyết “Con tàu trắng” nổi tiếng, tôi sẽ viết một cuốn tiểu thuyết về con tàu trắng kia, con tàu độc đáo duy nhất của Hải Phòng.

MỘT CÁNH BUỒM VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI

---* ❖ *---

Ngay từ giữa tháng 9 năm 2000, trong cái sân rộng mênh mông của Bộ Thủy sản, người ta đã xầm xì bàn tán. Đầu mối của những cuộc bàn luận là Trung tâm thông tin và Hiệp hội chế biến thủy sản. “Được mấy trăm triệu đô rồi?”. “Tuyệt quá. Chín trăm rưỡi? Còn hai tuần nữa, thừa sức một tỷ.”

Anh Lâm, phụ trách thi đua của Bộ rỉ tai tôi:

- Con số một tỷ đôla chắc chắn sẽ diễn ra vào ngày cuối tháng chín này. Nói sai, tớ đi đầu xuống đất.

Tôi biết, anh Lâm nói thế, tức là đã vững tin ở những con số liệu thống kê qua hệ thống Internet, qua báo cáo nhanh từ các cửa khẩu hải quan và các tổng công ty, các đơn vị xuất khẩu thủy sản mà từng buổi, từng ngày anh nắm được.

Tôi càng tin những dự đoán của anh Lâm khi thoáng nhớ lại chuyến thăm mấy “đại gia” làm hàng thủy sản xuất khẩu ở Cần Thơ, Sóc Trăng vừa rồi. Chưa năm nào các đơn vị chế biến xuất khẩu trong ngành thủy sản lại tăng trưởng với nhịp độ cao như thế. Công ty TNHH Kim Anh Sóc Trăng của giám đốc Quý đã sắp đạt doanh số xuất khẩu năm 1999, trên đà thừa thắng đang lắp đặt thêm một nhà máy chế biến vào loại hiện đại nhất khu vực Đông Nam Á với công suất tới 100 triệu USD năm. Công ty chế biến thủy súc sản Cần Thơ (CaFaTex) của giám đốc Nguyễn Văn Kịch, đơn vị xuất khẩu xếp danh sách đầu bảng của Bộ Thủy Sản và đang được đề nghị Nhà nước tấn phong Anh hùng, năm ngoái đạt 62 triệu USD xuất khẩu, năm nay kế hoạch 65 triệu, nhưng giám đốc Kịch tiên đoán sẽ vượt 80 triệu. Một con số phi thường.

Buổi sáng 30-9 đi qua phòng anh Lâm tôi được anh thông báo:

- Một tỷ đô la rồi. Nhưng tớ không dám công bố. Chờ phát ngôn chính thức của lãnh đạo Bộ.

Cả cơ quan Bộ Thủy sản xôn xao suốt một ngày trời.

Ngày hôm sau, 1 tháng 10 năm 2000, báo Nhân Dân đăng tin: “Ngành thủy sản đã đạt con số xuất khẩu 1 tỷ USD. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu gửi thư chúc mừng”.

*

Người sung sướng và hạnh phúc nhất trong khu nhà 12 đường Nguyễn Công Hoan, Hà Nội những ngày đó có lẽ là Bộ trưởng, tiến sĩ Tạ Quang Ngọc.

- Đêm qua tớ không ngủ. Điện cho mấy nơi đề nghị kiểm tra lại các số liệu xem có thật đạt một tỷ chưa thì hãy công bố. Thậm chí công bố chậm vài ngày cũng chẳng sao. Ngại nhất là cánh báo chí. Minh sơ xuất điều gì họ lại làm um lên rằng mình chỉ thích thành tích - Anh Ngọc gặp tôi ở giữa cái sân rộng mênh mông, nói mấy câu như muốn giải bày tâm sự, rồi lại sải bước về dãy nhà làm việc.

Tôi phần nào đã hiểu tâm trạng của ông Bộ trưởng. Là một chính khách có gốc gác từ một trí thức làm khoa học, nhưng cốt lõi của con người ông có nhiều tố chất của một nghệ sĩ. Những giờ phút ưu tư, hoặc gặp một sự cố căng thẳng của Bộ, của ngành, tôi thường thấy ông đút hai tay vào túi quần, sải nhịp bước chậm rãi giữa cái sân rộng mênh mông như khoảng sân phơi cá của làng chài kia. Cái dáng cao dong, sải chân dài, đầu hơi cúi về phía trước của ông khiến tôi sực nhớ tới nhà báo kỳ cựu và tài hoa Tạ Quang Đạm, thân sinh ra ông Bộ trưởng. Ngày tôi mới nhập làng báo, năm 1977 hay 1978 gì đó, tôi đã được nghe nhà báo Tạ Quang Đạm chuyên viên cao cấp của báo Nhân Dân đến giảng về nghề nghiệp viết báo, làm báo, về tình hình thế giới và trong nước tại báo Người giáo viên nhân dân (nay là báo Giáo dục và thời đại). Anh Ngọc có dáng người giống cha, một người nổi tiếng trong trí thức và khoa học mấy chục năm nay, tức là nghiêm về cái phần nghệ sĩ, dễ ưu tư, vui buồn...

- Ông biết không, đạt 1 tỷ USD, mừng thì thật mừng nhưng mà lo như người cười trên lưng hổ - Anh Ngọc lại giải bày với tôi - Không thể bốc đồng được đâu. Đừng thấy báo chí nói “cường quốc thủy sản”, “Chúng ta sẽ đạt 2,5 tỷ USD vào năm 2005” mà mừng. Găng lắm. Ông có biết, chúng ta phải phấn đấu suốt 40 năm ròng mới đạt được 1 tỷ USD xuất khẩu vừa rồi không?

Vâng. Tôi là người ngoại đạo, mới “lạc” vào ngành thủy sản. Nhưng phần nào đã ngộ ra câu tục ngữ của người xưa: “Thứ nhất thả cá, thứ nhì gá bạc”, không gì nhanh giàu bằng hai thứ đó. Nhiều con bạc, chỉ qua đêm đã trở thành tỷ phú. Nhiều kẻ muốn giàu sổi, mở sòng bạc, phát lên trông thấy. Vậy mà gá bạc mới chỉ đứng thứ nhì. Muốn thứ nhất phải thả cá. Một vốn mười lời. Trúng một ao cá, một vụ cá, có thể đổi đời.

Nhưng... cả hai thứ thả cá và gá bạc ấy đều rất mong manh, may rủi vô cùng. Cái nghề cá, độ may rủi càng lớn. Thảm họa Hậu Lộc, Thanh Hoá do cơn bão tháng 8 năm 1996, đại học cho những ngư dân phía Nam trong cơn bão Linda tháng 11 năm 1997 còn nhỡn tiền đó. Và trận lũ lịch sử ở Đồng Bằng Nam Bộ vừa rồi, biết bao gia đình trắng tay, lại mua sắm tàu thuyền, lưới cụ, lại đào ao, đóng lồng bè. Đã từng có câu ca về cái nghề thủy sản: “Năm đất với chị hàng hương còn hơn năm giường với cô hàng cá”. Nghề cá là một nghề thật cực nhọc, đắm mùi tục lụy, khổ ải. Năm giường với cô hàng cá suốt ngày nhốt nháp tanh tươi còn sướng nổi gì?

*

Trở lại câu chuyện 40 năm của ngành thủy sản mà Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc vừa nhắc. Nếu tính từ cái mốc năm 1960, khi ngành thủy sản bắt đầu từ nghề cá nhân dân với những hợp tác xã nghề cá, những đoàn tàu đánh cá mà đã có lần các thi sĩ từng cùng dong buồm ra khơi ở vùng biển Cô Tô, Bạch Long Vỹ, để rồi Huy Cận viết nên bài thơ nổi tiếng “Đoàn thuyền đánh cá” và góp một câu thơ bất hủ: “Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm”. Những ngày ấy chúng ta mới tính đến con số nghìn tấn, triệu đôla. Phải đến năm 1990 mở đầu một thập kỷ tăng tiến của ngành thủy sản, cả nước mới đạt được con số kỷ lục hơn một triệu tấn sản lượng (con số chính xác là

1.019.000 tấn) giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 200 triệu đôla (con số chính xác là 205 triệu USD). Năm 1994- năm đại thắng lợi, vượt kế hoạch 5 năm 1990-1995 trước thời hạn một năm với tổng sản lượng trên 1,2 triệu tấn, giá trị xuất khẩu 458,2 triệu USD. Và 5 năm sau, năm 2000 này, ngày 1 tháng 10 toàn ngành thủy sản vượt ngưỡng xuất khẩu 1 tỷ USD; cuối tháng 10 vượt mức kế hoạch 1,9 triệu tấn sản lượng. Kỷ lục năm 2000: 1,4 tỷ USD và trên 2 triệu tấn tổng sản lượng là điều không còn nghi ngờ.

Vậy là trong vòng 10 năm đổi mới (1990-2000) ngành thủy sản đã làm nên một kỳ tích: Tổng sản lượng tăng gấp đôi và giá trị xuất khẩu tăng gần gấp 7 lần. Chưa bao giờ những người làm nghề cá cả nước lại vào mùa trúng đậm như bây giờ.

Lại nhớ tới cơn sốt nuôi tôm ở vùng Đất Mũi Cà Mau cuối tháng 7 vừa rồi. Dân cả vùng Đầm Dơi, Thới Bình nhất loạt tháo cống ngăn mặn lấy nước biển vào nuôi tôm. Cả huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng như một đại công trường. Nhiều gia đình nuôi vài hécta tôm sú. Đời thuở nhà ai, năng suất một hécta đất nuôi tôm hơn cả năng suất cây lúa, tức là đạt tới 7-8 tấn một hécta. Mà giá lúa so với giá tôm là một vực một trời, 1kg tôm một trăm bảy mươi ngàn đồng, bằng hơn một tạ lúa. Một hécta nuôi tôm sú gấp trăm lần lúa. Cơn sốt nuôi tôm chạy giần giật từ Cà Mau ra Phú Yên - Khánh Hoà, Quảng Trị, Thanh Hoá, Hải Phòng, Quảng Ninh. Bờ biển Quảng Ngãi cát trắng bồi bồi, vậy mà tháng tám vừa rồi dân đào ao trên bãi cát ven biển, lót vải thấm nước, pha nước biển vào nước ngọt để nuôi tôm.

Ở tỉnh An Giang, phong trào nuôi cá lồng đang thịnh phát. Bất chấp hàng năm lũ dâng ngập mái nhà, các lồng cá bè ở Châu Đốc, Tân Châu vẫn trụ vững như những pháo đài. Trong dịp Tổng thống Mỹ Bill Clinton sang thăm Việt Nam, một đoàn thương gia nghề cá Hoa Kỳ cũng làm một chuyến ngược sông Hậu lên An Giang, đích thân khảo sát các cơ sở nuôi và chế biến cá tra, cá ba sa, hai đặc sản đang được dân Mỹ ưa chuộng và chiếm thị phần cao trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo Thứ trưởng, tiến sĩ Nguyễn Thị Hồng Minh, người được phân công đặc trách khâu chế biến xuất khẩu thủy sản, cùng đi với đoàn thương gia Mỹ kể lại:

Các thương gia Mỹ ban đầu hoài nghi. Họ không tin rằng chúng ta có công nghệ nuôi và chế biến hợp vệ sinh. Khi được ta dẫn xem các lồng nuôi cá bè trên sông Hậu Giang, đơn vị vừa được phong tặng danh hiệu Anh hùng, họ ngạc nhiên và trầm trồ, không ngờ chúng ta có công nghệ chế biến tiên tiến ngang Mỹ và các nước công nghiệp phát triển.

Chẳng cứ gì người Mỹ bất ngờ. Ngay những người ngoại đạo mới thâm nhập ngành thủy sản, cũng “bổ chừng” vì những bước đi lạng lẽ và táo bạo của ngành thủy sản gần hai chục năm qua.

Hãy thử hình dung: Nếu trong nông nghiệp, khoán 10, khoán 100 đã tạo ra bước khởi phát của đồng ruộng, đưa nông nghiệp vượt qua cửa ải 19 triệu tấn lương thực những năm 1979-1980, để đạt con số kỷ lục 35 triệu tấn tổng sản lượng, xuất khẩu 4 triệu tấn gạo năm 2000, thì trong lĩnh vực thủy sản, cơ chế tự cân đối, tự trang trải do ngành đề xuất với Chính phủ những năm 80, cũng là những tháo gỡ có tính quyết định cho ngành thủy sản bứt phá đi lên. Khâu đột phá đầu tiên để tự cân đối, tự trang trải là khâu chế biến và xuất khẩu thủy sản. Những công nghệ mới nhất, những tiêu chuẩn nghiêm ngặt của lĩnh vực chế biến được áp dụng. Hàng loạt các Xí nghiệp chế biến đông lạnh được ra đời. Các Doanh nghiệp tự tìm đối tác nước ngoài, tự đưa hàng xuất khẩu đi các thị trường thế giới. Đầu năm 2000, 18 Xí nghiệp chế biến thủy sản được lọt vào danh sách I xuất khẩu vào EU. Cuối năm, danh sách tăng lên 40, và rất có thể 50 vào đầu năm 2001. Nhiều tỉnh đồng bằng Nam Bộ, tỷ trọng xuất khẩu thủy sản đã vượt quá nửa tổng kim ngạch xuất khẩu. Ví như Cần Thơ, một tỉnh không có biển mà năm 2000 này đã xuất xấp xỉ 140 triệu USD. Cà Mau và Sóc Trăng thế mạnh thủy sản còn lớn hơn nữa. Theo nhiều chuyên gia dự tính, năm nay Cà Mau có thể xuất được gần 250 triệu USD, đạt tới bảy mươi phần trăm giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh

Nhưng đó mới chỉ là phần nổi của tảng băng - tiến sĩ Nguyễn Việt Thăng, Thứ trưởng Bộ Thủy sản nói với tôi - Nếu chỉ nhìn vào 1 tỷ USD xuất khẩu để đánh giá thành tựu của ngành thủy sản thì khác nào thầy bói xem voi. Cái phần chìm của tảng băng ấy mới quan trọng. Ấy là công việc

lặng lẽ và vĩ đại của những người khai thác và những người nuôi trồng... Con số 2 triệu tấn tổng sản lượng năm 2000 này là cực kỳ ý nghĩa. Đó mới là phần chìm của tảng băng. Các vị đã ra biển đánh cá bao giờ chưa?

Tôi bỗng nhớ tới câu ví “mò kim đáy biển”. Có lẽ nghĩ ra câu ví thâm thúy này là những người đánh cá trên biển? Vâng, biển mênh mông và đa phần chẳng bao giờ thơ mộng như các nhà thơ tưởng tượng. Biển dữ dội và khắc nghiệt vô cùng. Lần đi biển ở đảo Phú Quốc năm 1986 và lần cùng các nhà khoa học Viện nghiên cứu Thủy sản Hải Phòng, trên con tàu Biển Đông vừa rồi, khiến tôi “hãi” biển đến suốt đời. Cả hai lần ấy, một lần trên chiếc ghe của một người buôn lợn từ Hà Tiên ra Phú Quốc, một lần trên con tàu nghiên cứu khoa học 1.500 mã lực, tôi đều say sóng và nôn ra cả mật xanh, mật vàng. Sóng biển Phú Quốc tưởng như nhấn chìm chiếc ghe bé xíu như chiếc vỏ trấu khi chúng tôi đang lênh đênh giữa quần đảo Hải Tặc một đêm giông bão. Còn sóng biển Bạch Long Vĩ vừa rồi lại quăng quật, văng tôi từ sàn tàu này qua phía bên kia.

Vậy mà những người đánh cá xa bờ mỗi năm có tới hai trăm ngày cực nhọc trên biển như vậy. Bản báo cáo thành tích của Anh hùng lao động, thuyền trưởng Nguyễn Thị Hồng, một thuyền trưởng nữ duy nhất của ngành thủy sản trong vụ cứu mấy chục người trong trận bão Linda 1997 đã khiến mọi người thực sự xúc động và cảm phục. Mò kim đáy biển cũng khó khăn gian khổ đến mức ấy là cùng. Ấy là chưa kể rất nhiều chuyến đi biển, hàng vạn ngư dân vĩnh viễn không trở về...

Người nuôi thủy sản lại có cái cực nhọc khác. Con tôm sú giống ở Cà Mau, ở Phú Yên giá có thể lên tới 5 triệu (1 con chừng 200 gram). Một ao tôm có thể lời vài chục triệu, nhưng rủi ro cũng khôn lường. Rất nhiều gia đình trắng tay, vì lũ, vì dịch bệnh... Trên vùng núi cao Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, tạo được một ao nuôi cá, đưa được những con chép lai, rô phi, mè Vinh,... lên thả đại trà như hôm nay, là những kỳ công sánh ngang với Ngu công dời núi xưa. Không phải ngẫu nhiên mà con trai nhà văn tài danh Nam Cao, giáo sư, tiến sĩ khoa học Trần Mai Thiên, tuổi 60, đầu đã bạc trắng như cước, 40 năm, cuộc đời khoa học của ông chỉ gắn liền với con cá

nước ngọt. Từ đề tài khoa học mà ông và các đồng nghiệp được Nhà nước trao giải thưởng Hồ Chí Minh vừa rồi: “ Nghiên cứu nâng cao chất lượng một số loài cá nuôi nước ngọt ở Việt Nam” , đến danh hiệu Anh hùng lao động mà Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I do ông làm Viện trưởng được Nhà nước phong tặng vừa rồi, cũng là thành tích nhân giống, phát triển nghề cá nước ngọt.

Tiến sĩ Nguyễn Việt Thắng nói rất chí lý. Một tỷ USD xuất khẩu của ngành thủy sản mới chỉ là phần nổi của tảng băng. Kích cỡ, dung lượng phần chìm của ngành thủy sản là phần ít người nhìn thấy. Nó góp phần lớn lao trong việc bổ sung nguồn dinh dưỡng tiêu dùng nội địa, nâng cao giá trị dinh dưỡng cho hàng chục triệu người, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động góp phần xoá đói giảm nghèo. Có thể ví một cách khác như thế này chẳng: Nếu cả ngành thủy sản như một con thuyền lớn, thì cái thành tích xuất khẩu 1,4 tỷ USD năm 2000, như một cánh buồm. Buồm càng lớn, càng chứa được nhiều gió, con thuyền càng đi nhanh, đi xa...

Càng nhớ câu thơ hay đến tài tình của Huy Cận: “Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm”. Không có mưa xuân, cây buồm làm sao có thể “tươi tốt” được. Mưa xuân ấy là Vận khí của Đất nước.

Con thuyền thủy sản đang giương một cánh buồm vào thiên niên kỷ mới.

THỦY TẶC VÀ TRIỂN VỌNG VỀ NHỮNG VÙNG BIỂN TRONG NHƯ NƯỚC LỘC!

---* ❖ *---

Cái tên Nguyễn Kim Thoa rất dễ khiến người ta lầm tưởng với một quý bà. Tôi định nói với ông Phó chi cục trưởng Bảo vệ nguồn lợi thủy sản kiêm Chánh thanh tra Sở Thủy sản Thanh Hoá như vậy. Nhưng khi nhìn kỹ cái dằm vẻ rất đàn ông với những dấu ấn của bão gió và sông nước trong đôi mắt to màu đồng thau, trên gương mặt rtrầm tĩnh và cương nghị..., tôi vội lái câu chuyện:

- Nghe nói dân đánh cá Thanh Hoá, vụ bắc vừa rồi trúng lớn?
- Sao anh biết?

Tôi kể cho anh Thoa nghe chuyện đi Lạch Trường hôm qua. Vùng đất nổi tiếng bởi chiến công của các lão dân quân bắn rơi máy bay Mỹ hơn 30 năm trước không ngờ có một xí nghiệp chế biến đông lạnh vào loại lớn nhất miền Bắc. Xí nghiệp vừa được Nhà nước cho vay vốn 7 tỷ đồng để nâng cấp nhà xưởng, nhập trang thiết bị đông lạnh xuất khẩu. Theo chị Đỗ Thị Diễm, Giám đốc xí nghiệp cho biết: Quý I vừa rồi xí nghiệp chế biến 700 tấn sản phẩm đạt giá trị 730.000USD xuất khẩu. Sau 21 năm thành lập, chưa bao giờ xí nghiệp đông lạnh Hoàng Trường lại đạt những con số kỷ lục như vậy.

Anh Thoa lắc đầu buồn bã:

- Trong niềm vui đạt sản lượng và giá trị xuất khẩu cao của chị Diễm có thấp thoáng nỗi lo đấy. Cũng giống như những vận động viên thể thao sử dụng doping ấy mà. Đạt đỉnh cao thành tích cũng là lúc tự giết mình. Việc sản lượng đánh bắt vụ Bắc vừa rồi tăng đột ngột, có một nguyên nhân khiến những người làm công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản chúng tôi đau đầu, đó là hiện tượng dùng xung điện, kích điện. Đây là một phương pháp đánh bắt huỷ diệt, còn nguy hiểm hơn việc nổ mìn.

Tôi bỗng nghĩ tới mấy tay đi xiếc cá ở quê. Chiếc giỏ đeo trước bụng, bình ắc quy đeo sau hông, hai cái cần tre có vòng sắt uốn cong như cái thìa, gã xia cần xuống nước, cá tôm nhảy loạn xạ rồi chết đứ đừ. Quả là một vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Gã xiếc cá đến ao nào, ruộng nào, nơi ấy sạch sành sanh cả đến trứng tôm, trứng tép.

- Cái trò xiếc cá là trò của trẻ con - Anh Thao phì cười - Đánh bắt bằng xung điện bây giờ mới thực sự là những cuộc đại huỷ diệt. Anh hãy tưởng tượng: Một bộ ắc quy 12 vốn chỉ dùng để thắp sáng trên tàu, khi được lắp bộ kích điện, điện thế có thể lên tới hàng nghìn vôn. Bọn thủy tặc vòng dây điện xuống hai đầu chiếc lưới giã rồi kéo trên biển. Không một con tôm, con cá nào thoát. Mùa gió bắc vừa rồi, quãng từ tháng 11, tháng 12 cho đến tháng 4 là mùa tôm bộp. Suốt một dải bờ biển Thanh Hoá từ Hòn Nẹ tới Lạch Bạng, Hòn Mê, Hòn Nắm vùng ngoài khơi từ 15 đến 20 sải nước là các bãi tôm. Những chiếc thuyền lưới giã tôm công suất từ 15 CV đến 24 CV đánh kích điện vụ bắc vừa rồi trung bình thu từ 1,2 đến 1,5 tấn tôm, được ngót nghét trăm triệu đồng.

- Thảo nào ở Xí nghiệp đông lạnh Hoàng Trường quý I vừa rồi nhiều ngày sản lượng đạt tới 5-6 tấn tôm, máy chạy hết công suất.

- Đánh bắt kích điện, đầu tư ít mà hiệu quả cao. Một bộ kích điện chỉ tốn một, hai triệu. Một tàu trước kia một ngày chỉ đánh được 5-6 kg nay dùng kích điện có thể được hai chục kilôgam tôm bộp.

- Chẳng lẽ các anh chịu bó tay hay sao? - Tôi lặng đi vì những bài toán mà anh Thoa vừa nhẩm tính, rồi đột ngột hỏi.

- Chúng tôi vừa qua những tháng vật lộn quyết liệt trên biển. Quý I năm nay, chúng tôi đã bắt 69 vụ; xử phạt, nộp ngân sách 82 triệu đồng, bằng số tiền xử phạt và thu lệ phí của cả năm 2000. Nhưng thành thực mà nói, chúng tôi mới kiểm soát được chừng 10%. Anh hãy mừng tượng, cả dải bờ biển Thanh Hoá dài 102 km mà chúng tôi chỉ có 2 trạm kiểm ngư ở Lạch Hới, Lạch Bạng, hai tàu kiểm ngư 33 CV và 380 CV với toàn bộ quân số chưa đầy 30 người. Với lực lượng mỏng manh như thế, mấy tháng qua, chúng tôi phải đương đầu với chừng 350 lượt tàu đánh bắt bằng kích điện.

Không ít lần chúng tôi bị bao vây, bị đe dọa tính mạng giữa biển. Cuộc chiến với bọn thủy tặc đã bắt đầu

*

Ngay chiều hôm ấy, anh Thoa đưa tôi xuống trạm kiểm ngư Lạch Hới, nơi có hai con tàu kiểm ngư của ngành thủy sản neo đậu. Trạm trưởng Nguyễn Văn Tá, các thuyền trưởng Hoàng Văn Tân và Lê Ngọc Vân cùng các thủy thủ đón tôi như người nhà. Cả ruột hầm tàu 380 CV là kho chứa “chiến lợi phẩm” mà các anh mới thu giữ trong vụ Bắc bao gồm các loại lưới giã, các loại kích điện, dây điện. Công cụ của bọn thủy tặc thật đơn giản. Bộ kích điện là những khay nhựa, can nhựa rộng chừng bằng quyển vở học trò dùng để gá lắp những vi mạch, trong đó bộ phận quan trọng là những tụ điện, đèn đi ốt được hàn theo những sơ đồ khác nhau với mục đích tăng điện thế từ chiếc ắc quy 12 vôn lên thành xung điện mạnh hàng ngàn vôn. Với dòng xung điện cực mạnh này, lại được phóng ở môi trường nước, khiến không một loài thủy sinh nào sống nổi.

- Những bộ kích điện này được “phát minh” từ đất Nam Định - Hoàng Văn Tân nói - Dân Thanh Hoá thấy hiệu quả liền du nhập về. Nếu không ngăn chặn kịp thời, e rằng mùa cá Nam và nhất là mùa Bắc cuối năm sẽ là mùa huỷ diệt biển.

- Và rồi mùa biển những năm sau sẽ chẳng còn gì để đánh bắt. Chúng ta sẽ sống với môi trường biển hoàn toàn trong sạch, trong sạch đến mức chỉ có nước và muối (!).

Tôi bỗng rùng mình. Hết lâm tặc trên rừng, giờ lại đến thủy tặc dưới biển. Bọn lâm tặc ở trong rừng, muốn đốn gỗ phải có cưa, có rìu, phải phát ra tiếng động. Dù chúng ba đầu sáu tay, ta vẫn dễ dàng nhìn thấy; chúng chở gỗ phải dùng phương tiện ô tô và đi trên những tuyến đường được kiểm soát gắt gao, vậy mà hàng chục chiến sĩ kiểm lâm - vốn là lực lượng bán vũ trang, được Nhà nước trang bị súng, được quyền tự vệ khi gặp kẻ chống người thi hành công cụ, đã phải thiệt mạng vì bọn lâm tặc. Còn những người làm nghề kiểm ngư này, không được trang bị vũ khí, không có quyền bắt bọn thủy tặc dù chúng đang dùng kích điện huỷ diệt thủy sinh,

chúng lại tản mát trên hàng ngàn hải lý vuông, lẫn vào sóng, vào sương mù, với lại chúng đánh kích điện nhưng không phát ra tiếng kêu, không phát ra tần số, thậm chí đi sát thuyền chúng, nếu không có con mắt chuyên môn cũng khó phát hiện ra.

- Đầu tháng ba vừa rồi, tàu 380 CV của chúng tôi bị bao vây ở phía bắc Hòn Nẹ - Máy trưởng Nguyễn Thế Toàn kể - Nhờ trang bị ra-đa, chúng tôi phát hiện ra một nhóm tàu đang đánh bằng kích điện. Chúng tôi rượt đuổi bắt 3 chiếc. Lập tức, họ dùng máy bộ đàm gọi các tàu khác đến ứng cứu. Chúng tôi bị mấy chiếc tàu bao vây, họ quăng lưới, quăng dây cáp làm cho tàu chúng tôi bị quấn chân vịt. Cùng lúc đó, các tàu cắt kích điện và dây lưới quăng xuống biển phi tang, dùng máy định vị đánh dấu bộ giả và dây điện để lúc khác quay lại lấy.

- Khác với bọn lâm tặc, đạo tặc, khi bỏ chạy để lại tang vật trong rừng, trên mặt đất, người thi hành công vụ có thể “mục sở thị”, tang chứng vật chứng rõ ràng - Thuyền trưởng Lê Ngọc Vân giải thích - nhưng với bọn thủy tặc hiện đại, nhờ máy định vị, chúng có thể giấu tang vật dưới biển sâu, khi người thi hành công vụ đi xa, chúng cho tàu đến dừng ở tọa độ đã giấu tang vật, vớt lên và tiếp tục hoạt động.

Càng nghe, càng thấy cuộc chiến trên biển của những người làm công tác kiểm ngư thật khó trăm bề. Trên rừng khó một, dưới biển khó mười. Nghề cá của chúng ta là nghề cá nhân dân. Mỗi ngày từ các cửa lạch, hàng nghìn chiếc thuyền cùng ra khơi vào lộng. Chỉ cần một phần mười, phần trăm trong số đó dùng kích điện bắt huỷ diệt, đủ làm cho biển cạn kiệt nguồn lợi. Làm cách nào để bắt hết những kẻ tham lam và thiến cận ấy, nếu không có những cuộc tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong cộng đồng ngư dân, nếu không được toàn thể các cấp chính quyền, các đoàn thể xã hội ra tay?

- Anh phải viết giúp chúng tôi những điều này lên báo. Phải cảnh báo về nạn thủy tặc để toàn Đảng, toàn dân cùng tháo gỡ trên mặt trận này - Anh Đào Văn Vạn, cán bộ trạm kiểm ngư Lạch Hới đánh thức tôi lúc 2 giờ sáng và tuôn ra một tràng những lời kiến nghị.

- Ở các nước có lực lượng cảnh sát biển - Tôi nói - phải có một tổ chức bán vũ trang để bảo vệ nguồn lợi biển.

- Cứ như chúng tôi bây giờ, chẳng khác nào một bọn đi xua gà. Đã có lần tàu 33 CV của chúng tôi bắt một tàu đánh kích điện dong vào bờ. Dọc đường đi, tàu họ vọt tăng tốc chạy về bến của họ. Chúng tôi đuổi theo, lập tức hàng chục tàu ủa ra bủa vây ứng cứu. Đành bó tay.

- Tưởng kiếm ngư các anh cũng được trang bị súng?

- Có một vài khẩu nhưng để trang sức chứ không được bắn. Khác với kiếm lâm, có quyền được nổ súng tự vệ, chúng tôi hoàn toàn không. Nói thật với anh, tôi từng làm thuyền trưởng tàu 33 CV. Nhưng thấy lực bất tòng tâm. Nhiều khi nản thực sự vì bọn thủy tặc ngày càng ngang nhiên hoành hành...

Giọng kể của Vạn có gì xa xót như chính anh đang bị mất đi một cái gì.

Tôi nói:

- Tôi có cảm giác anh không phải người Thanh Hoá.

Anh Vạn cười hiền lành:

- Quê tôi ở Văn Giang, Hưng Yên. Năm nay 53 tuổi nhưng có tới 31 năm là người Thanh Hoá...

Tôi bỗng đưa mắt nhìn quanh: Gia tài của một kỹ sư thủy sản dành dụm được 30 năm qua, sơ sài đến mức tôi không tin ở mắt mình: Một chiếc xe đạp, một gòm gỗ đựng quần áo, đồ dùng, một chiếc chăn bông đã bị hơi nước biển làm răn lại nặng trĩch và một giường cá nhân mượn của cơ quan. Ngay cả một phòng riêng, Vạn cũng không có. Chiếc giường cá nhân kê trong phòng làm việc, cạnh bộ bàn uống nước.

- Sống trên tàu mấy chục năm, quen rồi anh ạ - Vạn nói - Được ngủ trên bờ, không có sóng, lại yên tĩnh thế này là sướng lắm rồi. Ban tối, định bố trí anh ngủ trên tàu, nhưng tôi nghĩ anh không quen, nên phải nhường chiếc giường này cho anh...

Canô đã chuẩn bị xong. Vạn đưa cho tôi bộ áo mưa, bảo tôi mặc trùm đầu vì hơi nước và sóng sẽ rất lạnh. Năm cán bộ của trạm và tàu kiểm ngư

đều mặc sắc phục màu ka ki xám có mũ kêpi và phù hiệu. Chỉ huy chuyển tuần tra này là thuyền trưởng Lê Ngọc Vân. Minh, chàng trai trẻ nhất đoàn làm nhiệm vụ lái tàu.

Chiếc canô với tốc độ 10 hải lý rẽ sóng ra cửa biển Lạch Hối. Ngoặt phía bên phải là bãi tắm Sầm Sơn, nơi bắt đầu khai trương mùa tắm biển. Phía bên trái là vùng biển Hoàng Phụ, nơi triều bãi đang được ngăn lại thành từng khoang để nuôi ngao, nuôi tôm sú.

Giữa mênh mông sóng nước và sương mù, gió rét đã thấy thấp thoáng thuyền câu và những người mò ngao, hến hụp lặn. Ra đến gần cửa biển thì xuống quay lại. Hành trình của chúng tôi sẽ từ cửa biển ngược lên tới cầu Hàm Rồng.

- Liệu những chiếc thuyền đang kéo lưới trên sông kia có dùng kích điện không? - Tôi hỏi.

- Chúng tôi đang muốn bắt quả tang một trường hợp để anh biết - Lê Ngọc Vân vừa nói dứt lời thì Dũng đã hô lớn:

- Quay lại, áp vào thuyền nó.

Ngoặt một trăm tám mươi độ, Minh đã quay ngoặt ca nô trở lại đuổi theo một thuyền máy. Trên thuyền là hai vợ chồng trẻ. Anh chồng dùng sào tự vệ, chị vợ nhanh tay ngắt một kích điện và lưới vớt xuống sông. Dũng, Vạn và Vân, Tuấn cùng tung bộ giã, một dụng cụ tựa như móc câu, sang thuyền đối phương để bắt tang vật.

Trống ngược tôi đập thành thịch. Chợt nghĩ tới lời một thầy tử vi cảnh báo với tôi tháng trước: “Tháng Tư tránh đi sông nước. Có thể gặp tai nạn”. Chiếc thuyền phạm pháp mở máy hết tốc lực chạy trốn. Chị vợ vừa vớt tang vật xuống sông vừa khóc như cha chết. Anh chồng cầm sào lồng lộn sẵn sàng tử chiến nếu chúng tôi nhảy sang thuyền.

- Súng đâu? Sao không bắn một phát chỉ thiên để thị uy? - Tôi quay lại Vạn và hiểu ra rằng lúc này Vạn đề nghị mang súng, nhưng Vân đã gạt đi.

Xuồng máy của chúng tôi quay tròn quanh nơi vớt tang vật, nhưng khúc sông này sâu quá, không vớt được.

- Hãy cảnh giác phía bờ. Thuyền ửng cứu đang ra.

Từ hai phía bờ, tôi thấy 4 chiếc thuyền đang lao ra ửng cứu. Trên thuyền là những ngư dân lực lưỡng, tay cầm sào, gậy. Một ngư dân vỗ bồm bộp vào bụng và quát vào sóng những tiếng gì đó. Tôi tưởng như anh ta thách bắn vào bụng. Nhưng sau này tôi mới biết anh ta muốn nói rằng: Đói quá. Chỉ vì cái bụng này mà phải dùng kích điện để đánh bắt thôi!

Cảm giác lời ông thầy tử vi có thể ửng nghiệm càng khiến tôi lo sợ. Nếu có một cuộc tử chiến trên sông, chắc chắn tôi sẽ khó tránh khỏi tai nạn. Mà tôi lại bơi quá tồi. Dòng sông thì rộng và sâu.

- Không bắt được kích điện và lưới à? - Thôi, tha cho nó - Vân ra lệnh.

Chiếc canô của chúng tôi rời xa chiếc thuyền phạm pháp. Trên thuyền, cả hai vợ chồng chấp hai tay vái sang thuyền chúng tôi lia lịa, ý cảm ơn chúng tôi đã tha không bắt.

- Anh thấy đó. Đây chỉ là một trường hợp trong hàng trăm trường hợp anh em chúng tôi gặp thường ngày - Vân nói.

- Vùng này thuộc thôn Văn Minh, xã Đông Hải, một địa bàn phức tạp nhất vùng của sông Mã - Dũng nói - Tại đây chúng em đã đụng độ hàng chục lần, có lần cả làng kéo ra giải cứu cho nhau. Đối tượng đánh lưới giã kích điện thường là dân đói, nghèo.

- Hôm nay nếu bắt được tang vật, chắc chắn sẽ có xô xát - Tôi nói trong hơi thở.

Thuyền trưởng Lê Ngọc Vân nói:

- Chúng tôi đã xác định rồi. Mùa cá Nam sắp tới sẽ là mùa thủy tặc hoành hành. Trường hợp vừa rồi chỉ là một sự cố nhỏ trên sông. Mặt trận chính của chúng tôi chính là những bãi tôm, bãi cá từ Hòn Nẹ đến Lạch Bạng - Hòn Mê. Nơi đó mới là trận địa mà chúng tôi phải đối đầu với hàng trăm tàu thuyền công suất lớn đánh bắt bằng kích điện huỷ diệt.

Cầu mong đừng xảy ra những hy sinh mất mát đáng tiếc như nạn lâm tặc mấy năm qua. Tôi xiết chặt tay Vân và nhìn khắp lượt 5 chiến sĩ kiểm ngư, như muốn nói với tất cả: Chúng ta còn thời gian, chúng ta có thể và nhất

định ngăn chặn được nạn thủy tặc trong mùa biển tới để bảo vệ nguồn thủy sinh cho muôn đời con cháu mai sau.

NHỮNG ĐIỀU CHƯA BIẾT VỀ HAI VỢ CHỒNG CỦA KIẾN TRÚC SƯ HUỲNH TẤN PHÁT

---* ❖ *---

Dì Tu và dì Mi, đó là hai tên thân thiết mà những người con của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát và bà Bùi Thị Nga gọi hai người em gái của mẹ mình. Dì Tu là tên thường gọi của bà Bùi Thị Nguyệt, còn dì Mi là tên thường gọi của bà Bùi Thị Hương. Cùng với người chị cả là bà Bùi Thị Nga, cả ba chị em đều sinh ở Hà Nội. Phố Sinh Từ, nay là Nguyễn Khuyến, từng in bao kỷ niệm tuổi thơ của họ.

Theo hồi ký của bà Bùi Thị Nga, ông thân sinh ra bà, trước đây từng là trưởng phòng hoạ đồ và thiết kế của Hãng thầu xây dựng Pháp Brossard-Mopin. Đầu những năm 1930 do công việc làm ăn, ông đưa vợ và ba người con gái vào Sài Gòn lập nghiệp, sau đó ít năm, ông bị bệnh mất (1940), để lại người vợ trẻ và ba người con gái đang tuổi đi học.

Vốn sinh trưởng trong một gia đình Hà Nội gốc, nề nếp, gia giáo, cả ba cô con gái họ Bùi đều học hành giỏi giang, đọc và viết thạo tiếng Pháp, tiếng Anh. Bà Bùi Thị Nguyệt sau làm văn phòng của Đại sứ quán Pháp ở Sài Gòn. Bà Bùi Thị Hương vào làm văn thư ở Bộ ngoại giao chính quyền Ngụy thời ngoại trưởng Trần Văn Lắm. Hồi Nguyễn Văn Thiệu lên làm tổng thống, vợ Thiệu một mực đề nghị bà Bùi Thị Hương làm thư ký cho mình. Do công việc, cả hai bà Nguyệt và Hương đều thông thạo ngoại ngữ và xuất ngoại nhiều lần.

Riêng bà chị cả Bùi Thị Nga, lớn hơn hai em đến mười tuổi, lại phải giúp mẹ nuôi em khi bố mất sớm, nên sau khi học xong thành chung đành bỏ rẽ ngang đi dạy học tư. Cuộc tình duyên giữa cô giáo trường tư Bùi Thị Nga và chàng kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát bắt đầu từ thành phố Đà Lạt thơ mộng, mùa hè năm 1943. Năm ấy KTS Huỳnh Tấn Phát tròn 30 tuổi. Anh

lên Đà Lạt kiểm tra hai công trình xây dựng gần hồ Xuân Hương và tình cờ gặp cô gái Hà Nội vừa tuổi 20, da trắng, mắt đen, đầy sức quyến rũ. Một người bạn từ Hà Nội vào rủ cô lên nghỉ ở hotel d'Annam của ông Hội đồng Nguyễn Ngọc Chúc, một người họ hàng của Huỳnh Tấn Phát. Cuộc tình của họ được thử thách hai năm và đám cưới được tổ chức trước cuộc Cách mạng mùa thu tháng Tám tại Sài Gòn. Đêm tân hôn của họ là đêm mà chàng rể “quên” cả cô dâu để lo soạn tài liệu cho buổi nói chuyện với công nhân Đập Dĩ An (xưởng sửa chữa đường sắt Dĩ An) vì khi đó anh đang phụ trách Phòng thông tin Sài Gòn. Cũng từ đây, số phận của những người phụ nữ trong gia đình này dường như không còn thuộc về họ.

Người con trai đầu của vợ chồng KTS Huỳnh Tấn Phát là Huỳnh Thiện Hùng (nay là đại tá, Phó tư lệnh Binh đoàn 16) được bà Nga mang thai trong những ngày đi tìm luật sư bào chữa cho chồng và lo tiếp tế cho ông trong tù. Cái tên của anh vừa Thiện vừa Hùng được KTS Huỳnh chọn đặt cho con trong những ngày nằm trong khám lớn Sài Gòn (1946). Con trai đầu lòng chưa đầy hai tháng, đầu năm 1947 bà Nga đã gửi cho mẹ và hai dì nuôi hộ để tham gia hoạt động cách mạng. Tiếp đó năm 1948, năm bà Nga gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam, con gái thứ hai Huỳnh Lan Khanh ra đời, cũng lại gửi về cho mẹ và hai dì nuôi. Dì Tu và dì Mai chính thức trở thành hai người mẹ của lần lượt sáu người con của ông bà Huỳnh Tấn Phát - Bùi Thị Nga từ đó...

Sau khi đẻ cháu Lan Khanh mười lăm tháng thì chị Nga tôi bị Pháp bắt - Dì Tu kể - Cháu Lan Khanh ở với chúng tôi từ năm 1948 cho tới năm 1967, đang học dở đệ nhị trường Gia Long (nay là trường Nguyễn Thị Minh Khai) thì cháu ra bưng thăm ba má. Ở chiến khu, không khí chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân lôi cuốn cháu, cháu xin ở lại làm trong ban Văn thư của Ủy ban Trung ương Mặt trận giải phóng. Không ngờ chuyển rời Sài Gòn ấy là lần ra đi cuối cùng của Lan Khanh. Ngày 4-1-1968 cháu bị địch đổ bộ vây bắt đưa về Sài Gòn bằng trực thăng. Không chịu sa vào tay giặc, cháu đã nhảy từ máy bay xuống. Mẹ chúng tôi nghe tin Lan Khanh mất, buồn thương rồi lâm bệnh, mất đúng ngày tháng Lan

Khanh mất một năm sau đó. Cuối năm 2002 vừa rồi, trước ngày giỗ đầu của chị Nga tôi, gia đình đã tìm thấy hài cốt cháu Lan Khanh ở Suối Chò, Sa Mát, Tây Ninh và đưa cháu về nghĩa trang thành phố.

Dì Mi kể:

- Sau giải phóng, cháu Lan Khanh được công nhận là liệt sỹ. Chị Nga tôi bảo: “Anh chị có công đẻ cháu, nhưng suốt 18 năm, công nuôi cháu là của mẹ và hai dì. Nay tiêu chuẩn của mẹ liệt sỹ Huỳnh Lan Khanh là của hai dì. Chúng tôi không dám nhận”. Chị Tu bảo: Lương tôi cao. Dì Mi lương thấp. Để dì Mi hưởng tiêu chuẩn mẹ liệt sỹ” Đúng là lương hưu của tôi (369.000đồng), so với lương hưu chị Tu do Đại sứ quán Pháp trả (hơn 5000 quan) thì chẳng thấm tháp gì. Tôi nhận xuất tiêu chuẩn mẹ liệt sỹ, mỗi tháng 120.000đồng.

Có một câu chuyện vui liên quan đến thiếu tướng tình báo, anh hùng Phạm Xuân Ẩn mà cho tới bây giờ dì Tu mới kể:

- Hồi ra chiến khu hoạt động cùng anh Phát, chị Nga tôi lúc nào cũng lo hai cô em gái ế chồng, nên thỉnh thoảng thư về lại khuyên chúng tôi đừng vì việc chăm sóc các cháu mà quên tính chuyện hạnh phúc gia đình. Hồi sinh cháu Quốc ngoài chiến khu, khi cháu được tám tháng, chị Nga tôi nhờ một thanh niên đưa cháu về cho chúng tôi nuôi. Người đó chính là anh Khoẻ, sau này chúng tôi mới biết tên thật anh là Phạm Xuân Ẩn, một người viết báo nổi tiếng ở Sài Gòn. Từ đó thứ bảy nào anh Khoẻ cũng đến chơi. Trông anh kỳ khôi lắm. Đi đường dẫn theo chó béc giê, dáng đi khuỳnh khuỳnh. Tôi đoán chừng chị Nga tôi muốn làm mai tôi cho anh Khoẻ. Nhưng sao lúc nào gặp anh tôi cũng mắc cỡ quá chừng...

Những câu chuyện của thời thiếu nữ xa xôi ấy khiến bây giờ dì Tu vẫn không giấu được nỗi xao xuyến trong lòng. Đã có bao lần hai dì bâng khuâng, bồi hồi về bóng dáng các chàng trai đi qua đời mình? Đã có mối tình thực sự nào đến với họ? Tất cả vẫn là những bí mật riêng tư chỉ có hai dì biết. Điều hiển nhiên là, trọn vẹn tuổi xuân, hai dì đã dồn hết cho các cháu. Lần lượt sáu người con: Hùng, Khanh, Tuấn, Quốc, Dũng, Thảo của hai vợ chồng KTS Huỳnh Tấn Phát đều được sinh thành một lần nữa nhờ

tình yêu của bốn người phụ nữ, trong đó có hai người mẹ và hai dì Tu, Mi. Bay giờ hai người phụ nữ độc thân (chứ không thể gọi là đàn bà) ấy đã ngoài 70 tuổi. Suốt bảy thập niên, với biết bao biến động của xã hội, họ vẫn sống bên nhau, chia sẻ với nhau bao vui buồn, cam go, li tán, đoàn tụ ở căn nhà số 1 hẻm 56 phố Khuỳnh Khương Ninh này.

Đến thăm hai dì, tôi kinh ngạc khám phá ra một mảng khuất lấp của cuộc đời, những hy sinh lặng lẽ và vô danh mà nhiều người vô tình không thể nhận ra. Càng ngạc nhiên hơn khi tôi thấy căn nhà nhỏ hai tầng của các dì như một bảo tàng của tuổi thiếu nữ. Có đến vài ba chiếc tủ kính lớn đầy ắp những bộ sưu tập: hàng trăm búp bê xinh xắn đủ kích cỡ, các quốc tịch; hàng ngàn huy hiệu, kỷ niệm chương, đồng hồ, tiền cổ, vòng, xuyên, nhẫn, ly, cốc, đồ nữ trang... Mỗi kỷ vật đều mang dấu ấn một vùng đất, một chuyến đi. Dường như chúng được mua, được sưu tầm với tấm lòng và tình yêu của người mẹ đem về cho các con chơi chứ không hẳn là dụng ý của người sưu tập, người chơi đồ cổ.

- Sống trong không gian của những kỷ vật này, chúng tôi luôn có một thế giới hồi ức - Dì Tu nói - Cứ mỗi lần đi đâu xa, chúng tôi lại nhớ cồn cào căn nhà nhỏ thân thương này. Ở đây có mẹ tôi và các cháu... Có lẽ lần dì Mi bị kẹt ở Đức một năm, nhưng nhất quyết đòi trở về cũng là vì không thể xa được ngôi nhà này...

Đó là khoảng thời gian cuối năm 1974, bà Bùi Thị Hương làm việc tại Đại sứ quán nguy quyền ở Cộng hoà Liên bang Đức. Sau giải phóng 30-4-1975, hầu hết người Việt Nam làm việc trong toà đại sứ đều ở lại châu Âu hoặc sang Mỹ cư trú chính trị. Riêng bà Bùi Thị Hương gửi đơn đi các nơi đòi trở về nước, bất chấp những lời đe dọa: “Về nước sẽ bị cộng sản tằm máu, sẽ bị hành quyết”... Gần một năm sau, nhờ sự can thiệp của KTS Huỳnh Tấn Phát, bà Hương mới được trở về Sài Gòn.

- Hôm ra đón dì Mi ở sân bay Tân Sơn Nhất, chúng tôi thấy “nó” mặc bộ đồ đen kỳ cục quá. Sau này Mi thú nhận rằng, “Nó” mặc đại tang, sẵn sàng chịu “hành quyết” miễn là được trở về Sài Gòn, được gặp chị và các cháu...

Dì Tu vẫn xưng hô với em gái như từ thời hai chị em chơi ô ăn quan, chơi nhảy dây với nhau. Dường như với họ, các đại từ nhân xưng bất biến với thời gian.

- Vậy là mẹ tôi, anh Phát và hai đứa tôi hi sinh cả hạnh phúc riêng của mình để chăm sóc các cháu thật không uống công, chú à - Dì Tu nói tiếp - Sau năm 1975 dì Mi mới thực sự mang hết vốn kiến thức để phụng sự xã hội. Mi được làm việc ở Thư viện Tổng hợp thành phố, được mọi người yêu mến, tin cậy. Tôi phân công: Vì tôi vẫn làm cho Đại sứ quán Pháp, lương có khá hơn, tôi sẽ giúp Mi, giúp các cháu về kinh tế. Còn Mi cứ tập trung cho công việc ở Thư viện. Quả nhiên dì ấy làm việc rất tốt, được tất cả các độc giả, nhất là các nhà giáo, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, yêu mến. Chưa thấy ai “tham quyền cố vị” như dì Mai đâu chú ạ. Lẽ ra đến tuổi về hưu từ hơn mười năm trước, vậy mà mãi đến năm 2000 vừa rồi mới chịu nghỉ hưu đó...

Khác với dì Tu, ăn to nói lớn, dáng cao lớn như chị cả, dì Mi thấp đậm, nhỏ nhẹ, dịu dàng. Dì Mi cười, nói chữa:

- Tôi phụ trách kho sách và tư liệu tiếng Pháp, suốt bao nhiêu năm đã thuộc từng thư mục, từng loại tư liệu, ai cần, tìm ra ngay. Mình nghỉ hưu sớm khi chưa có người thay thế, nghỉ không đành...

- Chú thấy không, Mi tôi quan trọng lắm đó - Dì Tu nói và cười lớn như muốn chọc ghẹo cô em. Trái lại, dì Mi chỉ bẽn lễn cười.

Nhìn hai người phụ nữ ngoại thất tuần, tôi có cảm giác dường như cả hai dì đều chưa hề đánh mất tuổi thiếu nữ xa xưa của mình.

BÀ TIẾN SĨ CUA VÀ BÀ TIẾN SĨ ỐC

---* ❖ *---

Ở Trung tâm nghiên cứu thủy sản II (sắp tới sẽ nâng cấp thành viện nghiên cứu thủy sản III) có hai phụ nữ được cấp học vị Tiến sĩ. Nhiều người gọi đùa là bà Tiến sĩ cua và bà Tiến sĩ ốc. Bà Tiến sĩ ốc tên gọi Nguyễn Thị Xuân Thu, hiện là Phó Giám đốc trung tâm, người nhỏ nhắn trắng trẻo, có đôi mắt đen láy hạt huyền, năm 2002 tiếng nổi như cồn vì đã thành công đề tài khoa học cấp quốc gia: sản xuất giống ốc hương và chuyển giao công nghệ nuôi ốc hương thương phẩm cho các tỉnh miền Trung và Nam Bộ. Hàng nghìn gia đình ở Khánh Hoà, Phú Yên, Thừa Thiên Huế, Kiên Giang... đã hốt bạc tỷ vì trúng vụ ốc hương đầu. Thương lái từ Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc đại lục kéo đến các vùng nuôi ốc hương, nâng giá ốc hương thương phẩm có lúc lên tới hơn trăm ngàn một ký, gần ngang với giá tôm sú. Cũng do cơn bộc phát nuôi ốc hương thái quá mà cuối năm rồi những người nuôi ốc hương phải trả giá. Môi trường nước ô nhiễm, ốc hương vụ tiếp theo chết hàng loạt. Hiện khắp nơi tới tấp thỉnh cầu bà Tiến sĩ ốc giải bài toán ốc hương và tiếp tục cung cấp ốc giống cho bà con ngư dân.

Bà Tiến sĩ cua - nói chính xác là cua-ghe, tên gọi Nguyễn Thị Bích Thuý, đáng cao sang, đài các. Thời Bích Thuý học Đại học Thủy sản Nha Trang (1976-1981), nếu có phong trào tuyển chọn người mẫu thời trang, chắc cô nữ sinh có mẹ người gốc làng nón Chuông, Hà Đông này đã khó trụ lại với ngành nuôi trồng thủy sản. Tốt nghiệp khoá nuôi 18, Thuý được giữ lại trường làm trợ giảng, nhưng rồi chị lại rẽ ngang sang Sở Tư Pháp Khánh Hoà. Có lẽ đó là do thiên định của tình duyên. Thời gian ở ngành Tư pháp chỉ đủ để chị lọt vào mắt xanh chàng trai Bình Trị Thiên cử nhân ngành Luật, để rồi cưới nhau xong, hai năm sau Thuý lại trở về ngành thủy sản, làm ở Trung tâm NCTS III cho tới bây giờ.

Đề tài khoa học mà Bích Thuý theo đuổi và cũng là luận văn Tiến sĩ của chị (năm 1996) là con tôm hùm, một đặc sản biển miền Trung, “ông Hoàng” của các loài thuỷ tộc. Kể với tôi về những ước mơ khoa học của mình, Bích Thuý vẫn không giấu nổi niềm đam mê:

- Cho tới bây giờ tôi vẫn ao ước được tiếp tục đề tài về con tôm hùm. Nhất định phải tìm được phương pháp cho tôm hùm sinh sản nhân tạo chứ không thể để dân phải ra biển lòng bắt từng con giống non như mò kim đáy biển thế kia.

Trên đường từ Nha Trang ra Tuy Hoà, chị Thuý bảo dừng xe bên vịnh Xuân Đài, chỉ cho tôi những chiếc thuyền đang đánh bắt tôm hùm con và những lồng nuôi tôm hùm trong vịnh.

- Con tôm hùm non trong suốt, ngộ lắm anh ạ. Một con cỡ chừng ngón tay út hiện bán từ 50 đến 100 ngàn. Trong các món thuỷ đặc sản, có lẽ giá tôm hùm đắt nhất! Cán bộ chúng ta làm sao dám ăn một ký tôm hùm với giá 400-500 ngàn đồng?

- Sao chị không tiếp tục theo đuổi đề tài con tôm hùm mà lại chuyển qua con ghẹ?

- Cho tôm hùm đẻ nhân tạo vẫn còn đang là một bài toán hắc búa cho các nhà khoa học thế giới. Phải đầu tư nhiều trang thiết bị tốn kém. Phải có nhiều tiền... Đó chính là lý do khiến tôi phải chuyển đề tài sang con ghẹ xanh (*Portunus pelagicus*). Chúng tôi mới bắt đầu từ cuối năm 2001 với ý tưởng tìm một loài thay thế cho vùng nuôi tôm sú bị ô nhiễm, tạo cơ hội xoá đói giảm nghèo cho ngư dân vùng bãi ngang ven biển. Chúng tôi đã cho nở thành công lứa ghẹ đầu vào cuối năm 2002, đã cung cấp hơn mười vạn con giống cho các cơ sở nuôi thử nghiệm ở Phan Rang và Tuy Hoà. Ban đầu cứ nghĩ rằng đây là loại thuỷ sản dễ kiếm, rẻ tiền, nhưng thực ra không đúng như mọi người tưởng. Nếu sản xuất được ghẹ thương phẩm, tức là mỗi năm chúng ta có hàng chục ngàn tấn sản phẩm, lợi nhuận thu được sẽ không nhỏ.

- Giá ghẹ hiện nay quá thấp, chỉ chừng hai mươi ngàn đồng một ký - Tôi nói và bỗng nhớ đến những rổ ghẹ luộc đỏ au mà những người dân Sầm

Sơn, Đồi Sơn, Cửa Lò vẫn quây bán dọc bãi tắm. Sau một hồi bơi lội, nhảy sóng, mấy cặp bạn rủ nhau lên ghé dù làm cầu bia lạnh với đĩa ghé luộc chấm muối tiêu, còn thú nào bằng...

- Đó là ghé khai thác tự nhiên - Tiến sĩ Thuý khoát tay - Muốn làm hàng xuất khẩu thu ngoại tệ phải cần có những sản xuất xuất ghé tập trung, mỗi mùa vụ thu hàng ngàn tấn. Có một mặt hàng đang được nhiều nước ưa chuộng, đó là ghé lột. Nếu như ghé thường chỉ bán được mười lăm, hai mươi ngàn một ký thì ghé lột giá có thể gấp ba, bốn lần, tới 80.000 đồng một ký. Muốn có ghé lột thương phẩm, phải có ghé đại trà. Con ghé dễ nuôi và đầu tư rẻ hơn con tôm sú rất nhiều, lại... có thể nuôi ở các địa tôm bỏ hoang. Một vụ ghé chỉ cần ba tháng. Nếu chăm sóc tốt có thể cho sản lượng tới ba, bốn tấn một héc ta. Nếu biến hết số ghé thu hoạch thành ghé lột, ta sẽ có nguồn thu chẳng kém gì tôm sú...

- Vấn đề là từ con ghé thường, làm thế nào để biến chúng thành con ghé lột? - Tôi phân vân.

- Bài toán này đã có lời giải rồi anh ạ. Lát nữa ra Sông Cầu, tôi sẽ giới thiệu với anh những chuyên gia về ghé lột.

*

Quả nhiên, như để chứng minh cho “học thuyết” về con ghé xanh của bà Tiến sĩ cua ghé, sáng ấy ở đầu cầu Bình Phú, chiếc cầu thế kỷ nổi Phú Yên với Quy Nhơn tránh không phải vượt đèo Cù Mông, chiếc cầu làm đổi đời người dân xã Xuân Hoà ngàn đời ốc đảo, tôi đã gặp Hai Bông, chuyên gia hàng đầu của huyện Sông Cầu về con ghé lột. Chiếc quán tuềnh toàng của vợ chồng Hai Bông bên Quốc lộ 1 thực chất là nơi thu mua ghé và các hải đặc sản. Mỗi sáng, thuyền đánh cá bắt ghé dọc đầm Cù Mông đưa ghé đến bán xô cho chị hai. Bằng con mắt nhà nghề, Hai Bông nhận ra ngay những con ghé cốm sắp đến kỳ lột. Lập tức chúng được nhốt vào những cái lồng nhựa, to chừng 2 tô phở úp lại rồi dùng dây thả xuống đầm nuôi riêng.

- Đây nè. Những con cốm này chỉ đêm nay sẽ lột - Hai Bông dẫn tôi ra bè, kéo những lồng nhựa nhốt ghé lên - Cua ghé thuộc loài giáp xác, tức là mỗi lần lớn nó phải lột bỏ xác cũ. Ghé con, sau khi nở hai, ba ngày là lột

xác lần đầu. Lớn gấp hai lần cũ. Khi ghẹ có trọng lượng 35-40gam, một tháng nó lột xác tiếp, lớn được gấp rưỡi, khoảng 60gam. Từ 60 gam nó lại lột xác để lớn đến 90gam. Cứ thế cho tới khi trưởng thành...

Chị Thuý nói:

- Con ghẹ sau khi lột xác, toàn thân mềm như một khối thịt. Đây là lúc nó có giá trị thương phẩm cao nhất. Người ta chỉ việc đưa ghẹ lột về nhà máy đông lạnh, xuất nguyên con. Vậy là từ ao nuôi, ghẹ có thể đến thẳng bàn tiệc...

- Nhưng điều bí quyết cho ghẹ lột lại nằm ở ao nuôi - Tôi nói và quay sang Hai Bông chờ đợi.

- Con ghẹ thường lột về ban đêm - Hai Bông quyết định cho tôi biết điều bí mật nghề nghiệp - Người biết chủ động cho ghẹ lột là người phải có tài thức đêm. Cứ hai tiếng lại phải đi nhắc hết các lồng lên coi. Khi thấy ghẹ lột phải lập tức đưa lên bờ. Nếu chậm quá hai tiếng ghẹ sẽ cứng lại ngay. Nước biển càng mặn, ghẹ càng nhanh cứng. Đó, để một ký ghẹ thường tăng giá trị lên gấp bốn lần, chỉ cần thức đêm canh chừng chúng lột. Vấn đề là phải có thật nhiều ghẹ cõm mới bỏ thời gian và công sức bỏ ra. Đề tài của bà Tiến sĩ Thuý sẽ đặc biệt có giá trị khi chúng ta có hàng nghìn tấn ghẹ đại trà...

Tôi nhìn bộ râu tua tủa, đôi mắt thâm quầng vì thiếu ngủ của Hai bông và hiểu ra công việc lặng thầm, gian khổ của ông chuyên gia ghẹ lột.

- May mà tôi có nhiều thứ hải sản quý hiếm để bồi bổ sức khoẻ - Hai Bông cười hà hà bắt từ bể nuôi lên cho tôi xem mấy đôi cá ngựa cỡ to bằng ngón tay cái. Và kìa, một con hải đặc sản gì tròn trục như một khối thịt, giống quả dưa chuột bự, màu tro rấp - Nhân có khách quý, vợ chồng tôi xin thiết đãi món cháo hải sâm. Món này mấy ông văn nghệ sĩ xa nhà không nên dùng nhiều... Sáng mai, nếu các vị còn ở lại tôi sẽ đãi tiếp món ghẹ lột tẩm bột rán.

Nói chưa dứt lời, chị Hai Bông, dáng thấp đậm, phúc hậu như một bà bảo mẫu đã bưng lên một nồi cháo bốc khói nghi ngút và thơm ngào ngạt. Tôi chợt nhớ lần đầu tiên trong đời được thưởng thức món cháo hải sâm ở

Đại tửu lầu Bắc Kinh tròn mười năm trước khi Hội Nhà văn Trung Quốc đái đoàn nhà văn Việt Nam sang thăm. Lần ấy người ta nấu hải sâm khô. Ăn để biết chứ chẳng thấy mùi vị gì. Lần này món cháo hải sâm tươi ninh với thịt chân giò, đỗ xanh, gạo nếp của vợ chồng Hai Bông quả là ... trên cả tuyệt vời.

Cũng may, bát cháo của vợ chồng Hai Bông không những ngon mà còn có giá trị bổ dưỡng thiết thực giúp tôi vượt qua một trận đói. Số là bà Tiến sĩ của ghe sáng ấy sau khi lội bộ dọc đầm Cù Mông; “mục sở thị” kiểm tra đủ sáu địa nuôi ghe thử nghiệm của ngư dân xã Xuân Hoà, đến gần mười một giờ mới tổ chức một cuộc họp đầu bờ với các hộ dân để bàn biện pháp chăm sóc lúa ghe đợt một, triển khai tiếp lúa ghe đợt hai. Cuộc họp kéo dài tới đúng hai giờ chiều khiến cái dạ dày vốn quen được chăm sóc theo giờ giấc của tôi cứ sôi lên sùng sục...

Giữa bạt ngàn những địa tôm dọc đầm Cù Mông, giữa bạt ngàn cát trắng và rừng dừa vùng bán đảo này tôi bỗng nhận ra sự giản dị, tận tụy và sức cảm hoá của nhà khoa học nữ. Bộ quần áo màu lòng tôm dân dã, chiếc nón lá đội đầu, đi đến đâu bà con đều nhận ra Thuý, coi chị như người thân thiết. Những Ba Mai, Hai Hoà, Năm Tuấn, Hai Thu, Sáu Thân... cùng Thuý ngồi bệt trên cát, dưới bóng dừa, hoặc cùng lội áo xuống địa ngụp lặn bắt lên những con ghe xanh hia mười năm ngày tuổi để so sánh đối chứng từng địa nuôi, xác định màu nước, cách cho ăn, biện pháp chăm sóc...

Tôi là một trong những người ở Xuân Hoà đi đầu trong việc đào địa nuôi tôm sú - Anh Ba Mai nói với tôi - Cái địa này tôi đào từ năm 1990. Gần chục năm tôm sú thẳng lớn. Cách đây ba năm, một đầm rộng 4000 mét vuông giá tới 150 triệu đồng. Năm vừa rồi, do nguồn nước bị ô nhiễm, tôm chết hàng loạt, giá một địa tôm dăm chục triệu không có người mua. Nếu đề tài con ghe xanh của cô Thuý thành công sẽ cứu được hàng nghìn địa bỏ hoang ở Sông Cầu...

- Chỉ cần bà con đừng rẻ rúng con ghe, biết đầu tư thích đáng cho nó, con ghe chắc chắn sẽ là cứu tinh của những người nghèo.

Câu nói đầy tự tin của bà Tiến sĩ cua ghe cứ ám ảnh trong tôi suốt một ngày lang thang trên những đìa tôm bỏ hoang ở Xuân Hoà. Hoá ra cái làng bán đảo Hoà Phú nghèo xơ xác, căn cứ địa bất khả xâm phạm của hai cuộc kháng chiến, đã từng làm tôi ngẩn ngơ suốt một buổi trưa khi tôi đứng ở khu nhà nghỉ Bãi Tiên ngắm nhìn sang bên kia đầm Cù Mông trong một lần đi dọc miền Trung cách đây hơn mười năm. Nhờ cây cầu Bình Phú nối bán đảo với quốc lộ Một, với đời sống văn minh, từ năm 2000 Hoà Phú vụt đổi đời. Cả làng mua xe đạp, tập đi xe đạp. Rồi nhiều nhà lên xe máy. Rồi một phố thị ở đầu cầu hình thành. Con tôm sú đang là vị cứu tinh giúp nhiều gia đình xây nhà mới, đào thêm đìa, mua sắm máy phát điện, máy sục khí, thì đùng một cái tôm sú chết hàng loạt. Nhiều gia đình trắng tay. Giấc mơ xây một ngôi nhà trên cát trắng quê hương đành gác lại. Một ngôi nhà chỉ cần dăm chục triệu đồng thôi, nhưng tiền ấy đang chôn cả ngoài ao đìa, đang thể chấp tất cả với con tôm...

Phải chăng con ghe xanh chính là loài hải sản có thể thay thế loài tôm sú ở vùng bãi ngang, có thể làm hồi sinh. Làm trẻ hoá những vuông đìa hoang hoá, già nua kia?... Buổi sáng tôi đứng bên đầm Cù Mông đẹp như một ảo ảnh mà đầu óc cứ trần trở mãi một câu hỏi ấy.

Thì kia, một chiếc xe tải nhỏ của Công ty Starbay vừa đi tới. Sáu Thân, người mua gom ghe lột cho công ty từ trên xe nhảy xuống giục chúng tôi lên xe để tới một điểm thu gom.

Lần đầu tiên tôi phát hiện ra một sản phẩm hải đặc sản tuyệt vời; Những thùng ghe lột xuất khẩu. Từng hàng từng lượt đều tằm tằm những con ghe lột mềm tươi được đặt trong những thùng xốp bảo quản bằng đá vụn.

Anh Thân nói:

- Công ty Starbay độc quyền bao tiêu toàn bộ ghe lột của các tỉnh miền Trung. Công ty đang đặt hàng với Trung tâm NCTSI III của chị Thuý cung cấp mỗi năm hàng ngàn tấn ghe lột. Lát nữa, xin mời các vị thưởng thức loại đặc sản độc đáo này.

Vậy là những con ghe lột từ ao nuôi, chỉ một tiếng sau đã xuất hiện trên bàn nhậu. Không thể tả được bằng lời. Nghệ thuật ẩm thực không cần ngôn

ngữ. đĩa ghe lột tằm bột chiên giòn này là một thứ đặc sản cao cấp, tôi đồ ở nước ngoài giá không dưới 100 đô la, còn ở các bãi bia ngoài Hà Nội, thành phố chắc cũng không thể dưới năm mươi ngàn.

Tôi xiết nhẹ bàn tay bà Tiến sĩ của ghe:

- Xin chúc mừng chị và những đồng nghiệp của chị. Con ghe lột của chị có khi sẽ nổi tiếng hơn cả con tôm sú, tôm hùm.

XUẤT KHẨU SỨC NGƯỜI GẬP GHÈNH MUÔN NỔ

---* ❖ *---

Tôi biết Trịnh Vĩnh Hội từ đầu những năm 90 khi bức tường Berlin sụp đổ, anh và hàng nghìn công nhân đi xuất khẩu lao động phải về nước. Hồi đó, với kinh nghiệm năm năm làm đội trưởng lao động một nhà máy ở Potsdam, giỏi ngoại ngữ, lại có thâm niên tuổi Đảng từ năm 1966, Trịnh Vĩnh Hội được Bộ Giao thông điều về làm Phó Giám đốc Trung tâm hợp tác lao động quốc tế của INTECCCO (Công ty xuất nhập khẩu tư vấn đầu tư Giao thông vận tải).

Bẵng đi hơn mười năm, cứ nghĩ anh Hội đang vi vu ở khoảng trời Tây nào, thì tình cờ tôi gặp anh ở nhà một người bạn với gương mặt rầu rĩ như người bị mất của. Trò chuyện một hồi, tôi mới “khui” được ở con người kín đáo khiêm nhường này một bầu tâm sự đầy những trăn trở âu lo ở “tâm cỡ quốc gia”.

- Ông phải cùng tháo gỡ với các doanh nghiệp làm xuất khẩu lao động chúng mình ... - Khi thấy đã tin tôi, anh Hội mới dè dặt đề nghị - Mình nghĩ, các nhà báo phải hiểu rõ việc này. Phải rung một tiếng chuông báo động về tình hình người lao động đi xuất khẩu của ta đang bỏ trốn ở nước ngoài. Đây không chỉ là vấn đề tiền nong, hợp đồng giữa ta và bạn... mà là kỷ cương phép nước, là quốc thể, màu cờ sắc áo trong khu vực và quốc tế.

- Làm gì đến mức nghiêm trọng thế? - Tôi cảnh giác - Chắc công ty anh đang bị thua lỗ vì chủ lao động nước ngoài bắt đền...

Anh Hội lắc đầu:

- Về lý thuyết, có thể cho phép tỷ lệ bỏ trốn tới hai mươi phần trăm. Công ty HITECO chúng tôi mới dưới bốn phần trăm. Nhưng liên tiếp mấy ngày hôm nay tôi đều nhận được thông tin tu nghiệp sinh (thực chất là công nhân lao động) của ta ở Nhật Bản đang rủ nhau bỏ trốn. Cụ thể là ngày

16/12/2002, hai chị em Hồ Thị Kim Thoại, Hồ Thị Xuân Lan quê ở Tây Ninh đã rủ nhau bỏ trốn tại Hiroshima và Ibaraghi. Tình hình này, nếu không có biện pháp ngăn chặn, sẽ dẫn tới sự bỏ trốn dây chuyền không kiểm soát nổi.

- Ta phải nên bình tĩnh để nhìn nhận vấn đề - Tôi nói - Trong việc này, trách nhiệm trước hết thuộc về các doanh nghiệp xuất khẩu lao động. Không ít các doanh nghiệp mang con bỏ chợ. Rồi điều kiện lao động nghiệt ngã. Lương bổng quá bèo. Họ trốn để tìm một công việc và thu nhập thích hợp hơn. Đó cũng là cái lẽ công bằng...

Những phản biện của tôi bỗng làm Trịnh Vĩnh Hội đỏ bừng mặt. Tôi biết anh đang giận tôi lắm. Mãi sau anh mới thở dài và bảo:

- Tôi tưởng những người như ông phải rất am hiểu tính cách lớp trẻ bây giờ. Có ai lừa họ sang nước ngoài đâu? Chính họ tự nguyện xin đi xuất khẩu. Bố mẹ họ vay giật thế chấp tài sản cho họ đi. Lương ở Nhật Bản có thể tới bảy, tám triệu. Ở Malaysia là ba, bốn triệu một tháng, gấp hàng chục lần thu nhập ở quê. Vậy mà một số đâm phá bình, chây lười, bỏ trốn để đi buôn, làm ăn phi pháp... Họ quen thói coi thường kỷ cương phép nước, làm ô danh quốc thể. Tôi đi nước ngoài nhiều và chịu không ít đau đớn. Những năm trước đây, cái thời “nạn đầu đen” như một bệnh dịch ở Đông Âu, tôi từng chịu cảnh người ta nhìn hộ chiếu mình, bĩu môi tỏ vẻ khó chịu. Nhiều lần, họ liếc thấy hộ chiếu vội lảng không ngồi cùng ghế. Mẹ nó, vợ đũa cả năm, ức không chịu được. Nghe nói giáo sư Trần Quốc Vượng và một vài nhà văn hoá đang có ý định viết một cuốn sách về tính xấu của người Việt mình để răn con cháu, tôi thấy rất nên. Ở Malaysia, một thị trường lao động vừa khai thông đầy hứa hẹn, vậy mà những người Việt sống lâu năm ở đó đang móc nối lôi kéo công nhân ta mới sang làm ở các nhà máy ra ngoài làm cho giới chủ người Hoa. Nguy hại hơn là nhiều thanh niên khi làm được khoảng bốn triệu một tháng là chây lười, tìm cách lãn công, rủ nhau rượu chè, cờ bạc...

Để chứng minh những điều anh nói, Trịnh Vĩnh Hội kéo tôi về cơ quan anh, cho tôi xem một báo cáo khẩn gửi Văn phòng Chính phủ và các Bộ

ngành có liên quan.

... “Cho phép Trung tâm phát triển việc làm phía nam (HITECO) được báo cáo vượt cấp tình hình cấp bách của tu nghiệp sinh đang ở Nhật Bản hiện nay:

Vào tháng 7/2002, HITECO đã có văn bản báo cáo cấp trên về tình hình thu nghiệp sinh tại Nhật Bản vi phạm hợp đồng bỏ trốn khỏi nơi làm việc hợp pháp. Sau 5 tháng, tình hình diễn biến ngày càng phức tạp hơn và hậu quả cũng nghiêm trọng hơn.

Điển hình tại xí nghiệp Royal chuyên tiếp nhận tu nghiệp sinh Việt Nam về ngành nghề kiểm hàng may, ngày 10-1-2001 đã tiếp nhận bảy nữ tu nghiệp sinh của HITECO, ngày 9/2/2002, ba trong tổng số bảy tu nghiệp sinh nói trên đã bỏ trốn tập thể. Ngày 20/7/2002 hai trong bốn tu nghiệp sinh còn lại cùng một tu nghiệp sinh khác nữa cũng bỏ trốn. Cục Quản lý xuất nhập cảnh Nagoya đã có văn thư từ chối gia hạn giấy phép lưu trú cho hai tu nghiệp sinh còn lại của đoàn, và ngày 7/12/2002 hai tu nghiệp sinh này buộc phải về nước trước thời hạn. Ngoài sự tổn hại về tinh thần và tài chính, trong năm 2003 sắp đến, khả năng tiếp nhận tu nghiệp sinh mới của Việt Nam đang chờ sự quyết định của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản...”

Bản báo cáo liệt kê tới hàng chục trường hợp: Tại Tokyo, tám trong mười hai tu nghiệp sinh đã bỏ trốn, tại Ibaragi trong vòng bốn tháng, tám tu nghiệp sinh ngành may đã bỏ trốn; ở Hirôshima hai mươi chín tu nghiệp sinh sẽ bị trả về nước do tu nghiệp sinh của Saigon tourist là Nguyễn Bảo Ngọc Dung Nghi đã kiện lên cơ quan hữu trách Nhật Bản đòi quyền lợi như người Nhật, không chấp nhận chế độ tu nghiệp sinh v.v...

Tự nhiên tôi lây nỗi buồn của Trịnh Vĩnh Hội. Tình hình này doanh nghiệp của anh còn có cách nào hơn là báo cáo vượt cấp, cầu cứu lên Chính phủ? Tôi chợt nhớ đến câu chuyện của Thu Thủy, phóng viên báo Giao thông vận tải mới từ Đài Loan về tuần trước. Trên chuyến bay Đài Bắc- Hà Nội hôm ấy có khoảng ba mươi lao động Việt Nam phải về nước trước hợp đồng vì bị giới chủ tha sai. Họ rã rượi bơ phờ như “mất số gạo” ngày xưa.

Thủy kế, có hai phụ nữ khi xuống sân bay Nội Bài rồi, không muốn về quê vì sợ chồng đuổi, vì không có tiền trả nợ, vì xấu hổ với hàng xóm. Có một cô gái tên Ng. sang làm “gái bán hoa”, bị đuổi về, lại làm giả hộ chiếu sang lại...

Mỗi tuần có bao nhiêu chuyến bay như thế? Ngược chiều với hàng ngàn người lao động Việt Nam đi xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia... là hàng trăm người bị trả lại, bị huỷ hợp đồng trước thời hạn vì vạ lây và liên đới...

*

Những ngày tiếp theo, tôi như bị hút vào cái công việc vốn rất xa lạ với mình, là việc xuất khẩu sức người.

Hoá ra đây là một công nghệ, thậm chí một công nghệ thu ngoại tệ đáng kể đối với những quốc gia nhân mãn và thu nhập đầu người thấp, một ngành công nghệ theo như Trịnh Vĩnh Hội nói là chỉ cần dựa vào chính sách và sức lao động hiện hữu. Những năm 60, 70 Hàn Quốc đã tích lũy quốc dân một phần bằng nguồn ngoại tệ do xuất khẩu lao động đem lại. Philippin hiện có hơn sáu triệu lao động đang làm việc ở ngoài lãnh thổ, thu một năm hơn 7 tỷ USD. Thái Lan, mỗi năm thu hơn 1 tỷ USD xuất khẩu lao động. Riêng Trung Quốc, xuất khẩu sức người là một chiến lược quốc gia. Họ dám chấp nhận mức lương thấp hơn 50 phần trăm so với các nước trong khu vực. Theo anh Hội, về sức người thì Trung Quốc là vô hạn. Về chính sách, họ có biện pháp khiến không người lao động nào dám bỏ trốn, ấy là, nếu anh bỏ trốn, ta bắt bố mẹ anh giam ở uỷ ban xã cho đến khi anh về (!). Xuất khẩu sức người của khu vực Đông Nam Á đang phải cạnh tranh quyết liệt với chính sách và sức người của Trung Quốc.

Ở nước ta mỗi năm xuất khẩu lao động cũng đem về cho đất nước hơn một tỷ USD đấy anh ạ. - Trịnh Vĩnh Hội bảo tôi - Nhưng điều quan trọng hơn là công nghệ này góp phần xoá đói giảm nghèo, mang lại thu nhập cao cho khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa. Hãy làm một phép tính đơn giản: Một công nhân đi xuất khẩu ba năm, năm đầu tiên giành để trả nợ những chi phí cho việc học tiếng, học nghề, vé máy bay và các chi phí

khác. Hai năm sau hoàn toàn là vốn tích lũy, trung bình cũng được một trăm đến hai trăm triệu đồng. Vốn liếng ấy nếu không tiếp tục làm giàu lên thì cũng thoát được cảnh nghèo. Nếu có dịp anh vào Củ Chi sẽ thấy diện mạo của nông thôn đã thay đổi thế nào nhờ xuất khẩu lao động.

- Vâng. Đến Củ Chi, huyện ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh tôi đã “ngộ” ra những điều mà ‘nhà xuất khẩu lao động’ Trịnh Vĩnh Hội hàng chục năm nay kỳ công theo đuổi.

Tiếp chúng tôi ở văn phòng Ủy ban Nhân dân xã Trung Lập Thượng là Phó Chủ tịch Huỳnh Văn Tú. Anh Tú hồ hởi khoe:

- Ở xã tôi, không có thu nhập nào cao bằng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Với số dân 10.500 người. 2.536 hộ, từ năm 1995 xã tôi đã có gần 500 lao động xuất khẩu, trong đó cơ 256 người đi Nhật Bản, 209 người đi Hàn Quốc, 27 người đi Đài Loan, 18 người đi Malaysia, một năm thu từ hai đến ba tỷ đồng.

Anh Tú chỉ ngôi nhà mái bằng sơn màu vàng tươi nằm bên hương lộ, đối diện với trụ sở Ủy ban:

- Kia, ngôi nhà của vợ chồng anh Tâm, chị Phan vừa được xây bằng tiền của cháu Nguyễn Đức Hoà, con trai, đang lao động ở Nhật Bản gửi về. Cháu Hoà học hết lớp 12 thi đỗ đại học, nhưng bố mẹ bệnh tật không có tiền theo học tiếp, xã đã bố trí cho cháu đi xuất khẩu lao động. Hiện lương tháng hơn một nghìn đô la. Năm 2002, anh Tâm vừa lĩnh 100 triệu của con trai gửi về, liền xây ngôi nhà kia.

Từ nhà anh Tâm, chúng tôi sang khu trang trại của anh Đặng Văn Ni ở ấp Ràng. Anh Ni đi lao động Hàn Quốc từ năm 1996, về nước năm 1999 với 260 triệu tiền vốn tích lũy. Năm 2000 lấy vợ và xây nhà. Còn tiền, Ni mua ba con bò Hà Lan, sau một năm được thêm ba bê con. Đàn bò sáu con giờ có giá hơn trăm triệu, một ngày cho khoảng 50 lít sữa, thu hơn 150.000đồng.

Nhìn khu trang trại và những con bò F2 Hà Lan khoang đốm đang nhẩn nha ăn cỏ trong chuồng, tôi bỗng nhớ đến buổi trò chuyện với phó trưởng phòng lao động huyện Củ Chi, Trần Hoàng Vũ.

- Huyện Củ Chi chúng tôi đang tập trung xoá đói giảm nghèo (theo tiêu chuẩn cấp thành phố Hồ Chí Minh, người nghèo là người có thu nhập bình quân dưới 1,5 triệu đồng/năm) bằng hai biện pháp chính: Một là phát triển đàn bò sữa. Hai là tập trung đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Đi xuất khẩu giàu nhanh hơn nuôi bò sữa và có ba cái được: được ngoại tệ, được tác phong công nghiệp lẫn lối sống văn minh và thân nhân được nhờ, người chòm xóm được giúp vốn. Mấy năm nay huyện Củ Chi kết hợp chặt chẽ với Công ty HITECO của anh Trịnh Vĩnh Hội và một số Công ty Xuất khẩu lao động khác đã làm tốt công tác tuyên truyền và lựa chọn những lao động có chất lượng đi xuất khẩu, vì thế cả huyện rất ít trường hợp bỏ trốn...

Nghe Trần Hoàng Vũ nói, tôi gật gù tâm đắc. Quả là Củ Chi không chỉ là đất thép mà còn là đất Hoa và Người. Từ chuyện xuất khẩu sức lao động, Củ Chi đã tạo nên thương hiệu Người Củ Chi ra ngoài lãnh thổ. Bài học Củ Chi rất đáng được nhân rộng. Đã đến lúc những điều trong báo cáo vượt cấp của Giám đốc HITECO Trịnh Vĩnh Hội phải được các cơ quan công quyền, những nhà hoạch định chính sách vĩ mô lưu tâm, để làm sao không chỉ hàng hoá Việt Nam, những giày dép, quần áo, cà phê, cao su, cá basa... mà cả hàng hoá sức lao động xuất ra thị trường thế giới được mang thương hiệu Made in Vietnam một cách đầy tự hào và kiêu hãnh.

MỐI TÌNH VIỆT - HOA VÀ CUỘC SĂN ĐẦU NGƯỜI Ở SINGAPORE

---* ❖ *---

Câu chuyện này có thật 100% nhưng vì lý do tế nhị, người viết không ghi chính danh tên các nhân vật.

Bạn tôi có số tử vi cực phát về cung thê tử. Vợ là nhà giáo đẹp người đẹp nết, đẻ hai cậu con trai quý tử. Đứa lớn, sinh năm 1974, ngày bé vì thiếu dinh dưỡng, có tên cúng cơm là Còi. Đứa nhỏ sinh năm 1978, được bù đắp bằng nhiều sữa và đồ hộp lúc nhỏ, béo bệu, có tên cúng cơm là Bệu. Cả gia đình là nhà giáo, từ thời mở cửa đã thấm nhuần phương châm "hy sinh đời bố, củng cố đời con", nên cả hai cậu con trai đều được kèm cặp dạy dỗ theo chế độ "nuôi gà nòi". Còi tốt nghiệp xuất sắc Đại học Kinh tế, giành tiếp bằng thạc sĩ ở Anh rồi về Singapore lấy tiếp bằng tiến sĩ. Hiện Còi và vợ con đang sống ở Singapore.

Bệu càng lớn càng có dáng dấp của một võ sĩ Sumô, nhưng hiền và học giỏi, đỗ tốt nghiệp đại học loại ưu, Bệu dự thi giành học bổng sang Pháp làm thạc sĩ rồi tiến sĩ.

Cuối năm ngoái, bạn tôi nghỉ hưu. Trước khi hưu trí, ông làm chuyến du lịch sang trời Tây để mừng con trai bảo vệ luận án tiến sĩ khoa học.

Tưởng chỉ là một chuyến du hí "ta ba lô" để động viên con trai, nào ngờ mình đã tham gia những quyết sách hết sức quan trọng của cuộc đời thăng Bệu - Bạn tôi, sau khi đã cho tôi xem mấy tập album đầy cộp mô tả chuyến du hí từ Pháp qua Ý, qua Bỉ, Hà Lan... suốt hơn tháng trời của hai bố con, mới trịnh trọng mở tiếp tập album khổ lớn, chỉ cho tôi một cô gái nhỏ nhắn xinh đẹp đứng sòng đôi cùng tiến sĩ Bệu.

- Đây là Tiểu Phượng, con dâu tôi.

- Vợ tiến sĩ Bệu? - Tôi ngắm cô gái và hỏi lại - Cưới bao giờ mà vợ chồng ông không báo cho chúng tôi biết?

- Vợ mình sang Singapore trông con cho vợ chồng thằng lớn. Mình từ Paris về Hà Nội, chỉ kịp đón bố và em gái rồi bay qua Singapore làm đám cưới cho thằng Bệu. Chẳng kịp thông báo gì với bạn bè, nên hôm nay mới gặp ông để cáo lỗi và chia vui với các cháu...

Câu chuyện tiến sĩ Bệu lấy vợ, như một giấc mơ, khiến ngay cả ông bạn tôi khi kể lại cũng không khỏi bàng hoàng.

- Sang Paris, tôi mới biết thằng Bệu đã có người yêu. - Bạn tôi kể - Lúc Bệu cùng Tiểu Phụng ra sân bay đón tôi, tôi cứ nghĩ đó là một cô gái Việt. Gặp tôi, cô bé xô ra hàng tràng tiếng Anh, tiếng Pháp khiến tôi không hiểu ra sao. Hoá ra, Tiểu Phụng là nữ sinh Thượng Hải, mới từ Trung Quốc sang Paris học Đại học năm thứ nhất. Hai đứa cùng trường, lại là người châu Á nên dễ quen và yêu nhau. Mối tình giữa chàng trai Việt và cô gái Hoa tại Thủ đô ánh sáng hoa lệ Paris mang đậm màu sắc lãng mạn của thời hiện đại, giống như những phim Hàn Quốc. Tôi nghĩ vậy và đinh ninh rằng, chỉ một hai tháng nữa thôi, khi chàng tiến sĩ Bệu về Việt Nam, gõ đủ cửa các viện khoa học, các trường đại học để xin một chân tập sự với mức lương khởi điểm hơn triệu đồng (tức dưới 100 đô la), còn nàng Tiểu Phụng, dù có thể thốt chung thủy bốn năm chờ đợi ở Paris thì tình yêu của chúng cũng không đủ sức nuôi dưỡng, sẽ nhạt phai theo năm tháng...

- Ông là một người quá thực tế...

- Thấy hai đứa yêu nhau, tôi hoang mang quá ông ạ - Bạn tôi thú nhận - Tôi không nói những băn khoăn ấy với Tiểu Phụng, nhưng tôi phải trao đổi riêng với con trai mình ngay sau buổi tối tôi tổ chức bữa tiệc ngoài trời để cảm ơn các giáo sư, anh em bạn bè và mừng Bệu đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Bệu nắm tay tôi và bảo: "Con đang chờ anh con điện từ Singapore sang, bố cứ yên tâm. Chúng con đã tính đến giải pháp để gìn giữ tình yêu...". Thì ra tuổi trẻ bây giờ nó trí lự hơn chúng mình ông ạ. Mấy ngày sau, vợ chồng thằng Còi mail từ Singapore sang: "Đối tác Singapore đồng ý tiếp nhận tiến sĩ Bệu với mức lương 3500 đô la Singapore(1) một tháng. Năm ngày tới, có một phái đoàn các nhà khoa học Singapore sang công tác tại Thụy Sĩ họp. Nếu gặp Bệu trực tiếp, họ sẽ quyết chính thức".

(1) 1 dolar Singapore \approx 9678 đồng Việt Nam

Đúng hẹn, Bệu đi xe lửa từ Paris đến địa điểm gặp tại một thị trấn biên giới giữa Pháp và Thụy Sĩ. Đoàn khoa học Singapore có ba người, do bà Chang dẫn đầu. Họ xem văn bằng chứng chỉ của Bệu và nhìn ông tiến sĩ trầm trồ thán phục. Văn bằng loại ưu, lĩnh vực đào tạo đúng như họ mong muốn. Phỏng vấn và nghe tiến sĩ Bệu trình bày ý tưởng và những dự định công việc của mình sau gần một giờ đồng hồ, bà Chang và các cộng sự hoàn toàn bị thuyết phục.

“Chúng tôi sẽ trả ngài tiền sỹ 4500 dolar Singapore chứ không phải 3.500 dolar Singapore một tháng như thông báo ban đầu. Ngoài ra, nếu hoàn thành xuất sắc công việc, sẽ được thưởng mỗi tháng 1000 dolar Singapore nữa”. “Nếu tôi lấy vợ và ở lại Singapore lâu dài thì sao?” - Tiến sĩ Bệu đưa ý kiến thăm dò. Rồi anh nói rõ hoàn cảnh của mình: “Tôi sắp lấy vợ, Vợ tôi người Trung Quốc. Nếu thuận lợi, tôi sẽ đưa vợ tôi từ Paris về Singapore học...”. Bà Chang và các cộng sự nhìn nhau như vừa vớ được một mỏ vàng. “Thật tuyệt vời. Nếu tiến sĩ nhập quốc tịch Singapore, sẽ được Chính phủ tặng thêm 2.000 dolar Singapore một tháng. Nếu ngài lấy vợ sẽ được thuê căn hộ cao cấp 180.000 dolar Singapore, trả chậm trong 10 năm, trong đó Chính phủ Singapore sẽ trả giúp một phần ba số tiền nhà ở...”

- Cuộc "săn đầu người", nói theo ngôn ngữ hiện đại chỉ dịch vụ mua chất xám của thế giới phát triển hiện nay của bà Chang đã thành công mỹ mãn - Ông bạn tôi gật gù - Không mất một đồng xu đào tạo, không mất bao nhiêu năm chăm sóc, nuôi dưỡng, đầu tư. Chỉ một hợp đồng chóng vánh, Chính phủ Singapore đã tuyển dụng xong một tiến sĩ khoa học trẻ tuổi bảo vệ xuất sắc luận án tại một trường đại học danh tiếng của Paris.

- Và kèm theo một sinh viên xuất sắc, một nhà khoa học tương lai của Trung Hoa đại lục - Tôi thêm.

- Vâng. Sau quyết định về Singapore của Bệu và Tiểu Phượng, tôi điện sang Thượng Hải gặp bố mẹ Tiểu Phượng, xin cho hai cháu tổ chức đám cưới. Vì điều kiện xa xôi cách trở, đi lại tốn kém, chúng tôi thống nhất

không qua các thủ tục ăn hỏi truyền thống của hai dân tộc Việt - Hoa, mà tổ chức đám cưới tại Singapore ngay sau tiến sĩ Bệu làm thủ tục vào làm việc tại cơ quan khoa học hàng đầu về sinh hoá của Singapore. Đây, ông xem. Đám cưới của hai đứa được tổ chức rất long trọng tại một ngôi chùa lớn ở đảo quốc sư tử. Tục lệ cưới ở Singapore cho phép cô dâu chú rể làm lễ tại chùa chứ không phải đăng ký ở uỷ ban phường như bên ta. Nhà sư chủ trì sẽ ký giấy kết hôn cho cặp vợ chồng trẻ. Vui nhất là đông đủ cả hai gia đình Hoa, Việt. Vợ chồng ông thông gia của tôi cũng là nhà giáo. Ông ấy dạy địa lý, còn tôi, giáo viên văn học...

Tôi ngắm nhìn mãi những bức ảnh, vừa muốn chia sẻ niềm hạnh phúc tràn đầy với cặp vợ chồng nhà khoa học trẻ, vừa muốn tìm kiếm điều gì.

Trong đám cưới Việt -Hoa này, có vẻ rất ít bóng dáng những người dân đảo quốc sư tử, cái hòn đảo nhỏ bé xấp xỉ 600 cây số vuông, tương đương diện tích đảo Phú Quốc của Việt Nam ta, nhưng tôi biết, chính họ mới là người hạnh phúc nhất, mãn nguyện nhất trong đám cưới này, bởi họ có tầm nhìn. Họ đã mua chất xám Việt - Hoa với giá quá hời.

PHẦN IV

Những Vùng Đất Đã Qua

THƯƠNG NHỚ VÂN ĐỒN

---* ❖ *---

Dẫn chúng tôi ra biển Vân Đồn mùa hè này là một dũng sĩ quân báo của chiến trường Quảng Trị: Liệt sĩ Trình Văn Vũ.

Quê Vũ ở xã Minh Châu trên đảo Quan Lạn, địa danh có mỏ cát trắng Vân Hải nổi tiếng trên bản đồ khoáng sản, từng được khai thác làm thủy tinh pha lê từ thời thuộc Pháp. Trần Văn Vũ tham gia quân đội từ năm 1966, khi anh 18 tuổi. Sau trận bão lửa năm 1968 ở Quảng Trị, Vũ được phép. Thương cha mẹ già, đàn con nhỏ và choáng ngợp trước vẻ hiền thực của cô giáo vỡ lòng trường làng Nguyễn Thu Hà, Vũ cưới vợ, làm chồng một đêm rồi lại khoác ba lô, đi miết vào chiến trường khói lửa. Năm tập nhật ký (rất tiếc là đã thất lạc mất ba tập 1, 2, 3) và một bản thảo tiểu thuyết viết trên thứ giấy ố vàng của thời đó, với thứ mực Cửu Long đã nhoè mờ của Trình Văn Vũ để lại, dường như bị lãng quên suốt ba mươi năm năm, giống như phong thư lá chuối của Ước Trai tiên sinh “đầy buồng lạ màu thâu đêm”, giờ bỗng được cơn gió “đổi mới” mở ra, làm hết thảy người đọc ngỡ ngàng, cảm phục, thậm chí bàng hoàng sửng sốt bởi những dòng độc thoại chân thực đầy ám ảnh về một thời đạn bom ác liệt, những khát vọng cháy bỏng của cả một thế hệ về cuộc chiến tranh giành độc lập, bởi tính lý tưởng, tình yêu thương da diết với cha mẹ, người thương và quê hương biển đảo Vân Đồn.

Độc tập bản thảo “Nhật ký chiến trường” của Trình Văn Vũ do Hội Văn nghệ Quảng Ninh tập hợp chuẩn bị xuất bản, tôi vỗ đùi tâm đắc, hệt như nhân vật Hoàng trong “Đôi mắt” của Nam Cao, nói với ông "Mảnh đất lắm người nhiều ma" Nguyễn Khắc Trường:

- Tay Tình Vũ này - Trình Văn Vũ tự gọi mình trong nhật ký là Tình Vũ) sinh năm 1948, cùng tuổi với tôi, lại đi bộ đội rồi vào chiến trường cùng thời các ông, nếu năm 1971 không nằm lại ở Đường Chín thì chắc chắn năm 1979 sẽ về học khoá I trường Viết văn Nguyễn Du, cùng thế hệ “nhà

văn thiếu ụy” với ông và những Nguyễn Trí Huân, Chu Lai, Nguyễn Đức Mậu, Xuân Đức, Hữu Thịnh, Khuất Quang Thụy, Lâm Thị Mỹ Dạ, Kim Cúc, Lê Thị Mây...

- Thậm chí có thể y còn trở thành một cây bút xuất sắc - Nguyễn Khắc Trường gật gù.

- Ông đọc kỹ mà xem. Đang học dở lớp bảy, lại ở tít ngoài đảo xa... Giữa bom đạn khốc liệt, mà đã manh nha muốn làm một nhà văn, đã thai nghén một tiểu thuyết, đã ghi lại những trang nhật ký thế này....

- Cũng là một kiệt kiệt. Rõ tư chất một tay cầm bút - Trường bỗng giật mình ùng ùng, cười âm ỉ - Xem ra y rất giống chúng mình hồi ấy, cũng “hâm” và còn nguyên sơ chất lý tưởng trong người. Cuốn này in sẽ rất khác với hai cuốn nhật ký của Đặng Thùy Trâm và Nguyễn Văn Thạc...

Tôi tin những nhận xét đầy tính nghề nghiệp của ông “lắm người nhiều ma”. Nhật ký chiến trường của Trình Văn Vũ nếu in ra, bạn đọc sẽ có thêm những giai điệu khác lạ trong bản đại hợp xướng anh hùng ca, bi ca của cả một thế hệ...

- Tôi linh cảm thấy Trình Vũ muốn rủ chúng mình ra Minh Châu- Quan Lạn chuyển này ông ạ.

Tôi nói với Trường như cố ý lôi kéo ông bạn nhà văn lười xê dịch này ra vùng đảo ngoài khơi Bái Tử Long kia. Chao ơi, cho đến giờ, chuỗi đảo ngọc vùng biển Đông Bắc, với tôi, vẫn như những người tình, vừa bí ẩn, vừa quyến rũ, có sức mời gọi lạ lùng. Nếu như Hạ Long là Rồng mẹ. Bái Tử Long là đàn Rồng con, Cô Tô là chấm đuôi xa nhất của Rồng, thì chuỗi Ba Mùn, Minh Châu, Quan Lạn, Ngọc Vũng, Phượng Hoàng, Thượng Mai, Hạ Mai... chạy vòng cung ngoài khơi vịnh Bắc Bộ chính là sống lưng của Rồng mẹ ôm ấp che chở cho đàn con, thành lũy bảo vệ đất liền... Tôi nhớ lại những năm 1990, 1994, bạn tôi, kỹ sư Nguyễn Phan, một người cực kì lãng mạn và nhiều hoài bão đã dồn hết vốn liếng, gia sản từ quê hương Bắc Ninh ra đảo Cái Rồng, xin với tỉnh Quảng Ninh cho thuê một rẻo đất sù vẹt ven biển để làm cảng Vân Đồn, đầu mối thương mại, giao thông, du lịch của huyện đảo. Những năm đó chưa ai nghĩ đến mô hình du lịch Tuần

Châu, cho nên việc đổi đất lấy công trình và cơ sở hạ tầng như của Nguyễn Phan là bước đi có tính khai mở. Ngày chuẩn bị khánh thành cảng Vân Đồn, năm 1994, tôi viết bút ký Chìa khoá mở vào Bái Tử Long in trên báo Văn nghệ, đánh một tín hiệu về vùng biển thần tiên này. Mới đó mà đã một giáp. Nguyễn Phan bạn tôi vì không đủ vốn thực hiện dự án khu thương mại - du lịch cảng Vân Đồn, đành dang dở, năm 1995 bị công ty khác thôn tính, bị phá sản, rồi u uất quá, lâm bệnh, chết năm ngoài... Mười hai năm, bến phà Cửa Ông giờ đã thay bằng ba cây cầu, nhập đảo Cái Rồng vào đất liền. Và cảng Vân Đồn, dường như đã kéo gần các đảo với bờ. Mỗi lần ra đây, tôi lại hướng nhìn ra tít tắp Bái Tử Long, thầm tiếc cho Nguyễn Phan và ao ước được ra với chuỗi đảo ngọc huyền ảo ngoài kia...

Cùng chúng tôi ra đảo Quan Lạn chiều ấy, có đại tá Vũ Bệ, phó chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện đảo Vân Đồn. Thế hệ chống Mỹ - có hai người được phong quân hàm cao nhất hai xã Quan Lạn, Minh Châu, là đại tá Vũ Bệ và đại tá Nguyễn Ngọc Vu. Cả hai vị đại tá đều là bạn thân của Tình Vũ. Vũ Bệ nhớ lại:

- Ngày ấy, đảo chúng tôi vừa mới có trường cấp hai. Tôi, Vũ và Vui vừa vào học lớp bấy ít ngày thì có lệnh nhập ngũ. Vũ đáng thư sinh, nhanh nhẹn, đẹp trai, có tài làm thơ và vẽ. Cả ba chúng tôi cùng được phân về đơn vị trinh sát và được tin nhiệm làm báo tường cho đơn vị. Tôi nhớ mãi ngày 7 tháng 12 năm 1967, ngày tôi và Vũ cùng được kết nạp Đảng trong một căn nhà sàn huyện Lạc Thủy, Hoà Bình. Tết Mậu Thân 1968, cả ba chúng tôi cùng chiến đấu ở Đường Chín, Khe Sanh. Sau đó sư đoàn về luyện quân ở Thanh Hoá, rồi Hoà Bình, Ba Thá... Năm 1969 tôi và Vui được điều về học tại trường Lục quân Sơn Tây, rồi ở lại giảng dạy tại trường. Riêng Vũ, lại tiếp tục vào Quảng Trị, tham gia chiến dịch Lam Sơn 719... Và Vũ nằm lại đó cho tới bây giờ.

- Nếu tính từ ngày về thăm quê cuối cùng cho đến lần “về “ này của Vũ, đằng đằng ba mươi bảy năm. - Tôi nói - Lần này nếu anh em văn nghệ Quảng Ninh giúp Tình Vũ in tập nhật ký chiến tranh thì coi như Vũ thực sự trở lại với Vân Đồn.

- Cuốn nhật ký của Vũ đã nói hộ tất cả chúng tôi, cả những người đã chết và những người còn sống. - Anh Bệ sôi nổi - Được tin Báo Hạ Long trích đăng cuốn nhật ký, bạn bè tới tập điện cho nhau tìm đọc. Con cái chúng tôi bỗng nhiên háo hức muốn đọc xem cha anh chúng hồi ấy đã sống như thế nào. Tôi còn nghĩ hay trời đất run rủi cho Vũ về với Minh Châu, Quan Lạn để làm sứ giả mời gọi bạn bè đến với biển đảo...

Tôi bắt tay đại tá Vũ Bệ, ngầm đồng ý với anh điều này. Nếu không có Tình Vũ chưa chắc tôi đã có chuyến đi biển hôm nay. Tình Vũ đang là người hướng dẫn viên du lịch đưa chúng tôi đến vùng biển mà Tổ chức Du lịch Thế giới vừa xếp vào hàng tốp năm những địa chỉ đẹp nhất thế giới được du khách tìm đến. Quả là người Tây họ có cái nhìn rất tinh tường. “Con đường” từ trung tâm huyện đảo Vân Đồn ra đảo Quan Lạn là “con đường” đẹp nhất nước Việt. Bái Tử Long có thiên hình vạn trạng đảo nhỏ đá vôi như vịnh Hạ Long nhưng lại có thêm dãy đảo núi đất chạy theo chiều kinh tuyến, khiến thiên nhiên thêm mềm mại, khoáng đạt mà hùng vĩ. Kỳ lạ nhất là giữa biển mênh mông mà lại có những “con đường”, những tuyến đường bắt buộc tàu thuyền phải đi theo nó. Ấy là bởi sự độc đáo của những dải núi vòng cung chạy song song nhau, tạo thành những dòng sông trên biển, khiến tàu bè đi lại không bị mắc cạn không đâm vào đá ngầm, lại được dãy đảo chắn gió bão, thuyền đi êm như xuôi những dòng sông trên đất liền. Độc đáo nhất là “dòng sông Mang”, một bên là đảo Ba Mùn, Minh Châu, Quan Lạn, một bên là đảo Bản Sen, đảo Mang, chảy suốt từ bắc tới nam dài tới vài chục cây số. Giữa Ba Mùn và Minh Châu, sông Mang thông với biển khơi một cửa hẹp, chiều ngang chừng hơn cây số, gọi là cửa Đối, hay cửa Tử. Tùy theo mùa gió, theo thủy triều lên xuống hoặc theo hướng chảy của dòng hải lưu mà nước “sông Mang” chảy xuôi theo hướng nam hay ngược lại. Riêng cửa Đối thì lúc nào nước cũng chảy xiết, thậm chí có khi nước gầm réo như thác. Đây cũng chính là cửa ải mà hầu hết các chiến thuyền của quân xâm lược phương bắc từ hàng ngàn năm trước muốn từ bán đảo Lô Châu kéo xuống, từ ngoài khơi tiến vào, đều phải qua đây rồi xuôi “sông Mang” vào sông Chanh, sông Bạch Đằng... Vậy nên từ thời Lý

mới có trấn Vân Đồn, thương cảng Vân Đồn. Thời vua Lý Anh Tông (1136-1175), để bảo vệ vùng phen dậu hiểm yếu của Tổ quốc, nhà vua đặc cử hoàng tử Lý Long Tường thống lĩnh hạm đội thủy binh trấn giữ ở đây. Khi Trần Thủ Độ cướp ngôi nhà Lý cho Trần Cảnh, biết không thể tồn tại được, hoàng tử Lý Long Tường đã đưa vợ con và thủ hạ thân tín vượt hàng ngàn dặm biển lên tít xứ Cao Ly lánh nạn. Nghe nói, để tổ chức thành công chuyến vượt biển lịch sử ấy, bộ hạ của ông đã đưa xuống thuyền mấy trăm con chó để làm thực phẩm ăn đường. Có lẽ vì thế mà người Hàn Quốc bây giờ cũng giống người Việt, rất thích món mệc tồn khoái khấu nay chẳng?

Tiếp đến, thời Trần, các đảo đông bắc càng được củng cố, trở thành trang Vân Đồn. Thương cảng Vân Đồn thành nơi buôn bán tấp nập với các thuyền buồm nước ngoài. Năm 1287, cuộc chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba đại thắng lợi, trong đó có chiến công hiển hách của quân và dân Vân Đồn do Trần Khánh Dư chỉ huy, tiêu diệt đoàn thuyền chở 70 vạn斛 lương của đại tướng Trương Văn Hổ. Về sự kiện này, sách Đại Việt sử ký toàn thư đã viết: "... Khi ấy thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thủy cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Khánh Dư. Khánh Dư đánh thất lợi (không chặn nổi thủy quân giặc, để chúng qua được cửa An Bang tiến về Vạn Kiếp - TG), thượng hoàng được tin sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh. Khánh Dư nói với trung sứ: Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai, ba ngày, để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu vẫn chưa muộn. Trung sứ theo lời xin đó, Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyệן vận tải tất theo sau, nên thu thập tân binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến. Khánh Dư đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng Hoàng tha cho tội trước không hỏi đến và nói: Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo, khí giới, nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chẳng?" Bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên để báo tin. Quân Nguyên quả nhiên rút lui. Cho nên năm này,

vết thương của dân không thắm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó” (ĐVSKTT tập 2 - NXB VH TT 2003, tr 89).

Câu chuyện về Vân Đồn và dòng sông Mang trở thành đề tài sôi nổi trên dọc chuyến tàu. Đại tá Vũ Bộ chỉ cho chúng tôi hai ngôi miếu cổ dọc sông Mang, và nói rằng đó là những nơi Trần triều hiển thánh, tức là nơi thờ những dũng sĩ đời Trần đã hy sinh trong ba lần chống quân Nguyên Mông. Hình như có quá nhiều những linh hồn chết mà chưa được siêu thoát, đã tích tụ lại, trở thành khí thiêng. Có không ít câu chuyện kỳ lạ về những ngôi miếu này, ví dụ, ai đến phá, đến làm uế tạp, mấy tháng sau ắt sẽ bị chết bất đắc kỳ tử.

*

Đảo Quan Lạn hiện ra, vừa rất quen thuộc, vừa thật lạ lùng. Quen thuộc bởi giữa biển khơi vẫn những nếp nhà, ruộng dưa, hàng cây, giếng nước như ở châu thổ Sông Hồng. Lạ lùng vì không ngờ nơi xa xôi đầu sóng ngọn gió này mà cũng phố xá, đường bê tông, nhà ba bốn tầng, tấp nập đôi hộ chẳng kém gì những thị tứ trong Cẩm Phả. Hòn Gai. Bất ngờ nhất là chiếc xe khách chở học sinh dọc con đường xuyên đảo và những hàng cột điện ngang dọc khắp các dãy phố cho tới những ngõ xóm. Không có điện lưới quốc gia thì đã có các chủ tư nhân cung cấp điện. Muốn thắp sáng suốt đêm thì trả thêm tiền. Cuộc sống hiện đại ủa tràn từ bãi biển vào các gia đình nhưng vẫn không lẫn át được dáng dấp cốt cách của một làng Việt cổ.

Các nhà sử học liệu có nghĩ rằng Quan Lạn, Minh Châu là những điểm dân cư cổ xưa nhất của người Việt ở vùng biển Đông Bắc này? Có thể mừng tượng khi vua Lý Thái Tổ cưỡi thuyền rồng từ kinh đô Hoa Lư về thành Đại La để cắm đất định đô Thăng Long, thì cũng là khi những chiến thuyền nhà Lý cũng dong buồm ngược biển để đến đồn trú ở trấn Vân Đồn. Cụm đảo Đông Bắc thành nơi khai sinh binh chủng biên phòng và hải quân Đại Việt, thành thương cảng lớn với những làng cửa người Việt được quần tụ xung quanh. Kia rồi quần thể đình chùa, nghè miếu Quan Lạn sừng sững đứng bên bờ biển. Ngôi đình với đầu đao vút cong, mái ngói nâu trầm mặc,

cổ kính mà uy nghi, hoành tráng mà tao nhã, có dáng dấp như đình Trà Cỗ, Móng Cái, như đình làng Đình Bảng, quê hương các vua triều Lý.

Theo anh Phạm Văn Duyệt, người chuyên sưu tầm, nghiên cứu dân gian cho biết, đình làng Quan Lạn ngày xưa vốn xây cất trên khu đất cảng Cái Làng bên kia sông Mang. Sau ngày thương cảng bị cát lấp, các cụ già trong làng đã cho dời đình về đây. Đình Quan Lạn thờ vua Lý Anh Tông và thành hoàng là ba anh em họ Phạm, những bộ tướng của Trần Khánh Dư: Phạm Công Chính, Phạm Thuần Dụng và Phạm Quý Công. Trong trận thủy chiến với quân nguyên Mông trên “sông Mang” ba tướng quân họ Phạm tử trận, xác được dân làng chôn trên núi và lập làm thành hoàng. Ngày 16 tháng 6 hàng năm là ngày giỗ trận, cũng là ngày hội làng. Đây là dịp tái hiện lại những trận đánh quân Nguyên Mông thưở trước để ghi nhớ công ơn tiền nhân và giáo dục, nhắc nhở các thế hệ mai hậu.

Anh Phạm Văn Duyệt kể:

- Lạ lắm. Các ngài rất linh thiêng. Tôi làm trưởng ban lễ hội mười lăm năm liền và nghiệm ra rằng, các bậc tiền nhân từ mấy trăm năm trước vẫn luôn sống bên ta. Lễ hội đình Quan Lạn bắt đầu từ ngày 10 tháng 6, ngày treo cờ khoá làng, báo hiệu có quân xâm lăng vào biên ải. Từ ngày này, nội bất xuất, ngoại bất nhập, trai đinh không ai được đi khỏi làng. Từ ngày 11 đến 15, làng phân chia thành hai giáp: Đông Nam văn, Đoài Bắc võ, các giáp tự luyện quân trên những con tàu lớn năm sáu tấn. Ngày 16, hai bên quân tướng tập trung ra đình rước thần từ nghè Trần Khánh Dư về đình, giao tượng bài cho tướng quân Phạm Công Chính. Ngày 18, hai bên quân xanh quân đỏ lĩnh giáo mác xuất quân. Lễ diễu hành được cử ba lần trên đất, ba lần dưới biển trước miếu Đức Ông để mô tả ba lần thắng quân Nguyên Mông. Kỳ lạ nhất, là từ lúc treo cờ khoá làng đến khi diễu hành, giao chiến, quân hai bên nhìn nhau như thù hằn, dù là anh em ruột thịt trong nhà nhưng thuộc hai giáp khác nhau. Năm kia, khi tôi tuyên bố hai bên hoà, lập tức thằng em tôi ở thuyền phía bên kia rút đại đao đánh tôi. Chuyển ấy nếu tôi không đỡ kịp, có khi tôi mất mạng.

Rõ là hào khí Đông A đến giờ vẫn còn phảng phất trên biển đảo Vân Đồn. Dường như hào khí ấy đã thấm vào máu, hình thành nên tính cách các trai đinh Quan Lạn, Minh Châu.

Đại tá Vũ Bộ nhớ lại:

- Ngày học cấp hai, tôi và Vũ, Vui cùng ngồi một bàn trong góc hậu cung đình nơi dùng làm lớp học sơ tán. Vũ và Vui quê dưới Minh Châu, hàng ngày phải đi bộ hơn chục cây số đến trường. Tình Vũ giỏi môn văn và lịch sử. Cậu ta biết khá nhiều chuyện về đại tướng Trần Khánh Dư. Ví dụ chuyện thời trẻ ngài đi bán than, chuyện ngài bán nón Maloi cho dân các đảo, không biết cậu ấy đọc ở đâu.

*

Đêm đầu tiên sống ở đảo Quan Lạn, cũng là đêm hầu như tôi không ngủ. Anh Nguyễn Mão, chủ cơ sở du lịch Nam Hải rủ tôi ra bãi biển với anh. Cái ông Nguyễn Mão, tuổi gần lục tuần, người cao gầy, rõ biết nhiều chuyện. Anh Mão tự nhận mình là hậu duệ của Nguyễn Hữu Chinh. Có thể cụ thượng tổ nhà anh ra đảo Quan Lạn sau khi Nguyễn Hữu Chinh bị sỹ phu Bắc Hà căm ghét, hoặc giả sau khi Nguyễn Hữu Chinh bị Quang Trung sai tướng Vũ Văn Nhậm giết chết.

Không ngủ được, tôi đi lang thang dọc mép biển, và ngồi trên một tảng đá, nhìn về phía đảo Cô Tô. Tự nhiên tôi nghĩ đến đại tướng Trần Khánh Dư. Cái đêm ngài thua trận trên sông Mang, để cho quân giặc tiến vào cửa Vạn Kiếp, chắc cũng là một đêm trăng sông, im sóng, im gió như thế này. Hơn bảy trăm năm, vẫn trời ấy, nước ấy, đá ấy, cát ấy, có khác gì đâu? Làm cách nào để thoát khỏi án chém đầu khi phải giải đến trước mặt thượng hoàng? Giống như Trương Phi vũ dũng vô mưu chột loé lên kế hiểm lừa Tào Tháo, chắc Trần Khánh Dư cũng nhạy dựng lên khi chột nghĩ ra kế chặn đoàn thuyền lương của giặc. Đất địa linh, sinh nhân kiệt. Chính mảnh đất này đã cứu thoát và làm hiển hách thêm võ công của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư?

Đang mơ màng hoài cổ, chợt có tiếng Nguyễn Mão ở phía sau:

- Thức dậy không thấy ông, mình hoảng quá! Uống đi cho mát rồi đi với tớ. - Anh Mão dúi vào tay tôi chai bia Hạ Long.

- Đi đâu, anh?

- Có thích đến miếu Bà Hang không?

- Bà Hang nào? Sao lại đến vào giờ này? - Tôi tu hết chai bia, nhìn Mão đầy nghi hoặc.

Chúng tôi đi qua khu hồ anh Mão đang đào để trữ nước cho du lịch, đi men theo chân ngọn núi đá và dừng lại trước một hàng đá đầy mùi khói hương. Theo ánh đèn pin của Mão, chúng tôi vào trong miếu. ánh mắt tôi vừa chạm tới chiếc bàn thờ, nơi vẫn còn những chân hương cháy dở, tôi bỗng lạnh toát người, chân tay bủn rủn. Trước mắt tôi là ngổn ngang những chiếc dương vật người.

- Đừng sợ. Đây là những sinh thực khí làm bằng gỗ và rễ cây sơn màu. Đồ cúng lễ Bà Hang của dân đánh cá đó.

Tôi tròn mắt kinh ngạc rồi dần hiểu ra câu chuyện đầy màu sắc tín ngưỡng. Tương truyền, ngày xưa có một người đàn bà chữa bệnh từ đâu dạt vào đảo. Dân đảo đem chôn cất và lập bàn thờ trong hang, gọi là miếu Bà Hang. Ngôi miếu càng ngày càng linh thiêng. Các ngư phủ quanh các đảo mỗi lần đi biển thường mang sinh thực khí đến cúng. Điều đặc biệt là thời gian lễ thường diễn ra về đêm, trước lúc tảng sáng. Người đến lễ, sau khi dâng lễ vật, liền cởi hết quần áo, vừa khấn, vừa cầm dương vật của mình mà dâng lên, văng ra xa. Càng múa lâu, dương vật càng sung mãn thì những mẻ lưới hôm sau càng nhiều cá. Tục này, cho đến bây giờ vẫn còn. Bằng chứng là đêm nào trên bàn thờ Bà Hang cũng có dăm bảy bộ sinh thực khí.

Tôi chợt liên tưởng đến những ngọn tháp Chăm ở miền Trung và tục thờ linga của người Chăm. Vì sao có sự giống nhau về tín ngưỡng giữa những ngôi tháp kỳ vĩ miền Trung và miếu Bà Hang này? Phải chăng vào thời Lý, Trần, những tù binh Chiêm Thành được chuyển thành các nô lệ phân cho các quý tộc và những nô lệ người Chiêm đã ra đây, mang theo nghề đánh cá, tín ngưỡng thờ lin-ga và nét văn hoá độc đáo của mình?

Sẽ thêm một nguồn tiềm năng văn hoá cho nền công nghiệp du lịch nhiều hứa hẹn của vùng đảo ngọc đông bắc. Biển xanh đến nao lòng, cát trắng đến tinh khôi, mặt trời nóng ấm và không gian lịch sử - văn hoá, những yếu tố tối ưu ấy đã mời gọi du khách bốn phương đến Minh Châu, Quan Lạn. Tôi lại nhớ lần gặp vội vã bí thư huyện đảo Nguyễn Danh Ngọc trước khi chúng tôi ra Quan Lạn. Anh Ngọc khoe rằng có một doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư ngoài đảo Phượng Hoàng một khu du lịch cao cấp. Sẽ có sân bay trực thăng, sân golf, hệ thống khách sạn nhà hàng siêu sao...

Vâng. Những ý tưởng ấy là quá tuyệt vời. Nhưng là để dành cho những ông chủ nhiều đô la. Còn những người du khách bình dân chúng ta? Bao giờ chúng ta mới có một Ba-li của Ấn Độ, một Pattaya của Thái Lan ở ngay Quan Lạn, Minh Châu đầy tiềm năng này?

*

Theo con đường Tình Vũ đã từng đi học, chúng tôi ngồi xe lam chạy từ trường cấp hai Quan Lạn, dọc con đường bê tông xuyên đảo, lên Minh Châu. Nhìn trên bản đồ, đảo Quan Lạn có hình dáng giống như nước Nhật. Chiều dài chừng gần 20 cây số, bề ngang chừng hai - ba cây số. Minh Châu ở phía bắc đảo, có dân số hơn một nghìn người, chỉ bằng gần một phần ba Quan Lạn. Nếu như Quan Lạn có nghề vận tải đường biển, nghề đào sá sùng và nghề làm ruộng, thì Minh Châu lại sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa, đào sá sùng và đánh cá. Không có đình chùa to như Quan Lạn, không sầm uất phố chợ như Quan Lạn, có lẽ nơi đây gần cửa Đồi, thuộc khu quân sự tiền tiêu, nên không tập trung cư dân nhiều.

Cơn mưa giông biển bỗng ập xuống xối xả khiến chúng tôi phải chôn chân ở uỷ ban xã Minh Châu mấy tiếng đồng hồ. Hầu như tất cả các cán bộ xã, từ bí thư Phạm Văn Hạnh đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Tiến Lượm đều thuộc lớp đàn em Trình Văn Vũ, nên không biết gì nhiều về anh và những trang nhật ký của anh. Rất tiếc, bố Vũ và cô giáo Nguyễn Thị Hà, người vợ của anh đều không còn. Chị Hà sau này tục huyền với một bộ

đội đóng quân ở huyện, có hai con, nhưng rồi tai hoạ ập đến chị ốm mấy năm liền rồi mất.

Tôi bồn chồn như chính mình đang về thăm quê. Phải gặp người mẹ đã sinh ra Vũ, nhìn thấy căn nhà mẹ ở, tôi mới yên lòng. Chao ôi, người mẹ hiện lên từng ngày, từng trang trong quyển nhật ký của Vũ, đủ cho tôi hiểu, anh yêu mẹ đến nhường nào. Không đợi mưa ngớt, tôi mượn áo mưa, rủ nữ nhà văn Vũ Thảo Ngọc đến thăm mẹ Vũ.

Con đường dẫn ra cực bắc đảo, nơi có cánh rừng đặc chủng toàn một thứ cây châm, đẹp lạ lùng. Kỳ lạ thay là thứ cây độc đáo chỉ có ở đảo Minh Châu này. Cây châm mọc thành rừng phủ kín hơn chục héc ta chạy dài suốt bãi biển. Đó là một loài cây lá dày, xanh đậm thân chắc như loài sù vẹt, nhưng lại chỉ sống trên cát trắng. Người già nói, rừng châm có từ bao giờ không ai biết. Người ta coi đây như loài cây quý hiếm, vì nó chắn gió, chắn cát cho làng, cho bọn trẻ con bóng mát. Rừng châm nhìn xuống một bãi tắm tuyệt vời. Khác với cát ở Quan Lạn màu vàng, cát ở Minh Châu cùng loại với cát Vân Hải, trắng mịn như phấn.

Đã có bao lần Tình Vũ ra tắm ở bãi cát kia, đã nằm dưới rừng châm này? Trong chương cuối tiểu thuyết "Một tâm hồn", Tình Vũ đã ghi lại cảnh anh cùng người vợ chưa cưới đi dạo ngoài biển. Hẳn là rừng châm và bãi biển này đây. Đó là ký ức tuổi thơ, chốn thần tiên mơ mộng, nơi gửi gắm gieo cấy mỗi tình đầu.

Căn nhà của mẹ Vũ nằm giữa một vườn cây trồng trái. Một lối mòn từ đường xuyên đảo băng qua một vạt ruộng dẫn vào gốc mít đầu nhà rồi dẫn tới cái sân gạch xanh rêu.

Mẹ Vũ ngồi kia. Chao ôi, sao giống mẹ tôi quá chừng. Cũng ngoại bát tuần, cũng tóc trắng màu khói sương, gương mặt hao gầy móm mém và đôi mắt nhòe mờ, nhân hậu.

- Mẹ, con là bạn của Tình Vũ - Tôi nói và cầm tay mẹ.

- Bạn Vũ à? Sao bây giờ mới về? - Mẹ nhìn tôi như lục tìm trong trí nhớ, lục tìm trong cả cái quá khứ xa xăm và mờ nhạt.

- Vũ đưa chúng con về thăm mẹ. Con cùng tuổi Vũ lại cùng nghề với Vũ nữa đấy mẹ ạ.

- Ừ. Lâu lắm Vũ nó không về.

Vũ Thảo Ngọc ghé vào tai mẹ:

- Bây giờ thì anh Vũ về Minh Châu, Quan Lạn thật rồi. Từ bây giờ, anh Vũ sẽ đưa rất nhiều bạn bè về với biển Minh châu. Mẹ có tin thế không?

Người mẹ nhìn chúng tôi nửa tin nửa ngờ, mắt nhắm nheo cười.

MỘT NGÀY SÔNG GIANH

---* ❖ *---

Sông Gianh có tên chữ là Linh Giang. Trong sách Phủ biên tạp lục Lê Quý Đôn gọi sông Gianh là sông Lũ Đăng:... “Sông dài của châu (Bắc Bộ Chính) thì có một dòng từ xã Kim Lũ, Thanh Lãng huyện Hương Sơn, chảy qua Tuần Bồi mà xuống Lũ Đăng rồi ra cửa biển Đại Linh, lại một dòng từ chân núi Thời Mại, chảy xuống xã Kim Minh, gọi là sông Sơn, đến cửa Hác hợp với ông Lũ Đăng cùng chảy ra cửa Đại Linh, nguồn sông xa mà rộng”.

Thi hào Nguyễn Du khi qua sông Gianh, đã từng viết những dòng thơ cảm khái:

*... Nhất vọng tân nhai thông cự hải
Lịch triều cương giới tại trung lưu
Tam quân cưu bích phi hồng điệp
Bách chiến tàn hài ngoạ lục vu...”*

(Đỗ Linh Giang)

*(... Bến liền mặt bể xa tầm mắt
Cõi vạch lòng sông đã mấy đời
Luỹ cổ ba quân tàng lá rụng
Đất hoang trăm trận đống xương vùi...)*

(Trên sông Linh - Nguyễn Văn Tú dịch thơ)

Cái tên sông Gianh không biết có từ bao giờ? Sách Ô Châu cận lục của Dương Văn An viết giữa thế kỷ XVI, nói khá kỹ về vùng Thuận - Quảng. Lê Quý Đôn viết Phủ biên tạp lục năm 1776, và Nguyễn Du (1765-1820) viết bài thơ Đỗ Linh Giang có lẽ trong thời gian ông vào Huế và làm quan ở Quảng Bình, khoảng cuối thế kỷ XVIII. Cả ba tác giả ấy cùng chưa thấy nói tới sông Gianh. Cuốn sách nói đến sông Gianh sớm nhất có lẽ là bộ sử thi Nam triều công nghiệp diễn chí của Bảng Trung Nguyễn Khoa Chiêm viết năm 1719. Xét về góc độ tiểu thuyết lịch sử, thì đây là một bộ tiểu

thuyết đồ sộ nhất, xuất hiện trước cả Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia Văn Phái tới gần một trăm năm. Sách thu tóm cả chiều dài lịch sử Việt Nam suốt từ thời kỳ Nguyễn Hoàng vào Thuận - Quảng lần thứ nhất (1558) cho đến sau cuộc kịch chiến cuối cùng giữa quân Trịnh và quân Nguyễn trên sông Nhật Lệ năm 1672. Sông Gianh thời kỳ đó, không phải là đường ranh giới giữa quân Trịnh và quân Nguyễn trên sông Nhật Lệ năm 1672. Sông Gianh thời kỳ đó, không phải là đường ranh giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, mà là vùng tranh chấp, khi thì quân Nguyễn vượt sông Gianh, vượt đèo Ngang, lấn ra tận sông Lam, khi thì quân Trịnh vượt sông Gianh, tiến vào đến Luỹ Thầy, Nhật Lệ. Có lẽ chỉ sau năm 1672, sông Gianh mới thực sự là ranh giới giữa Nam - Bắc triều?

Vậy thì sông Gianh hay sông Ranh? Ranh giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, cỏi vạch lòng sông đã mấy đời, phải vậy chăng? Tôi đồ rằng cái tên sông Gianh chỉ có từ thời Bảng Trung Nguyễn Khoa Chiêm viết sách Nam triều công nghiệp điển chí. Và cứ thế, sông Gianh như một vết hằn, hằn sâu vào lịch sử.

*

Tôi biết đến sông Gianh lần đầu khi còn ở tuổi nhi đồng. Có một câu thơ trong sách giáo khoa thư cú ám ảnh tôi mãi:

... "*Đây sông Gianh, đây biên cương máu lửa
Đây sa trường, đây nấm mồ trời Nam...*"

Sau rồi tôi biết thêm sông Gianh chút nữa. "Hướng về Nam. Ai đã qua đèo Ngang, đã sang Ba Rền, đến dòng sông Gianh, biếc xanh Luỹ Thầy". Ấy là lời một bài hát của thời kháng chiến chống Pháp. Cả đèo Ngang, cả chiến khu Ba Rền và sông Gianh đều khơi gợi về một vùng đất kiên cường và máu lửa.

Nhưng phải chờ đến năm 1965, sông Gianh mới thực sự choán ngợp tâm trí tôi. Tôi nhớ, sau sự kiện vịnh Bắc Bộ, 5-8-1964, sông Gianh dường như đã mở đầu cho những chiến tích có tính huyền thoại của thời kỳ chúng ta đánh trả cuộc chiến tranh không lực của Hoa Kỳ. Trận hải chiến trên sông Gianh những ngày tháng 4-1965 ấy có lẽ là những trang sử bi hùng nhất

của lực lượng hải quân non trẻ chúng ta. Tàu chiến, pháo hạm Mỹ giăng kín ngoài biển. Máy bay Mỹ từng đàn gặm rú trên không. Sông Gianh ngẫu đục, sục sôi những cột nước của đạn pháo, rốc két. Vậy mà những chiếc hải thuyền nhỏ bé của chúng ta vẫn kiên cường như những pháo đài di động, lúc ẩn lúc hiện dọc hai bờ sông Gianh, xối đạn lên trời, bắn rụng máy bay Mỹ... Sông Gianh bước vào cuộc chiến đầu tiên, và suốt mười năm sau luôn là lát cắt nóng bỏng nhất trên thân mình nước Việt.

Đi ngược dòng sông Gianh, rồi rẽ vào sông Son, một phụ lưu của sông Gianh, du khách sẽ gặp động Phong Nha, một kỳ quan độc đáo nhất của Việt Nam mà chúng ta hầu như chưa khai thác. Nhưng trước khi đến động Phong Nha, hẳn mọi người sẽ vô cùng ngạc nhiên khi phát hiện ra một bến phà Xuân Sơn khuất nẻo dường như đã bị bỏ quên. Đây chính là một xung điểm của con đường mòn Hồ Chí Minh mà cột mốc số Không mới được dựng lại ở ngã ba Tân Kỳ, Nghệ An. Người anh hùng Nguyễn Viết Xuân với câu nói nổi tiếng: “Hãy nhắm thẳng quân thù mà bắn”, ai ngờ lại lập chiến công chính ở trận địa pháo bảo vệ bến phà Xuân Sơn này. Những năm tháng ấy, khẩu hiệu của Nguyễn Viết Xuân cũng chính là hào khí của cả vùng sông Gianh, sông Son. Đến Phong Nha bây giờ, dấu vết của hàng tấn bom đạn Mỹ phóng xuống làm sạt một góc cửa động vẫn còn nguyên. Cánh cửa động như một tấm đá phẳng khổng lồ, nứt một vòm hang cho con sông ngầm Phong Nha chảy ra, vậy mà rốc két Mỹ vẫn rình rập phóng tới làm nham nhở cả kỳ quan thiên nhiên này.

Phong Nha, chính là nguồn mạch của sông Gianh. Thời chống Mỹ không có du khách nào đến Phong Nha, chỉ có những chiến sĩ công binh. Chính ở cửa động bây giờ, một đại đội công binh mười tám chàng trai đã bị đạn pháo Mỹ giết hại. Cho đến nay, ngoài đoàn khảo sát hang động của Hoàng gia Anh, có lẽ chỉ những người lính công binh thời chống Mỹ mới sống nhiều ngày và đi sâu nhất vào con sông ngầm Phong Nha.

*

Tôi đi trượt qua sông Gianh đã bao lần, khi thì bằng đường sắt, khi thì bằng đường không. Đến bây giờ, lần đầu tiên tôi mới đến sông Gianh bằng

con đường thiên lý Bắc Nam.

Giám đốc Phân khu Phà Gianh - Quán Hàu, Bành Trọng Vinh, khi biết nguyện vọng của tôi muốn tìm hiểu kỹ về sông Gianh, liền bảo:

- Chúng tôi sẽ cử chủ tịch công đoàn Nguyễn Văn Hoá cùng đi với anh. Anh Hoá quê gốc ở Quảng Trạch, khá am tường về sông Gianh.

Quả nhiên, câu chuyện trên xe từ Đồng Hới ra phà Gianh của Hoá đã giúp tôi phát hiện ra nhiều chi tiết mới của vùng hạ lưu sông Gianh.

- Nếu anh đến sớm trước một tháng, sẽ được chứng kiến lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang của các xã Sơn Trạch, Đại Trạch và Quảng Thuận - Hoá nói - Cả ba xã đều nằm hai bên bờ sông Gianh.

- Sao đến bây giờ mới được phong tặng nhỉ? Hơn hai mươi năm rồi...

- Vâng, kể ra là muộn. Nhưng có lẽ khi có một độ dài thời gian hơn hai mươi năm để nhìn lại, mới thấy hết những đóng góp lớn lao của những người dân hai bờ sông Gianh này. Đợt tuyên dương Anh hùng vừa rồi cũng trùng với đợt xét tặng danh hiệu các bà mẹ Việt Nam Anh hùng đấy anh ạ. Nếu anh đến Quảng Thuận những ngày tháng ba vừa rồi mới thấy dân vui mừng đến mức nào. Cả một vùng phía bắc phà Gianh những năm 65-70 hầu như bị xoá trắng, vậy mà nay lại trù phú đông đúc như một thị tứ. Để kịp đón nhận danh hiệu Anh hùng, Quảng Thuận đã khẩn trương xây một đài liệt sĩ và một cổng làng vào loại to đẹp nhất nước...

Nói chuyện với Nguyễn Văn Hoá, tôi được biết anh chính là con trai người em ruột của đồng chí Đồng Sĩ Nguyên, vị tư lệnh của đường dây 559 và nguyên là Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải những năm 80. Anh Hoá bảo, ông Đồng Sĩ Nguyên tên thật là Nguyễn Sĩ Đồng. Chính Bác Hồ đã đổi tên cho ông và giao cho ông trọng trách xây dựng con đường mòn vượt Trường Sơn. Hồi làm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ông ao ước quê mình có một cây cầu vượt sông Gianh lắm, nhưng nước ta khi ấy quá nghèo, chỉ đủ sức tập trung cho cây cầu Thăng Long vượt sông Hồng. Anh Hoá còn bảo: Vùng đất ven sông Gianh này thường phát về công binh, cầu phà. Trong ngành giao thông, số Anh hùng ngành cầu phà có lẽ không ở đâu lại đậm đặc như ở vùng sông Gianh, có bốn Anh hùng: Võ Xuân Nở,

Nguyễn Thị Kim Huế, Trần Chí Thành, Võ Xuân Khuế, cả bốn đều là dân Quảng Trạch.

Tôi ngỏ ý nhờ Hoá giúp tôi tìm gặp một người anh hùng của sông Gianh thời ấy. Anh Hoá bảo:

- Anh Võ Xuân Khuế, Phó giám đốc Phà Gianh - Quán Hầu, kiêm trưởng bến Phà Gianh, chính là người của sông Gianh hiện vẫn còn gắn bó với dòng sông này đó. Gặp anh Khuế, chắc sẽ có nhiều chuyện lý thú.

*

Quả tình, Võ Xuân Khuế là người khá lý thú về mặt tính cách. Năm mươi tuổi, dáng cao lớn, chắc đậm, bộ râu mép đen ánh trông vừa ngang tàng, vừa hào hớn.

Trong số hơn một trăm thợ phà sông Gianh hôm nay, Võ Xuân Khuế, là người có thâm niên với phà Gianh, với sông Gianh lâu nhất. Anh sinh ở Quảng Trung, cùng quê với ông Đồng Sĩ Nguyên, nhưng từ năm lên tám đã theo mẹ về sống ở La Hà - Quảng Văn, một xã cù lao nằm giữa sông Gianh. Lớn lên bên sông nước năm hai mươi tuổi vào bộ đội, chiến đấu ngay trên dòng ông quê hương, thuộc đơn vị công binh cầu phà. Suốt những năm chiến tranh ác liệt, không biết đã bao lần Khuế cùng đồng đội lai dắt người, xe, đạn pháo qua sông. Là thợ máy lái ca nô, đương nhiên phải lãnh nhiệm vụ rà phá thủy lôi, phải đối mặt với pháo hạm từ ngoài biển và máy bay phóng rốc két từ trên trời. Trong bấy lần Khuế rà phá thủy lôi mở đường máu cho người, xe vượt sông, có một lần anh tưởng đã bị chết chìm giữa sông Gianh. Lần ấy rốc két từ máy bay địch bắn xả xuống canô, trung đội có 15 người, 4 người hy sinh, 5 người bị thương nặng. Đáng nhớ nhất là ngày anh đi lấy phà ngoài sông Ròn năm 1968. Chỉ có hai mươi cây số đường biển từ sông Gianh ra sông Ròn mà tưởng chừng như phải vượt hàng trăm thiên la địa võng. Hạm đội Mỹ lúc nào cũng rình rập ngoài cửa sông. Thủy lôi thả dày đặc. Pháo hạm, rìi bom, rốc két từ máy bay Mỹ phóng xuống bất cứ lúc nào. Trước khi tổ ba người của Khuế đưa ca nô lên đường, chi bộ đã kết nạp anh và làm lễ truy điệu trước cho cả tổ. Đón trước cái chết, vậy mà Khuế, Tuý, và Triệu, những người con của sông

Gianh, vắn lên đường. Ba lần đặng thủy lôi, nhưng ca nô vắn lằm lũi đi trên biển. Ngày hôm sau đã cập xã Cảnh Dương anh hùng, cập bến Ròn, rồi đưa xà lan về an toàn.

Con người đã từng được truy điệu sống 27 năm về trước bây giờ vẫn đứng vững trên bến phà sông Gianh. Cùng đi với anh là phó trưởng bến Đỗ Xuân Thu, mà sau này tôi được biết anh có người em trai tên Đỗ Xuân Bình, chiến sĩ hải thuyền sông Gianh, đã hy sinh anh dũng trong trận hải chiến sông Gianh ngày 28-4-1965.

Phút gặp đầu tiên giữa tôi với những người thợ phà sông Gianh thật chẳng mặn mà gì. Không hiểu vì cố gì, khi biết tôi làm nghề viết báo, anh hùng Võ Xuân Khuế liền thành kiến ngay từ đầu:

- Các ông nhà báo khó chơi lắm. Dân sông nước chúng tôi quen nói thẳng nói thật. Có việc gì các ông cứ vào bến nói thẳng với chúng tôi một câu. Chứ kiểu cưỡi ngựa xem hoa rồi viết đại lên báo khen chê tùm lum là chúng tôi không có chịu...

Gay quá. Ông này muốn đuổi mình hay sao mà nói năng dữ dằn vậy? Tôi ghé tai hỏi Nguyễn Văn Hoá và được biết rằng Võ Xuân Khuế đang rất bực mình về một bài báo nhỏ vừa nêu hiện tượng chờ phà khi qua sông Gianh. Người viết bài báo là một hành khách qua phà hai tháng trước đây.

- Chuyện vặt ấy mà anh - Tôi bảo - Có thể đúng thời điểm người hành khách ấy đi qua thì bến phà ùn tắc thật. Với lại anh tính, cả một con đường xuyên Việt, chỉ qua sông Gianh mới phải đi phà thì xe nào mà chả bực mình...

Anh Khuế có vẻ dịu lại:

- Vâng. Đạo ấy đúng vào chiến dịch đưa gạo ào ạt từ phía Nam ra. Hàng ngàn xe tải của quốc doanh và tư thương đi liên tục suốt ngày đêm. Có ngày lưu lượng tới hơn một ngàn xe. Doanh thu của bến phà chúng tôi đang từ 30-40 triệu đồng vọt lên 56 triệu một ngày. Đúng cái ngày mà ông nhà báo quý hoá bêu chúng tôi lên báo là một ngày cao điểm, tiền thu phí tới hơn 50 triệu. Vậy thì sao lại bảo chúng tôi chỉ có chạy có một phà? Thử nhân lên xem? Một chuyến phà chạy hết 25 phút. Phải ba phà chạy liên tục

mới đạt doanh thu như thế chứ. Các vị viết một nhưng mà không hiểu mường. Suốt mấy chục năm nay, phà Gianh chúng tôi có được cải tiến trang bị gì nhiều đâu. Vẫn những chiếc phà lai dắt từ thời chiến tranh, mỗi phà sức chở chỉ được 4-5 xe. Những ngày lưu lượng xe nhiều như mấy tháng nay, chúng tôi phải chạy ba phà liên tục về ban ngày, hai phà về ban đêm. Anh thấy kia, những người thợ phà sông Gianh chúng tôi có nhàn nhã gì trong những ngày gió Lào nóng bỏng này...

Vâng, nếu tôi là một ông khách đi xe Tôyôta có điều hoà nhiệt độ, khi phải đứng 25 phút trên cái phà nóng rẫy kia để qua sông Gianh vào thời điểm này thì cũng không chịu đựng nổi. Huống chi, những người thợ phà lúc nào cũng hối hả, quần quật suốt từ bờ bắc sang tới bờ nam.

- Chúng tôi chỉ mong cho cầu sông Gianh chóng hoàn thành - Võ Xuân Khuê như đã quên bằng câu chuyện về báo chí, anh trở nên bộc trực và cởi mở - Làm dâu thiên hạ như cái nghề phà của chúng tôi cũng chẳng hay ho gì. Khổ lắm. Đây lại là cửa khẩu của tuyến đường độc đạo. Đất nước càng phát triển, mật độ người xe qua lại càng nhiều. Mà cánh lái xe bây giờ cũng lạ lắm anh ạ. Chuyển đi nào họ cũng bấm giờ xem ngày. Mong một đầu tháng, rồi ngày 13, bến phà cứ vắng tanh teo. Đùng một cái, có những ngày lưu lượng xe tăng dồn dập. Đấy, hôm nay mong một, anh thấy phà Gianh có thanh bình không?

Tôi lặng ngẫm dòng sông, lặng ngẫm đôi phà đang chậm chạp đi qua hai bờ. Sông Gianh buổi chiều thật đẹp. Đúng là cảnh Nguyễn Du từng viết "Bến liền mặt bể xa tầm mắt". Dòng sông xanh biếc, xa rộng như bến phà sông Tiền sông Hậu. Không thấy bóng dáng gì của một sông Gianh thời Trịnh Nguyễn phân tranh như tôi mường tượng. Cũng không thể hình dung ra một sông Gianh khốc liệt những năm tháng đánh Mỹ.

- Khi cầu sông Gianh thông đôi bờ thì phà Gianh chúng tôi cũng hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình. Và rất có thể bị xếp vào quên lãng. Anh có nhìn thấy cái cột mốc kia không? Cả một quá khứ của phà sông Gianh chỉ còn lại ngần đó...

Khuế dẫn tôi đi đến sát cái cột mốc ấy mà tôi vẫn không tin rằng đó là một đài tưởng niệm các chiến sĩ hy sinh tại bến phà Gianh. Chao ôi, nó chỉ nhỏ nhoi như một cột mốc chỉ đường, chứ không thể là mộ, càng không phải là một đài tưởng niệm. Giữa một bãi phẳng ngổn ngang những máy móc, sắt thép, đang chuẩn bị xây dựng cầu, cái mốc ấy càng bị nhoè lấp, rất khó nhận ra.

- Đài tưởng niệm những người thợ phà sông Gianh đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đó - Khuế nói, giọng trầm buồn - Tôi được tuyên dương Anh hùng cũng là do công lao của những người đã ngã xuống trên bến phà Gianh này. - 57 người hi sinh, 93 người bị thương ở chính nơi đây. Ở Quảng Văn quê tôi, cái xã cù lao ở phía trên kia, vẫn còn hai ngôi mộ liệt sĩ chưa có người thân đưa về...

Tôi bỗng nhớ lại bốn năm trước, khi cầu Bến Thủy chuẩn bị khánh thành qua sông Lam. Anh Nguyễn Đức Kiến, hồi ấy là Tổng giám đốc Khu quản lý đường bộ IV, có rủ tôi vào chơi với đội phà Bến Thủy anh hùng. Đợt ấy tôi viết bút ký “Tiễn một anh hùng về hưu”, để tặng phà Bến Thủy. Khi cầu xong thì phà về hưu là đúng quá rồi. Nhưng phà Bến Thủy về hưu hồi ấy khi đã có trong tay một sắc phong anh hùng của Nhà nước, khi mấy chục gia đình thợ phà Bến Thủy đã có một khu phố nhỏ dưới chân núi Quyết. Còn bây giờ phà sông Gianh thì sao? Một đài tưởng niệm cho những người chết cũng chưa có, huống chi một làng thợ cho những người sống? Chà, tôi bỗng chạnh buồn. Sau này khi cầu sông Gianh đã thông rồi, người ta sẽ vừa qua sông Gianh, sẽ ào đến bãi tắm đá Nháy, đến thị xã Đồng Hới đông vui và của biển Nhật Lệ thơ mộng, liệu có ai còn nhớ một thời từng có một bến phà sông Gianh, có những người thợ phà sông Gianh từng hoà máu mình xuống dòng sông để đưa phà đưa xe ra mặt trận?

*

Đêm ấy tôi lang thang ngoài bến với cánh thợ phà sông Gianh cho mãi tới khuya. Hoá ra sông Gianh bao nhiêu năm rồi chưa hề có một đêm nào tĩnh lặng. Chốc chốc, những chuyến xe rong ruổi trên con đường thiên lý lại cập bến. Và những con phà lại loảng xoảng tiếng xích sắt, ầm ầm tiếng

xe rú ga leo lên mạn phà, rồi cả một khối sắt thép lặng lẽ sang bên kia bờ. Dòng sông đen thẫm. Chỉ có một ngọn tiêu le lói bên bờ xa kia và một ngọn đèn ca nô cũng le nói như thế đáng dặt con phà đến đích.

Tôi ngồi rất lâu bên sông Gianh và thả dòng suy tưởng của mình theo sông Gianh trôi về quá khứ. Đâu đây như có tiếng gươm khua, tiếng người ngựa, tiếng mạn thuyền va vào nhau, tiếng chèo khoả nước. Đâu đây như có tiếng máy bay âm ì, rồi đạn pháo sáng loà mặt sông, thuỷ lôi lừ lừ trôi từ cửa biển vào... Suốt bốn trăm năm, từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, sông Gianh luôn là mục tiêu để các thế lực phong kiến và ngoại bang chia cắt. Rồi hiệp định Giơnevê, 1954, không chia được ở sông Gianh, người ta đành đẩy giới tuyến vào sông Bến Hải.

Nhưng sông Gianh chưa bao giờ chia cắt được con đường xuyên Việt, ngay cả trong suốt hai trăm năm phân tranh Trịnh Nguyễn. Dòng sông vẫn chảy ngang, nhưng con đường vẫn đi dọc. Chiến tranh liên miên và đói nghèo khiến chúng ta không kịp, và không đủ sức để bắc một cây cầu. Lịch sử thật nghiệt ngã khi muốn lựa chọn cầu sông Gianh là mối nói cuối cùng trên con đường thiên lý xuyên Việt. Và bây giờ, vận hội mới đã đến. Chỉ 36 tháng nữa, chiếc cầu bê tông với chiều dài 746,4 mét, giá thành tới hơn hai trăm tỷ, được làm theo công nghệ tiên tiến của thế giới, sẽ nói vĩnh viễn hai bờ sông Gianh. Kìa, nhỡn tiền đã nhìn thấy nền móng cây cầu hiện đại vượt sông Gianh kia rồi. Cả một vùng bờ bắc sáng loá ánh đèn. Tổng công ty xây dựng cầu Thăng Long, đơn vị làm cầu hùng mạnh nhất nước, vừa làm xong cầu Tràng Tiền, cầu Việt Trì, đã đổ quân về đây rồi. Trong ánh đèn đêm, vẫn cứ đỏ rực lên cái xóm thợ cầu mấy chục nóc nhà mới dựng, vẫn nhìn rõ ngọn cờ trắng phần phật trên đỉnh tháp cầu với hai chữ biểu trưng TL- Thăng Long.

Tôi chợt nảy ra một ý tưởng và bảo với Anh hùng Võ Xuân Khuê:

- Khi nào cầu sông Gianh bắc xong rồi, đội phà các anh nên chuyển sang làm du lịch. Từ đây lên động Phong Nha, theo đường sông Gianh và sông Sơn chỉ chừng hai chục cây số. Tôi cam đoan rằng nếu đi ca nô từ đây, du khách sẽ vô cùng lý thú.

Võ Xuân Khuế nắm nhẹ tay tôi như vô cùng tâm đắc:

- Ngay bây giờ du khách cũng muốn di thuyền từ đây lên chơi động Phong Nha. Ý anh hay. Có lẽ đội phà Gianh chúng tôi cũng phải chuyển hướng sang làm du lịch khi không còn ai qua sông Gianh bằng phà nữa. Riêng tôi thì đó là một điều lý tưởng để suốt đời được gắn bó với sông Gianh. Từ đây lên Phong Nha sẽ qua Quảng Văn quê tôi. Nếu mai anh đi, tôi sẽ mời anh qua nhà. Này, con gái Quảng Văn, tức La Hà cũ, đẹp nhất vùng sông Gianh này. Ừ, tôi phải khoe vợ tôi với anh. Bốn con rồi mà nàng vẫn giữ một eo lưng tuyệt đẹp. Thú thực với anh rằng, đã đi và sống ở nhiều nơi, kể cả nước ngoài, nhưng tôi vẫn chỉ thấy có ba điều thú, ấy là buổi sáng bơi trên sông Gianh, buổi chiều uống một ly rượu Quảng Văn, và... buổi tối ngắm cái eo lưng của vợ mình...

Chúng tôi cùng cười ngất. Hình như gió biển đã mang trọn tiếng cười đó chạy dọc triền sông.

NƯỚC TA CÓ MỘT CÔN ĐẢO

---* ❖ *---

- **C**hứng tích và chứng nhân của một địa ngục trần gian
 - *Huyền thoại và độc thoại với đất và đá*
 - *Di sản vô giá, tiềm năng vô tận.*

Đi máy bay trực thăng từ Thành phố Hồ Chí Minh phải mất gần hai giờ đồng hồ. Chiếc M18, sản phẩm từ thời chóng mĩ, nổ máy âm âm đến đỉnh tai nhức óc. May mà trước khi bay, tại phòng chờ sân bay quân sự Tân Sơn Nhất, các tiếp viên của Công ty bay dịch vụ phía Nam đã chiếu cho tôi xem trên màn hình cảnh máy bay trên biển. Trường hợp bị rơi, máy bay đã có hệ thống phao nổi trên mặt nước, tựa như chiếc thủy phi cơ. Mỗi hành khách lại có phao bơi riêng, được hướng dẫn cách mở thoát hiểm. Vì thế bay trên mặt biển ở độ cao một ngàn mét, tốc độ 200kilômet/giờ bỗng trở thành một thú vị. Tha hồ ngắm tìm những con tàu nhỏ xíu di động giữa mặt biển xanh thẳm. Và có điều hồi hộp này luôn thường trực khi chiếc trực thăng đã bay hơn một giờ đồng hồ: dán mắt vào ô cửa, phóng tầm nhìn xuống để tìm xem Côn Đảo ở đâu giữa bao la biển thẳm?

Kia rồi, một chấm xanh mờ. Rồi lớn dần, kéo dài tựa như một hạm tàu nổi giữa đại dương. Trước khi bay ra đây, tôi đã tìm đọc khá nhiều tài liệu về Côn Đảo, biết rằng quần đảo này có tới 16 hòn đảo lớn nhỏ tổng cộng hơn 76 cây số vuông, quần tụ quanh đảo lớn Côn Lôn diện tích hơn 51,5 cây số vuông, hình thành từ hàng trăm triệu năm trước do vận động kiến tạo của vỏ trái đất... Vậy mà khi vừa “mục sở thị” mảnh đất giữa ngàn trùng khơi của Tổ quốc, tôi vẫn không khỏi bồi hồi...

Máy bay đáp xuống sân bay Cỏ Ống. Tôi nhìn quanh và bỗng sửng sò; hầu như tất cả các cây phi lao ở đây đều bị cụt ngọn, gãy vụn đến xơ xác. Máy dây nhà lợp phibờô ximăng bên sân bay bị tốc mái, sập đổ. Có ai đó bảo: “Dấu tích trận bão số 5 cuối năm ngoái đó. Hơn hai trăm chiếc thuyền bị đắm. Hàng trăm ngôi nhà sập. Các rừng dương tựa tước như bị bom

B52”. Nửa năm đã qua mà hậu hoạ cơn bão khủng khiếp vẫn còn hằn rõ trên cây, trên đất.

Hiếm hoi lắm Côn Đảo mới có trận bão như vừa rồi. - Chị Trần Ngọc Dung, Phó Giám đốc Trung tâm điều hành và hướng dẫn du lịch thuộc Saigon Tourist nói với tôi. - Sự nổi giận của trời đất thật là ghê gớm, nhưng rồi cây cối lại lên xanh. Khủng khiếp nhất, khó xoá nhất vẫn là những chết chóc và thương tích do bọn người phi nhân tính gây ra. Chiều nay, khi đi thăm chuồng cọp và nghĩa địa Hàng Dương anh sẽ thấy....

Lời dẫn dắt thật giàu hình ảnh liên tưởng, vậy mà khi tận mắt nhìn thấy những Banh I, Banh II, Banh III, chuồng cọp Pháp, chuồng cọp Mỹ, chuồng bò, hầm xay lúa, cầu tàu 914, cầu Ma Thiên Lãnh... tôi vẫn bủn rủn cả người.

Chao ơi, sao nhà tù nhiều đến thế. Khách tham quan bằng xe ô tô cũng phải mất một ngày trời. Mỗi một trại giam một góc xà lim lại gợi nhớ biết bao tên tuổi, từ các chí sĩ tiền bối thuở phong trào Cần Vương vẫn thân chống Pháp cho đến các thế hệ chiến sỹ cách mạng những năm 30-45 và những năm chống Mỹ sau này. Danh sách những tử tù, những Anh hùng Liệt sỹ cứ nổi dài mãi từ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Nguyễn An Ninh đến Lê Hồng Phong, Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hoàng Quốc Việt... và sau này là những Võ Thị Sáu, Nguyễn Đức Thuận, Lưu Chí Hiếu, Phan Trọng Bình...

*

Có một phụ nữ nguyên là tù nhân và chứng nhân của trần gian địa ngục một thời ấy hôm nay cũng có mặt trong đoàn ra thăm Côn Đảo. Đây là lần thứ sáu ra Côn Đảo của chị. Lần đầu tiên vào năm 1969, cũng trên một chiếc máy bay quân sự. Sau Đồng khởi Mậu Thân 1968, Mỹ nguy hiểm cuồng bắt bớ, lùng sục. Chị bị địch bắt cùng nhiều bạn bè đang hoạt động trong phong trào thanh niên sinh viên yêu nước, bị giam ở Thủ Đức, Chí Hoà rồi bị đày ra Côn Đảo. Năm sau địch điều chị về nhà tù Tân Hiệp trong đất liền, để rồi năm 1972 lại bị đày ra Côn Đảo trên một chiếc tàu há mồm.

Mỹ nguy kết án chị 20 năm tù khổ sai trong một phiêu toà mà lịch sử đã ghi lại bằng một tấm hình với nụ cười có một không hai và một câu nói nổi tiếng: “Tôi chỉ sợ chính quyền các ông không tồn tại được 20 năm nữa để cầm tù tôi và những đồng chí của tôi”. Vâng. Từ cái phiên toà lịch sử ấy, nụ cười của chị đã trở thành một tính từ, một biểu tượng của ý chí kiên cường, bất khuất: Nụ cười Võ Thị Thắng. Khác hẳn hai lần ra Côn Đảo tù đầy và ba lần ra thăm viếng với tư cách nhà hoạt động phong trào phụ nữ, chuyến đi lần thứ 6 này chị Võ Thị Thắng, với tư cách Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, dẫn đầu một đoàn cán bộ đi khảo sát để mở tuyến du lịch đường biển, đường không tới Côn Đảo.

Cô hướng dẫn viên của Ban quản lý di tích lịch sử cách mạng Côn Đảo tỏ ra rất am hiểu từng tấc đất, căn nhà, từng kỷ vật có liên quan đến địa ngục trần gian này, nhưng lạ thay, khi đặt chân đến phòng giam số 10 của Banh I, phòng biệt giam số 13 của chuồng cọp Pháp, phòng giam số 14 của chuồng cọp Mỹ... bỗng giống như chúng tôi, trở thành một du khách đầy tò mò và háo hức. Bởi bắt đầu từ những địa chỉ này là thuộc về một phần đời, thuộc về cõi thiêng của riêng Võ Thị Thắng. Chị kể mà nước mắt cứ giàn giụa, giọng nghẹn ngào. Chị trở thành một tour guide (hướng dẫn viên du lịch), một chứng nhân nói về những chứng tích mà mình từng sống, kể về những kỷ niệm của chính cuộc đời mình.

- Ở phòng giam chuồng cọp số 13 này, năm chị em, đứa trẻ nhất 19 tuổi, người lớn tuổi nhất 30, ba đứa tôi cùng 24, cả năm chúng tôi đã trải qua những ngày đấu tranh chống ly khai quyết liệt. Những bức hình giặc tra tấn chị em ở Nhà Bảo tàng là thuộc trại giam tụi tôi đó. Không còn gì dã man và phi nhân tính hơn những thủ đoạn tra khảo của kẻ thù khi đó. Năm chị em bị cùm chung trong gian hầm hai mét vuông, cùng chung với rận rệp, phân, nước thải và vôi bột. Thanh, nữ biệt động với án tù chung thân bị giặc tiêm thuốc hoại tử, chết dần chết mòn tại phòng số 15 nhà giam bên kia.

Còn kia là căn phòng số 10 bên dãy trái, nơi giam giữ chị em phụ nữ. Tôi nằm ở chỗ kia, trên nắp thùng nước, sát cầu tiêu. Hồi ấy tôi làm trưởng ban

xung kích trong trại, được cấp trên giao cho một radio nhỏ có dây tai nghe. Tôi phải chọn cái chỗ cạnh cầu tiêu đó để nhờ khi địch phát hiện thì thủ tiêu chiếc radio ngay để phi tang. Cả trại giam không ai biết trong người tôi có radio. Suốt ngày tôi nằm nép vào một góc, xoa tóc, ấn nút nghe vào tai, nhớ bằng óc từng dòng tin của đài Hà Nội để kịp thời có hướng lãnh đạo chị em đấu tranh đòi địch phải thực hiện hiệp định Paris.

Chị Võ Thị Thắng tần ngần đứng bên khuôn cửa sắt, chỉ tay về phía cây bàng nơi có chiếc giếng cũ:

- Cái chỗ giếng đó, tù nhân nam hay ra lấy nước. Một lần tình cờ tôi phát hiện ra anh Tám Thật, anh trai tôi. Tôi hét to gọi anh Tám đến khản cả cổ: “Anh Tám ơi! Anh Thật ơi! Em đây nè!”. “Út! Phải em tôi hôn? Cuối cùng anh Tám đã nhận ra tôi. Thì ra suốt từ năm 1962 anh đã bị đày ra Côn Đảo. Anh Tám tên gọi Võ Thành Thật, là thứ 8 trong gia đình. Anh làm ở phi trường Tân Sơn Nhất. Nhận lệnh của tổ chức, anh vẽ bản đồ phi trường. Bị lộ. Địch bắt tra tấn dã man. Cuộc đời chớ trên vậy đó. Anh em bắt tin nhau hơn chục năm trời, ai ngờ lại gặp nhau ngoài Côn Đảo...”

Nghe chị Thắng kể về gia đình, tôi nhẩm tính và cộng ba cái án tù của ba anh em: anh Tám Thật 20 năm khổ sai, chị Chín Hoàng (Võ Thị Hoàng) 5 năm tù giam và chị út Thắng, thứ 11, bị án 20 năm tù khổ sai, cộng là 45 năm tù. Năm 1974, sau hiệp định Paris, bọn giặc phải trả lại tự do cho cả ba anh em với tổng số thời gian 22 năm tù đày ở khắp các nhà tù miền Nam.

Có một nữ tù cùng họ với chị Võ Thị Thắng mà cuộc đời và cái chết đã trở thành huyền thoại ở Côn Đảo, đó là chị Võ Thị Sáu. Có người hôm gặp chị Võ Thị Thắng ra thăm nghĩa trang Hàng Dương đã lầm rằng chị Thắng là em ruột chị Sáu. Cũng đáng người mảnh mai thanh tú, mái tóc cắt ngắn và đôi mắt dịu dàng nhưng ẩn chứa nghị lực kiên cường. Với tất cả những ai đã từng ở Côn Đảo, cả bọn thực dân ngày trước và những người mới đến hôm nay, không hiểu sao, ai nấy đều dành cho chị Võ Thị Sáu sự kính trọng và tôn sùng như một người thuộc về thế giới của thần linh. Người ta suy tôn chị là Bà Chúa Đảo. Những câu chuyện về chị, về cây dương trước mộ chị cứ truyền tụng và thêu dệt thêm màu huyền thoại. Người ta kể rằng

ngay sau hôm giặc bắn chị Sáu, một đồng mối cao đã ùn lên, bọc lấy thi hài chị. Những người tử tù đi kiếm củi từ núi Chúa, khi về qua ai cũng lấy một hòn đá ấp và mộ chị. Chỉ một ngày sau ngôi mộ đã cao như một gò lớn. Bọn giặc tức tối đem bộc phá ra giật tung. Một lần, hai lần, ba lần. Nhưng chỉ qua đêm, những người tử tù đồng chí của Võ Thị Sáu lại đắp ngôi mộ chị cao thêm nữa.

Tại mộ chị hôm nay, vẫn còn đặt hai tấm bia, một do những người tù Côn Đảo khắc tặng, một do tên chúa đảo khét tiếng tàn ác Tăng Tư tự tay khắc dòng chữ: “Liệt nữ Võ Thị Sáu, sinh tại Bà Rịa. Từ trần ngày 23/1/52”. Tiếc rằng ai đó đã sửa lại hai chữ nguyên bản từ trần thành hy sinh. Tiếc rằng hai tấm bia này chưa được gắn vào thành mộ như những chứng tích mãi mãi phải được bảo tồn.

Như hầu hết những ngôi mộ ở nghĩa trang Hàng Dương hôm nay, mộ chị Võ Thị Sáu đâu còn nguyên vẹn xương cốt, mà chỉ là một biểu trưng để các thế hệ sau đến tưởng niệm. Thịt xương của chị, cùng với 20.000 người nằm xuống nghĩa trang Hàng Dương này đã tan cùng gió cát, hoà vào cây cỏ. Người ta kể rằng hằng đêm, vào quãng 12 giờ khuya về sáng, từng đoàn người tù Côn Đảo lại hiện về. Họ xếp lại từng khối, đục đá, làm đường, tập thể dục, hội họp, ca hát... hết như khi còn sống ở cõi trần. Trong khối người âm ấy, bao giờ cũng nổi lên hình bóng một người con gái áo bà ba, tóc ngắn. Ấy là bà Chúa Đảo Võ Thị Sáu. “Bà Sáu thiêng lắm. Ai có công việc gì trắc trở, chỉ cần nửa đêm ra mộ bà khẩn cầu là mọi chuyện sẽ được như ý nguyện” - Người Côn Đảo rỉ tai nhau thế. Và rồi, như một tập tục, nửa đêm người ta thường ra thắp hương mộ chị Sáu.

Cả đêm nay cũng vậy, đã có hàng chục người ra thắp hương mộ chị Sáu trước chúng tôi. Họ đốt những bó hương cực lớn, khẩn chị Sáu xong, toả đi chia đều cho từng phần mộ. Trong đêm tối, cả một không gian dưới chân núi Chúa bỗng lập loà muôn vàn ánh lửa, huyền ảo và ấn tượng tới mức có cảm giác chỉ cần nhắm mắt lại, im lặng giây lâu là ta đã có thể gặp gỡ với thế giới âm.

Đã quá 12 giờ đêm. Chúng tôi vẫn tha thân bên những phần mộ. Mỗi người lặng lẽ độc thoại với chính mình, với cỏ cây, đất đá. Tôi bỗng nhớ tới câu ca dao bí hiểm mà suốt bao năm, lần này ra Côn Đảo mới được giải mã: “Gió đưa cây cải về trời. Rau răm ở lại chịu đời đắng cay”. Thì ra đây không phải là cây rau cải; cây rau răm thực vật như người ta lầm tưởng. Đó là những con người với cái tên Răm, tên Cải, những tù nhân đầu tiên của Côn Đảo hơn 200 năm trước.

Ấy là sự tích về cái tên gọi Hòn Bà hay đảo Côn Lôn nhỏ, rộng hơn 5 cây số vuông, lớn thứ ba trong số 16 hòn đảo nơi đây. Người ta kể rằng, vào năm 1783, bị Tây Sơn đuổi riết, Chúa Nguyễn Ánh phải cùng tàn quân chạy rạt ra Côn Đảo. Để mong sớm phục hồi lực lượng, đánh trả Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh có ý định đưa Hoàng tử Cải (tức Hoàng tử Hội An khi đó vừa 8 tuổi) cùng đi với linh mục Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện. Bà Phi Yến, tên tục là Lê Thị Răm, vợ thứ của Nguyễn Ánh rất không bằng lòng về chủ trương dựa vào thế lực ngoại bang công răn cản gà nhà này, đã dũng cảm đứng ra can gián Chúa Nguyễn, liền bị khép tội khi quân, bị nghi tư thông với Tây Sơn. Nếu không có các đại thần ngăn cản, ắt bà Phi Yến không thoát khỏi tội chém. Chúa Nguyễn tha chết, nhưng quyết đày bà sang hòn Côn Lôn nhỏ, giam cho đến chết trong một hang đá sâu. Côn Lôn nhỏ có tên Hòn Bà từ đó.

Vừa nhốt bà Phi Yến xong, bỗng Chúa Nguyễn Ánh nghe tin quân Tây Sơn sắp tràn ra đảo. Chúa bèn vội vã cùng tùy tùng nhắm hướng Phú Quốc lẩn trốn. Khi đi, Chúa mang theo cả Hoàng tử Cải. Nhưng Hoàng tử nhất định xin đòi được ở lại sống chết cùng mẹ. Tức giận, vì thấy con dám a tòng với mẹ, Chúa Nguyễn đã ném Hoàng tử Cải xuống biển, trước khi dong buồm bôn tẩu.

Dân ba làng An Hải - An Hội - Cỏ Ống, những làng Việt Nam đầu tiên ở Côn Đảo được các Chúa Nguyễn cho di dân đất liền ra từ năm 1760, đã vớt xác Hoàng tử Cải lên chôn cất và đón bà Phi Yến về phụng dưỡng. Câu ca về rau cải, rau răm chính là nói đến cái chết của Hoàng Tử Cải và nỗi cay đắng, đau xót của bà phi Lê Thị Răm ngày ấy.

*

Viếng thăm đền bà Phi Yến, người được dân Côn Đảo lập đền miếu thờ tự từ hơn 200 năm trước, tôi chợt phát hiện ra điều này: Giữa Hòn Bà - đền Bà Phi Yến - các Banh I - Banh II - Banh III - Chuồng cọp - Cầu Ma Thiên Lãnh - Nghĩa trang Hàng Dương - mộ các Anh hùng liệt sỹ Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu... là một chuỗi lịch sử xuyên suốt, liên tục, một lịch sử nhân văn mang tính đặc thù Côn Đảo, lịch sử chống ngoại xâm kiên cường, bất khuất, đầy bi thương nhưng oai hùng, đau đớn mà quyết liệt. Và người tử tù đầu tiên ở Côn Đảo chính là bà Phi Yến. Người mới có tư tưởng chống ngoại xâm trên mảnh đất xa xôi này của Tổ quốc, cũng chính là bà Hoàng Phi Yến. Cho nên Côn Đảo hôm nay rất đáng tự hào có một chuỗi các địa danh gợi nhớ truyền thống yêu nước, bất khuất, một tour du lịch tìm về lịch sử rất độc đáo, có sức hấp dẫn du khách đặc biệt.

Tại buổi làm việc với Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện Côn Đảo, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Võ Thị Thắng đã nhấn mạnh đến lợi thế du lịch này như một nguồn năng đặc hữu của Côn Đảo:

Là người đã từng sống ở Côn Đảo, nhưng mỗi lần trở lại, tôi càng phát hiện ra nhiều điều mới mẻ. Và sâu sắc nhất, ý nghĩa nhất đối với du khách vẫn là những giá trị lịch sử và cách mạng của Côn Đảo.

Chủ tịch huyện Côn Đảo, anh Huỳnh Thiện Hoà nói:

- Hơn 20 năm qua, chúng tôi mới phần nào làm được một nhiệm vụ là bảo vệ và gìn giữ những di tích lịch sử Côn Đảo. Thực ra công việc này chúng tôi làm còn quá chậm. Một phần do chúng tôi còn nghèo, chưa đủ vốn và lực. Một phần do Côn Đảo ở quá xa đất liền. Rất may là năm 1997 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch xây dựng huyện Côn Đảo với tính chất là khu di tích lịch sử cách mạng cần được bảo tồn và tôn tạo, là một khu kinh tế vùng kết hợp an ninh, quốc phòng...

Bằng giọng nói pha chút khôi hài, và bằng cả ánh mắt, điệu bộ đầy tính biểu cảm, ông Chủ tịch huyện Côn Đảo giới thiệu với chúng tôi về cái huyện đảo độc nhất cả nước chỉ có một cấp chính quyền, một dấu, một cửa, Chủ tịch huyện đồng thời cũng là Chủ tịch phường, Chủ tịch thị trấn, người

chỉ huy an ninh, quốc phòng cao nhất có đủ xe tăng, đại bác, tàu chiến, máy bay, đồng thời lại tự mình lái xe, làm các công vụ như một người lính...

Nói chuyện với Hai Hoà, chúng tôi phát hiện ra, anh cũng đã từng ngồi tù trong các xà lim Côn Đảo năm 1968-1972, cùng đợt với chị Võ Thị Thăng.

- Đất Côn Đảo này lạ lắm anh ạ. Hình như mảnh đất có sức níu giữ người. Rất nhiều người bị tù đầy ở Côn Đảo, khi trở thành người tự do, đều muốn ở lại đảo sinh sống. Rồi cả những binh lính cai ngục đã từng tra tấn, giam giữ tù nhân, sau khi giải ngũ cũng tình nguyện ở lại, lấy vợ, sinh con an cư lạc nghiệp. Nhiều nhà kinh tế khi ra nghiên cứu Côn Đảo nói dân chúng tôi còn quá ít, mới có hơn 3.000 người. Cần phải di thêm dân ra đảo, tăng dân số lên trên 10.000 người mới đủ nguồn lao động phát triển kinh tế và văn hoá. Chúng tôi chỉ lo “nhập cư” thêm nữa, môi trường xã hội sẽ bị ô nhiễm...

Chủ tịch Hai Hoà lấy xe Jép tự lái đưa tôi và nhà văn Lê Lựu dạo một vài nơi quanh đảo. Chao ơi, có hai thế giới đối lập ở Côn Đảo. Nhà tù, nghĩa trang là địa ngục hôm qua. Còn thiên nhiên, biển trời Côn Đảo là thiên đường của hôm nay. Chỉ dăm tháng nữa, khi tuyến đường xuyên đảo: sân bay Cỏ ống - khu trung tâm - khu cầu cảng bến Đầm lóng nhựa xong, du khách sẽ đi suốt trên trục đường 30 cây số để ngắm ngất ngẫm nhìn những Hòn Trứng, Hòn Cau, Hòn Bảy Cạnh và chuỗi đảo Tài Lớn, Tài Nhỏ, Hòn Trác Lớn, Hòn Trác Nhỏ, Hòn Vung, Hòn Bà. Hàng chục bãi tắm nước xanh biếc, cát trắng ngần, mát mịn trải quanh các đảo lớn, đảo nhỏ. Chỉ cần một chiếc ca nô, khách có thể đi vòng một tour quanh đảo, câu cá ở bến Đầm, ngắm san hô đỏ ở Hòn Tre, thăm sân chim ở Hòn Trứng, bãi nuôi vích ở Hòn Cau, Hòn Bảy Cạnh, trèo lên đỉnh Tình Yêu ở Hòn Bà để nhìn xuống cửa Tử, ngắm về mũi Cá Mập và khu Trung tâm Đảo. Du khách cũng có thể tự tổ chức một tour leo núi vào Vườn Quốc gia ngắm cây, nghe chim kêu, vượn hót, lên đỉnh núi Chúa, đỉnh Thánh Giá cao 357 mét, theo con đường những người tử tù một thời lát bằng xương máu mình để tới cầu Ma Thiên Lãnh - một tuyến đường cắt ngang đảo, nối với vùng rừng

nguyên sinh phía bắc rất ngoạn mục, kỳ vĩ chắc chắn sẽ được khai thông những năm đầu thế kỷ XXI

- Chẳng cần phải du lịch xuất ngoại đâu xa, mỗi người Việt Nam chỉ cần trong đời được ra Côn Đảo một lần - Nhà văn Lê Lựu tâm sự với tôi - Mình cũng đã được đôi lần đi Mỹ, đi Đan Mạch và vài ba nước khác, nhưng sao đến Côn Đảo của nước mình, mới thấy lịch sử và thiên nhiên của ta thật tuyệt vời.

Tôi nói:

- Giá như Nhà nước thành lập một Công ty Cổ phần Côn Đảo, bán cho mỗi tỉnh, thành phố trong cả nước một suất vài tỷ đồng để cả nước cùng hùn vốn cho Côn Đảo, biến đây thành một trung tâm du lịch lớn...

- Một sáng kiến quá hay - Lê Lựu gật gù - Tỉnh nào cũng có cổ phần, tỉnh nào cũng có nghĩa vụ xây dựng Côn Đảo. Rồi các tỉnh lần lượt đưa khách đi du lịch Côn Đảo. Càng ngắm mình càng thấy di sản lịch sử cách mạng của Côn Đảo là vô giá, còn tiềm năng du lịch, kinh tế, văn hoá thì vô tận... Chỉ tiếc rằng chúng ta khai thác Côn Đảo còn quá chậm. Những năm 1975 - 1995 dường như trôi đi một cách uổng phí...

- May mà Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigon tourist) là một trong những đơn vị có con mắt xanh, sớm nhận ra tiềm năng du lịch của Côn Đảo. Anh có biết năm 1993, người thay mặt cho Saigon tourist mang 600 triệu đồng ra mua 5 ngôi biệt thự gần như hoang phế để đầu tư nâng cấp thành khu khách sạn đẹp nhất Côn Đảo, nơi hội tụ hầu hết du khách đến đảo hôm nay, là ai không?

Nhà văn Lê Lựu nhìn quanh rồi chỉ cho tôi người phụ nữ dịu dàng và rất có duyên đang lại gần. Chị Trần Ngọc Dung, nguyên nữ sinh trường đại học văn khoa Sài Gòn, từng tham gia phong trào học sinh sinh viên yêu nước những năm 1968-1972 và rồi sau đó lên chiến khu tham gia Quân giải phóng. Những năm đó người chồng tương lai của chị, anh Nguyễn Thanh Tông, cũng đang bị giặc nhốt trong chuồng cọp Côn Đảo. Chính Nguyễn Minh Trí, Cao Nguyên Lộc, sau khi được trả tự do, đã về Sài Gòn tố cáo với các nhà báo Mỹ về chế độ dã man nhà tù Côn Đảo, tố cáo với báo chí

thế giới về sự tàn bạo, phi nhân tính của nhà tù chuồng cọp Pháp. Cả thế giới lúc đó đều bàng hoàng sửng sốt về địa ngục trần gian Côn Đảo.

Thấm thoát đã gần ba mươi năm. Lại kỳ thay, lớp thế hệ những người từng bị giam cầm hoặc có người thân bị giam cầm, tra tấn ở địa ngục Côn Đảo ngày ấy như chị Võ Thị Thắng, anh Huỳnh Thiện Hoà, chị Trần Ngọc Dung... hôm nay lại cùng trụ lại Côn Đảo, tìm về Côn Đảo, để quyết biến địa ngục hôm qua trở thành thiên đường của ngày mai. Vâng, Côn Đảo không có lý do gì không trở thành điểm hẹn, nơi hành hương của mỗi người Việt, nơi thưởng ngoạn của du khách thế giới.

MIẾU VĂN CỦA THĂNG LONG NGHÌN TUỔI

---* ❖ *---

* *N*hờ những tấm bia mới phiên dịch ra chữ quốc ngữ mà tôi đã phát hiện ra ông tiến sĩ quê mình.

* *Trò chuyện với ông thủ từ miếu văn.*

* *Hãy trả lại Hồ văn cho Thăng Long nghìn tuổi.*

Có người mách với tôi rằng, làng Động Phí quê tôi, vào thời Lê Cảnh Hưng (thế kỷ 18), có một người đã từng đỗ tiến sĩ năm 30 tuổi. Tôi thấy đây là một sự lạ, khó tin. Bởi từ bé, không ai nói với tôi điều này. Ngay như bố tôi, người từng đọc Truyện Kiều bằng bản chữ Nôm cho tôi nghe ngày nhỏ, cũng không hề nhắc với tôi về chuyện ấy. Quê tôi đất ít học, không được như các làng Vân Đình, làng Bật phía trên, nơi sản sinh ra các dòng họ Dương Khuê, Nguyễn Thượng Hiền, Bùi Bằng Đoàn.

Nhằm vào dịp án Tết năm Sửu, nhân một ngày nhàn tản, tôi ghé thăm Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội. Ghé để thử tìm xem có thật làng tôi từng có một ông tiến sĩ. Chao, mới ba năm tôi xao nhãng mà Miếu Văn Hà Nội đã biến đổi hẳn, khiến tôi ngỡ ngơ, mê đắm ngay từ khi bước chân qua ngưỡng cửa Tam quan. Vẫn những gốc muỗm, gốc đề cổ thụ, nhưng vòm xanh của chúng dường như đã giao nhau, đan rợp một khoảng trời. Và mặt đất xưa gò đồng, lầy lội thì nay đã phẳng mượt một thảm cỏ xanh, thẳng tắp một trục hoàng đạo được viền bởi hai hàng bóng nở xén tủa công phu hun hút qua khu vực Nhập Đạo, cửa Đại Trung môn, qua khu Thành Đạt, Khuê Văn Các, khu nhà bia, qua Đại Thành môn vào tới khu Đại Thái và Điện Thánh. Và kìa, bốn chiếc ao nhỏ hai phía tả hữu, nơi ba năm trước không khác những vũng trâu đầm, chuyên là nơi giặt giũ rửa ráy, nấu nướng cho lũ người du thủ du thực từ đầu đến trú ngụ, thì nay đã đào sâu thêm, được xây tường bao, tạo thành bốn ao súng nước trong vắt, lúc nào

cũng tím hồng những bông súng Nam Bộ, thứ hoa súng mà nhà thơ Chế Lan Viên sinh thời đã bao lần thốt lên câu hỏi ngỡ ngàng: “Hoa súng hồng, hoa súng hồng, mà có phải hoa không?”

Giữa phố phường Hà Nội thời mở cửa, chen chúc xe cộ, đình tai nhức óc bởi tiếng ồn, phải những ai sành điệu về văn hoá Phương Đông mới biết cách tự thưởng cho mình một giờ thả bộ, du hành trong biệt khu danh thắng Văn Miếu. Và thật lạ, tôi tưởng chỉ có mình phát hiện ra điều này, ngờ đâu khách Tây âu, khách Đài Loan, Hàn Quốc, khách Mỹ, Canada, Australia và Việt Kiều ta cũng hết sức thính nhạy trong thú ăn chơi. Du khách đến từng đoàn, từng tốp. Ngỡ ngác và trầm mặc. Ngó nghiêng và quay, chụp. Chiêm ngưỡng và kính phục... Thoạt đầu họ có vẻ như ngờ ngợ, có vẻ như không tin khu Văn Miếu này, trường Đại học đầu tiên của Việt Nam này lại có từ năm 1070, ngay sau nửa thế kỷ vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (1010). Họ ngờ ngợ nhìn khu nhà bia mới dựng vài ba năm, cả cái màu sơn chói đỏ của các cột lớn, cả cái màu ngói còn chưa đủ rêu phong của Điện Thánh và các nhà tả, hữu vu, càng tạo thêm mối nghi ngờ về một sự phục chế, giả cổ. Nhưng rồi những hàng bia tiến sĩ trên lưng những cụ rùa gần nghìn tuổi đã làm tất cả đều ngờ ngàng, kính phục. Nền văn hiến rành rành bia đá, khiến bất cứ du khách Ta hay Tây hay Tàu khi đã chạm tay, chạm mắt vào mỗi tấm bia cổ, đều cảm thấy đâu đây, hình như trên gác Khuê Văn kia, đang vang lên lời hịch trầm hùng của Ước Trai tiên sinh: “Nhu nước Đại Việt ta từ trước, Vốn sinh nền văn hiến đã lâu...”.

Cho nên tôi, một đứa con của làng Động Phí vô danh, bỗng như reo lên, nổi hết da gà khi mắt mình bỗng chạm vào những dòng chữ ở tấm bia thứ ba, hàng đầu phía hữu. Tên làng tôi kia. Cái làng Động Phí tưởng như vô danh kia, nào ngờ hơn 200 năm trước đã được khắc tên trên một trong số 82 tấm bia tiến sĩ được dựng ở Văn Miếu Hà Nội từ năm 1442 đến năm 1779. Đó là tấm bia ghi khoa thi tiến sĩ năm Bính Tuất (1766) niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 27. Khoá thi này lấy đỗ 11 người. Hàng đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (đỗ đầu khóa) có một người: Tiến sĩ Ngô Thì Sĩ, dòng dõi Ngô Gia Văn Phái kiệt xuất ở Tả Thanh Oai, cha đẻ của nhà văn hoá lớn,

nhà chính trị tài ba Ngô Thì Nhậm. Hàng thứ hai: Đệ giáp đồng tiến sĩ xuất thân có mười người. Sau Lý Trần Quán, xã Vân Canh, Từ Liêm đứng đầu bảng là ông tiến sĩ quê tôi: “Đặng Dụng Chu, xã Động Phí, huyện Sơn Minh”. Chà, ghê quá. Vinh hạnh quá. Bảng vàng bia đá thế này thì không còn ngờ vực gì nữa rồi. Động Phí, tên làng tôi bây giờ, xưa là tên chung cho cả xã. Và huyện Sơn Minh chính là phủ ứng Thiên ngày xưa và huyện ứng Hoà bây giờ.

Sự kiện phát hiện ra ông tiến sĩ họ Đặng ở bia Văn Miếu đã giúp tôi hiểu thêm lịch sử vùng đất quê mình. Thì ra, tiến sĩ Đặng Dụng Chu chính là người thôn Nguyễn Xá, kề sát với thôn tôi. Và cái vạt đất cao, ngay rìa đường cái, sau nhà tôi, rộng và vuông vức chừng 10 héc ta mà ngày xưa bọn trẻ chăn trâu chúng tôi vẫn gọi là Dinh, chính là dinh ông Nghè họ Đặng. Hơn hai trăm năm biến cải, chính các hậu duệ của tiến sĩ Đặng Dụng Chu bây giờ cũng không hề hay biết gì về một ông Nghè từng làm rạng danh cho dòng họ mình. May thay những tấm bia Văn Miếu đã lưu giữ lại tên tuổi một vị tiến sĩ quê tôi. May thay những người bảo vệ và tôn tạo Văn Miếu hôm nay đã kịp thời cho dịch ra chữ quốc ngữ và khắc đá các văn bia kia, để những kẻ hậu sinh mù chữ nho như tôi được biết có một dòng tên của làng Động Phí mình được khắc chìm trong bia đá dựng trên mình rùa nghìn tuổi.

*

Tôi mang câu chuyện thú vị về làng quê tâm sự với nhà văn Nguyễn Quang Lộc, ông thủ từ của Miếu Văn Hà Nội, có cái tên thời nay là Phó giám đốc Trung tâm hoạt động khoa học Văn Miếu Quốc Tử Giám.

- Ba năm mới trở lại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Quả là có nhiều thay đổi. Xin anh cho biết những đổi thay lớn nhất? - Tôi hỏi nhà văn Nguyễn Quang Lộc.

- Nói thật chính xác, không phải chúng tôi làm thay đổi, mà là phục hồi những công trình kiến trúc đã mất và tôn tạo những công trình bị hư hỏng như trước kia đã từng có trong lịch sử. Có một số việc làm được đánh giá có hiệu quả: làm nhà che bia tiến sĩ, sửa lại đường đi, thảm cỏ, tường cổ

bao quanh, hệ thống thoát nước. Điện Thánh, Bái Đường, Khuê Văn Các... đã được sơn son thếp vàng, phủ hoàn kim theo như xưa. Vì mới tôn tạo nên có vẻ “mới” đấy thôi. Tất cả những việc làm này khiến chúng tôi đỡ “ngượng” khi đón khách tham quan.

- Không phải ai cũng có khả năng biết “ngượng”. Tôi rất mừng vì Văn Miếu đã chọn được một ông “thủ từ” có dính dáng đến nghề văn, đến chữ nghĩa. Có lẽ đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy các hoạt động của Văn Miếu Quốc Tử Giám mấy năm qua theo một định hướng văn hoá rất đáng khích lệ?

- Hoạt động văn hoá ở Văn Miếu mấy năm qua có khá nhiều loại hình: Các cuộc hội thảo khoa học; Các dịp kỷ niệm danh nhân văn hoá; Lễ phát giải thưởng, phát bằng của các trường Đại học và Trung học. Các buổi lễ hội văn hoá... Nếu như trước đây khách đến thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám chủ yếu là người nước ngoài thì gần đây khách trong nước tăng nhanh. Người ta đến tìm hiểu về các vị tiến sĩ của quê hương. Học sinh trước ngày thi đến thắp hương nơi Điện Thánh. Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 vừa rồi Tổng bí thư Đỗ Mười đến gặp gỡ chúc mừng các nhà giáo tại Văn Miếu, là một sự kiện rất vui...

- Vâng. Tôi có được xem truyền hình về sự kiện này. Lại nhớ cách đây gần 10 năm. năm 1987. Ngày ấy hình như anh mới được về đây. Và Văn Miếu Quốc Tử Giám còn hoang phế, tiêu điều. Tôi nhớ lúc đó nhà Điện Thánh trống trơn, âm mốc, năm pho tượng Đức Khổng Tử và các đệ tử Nhan Hồi, Tăng Sâm, Tử Tư, Mạnh Tử còn để trong nhà kho. Bài vị Chu Văn An và thất thập nhị hiền đã bị thất lạc... Trong cảnh phế tích ấy, bỗng một ngày đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đến thăm...

- Có thể nói đó là một sự kiện lớn đối với chúng tôi trong công cuộc đổi mới - Nhà văn Nguyễn Quang Lộc hồ hởi trả lời - cuộc đến thăm này khởi đầu cho việc chấn hưng Văn Miếu - Quốc Tử Giám như hôm nay. Cũng như cuộc đến thăm vừa rồi của Tổng bí thư Đỗ Mười sẽ đánh dấu một cột mốc mới. Biết tin khu Quốc Tử Giám phía sau sẽ được khôi phục lại đồng chí đã cho nhiều ý kiến quý báu.

- Anh nói kỹ một chút về việc xây dựng lại khu Thái Học đường tức khu Quốc Tử Giám xưa. Đây là công trình trọng điểm, chuẩn bị cho Hà Nội kỷ niệm nghìn năm Thăng Long?...

- Xin lưu ý anh rằng không phải Tổng bí thư Đỗ Mười chỉ đến Văn Miếu một lần. Năm 1993, đồng chí đến thăm Văn Miếu và bảo: “Chỉ còn 16 năm nữa, Hà Nội sẽ tổ chức kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Phải chăng Văn Miếu Quốc Tử Giám sẽ là điểm mấu chốt của cuộc lễ lịch sử này?” Mấu chốt, anh thấy không? Bởi một nghìn năm binh đao khói lửa, dấu ấn Thăng Long thời ấy vẫn còn lưu giữ được ở khu đất thiêng này. Thời gian trôi đi mà công việc chưa làm được là bao. Thành phố đang trình Nhà Nước duyệt phương án tôn tạo Văn Miếu để chuẩn bị cho 990 năm Thăng Long vào năm 2000, rồi tiếp đến là 1000 năm vào năm 2010.

- Xin anh cho biết cụ thể một vài công trình lớn?

- Việc trước mắt là tôn tạo khu Quốc Tử Giám như anh đã biết, tấm bia số 82 ghi khoá thi cuối cùng là vào cuối thời Lê, năm 1779. Từ triều Nguyễn, Quốc Tử Giám chuyển vào Huế, khu nhà cũ chuyển thành khu Khải Thánh thờ cha mẹ Khổng Tử. Năm 1947, chiến tranh đã phá hỏng toàn bộ khu vực này. Dự án xây dựng ở đây, trên nền Quốc Tử Giám cũ, một khu Thái học đường gồm bốn dãy nhà với tả, hữu vu và hai toà chính hai tầng tám mái. Đây sẽ làm một trung tâm hoạt động khoa học giáo dục, một nơi trưng bày giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của chế độ khoa cử phong kiến Việt Nam, về lịch sử giáo dục Việt Nam... Kế hoạch này còn đang chờ duyệt. Khó khăn nhất và chưa chọn được thiết kế tối ưu. Và kinh phí lớn vài chục tỷ đồng...

- Với nguồn kinh phí như vậy, đâu đã nhiều? Sao ta không kiếm tiền theo phương thức lấy di tích nuôi di tích?

- Chúng tôi cũng có nghĩ đến chuyện này. Nhưng không được phép - Nhà văn Nguyễn Quang Lộc chọt nhỏ giọng - Rất nhiều anh muốn liên doanh khai thác khu Văn Miếu này đấy anh ạ. Ví dụ vạt đất vườn hoa Giám, có công ty gạ gẫm góp vốn hàng triệu đôla liên doanh xây dựng khu vui chơi. Đời nào ta lại để khu đất thiêng này quay vòng sinh lợi theo kiểu

ấy. Nhưng tự lực thì nguồn vốn ở đâu? Một năm thu tiền vé của khách trong nước và nước ngoài cũng chỉ được hơn 1 tỷ đồng (năm 1993: 295 triệu, 1994: 561 triệu, 1995: 1.181 triệu, 1996: sẽ đạt hơn 1.200 triệu). Muốn xây dựng, cải tạo lớn phải xin kinh phí Nhà nước còn tiền thu được phải nộp ngân sách, chỉ được trích thưởng không quá 6 tháng lương hàng năm...

- Nhưng theo tôi biết Văn Miếu - Quốc Tử Giám gần như là điểm tham quan sáng giá và duy nhất của các đoàn khách ngoại giao cao cấp của Nhà nước. Tất nhiên, họ có thể đi một vòng quanh Hồ Gươm hay vòng lên Hồ Tây. Nhưng nếu một nguyên thủ quốc gia, một phái đoàn cao cấp nào đó viếng thăm Hà Nội văn vật, có lẽ không đâu đáng giá bằng Văn Miếu Quốc Tử Giám?

- Chính vì vinh dự ấy mà chúng tôi đã được đón hầu hết các đoàn khách của Bộ Ngoại giao. Nhưng có điều hạn chế này: Nơi đây chỉ đủ thời gian cho khách viếng thăm chừng ba mươi phút. Muốn lưu lại lâu hơn cũng không còn chỗ thăm. Bởi thế, việc tôn tạo Quốc Tử Giám và nhất là lấy lại Hồ Văn cho du khách và việc khẩn thiết vô cùng.

Tôi đã nghe nói nhiều đến Hồ Văn trong quần thể Văn Miếu Quốc Tử Giám. Cùng với 60 mẫu ruộng của các làng Giám và Văn Chương, Hồ Văn là phần đất, phần nước hương hoá mà ngay từ thời Lý đã được Nhà nước cắt hẳn dùng làm kinh phí hoạt động cho Văn Miếu Quốc Tử Giám.

Vậy mà, cũng như tôi, rất nhiều người Hà Nội cho đến bây giờ vẫn chưa hề đích mục sở thị cái hồ thiêng này. Bởi vì rác rưởi và quán xá, vôi cát và cây cối đã chặn lấp lối ra hồ từ bao giờ.

- Đây, văn bản của Bộ Văn hoá Thông tin, của Uỷ ban Nhân dân Thành Phố - Nhà văn Nguyễn Quang Lộc đưa ra một tập hồ sơ dày - Còn đây là luận chứng kinh tế, bản đồ quy hoạch khu Hồ Văn, văn bản xác định cắm mốc lộ giới... Nếu như trước năm 1960, Hồ Văn rộng 2,5 hécta (25.000 mét vuông), thì nay chỉ còn 7900 mét vuông.

- Một miếng da lừa của Ban Zắc - Tôi nói - Cứ tốc độ lấn chiếm này thì đến năm 2000 Hồ Văn sẽ được “xóm liễu hoá” xong.

- Vâng, cho nên tháng 6-1996, thành phố đã kiên quyết cấm mốc lộ giới, làm biên bản cam kết với 278 hộ lấn chiếm sẽ phải phá dỡ nhà trả lại diện tích hồ để quý I quý II năm 1997 thành phố sẽ cải tạo lòng hồ, xây bờ kè bao quanh.

- Và tất nhiên Nhà nước sẽ phải bỏ ra hơn 10 tỷ đồng để “đền bù” cho các hộ lấn chiếm. Tôi không tin năm 1997 Hà Nội sẽ giải toả được 278 hộ lấn chiếm này đâu. Bài học nhỡn tiền đường Thái Hà, đường 32 Cầu Giấy kia. Có thủ đô nào phải bỏ ra hàng mấy năm để giải toả một đoạn đường vài trăm mét? Rồi bài học ở công viên Đống Đa, cũng trong địa bàn quận này. Một cái công viên mấy chục héc ta san lấp từ bãi rác. Vậy mà rác chưa kịp ngấu, nền chưa kịp san, hàng trăm hộ tứ chiếng từ đâu bỗng rùng rùng kéo đến. Và bây giờ, cả một khu xóm liễu đó, mấy chiến dịch giải toả rồi nhưng có suy xuyên hộ nào? Lại sẽ phải mất vài chục tỷ đồng “đền bù” và bao giờ mới giải toả nổi. Kỷ cương không nghiêm, sẽ còn ném tiền vào những trò “đền bù” kiểu này đến bao giờ?

- Hồ Văn này khác - Nguyễn Quang Lộc có vẻ tự tin kéo ào tôi ra hồ.

Tôi ngỡ ngàng đến sững sốt vì không ngờ người xưa đã khéo tạo ra trước Tam quan Văn Miếu Quốc Tử Giám một cái hồ đẹp nhường kia. Hồ hình lá sen, giữa hồ nổi lên một đảo Kim Châu. Riêng những cái tên Hồ Văn, Kim Châu đã thấy ông cha ta dụng công tìm tên tìm chữ cho vùng đất thiêng này biết nhường nào. Ngạc nhiên hơn nữa, đảo Kim Châu giữa hồ quả là bồng lai tiên cảnh, bởi những cây si hàng trăm gốc từ bao giờ đã cắm xuống mặt nước, tạo dáng cổ kính và điệu dàng như một hòn non bộ tuyệt vời. Vậy mà đảo ngọc Kim Châu ấy, Hồ Văn thơ mộng ấy giờ nông choèn như một ao cạn đầy rau muống và bèo rác. Và xung quanh, chao ôi, trập trùng một vòng vây những lều và nhà, cái lợp giấy dầu, cái lợp ngói, cái cấp bốn, cái chòi lên một gác xép... tạm bợ và khấp khểnh, nham nhở như hàm răng quái vật đang ngoạm dần từng miếng hồ.

Tôi nắm bàn tay ông thủ từ Miếu Văn Hà Nội và bảo:

- Công việc anh đang làm cũng chính là nghiệp văn của mỗi chúng ta. Dầu vì nó mà có phải sao lãng việc viết lách, anh cũng cố bằng mọi cách để

lấy lại cái Hồ Văn này cho Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Bởi ông cha ta ngày xưa đã tính hết cả rồi. Không có cái hồ này thì mạch văn bị triệt, không khai mở được.

Ông thủ từ Miếu Văn Hà Nội ngược nhìn lên vòm trời chớm xuân khói mây trộn lẫn màu hương trầm. Hình như ông đang cố nén một tiếng thở dài.

CHỨNG NHÂN CAM LỘ

---* ❖ *---

Từ chợ Cù - trung tâm thương mại, hành chính của xã Cam Chính, đi chừng hai cây số nữa thì đến một khu đất rộng, bằng phẳng, như một sân bay dã chiến.

- Đây là Tân Sở. Ngày xưa vua Hàm Nghi từ Huế chạy ra đây xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi toàn dân đánh Pháp...

Theo cái khoát tay của chủ tịch xã Nguyễn Ngọc Lương, tôi nhìn xuyên suốt làn sương khói bảng lảng hoàng hôn đang phủ mờ những bụi cây lúp xúp trước mặt. Không còn lại gì, dù dấu vết một đoạn tường thành, một nền nhà. Những năm 60-70, chính quyền Ngụy đã dồn dân thôn An Lộc đến đây, lập thành chi khu Cù với sân bay Cồn Trung và quận lỵ Hướng Hoá. Đây là điểm chốt chặn chiến lược, cùng với các căn cứ Khe Sanh, Dầu Mầu, Cam Lộ... làm thành phòng tuyến thép, dọc đường Chín, chặn đứng sự xâm nhập của cộng sản Bắc Việt.

Dấu tích Tân Sở một trăm năm trước đã bị xoá trắng.

Tôi thoát rừng mình. Như có phép phân thân, tôi bỗng nhìn thấy từng đoàn người ngựa ẩn hiện trong ánh đuốc nhựa thông từ phía Triệu Phong, Quảng Trị, vượt đèo Ông Do tiến về phía Tân Sở. Đi đầu là quan Thượng thư Bộ Binh Tôn Thất Thuyết, rồi đến hai con trai Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp, tiếp đến là xa giá vua Hàm Nghi, ông vua mười ba tuổi chừng như đã quá mệt mỏi vì đường trường, quá khiếp đảm vì những ngày chạy giặc. Thảm thương thay là tấn đại bi kịch của triều Nguyễn sau cái chết của vua Tự Đức, một ông vua nhiều vợ mà không con. Thời kỳ tứ nguyệt tam vương (bốn tháng ba vua) bắt đầu từ ông vua ba ngày Dục Đức, rồi đến ông vua ba tháng Hiệp Hoà, và tiếp đến là ông vua tám tháng Kiến Phước, Hoà ước Harmand - Quý Mùi, 1883 (giai đoạn vua Hiệp Hoà) đã tạo ra Trú sứ Pháp mọc lên ở bờ nam sông Hương. Tiếp đó Hoà ước Patenotre - Giáp Thân, 1884 (giai đoạn vua Kiến Phước) tiếp tục bước thoái hàng nhục nhả

của triều đình Nguyễn. Từ đây, các vua Nguyễn muốn đăng quang phải được đặt dưới sự chủ trì của Pháp. Cậu bé mười ba tuổi Nguyễn Phước ứng Lịch lên ngôi vua Hàm Nghi tại điện Thái Hoà trước sự thị uy của 600 lính và hai khẩu pháo của Pháp do Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp, tướng Millót phái đến, và chính đại tá thực dân Guerrier thay mặt Chính phủ Pháp đọc diễn văn công nhận. (!)

Cuộc tấn công quân Pháp vào đồn Mang Cá và Toà Khâm rạng sáng ngày 7-7-1885 của phe chủ chiến Tôn Thất Thuyết thất bại. Kinh thành thất thủ. Và ông vua bé con mới lên ngôi mười một tháng, phải xuất bôn ra căn cứ Tân Sở vốn được phe chủ chiến xây dựng sẵn từ đầu năm 1884, khi quan hệ giữa Nam Triều và Pháp bắt đầu căng thẳng.

Thời gian vua Hàm Nghi ở lại Tân Sở không lâu, bởi địa hình Tân Sở quá trống trải. Tôn Thất Thuyết phải đưa vua, một lần lên Bằng Sơn, Cam Lộ, một lần lên Hướng Hoá, Lao Bảo để tìm đường ra Bắc, nhưng đều bị quân Pháp chặn đuổi, đành phải ẩn lánh ở miền núi phía tây Quảng Bình. Nhưng chính Tân Sở đã trở thành lịch sử, bởi tại đây, những ngày hè hầm hập gió Lào của năm 1885 ấy, cậu bé ứng Lịch mười ba tuổi, ban đầu còn sợ hãi, một mực đòi về Huế, sau được Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến khuyên giải, thuyết phục, đã vụt lớn dậy, thực sự trở thành nhà ái quốc Hàm Nghi. Chiếu Cần Vương đã được vua Hàm Nghi ký từ mảnh đất lịch sử này, để rồi suốt từ đó, lớp lớp sĩ phu Bắc Trung Nam nhất tề đứng dậy làm cho giặc Pháp thất điên bát đảo...

*

Đã một trăm mười lăm năm rồi. Giờ đây Tân Sở chỉ còn trong sử sách.

- Có lẽ chúng ta phải dựng ở đây một cái gì làm chứng tích của Tân Sở?
- Đình Kính và Lê Quang Trang, hai thành viên trong đoàn nhà văn Việt Nam đi thực tế Quảng Trị, cùng quay lại hỏi phó chủ tịch huyện Cam Lộ.

- Huyện đã có chủ trương rồi các anh ạ. Sau khi Trung ương cho đầu tư dựng lại di tích “thủ phủ kháng chiến” của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam (1973) tại thị trấn Cam Lộ, chúng tôi đã có kế hoạch trình với tỉnh và Trung ương cho dựng lại di tích Tân Sở - Phó

chủ tịch huyện Nguyễn Công Phán nói rồi vỗ vai chủ tịch xã Cam Chính, vốn là người em cùng họ - Nhớ phải dành 60 héc-ta đất cho di tích Tân Sở chú Lương ạ.

Nguyễn Ngọc Lương lại khoát tay chỉ phía trước mặt:

- Chúng tôi đã quy hoạch đất di tích từ phía hàng cây kia. Phía bên này là diện tích để tái định cư cho sáu mươi hộ gia đình. Nhân đây, nói để các anh rõ. Cù, chính là tiền chiến khu Ba Lòng thời chống Pháp. Từ đây qua động Ông Do là đất Ba Lòng. Thời chống Mỹ, nơi này là quận lỵ Hướng Hoá. Ngày 1-4-1972, Cù là nơi đầu tiên của huyện Cam Lộ được giải phóng. Vừa rồi, được dự án của Cộng hoà Liên bang Đức tài trợ, chúng tôi đã rà phá 6.500 quả bom mìn trên diện tích 60 héc-ta ở đây.

Cảm giác như có một làn khí ớn lạnh vừa thổi lướt qua gáy tôi. Đã ba mươi năm rồi mà còn ngằn ấy thần chết ẩn giấu rình rập dưới đất. Có ai nói với tôi rằng bình quân mỗi người dân Quảng Trị phải chịu sáu tấn bom đạn giặc trong cuộc chiến vừa qua, rằng trong số 1400 làng của Quảng Trị, sau giải phóng chỉ còn hai làng Gio Mai, Gio Hà của Gio Linh là có vẻ còn nguyên vẹn.

- Ông không tưởng tượng được đâu. Những năm 66-72, cả Cam Lộ này là một vùng bằng địa, đỏ nhưc màu đất bazan. - Nhà văn Tô Đức Chiêu, suốt từ lúc đặt chân đến đây cứ một mình trầm ngâm, hết nhìn lên động Ông Do, dốc 365, lại xoay nhìn sang điểm cao 241 Na Tô, rồi đỉnh Chớp Bụt, đỉnh 544 Phu Lơ bên kia đường Chín, giờ mới nói - Tháng 4 năm 1966, sư đoàn 324 của chúng tôi đã hành quân từ Nghệ An vào đây.

- Vào đây? - Tôi hỏi lại và nhìn cái thân hình cao lớn cỡ mét tám của ông Chánh Văn phòng Hội Nhà văn, như nhìn một anh hùng vừa được phát hiện.

Sợ ảnh hưởng đến câu chuyện của mọi người, anh Chiêu kéo tôi ra một quãng rồi chỉ từng đỉnh núi, từng cao điểm mà lúc này anh đã trầm ngâm nhớ lại, nói thào thào như đang đọc từng trang hồi ký cho tôi nghe.

- Khi đánh hơi thấy sư đoàn chủ lực 324 vào mặt trận Quảng Trị, Mỹ lập tức mở cuộc hành quân Haxtin ra vùng Cù Dinh - Ba De để chặn đứng sư

đoàn. Ta đánh chầm ngòi, diệt cứ điểm Đầu Mầu ngày 25-6-1966. Khi ấy, tiểu đoàn pháo của tôi đặt hoả lực ở điểm cao 402... Tiếp đến là cuộc đánh chặn chiến dịch Poreri I, Poreri II của địch vào tháng 2 năm 1967. Tiểu đội Bùi Ngọc Đủ lừng danh trong trận đánh ở đồi Không Tên. Trung đội pháo của tôi cùng đại đội phối thuộc với trung đoàn pháo phản lực DKB vừa từ ngoài Bắc vào đánh hủy diệt điểm cao 241 và khống chế hoả lực từ Cam Lộ. Chao ôi, cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in. Đêm ấy, sau khi hai khẩu pháo của chúng tôi bắn ba loạt, trận địa pháo ở Cam Lộ câm bặt. Trung đội chuyển hướng vào điểm cao 241 kia, bắn hết cơ số đạn. Điểm cao 241 cháy đỏ rực một vùng trời...

Câu chuyện của nhà văn Tô Đức Chiêu khiến tôi liên tiếp bất ngờ. Đời lính của anh hầu như thuộc về vùng đất Quảng Trị này. Hôm qua, ở nhà khách tỉnh Quảng Trị, khi nghe bài hát do nhạc sĩ Huy Thục phổ nhạc từ năm 1966 dựa theo lời bài thơ “Kèn xuất trận” của Tô Đức Chiêu: “Ôi miền Nam yêu thương, Giặc ngày đêm bắn phá, Thù gọi thù phải trả, Giục lòng ta đi lên...”, cả nhà thơ Trúc Thông và nhà văn Dương Duy Ngũ cùng bật thốt lên: “ Tô Đức Chiêu là bất ngờ nhất của đời tôi.” Thì ra bài hát hùng hực của một thời ấy, lại bắt đầu từ bài thơ đăng báo Quân đội nhân dân trước ngày Tô Đức Chiêu vượt sông Bến Hải ở thượng nguồn, cõng pháo 120 ly vào Cam Lộ. Giữa năm 1967, trung đội pháo của anh lại vòng ra Vĩnh Linh, xuống hạ lưu sông Hiền Lương, đưa pháo qua Tunnel Luật, vượt Cửa Tunnel sang Cát Sơn Phường tới Thủy Bản để đánh căn cứ Gio Linh... Năm 1970, ngoài quê Hải Dương, cậu em trai duy nhất của anh, Tô Đức Lợi, dường như bị thôi thúc bởi bài hát “Kèn xuất trận”, đã xung phong vào chiến trường. Năm 1971, Lợi hy sinh tại mặt trận Quảng Trị.

Bây giờ, sau ba mươi năm, ba lần Chiêu vào Quảng Trị tìm xương cốt em, mà không thấy.

Hôm kia, tại nghĩa trang Đường Chín, trước những ngôi mộ liệt sĩ vô danh, con người lừng lững một mét tám mươi với mái tóc đang ngả trắng kia, đã khóc.

*

Trong bóng hoàng hôn đang ập xuống rất nhanh ở Tân Sở, tôi bỗng phát hiện ra một làng Mai Lộc có nét gì gần gũi với những làng cổ vùng Đường Lâm, Ba Vì, hay những làng ven sông Mã, sông Chu, xứ Thanh. Cũng những con đường ngoằn nghèo qua những sườn dốc hai bên là tre pheo, dứa dại, thỉnh thoảng um tùm một bụi duối cổ thụ. Một ý tưởng chợt loé lên: Dường như tôi đã cắt nghĩa được phần nào nguyên nhân mà Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến triều đình Huế đã chọn Tân Sở làm căn cứ kháng Pháp vào cuối năm 1884 ấy: Quảng Trị nói chung và Triệu Phong, Cam Lộ vốn là nơi lập nghiệp của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Sử sách đã ghi lại rằng, lời khuyên bóng gió của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm: “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân” đã chỉ cho Nguyễn Hoàng giả vờ điên rồi nhờ chị ruột Ngọc Bảo nói hộ với anh rể Trịnh Kiểm cho vào trấn giữ đất Thuận Hoá. Năm 1558, giữa mùa đông giá rét, Nguyễn Hoàng cùng các thuộc hạ dong buồm vào Cửa Việt, dựng bảo doanh ở ái Tử. Những người đồng hương ở Tống Sơn - Thanh Hoá theo Nguyễn Hoàng rất đông. Họ dựng nhà, lập ấp, mở mang khai phá vùng đất Thuận Quảng, trong đó Cửa - Tân Sở - Cam Lộ chắc chắn được khai khẩn đầu tiên.

Chọn Tân Sở làm cứ điểm chống Pháp, Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến của ông không hẳn đã nghĩ đến địa thế hiểm yếu mà trước tiên họ nghĩ đến lòng dân. Phải dựa vào dân để đánh giặc, phải xuống chiếu Cần Vương ở chính nơi mà hơn 300 năm trước, những làng ấp đầu tiên ở phương Nam của người Việt bắt đầu được tạo dựng.

Lịch sử cũng ghi nhận rằng, hơn trăm năm qua, sự lựa chọn Tân Sở là đúng. Chiến khu Ba Lòng thời kháng Pháp và Cửa thời chống Mỹ là những gạch nối của Tân Sở. Không ai có thể tin được rằng, một người con của Cửa vừa được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 2000, lại chính là cậu bé 16 tuổi Nguyễn Văn Khi. Năm 1967, ngay giữa lòng ấp chiến lược chợ Cửa dày đặc quân Mỹ mà một mình Khi đã dùng mưu kế hạ thủ 36 tên. Lại cũng ít ai có thể tin rằng, đồng chí Nguyễn Minh Kỳ, Chủ tịch tỉnh Quảng Trị hôm nay, trông hào hoa phong độ đầy

chất chính khách, lại là người đảng viên Cam Lộ năm hăm từ năm 19 tuổi, năm 1967, 21 tuổi đã chủ tịch xã, 23 tuổi bí thư huyện uỷ, tỉnh uỷ viên. Chỉ trong khoảng tám năm, từ 1965 đến năm giải phóng Quảng Trị (1972), Nguyễn Minh Kỳ đã tham gia đánh 600 trận, diệt 105 tên Mỹ...

Gặp bất cứ một gia đình Quảng Trị nào cũng phát hiện ra một huyền thoại. Ngay như ông chủ tịch xã Nguyễn Ngọc Lương, 42 tuổi, đẹp trai, nho nhã đi cạnh tôi đây, tưởng cuộc đời chỉ suôn sẻ giản đơn với mấy việc hành chính của xã và mấy chục mẫu tiêu của nhà, nào ngờ cuộc đời cũng bao biến cố, chìm nổi. Năm 1969 hai người anh trai của Lương đã hy sinh anh dũng khi đang chiến đấu trên quê hương Cam Lộ. Là con trai duy nhất còn lại, năm 1980 Lương lại xung phong đi bộ đội, chiến đấu bốn năm liền ở chốt biên giới...

- Chúng ta sẽ đến thăm một nhân chứng còn lại của hai cuộc chiến tranh
- Nguyễn Ngọc Lương nói.

Chúng tôi theo chủ tịch xã Cam Chính đi trong thoang thoảng hương thơm cay của mùi hồ tiêu trong vườn, vượt qua một lối ngõ hun hút hai bờ tre. Tôi bỗng sững sờ khi ánh lửa của ai đó vụt loé lên soi rõ hai hàng cây xén tỉa thẳng tắp như hai bức tường rào, hai hàng cau như đội tiêu binh dẫn vào ngôi nhà lợp ngói ba gian xinh xắn. Nó gợi ta nhớ đến một làng cổ ở Bắc Bộ, một nhà vườn ở Cổ đô Huế. Phó Chủ tịch huyện Nguyễn Công Phán giới thiệu:

- Nhà của ba mẹ con tôi đó. Ông bà già nghỉ hưu đã hai chục năm, giờ là hậu phương của tụi tôi. Căn nhà này ông xây bằng tiền bán tiêu. Mỗi năm riêng thu hoạch tiêu cũng được hơn chục triệu. Tiền ấy ông bà già không tiêu đến, dành cho các cháu đi học...

Lại một bất ngờ khi tôi phát hiện ra ông già Nguyễn Công Đàm, bố Phán, người đảng viên Cam Lộ duy nhất trong lứa đảng viên trước năm 1954 còn lại. 75 tuổi, bao năm năm hăm, ở rừng, kề bên cái chết, vậy mà trông ông già vẫn sấn chắc, tráng kiện như một lão nông không hề biết đến mùi bom đạn.

- Tui phấn đấu làm thương binh, liệt sĩ suốt bao nhiêu năm mà vẫn không được mô - Cụ Nguyễn Công Đàm vuốt chòm râu bạc cười hà hà, nói vui khi chúng tôi không ngớt lời khen ông đẹp lão. Rồi bằng một giọng chậm rãi, đều đều, ông kể cho chúng tôi nghe về cuộc đời mình:

- Năm 1954, tui 21 tuổi, làm văn thư cho tỉnh uỷ Quảng Trị trên Ba Lòng. Ngày ấy, trước khi phân giới tuyến sông Bến Hải, xã tui có tới 309 đảng viên. Sau, một số hoang mang vượt tuyến ra Bắc. Số còn lại bị giặc lùng sục, bắn giết dã man. Cho tới năm 1959, cả xã Cam Lộ tui chỉ còn sót lại 2 đảng viên, là tui và đồng chí Thái Tấu... Bọn tui đứt liên lạc với tỉnh, phải vào cứ, ăn củ mài, chuối rừng hàng tháng trời... Trước đó, năm 1958, khi thằng Phán mới 2 tuổi, con Phương lên 5, tỉnh thấy tình hình căng thẳng, quyết định đưa ba mẹ con ra Vĩnh Linh. Bà nhà tui và hai con phải ngược lên Lao Bảo - Hướng Hoá, đi bộ hai tháng ròng mới ra tới Hồ Xá. Năm sau, tui được tỉnh điều ra học Nghị quyết 15. Vợ chồng tui gặp nhau. Sau đận ấy, bà nhà tui sinh thằng Nguyễn Công Bắc. Đặt tên Bắc để ghi nhớ lần ra Bắc duy nhất ấy các chú ạ.

- Suốt từ năm 1958, gia đình tôi 5 người, 4 nơi. - Anh Phán tiếp lời cha - Tôi được gửi ra học trường Miền Nam. Chị Phương tôi được sang Nam Ninh, Trung Quốc. Mẹ tôi cùng em Bắc ở Vĩnh Linh, sau chuyển ra Phú Thọ. Cha tôi thì nằm vùng tại Quảng Trị. Năm 1973, sau ngày Đông Hà giải phóng, tôi về tìm ba ở tỉnh uỷ Quảng Trị. Mẹ tôi chỉ ba tôi nói: “Ba mi đó”. Tôi sững sờ, ngỡ ngàng hồi lâu rồi mới ôm chầm lấy ông.

Mới đó mà đã 30 năm. Những nhân vật của câu chuyện còn hiện diện trước mắt tôi mà nghe cứ xa lắc như huyền thoại.

- Thôi, để các chú uống chén rượu với ba mi đã. Bà mẹ Phán, người mẹ vượt tuyến năm 1958, để rồi xa chồng đặng đặng 13 năm, xa hai đứa con đầu 10 năm, giờ tóc đã bạc trắng, nhưng vẫn còn giữ được những nét đẹp phúc hậu thời trẻ, từ này vẫn lúi húi dưới bếp, giờ đột ngột bùng lên một mâm rượu, khiến chúng tôi hoàn toàn bất ngờ.

- Dạ thưa hai bác, chúng cháu đã có hẹn ngoài Quảng Trị...

- Hẹn hò chi. Tối rồi. Cả đời ông tui mới được gặp các chú một lần. Uống một chén rượu Cù với ông tui cho ấm bụng.

Người mẹ mở nút lá chuối, rót rượu ra cốc. Mùi rượu nếp cái thơm lừng, chưa uống đã muốn say.

Chúng tôi cụng ly với người đảng viên già, chứng nhân cuối cùng của vĩ tuyến 17 máu lửa và kiên cường, còn lại.

CÁT BÀ - BỒNG LAI NGƯỜI TRẦN CHƯA THẤY

---* ❖ *---

Tôi đã nhiều lần đến Cát Bà, nhưng những lần trước toàn đi bằng đường thủy. Tàu đón khách từ bến Bính, Hải Phòng, xuôi cửa Nam Triệu, qua đoạn Hà Nam, Phong Cốc thì ngoặt trái qua kênh Cái Tráp, men giữa một bên là đất Quảng Ninh, một bên là đất Cát Hải, Hải Phòng, đến cửa Lạch Huyện lại ngoặt trái vào vịnh Lan Hạ rồi cập cảng Cát Bà. Có một hành trình dài hơn, thường dành cho tàu cao tốc, ấy là khi đến cửa Lạch Huyện thì vòng phía đông nam đảo Cát Bà, nhằm khơi vịnh Bắc Bộ rồi ngoặt về hướng tây, cũng cập cảng Cát Bà. Những ngày gió cấp ba, cấp bốn tàu nhỏ không đi được hướng này vì sóng lớn và hành khách không chịu nổi say sóng.

Thú vị nhất của cái sự đi bằng đường thủy ra Cát Bà, là được ngắm nhìn một phần vịnh Hạ Long tuyệt bích: Vịnh Lan Hạ. Đây là vịnh nhỏ nằm trong vịnh lớn. Từ kênh Cái Tráp, du khách bắt đầu lạc vào muôn vàn đảo đá với thiên hình vạn trạng kỳ thú. Bằng mắt thường đã nhận ra hang Đầu Gỗ, Bãi Cháy, Hòn Gai phía mạn trái con tàu. Và kia hòn Mâm Xôi, hòn Oản, hòn Hải Tiên... Đảo liên tiếp, trập trùng, đứt nối, như những chuỗi ngọc, mà tạo hoá đánh rơi trên mặt biển.

Nhưng đi bằng đường thủy, dù đường trong hay đường ngoài, thì du khách cũng chỉ cập một cảng duy nhất là cảng Cát Bà, nơi có bãi tắm Cát Cò. Cho nên, giống như ông thầy bói xem voi trong câu chuyện cổ nọ, Cát Bà trước đây, với tôi, chỉ là một đảo đá, một cầu tàu cũ kỹ, một vịnh biển khép kín, êm đềm như Hồ Tây với một dãy phố vòng theo mép biển, nhấp nhô những ngôi nhà vài ba tầng bám sát vách đá.

Lần này tôi ra Cát Bà, bằng đường bộ, nghĩa là “cưỡi” ô tô thẳng từ Hà Nội, đến Hải Phòng, qua đảo Đình Vũ, đảo Cát Hải rồi xuyên qua đảo Cát

Bà. Chao ôi! Con đường bộ ra Cát Bà là một phát kiến, một kỳ công vĩ đại của Hải Phòng. Thiết kế một con đường bộ dài 31 kilômét từ trung tâm thành phố Hải Phòng ra tới thị trấn Cát Bà là một kiệt tác của thời kỳ đổi mới. Tất nhiên con đường bộ này còn phải qua hai phà: Phà Đình Vũ, dài tới bảy cây số (tức là rộng hơn Phà Hậu Giang ở phía Nam) và phà Gót từ Cát Hải vượt qua cửa Lạch Huyện sang Cát Bà, dài hơn hai cây số nữa. Riêng hai con phà này đã ngốn của du khách mất gần hai tiếng đồng hồ. Thành thử “đường bộ” ra đảo Cát Bà vẫn lâu hơn tới ba giờ đồng hồ.

Nhưng mà đi đường bộ mới thấy huyện đảo Cát Hải (bao gồm hai đảo lớn Cát Hải, Cát Bà và nhiều đảo nhỏ) là một “vương quốc” thật đa dạng, sinh động và giàu có. Nếu như Cát Hải là một vùng đất phẳng phiu với những bãi sù vẹt xanh um, những cánh đồng muối, cánh đồng tôm bạt ngàn và một con đường nhựa phóng qua những thị tứ, những làng cổ sầm uất thì Cát Bà là một đảo đá chen núi đất, với con đường xuyên đảo quanh co uốn lượn dài 20 cây số từ bến phà Gót đến thị trấn Cát Bà. Một con đường đẹp đến mê hồn, lúc chạy sát mép vực, một bên là núi, một bên là biển, là những bãi cát trắng mịn như làn da con gái, lúc xẻ qua một eo núi, băng qua một bãi sù vẹt rồi đột ngột đâm thẳng ra biển. Đi xuyên đảo mới thấy Cát Bà phong phú đa dạng và kỳ bí vô cùng.

- Thú thực, lần đầu tiên tôi phát hiện ra những chiều kích khác nhau của Cát Bà. Cát Bà là một thiên đường mà người trần chưa nhìn thấy, mắt thường chưa hình dung nổi - Tôi đã nói với Bí thư huyện đảo Cát Hải, Trần Nhật như thế, sau buổi “cưỡi ngựa xem hoa” từ thị trấn Cát Bà đến cửa vườn Quốc gia Cát Bà.

- Anh đã đi xuyên vườn Quốc gia chưa?

Anh Trần Nhật ái ngại về cái lắc đầu của tôi rồi thao thao một hồi:

- Vậy là anh vẫn chưa khám phá được những bí ẩn của thiên nhiên Cát Bà. Chỉ riêng vườn Quốc gia Cát Bà - (được thành lập năm 1986) đã có tới 9.800 hécta rừng, 5.400 hécta diện tích mặt biển với hơn 745 loài thực vật, trong đó có tới 350 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam, cùng 32 loài thú, 69 loài chim và nhiều loài bò sát, lưỡng cư...

Chà, cái ông “chúa đảo” tưởng chỉ biết làm chính trị mà hoá ra cũng là một nhà khoa học, nhớ vanh vách các loài cây loài cá. Tôi khâm phục bí thư huyện đảo và bỗng nhớ lại chuyến đi vườn Quốc gia chớp nhoáng vừa rồi. Cái anh chàng Sơn rất đẹp trai từng là nhân viên vườn Quốc gia Cát Bà, nay về làm hướng dẫn viên du lịch ở thành phố, đã dẫn chúng tôi lên tận đỉnh rừng kim giao, một loại cây đặc hữu sống thành tập đoàn trên một diện tích hàng chục hécta giữa trung tâm vườn Quốc gia Cát Bà. Nghe nói gỗ kim giao sẽ đổi màu, báo cho vua biết có kẻ mưu sát. Tôi ao ước một chuyến đi xuyên rừng quá chừng. Nghe nói khách du lịch nước ngoài thú nhất là tour leo núi này. Phải ba bốn ngày trời mới đi hết được dọc ngang những con đường mòn từ đông sang tây, từ rừng kim giao đến làng cổ Việt Hải, từ động Trung Trang đến Gia Luận. Sẽ gian khổ không kém vượt Trường Sơn, bởi nhiều đoạn dựng đứng, ẩm ướt đầy muỗi vắt, đi hơn trăm mét dốc đã muốn thở đặng tai.

Liệu có ai may mắn trong số du khách vào vườn Quốc gia Cát Bà đã gặp loài voọc đầu trắng? Tôi lại nhớ lúc qua phà Đình Vũ sang đảo Cát Hải, chính tôi đã được một ông già quê gốc ở xã Phù Long kể về loài voọc đầu trắng quý hiếm này. Đứng trên nóc phà ông khoát tay chỉ về phía núi Cát Bà và bảo: “Thời chiến tranh chống Mỹ, thỉnh thoảng chúng tôi theo mấy tay thợ săn qua Cát Bà kiếm vài con thú về cải thiện. Chính tôi đã nhìn thấy tay thợ săn thiện nghệ hạ sát vài chú voọc đầu trắng... Thịt voọc ngon không thể nào tả xiết...”

Vâng. Có lẽ vì sự không tả xiết ấy mà loài linh trưởng quý hiếm bậc nhất thế giới này hình như bây giờ chỉ còn sót lại ở Cát Bà vài chục con cuối cùng. Tôi ao ước, dăm mười năm sau, khi Cát Bà trở thành đảo thiên đường, du khách sẽ đi trong rừng nguyên sinh Cát Bà và nhìn ngắm từng đàn voọc đầu trắng múa lượn trên các cành kim giao.

Sức hấp dẫn, sự mê hoặc của Cát Bà muôn đời vẫn là biển. Một đêm ngủ trong làng cổ Việt Hải, một ngày leo núi, lang thang trong vườn Quốc gia, thám hiểm trong lòng động Hoa Cương, động Trung Trang, leo lên đỉnh Mây Ngàn... nhưng rồi du khách vẫn phải trở về biển để đắm mình dưới làn

nước xanh biếc, trong suốt tới đáy, nằm phơi trên cát trắng mịn và tinh khiết như thủa hồng hoang trên các bãi tắm Cát Cò 1, Cát Cò 2, Bãi Tiên, vẫn phải đến với một trong 500 phòng khách sạn với những cái tên khơi gợi: Giếng Ngọc, Hồng Nhung, Thù Dương, Ngọc Trai, Hoàng Tử...

Chỉ trong vòng ba năm lại đây, Cát Bà đã đô thị hoá với tốc độ chóng mặt. Các nhà đầu tư địa ốc từ Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tấp nập ra mua đất xây cất biệt thự, khách sạn, khu du lịch. Một tổng công ty hàng đầu của ngành xây dựng - Tổng công ty Vinaconex - đang đầu tư một quần thể du lịch ở Cát Bà, mà công trình đầu tiên là một khách sạn 5 sao 15 tầng, đang sừng sững vươn lên dọc con đường sang bãi tắm Cát Cò kia. Dây phố nghèo lô nhô mái ngói âm dương ngày xưa đã như các vũ nữ trong thần thoại Ba Tư, đồng loạt thay áo, khoác lên mình những bộ xiêm y mỏng tang, lộng lẫy, trở thành các cửa hiệu, nhà hàng, khách sạn đón chào khách du lịch. Theo Bí thư huyện đảo Trần Nhật, tiềm năng về tự nhiên của Cát Bà là điều kiện lý tưởng để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tắm biển, du lịch thể thao mạo hiểm, lặn biển, đua thuyền và nghiên cứu khoa học. Nhận thức được thế mạnh này, thành phố Hải Phòng đã tạo điều kiện đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ, khai thác thế mạnh để xây dựng Cát Bà thành một trung tâm du lịch mang tầm quốc gia. Thị trấn với hơn 80 khách sạn, nhà hàng, công trình văn hoá, vui chơi, giải trí đang trở thành một nơi hấp dẫn du khách. Một đại lộ dài hơn ba cây số từ bãi biển Cát Cò, vòng qua cảng cá ôm lấy vịnh Tùng Vụng, khiến cái vụng biển mê hồn này trở thành một quảng trường nước vĩ đại bạt ngàn những nhà nổi nuôi cấy ngọc trai, nuôi cá lồng bè, bạt ngàn những tàu thuyền đánh cá của các tỉnh khắp trong Nam, ngoài Bắc về neo đậu sau những chuyến biển hoặc chuẩn bị đến với những ngư trường Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa và xa nữa giữa Biển Đông mịt mù. Cát Bà đảo cá, nay sôi động hẳn với Cát Bà du lịch. Năm 2003 Cát Bà đón 230.000 lượt du khách, đoạt doanh thu gần 100 tỷ đồng. Tính ra một người dân trên đảo đón hơn 150 du khách trong năm. Con số này vẫn còn quá khiêm tốn. Nếu như dự án xây dựng tuyến đường nối từ ngã ba Chùa Đồng đến bến

Gia Luật để tạo ra một tuyến du lịch mới nối liền Cát Bà với đảo Tuần Châu, Quảng Ninh hoàn thành, chắc chắn lượng du khách sẽ tăng lên nhiều.

Hình như Cát Bà đã nắm được chiếc chìa khoá vàng. Mùa du lịch năm nay Cát Bà mở một lễ hội hoành tráng và tưng bừng nhất trong lịch sử phát triển của mình, một lễ hội trùng hợp với kỷ niệm 45 năm ngày Bác Hồ về thăm đảo, ngày Hội truyền thống của ngành Thủy sản.

Chỗ cầu tàu giữa vịnh Tùng Vụng kia, hình ảnh Bác Hồ đứng nói chuyện với bà con ngư dân đảo Cát Bà vẫn còn như in trong tâm trí bao người. Ngày đó Cát Bà chưa có du lịch. Cái xóm nghèo bao quanh vịnh biển còn xơ xác lắm. Bác Hồ nói: “Biển bạc của ta do nhân dân ta làm chủ”. Lời dạy ấy, giờ trở thành châm ngôn của ngành Thủy sản.

Đêm lễ hội chào mừng mùa du lịch và kỷ niệm ngày Bác Hồ về thăm làng cá Cát Bà được phát sóng trên VTV1 cho cả nước vui với Cát Bà. Cũng dịp này mấy chục thiếu nữ xinh đẹp Hải Phòng cũng tụ hội về đây để bầu chọn người đẹp của thành phố biển. Du khách Tây, Tàu, Á, Âu cùng du khách Việt Nam thức thâu đêm dọc những lều trại của thanh niên Hải Phòng múa hát, uống rượu cần, giao lưu văn nghệ. Các nghệ nhân thiên đấng từ Vĩnh Bảo được mời về Cát Bà để thả đèn trời, hoà với pháo bông, pháo hoa rực sáng, huyền ảo cả một vùng biển.

- Ông thấy chưa, Cát Bà có khác chi một tiểu Hồng Kông?

Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha, người quê gốc Hải Phòng, tác giả kịch bản đêm lễ hội, sau khi kết thúc đêm hội rủ tôi cùng các nghệ sĩ Hồng Nhung, Đăng Dương, Hồ Quỳnh Hương, Trần Bìnhlang thang xuống những lồng bè cá ngoài vịnh ăn cháo cá song, rồi cao hứng chỉ lên dải đèn lung linh như hàng ngàn chuỗi ngọc ven bờ và nói vậy.

Tôi cãi:

- Tôi lại nghĩ khác. Hồng Kông là kiệt tác của nhà trọc trời và siêu thị. Còn Cát Bà là kiệt tác của thiên nhiên. Cát Bà nằm ở cửa ngõ đại kỳ quan thế giới Hạ Long, càng có dáng vẻ một thiên đường. Nếu chúng ta có một đề án quy hoạch tổng thể cho hòn đảo thiên đường này, nếu chúng ta biết

cách biển từng mét vuông mặt đất, mặt biển trở thành vàng ròng, trở thành ngọc trai thì Cát Bà sẽ vượt xa Hồng Kông về mọi phương diện...

Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha nắm tay tôi.

- Thì tôi có mâu thuẫn gì với ông đâu. Vấn đề là chúng ta phải biết thăng hoa khỏi cõi phàm trần để có một con mắt xanh, một bộ óc thông tuệ đánh giá hết tiềm năng của Cát Bà, tổ chức lại Cát Bà để xây dựng hòn đảo ngọc này thực sự trở thành một thiên đường.

THANH ĐẢO THÀNH PHỐ BIỂN MỘNG MƠ



Thanh Đảo, thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, quả là một thành phố cảng lớn và đẹp hơn tôi tưởng nhiều. Lớn hơn cả thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, với hàng trăm nhà chọc trời, những đường cao tầng chòng chẹo, những đại lộ từ tám đến mười làn xe, và con đường bờ biển tuyệt vời.

Không đúng như tên gọi, Thanh Đảo là một bán đảo xanh chứ không phải cô đảo. Tuy Tế Nam mới là thủ phủ của Sơn Đông, nhưng dường như trung tâm kinh tế, thương mại, thủy sản, du lịch và hàng hải lại dồn cả về đây. Nhắc đến Thanh Đảo, người ta nhớ đến ba đặc điểm: Kiến trúc kiểu Đức, bia Tsingtao (tên cũ của Thanh Đảo) và núi Lão Sơn. Kiến trúc Đức hay lối kiến trúc mang dấu ấn Catôlic là đặc trưng của khu phố cổ phía đông thành phố. Đó là một khu nhượng địa của người Đức từ thời nhà Mãn Thanh. Người Đức từ những năm cuối thế kỷ XIX đã đến khai mở tuyến đường sắt từ Thượng Hải đi Bắc Kinh, biến một làng chài ven bờ biển Hoàng Hải thành một trung tâm thương mại. Cũng ngay năm đó, người Đức cho xây dựng một xưởng bia, với công nghệ truyền thống của Đức nhưng nhờ nguồn nước mạch Lão Sơn, (giống như bia Hà Nội của ta nhờ nguồn nước ngầm Yên Phụ) mà trở thành nổi tiếng toàn Trung Quốc với nhãn hiệu bia Tsingtao. Năm 1998 hãng bia Tsingtao kỷ niệm tròn 100 tuổi và từ đó, cứ đến mùa thu hàng năm, Thanh Đảo lại tổ chức phếtivan bia, mời gọi hàng vạn đệ tử bia từ khắp Trung Hoa đại lục, Hồng Công, Đài Loan, và tất nhiên cả hàng nghìn “sâu bia” từ Đức và Tây Âu... Còn Lão Sơn là một dãy núi già và khắc khổ, đỉnh cao nhất chỉ tới 1133 mét, nhưng lại tạo ra vẻ đẹp kỳ ảo và hoang sơ, quyến rũ không biết bao du khách. Lão Sơn hẳn cũng nằm trong mạch tạo sơn của núi Thái Sơn nổi tiếng không chỉ của Sơn Đông mà đã có tầm cỡ toàn cầu, bởi nó từng gắn với tên tuổi của Khổng Tử và các học trò của ông. “Công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ

như nước trong nguồn chảy ra”. Câu ca dao có vẻ thuần Việt Nay hẳn đã mượn địa danh Thái Sơn của đất Sơn Đông? Ngày xưa nơi đây thuộc nước Lỗ, quê hương của Khổng Tử. Nhà triết học vĩ đại của mọi thời đại này đã nhiều lần lên núi Thái Sơn du ngoạn và dựng am để dạy học trò. Đây cũng là vùng đất có địa danh Lương Sơn Bạc nổi tiếng với 108 anh hùng hảo hán được kiệt tác Thủy Hử của Thi Nại Am ghi danh vào lịch sử.

Với những ai quan tâm đến văn học Trung Quốc đương đại, khi đọc “Đàn hương hình” của Mạc Ngôn, cuốn tiểu thuyết kể về cuộc nổi dậy của nông dân vùng đông bắc Cao Mật do Tôn Bính lãnh đạo, chống lại quan Đức và triều đình Mãn Thanh bắt nông dân lao dịch làm con đường sắt Giao Tế đầu thế kỷ XX, sẽ nhận ra ngay sào huyệt của người Đức ngày ấy chính là Thanh Đảo. Về chuyện làm con đường sắt từ Bắc Kinh, qua Tế Nam, xuống Thanh Đảo, rồi đi tiếp đến Thượng Hải này, Mạc Ngôn đã viết ở phần cuối của tiểu thuyết “Đàn hương hình”:

“Cách đây hai mươi năm, khi tôi mới bước vào con đường sáng tác, có hai loại âm thanh luôn xuất hiện bất chợt trong ý thức tôi. Chúng như hai con Hồ ly tinh đẹp mê hồn bám riết tôi, khiến tôi rạo rức không yên... Loại âm thanh thứ nhất đó là tiếng tàu hoả, tiếng tàu hoả chạy hàng trăm năm trên đường sắt Giao Tế cổ lỗ... Loại âm thanh thứ hai là hí kịch Miêu Xoang thịnh hành ở vùng đông bắc Cao Mật...

Tôi đã nghe thấy, sau đó nhìn thấy trước sau năm 1890, khi ấy ông bà tôi còn đang tuổi bú tí, trên cánh đồng thôn xóm chừng hai mươi dặm, kỹ sư đường sắt người Đức vác dụng cụ đo đạc mà nghe nói trên đó gần rất nhiều gương nhỏ, cùng đám công nhân người Trung Quốc đầu để tóc bím, vai vác cọc bằng gỗ hoè, cắm mốc xây dựng con đường sắt Giao Tế. Sau đó lại có rất nhiều lính Đức cắt hết bím tóc của những thanh niên trai tráng Trung Quốc, lột dưới tà vẹt đường sắt. Người đàn ông mà mất bím tóc liền trở thành tàn phế, chẳng khác pho tượng gỗ. Sau đó lính Đức lại dùng la chở rất nhiều con trai Trung Quốc đến một nơi bí mật ở Thanh Đảo, dùng kéo sửa lưỡi để học tiếng Đức, nhằm tạo nhân tài cho việc quản lý đường sắt sau này...”

Câu chuyện hoang đường do Mạc Ngôn nghĩ ra có một phần sự thật nói về công cuộc khởi đầu tư bản hoá của thành phố Thanh Đảo hơn một trăm năm trước. Cho nên cùng với Thâm Quyến và Áo Môn, những nơi gần kề với Hồng Kông và Ma Cao, đã từng lây nhiễm hơi hướng và sắc mùi tư bản, Thanh Đảo được ông Đặng Tiểu Bình đến khảo sát đầu tiên và cho tiến hành thí điểm mở cửa từ những năm 80 của thế kỷ trước. Tôi đã đi ngang dọc khắp các đường phố lớn của Thanh Đảo, ở đâu cũng gặp cơ man áp phích, quảng cáo giới thiệu đủ thứ sản phẩm công nghệ, dịch vụ du lịch và nhắc nhở giữ nếp sống, vệ sinh thành phố, và tất nhiên đâu đâu cũng la liệt tranh ảnh các minh tinh màn bạc, các ca sĩ, người mẫu thời trang... Chỉ có duy nhất một vị lãnh tụ được treo ảnh, đó là đồng chí Đặng Tiểu Bình, người anh hùng số một của Trung Quốc đã đưa đất nước tỷ ba dân này sánh ngang với cường quốc Mỹ, Nhật và Châu Âu. Tấm chân dung bán thân con người vĩ đại này cao tới vài mét, tay chỉ, mắt nhìn ra biển, sừng sững giữa quảng trường toà thị chính thành phố.

*

Hai mươi năm qua, giống như Thâm Quyến và Áo Môn, Thanh Đảo phát triển với tốc độ chóng mặt. Theo Phương Oanh, cô phiên dịch người Quảng Tây, nói tiếng Việt như người Hà Nội, thì Thanh Đảo được coi là thành phố đẹp và sạch nhất Trung Quốc. Thời Giang Thanh còn là ái phi của Mao Chủ tịch, hầu như năm nào bà cũng về nghỉ ở thành phố có trường đại học Thanh Đảo nổi tiếng, nơi đã phát tích sự nghiệp chính trị của bà.

Quả là những du khách sành điệu có con mắt xanh khi chọn Thanh Đảo để thăm thú. Sau gần một giờ bay từ sân bay Seoul qua biển Hoàng Hải, tôi đã ngỡ ngàng khi ngắm nhìn dưới cánh máy bay hiện ra những hàng cọc khổng lồ đóng dọc theo một dải bờ biển. Đó là hàng trăm toà nhà hai mươi, ba mươi tầng với những kiểu dáng khác nhau góp phần làm cho bộ mặt của thành phố hiện đại và tươi trẻ. Như một kẻ tham lam, vừa từ sân bay Liu Ting về khách sạn, tôi đã bỏ đi tìm mua một bản đồ giao thông và du lịch thành phố, và sau đó, như một gã An Nam bụi, tôi trèo lên xe buýt, tôi lang thang đi bộ qua các góc ngách của những khu nhà từ thời công xã của tầng

lớp dân nghèo. Giống như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Đông, những thành phố lớn của Trung Quốc mà tôi đã đến mười năm trước, đường phố Thanh Đảo cũng nghiêm cấm xe máy và xe đạp. Rất hiếm hoi mới thấy một chiếc xe máy hoặc xe đạp trên làn đường dành cho người đi bộ. Ấy là xe của cá anh bưu tá đưa thư và những người lao công có giấy phép đặc biệt. Cả thành phố Thanh Đảo hơn hai triệu rưỡi nhân khẩu, bằng nội thành Hà Nội ta, chỉ lưu thông trên đường bằng ô tô, tàu hỏa và xe điện bánh hơi. Đông nhất là taxi và xe buýt. Xe hàng ba, hàng tư nối đuôi nhau. Nghe nói, để cấm xe đạp và xe máy, ngoài việc mở rộng hệ thống đường sá, chính quyền thành phố đã có biện pháp bắt buộc cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên... phải gương mẫu đi làm, đi học bằng xe buýt. Đây cũng là biện pháp hạn chế cán bộ sử dụng xe máy, xe đạp đi lang thang trong giờ hành chính. Taxi và xe buýt Trung Quốc nói chung không đẹp và sang như Việt Nam ta. Toàn một loại taxi nội địa, sơn đơculơ hai màu, dưới là màu mận chín, trên nóc là trắng hoặc vàng nhạt, còn xe buýt thì đủ kiểu, có loại to như xe côngtenơ, hai tầng, có lại chỉ hai tư chỗ ngồi, cũng nội địa hết, trông rất nồi đồng cối đá. Riêng hai binh chủng ta xi và xe buýt đã chiếm lĩnh hầu như toàn bộ mặt đường, cộng với một nửa số xe tư nhân, cơ quan nhà nước nữa, tất cả nối đuôi nhau, trật tự và kỉ cương, lưu thông trên đường phố. Tôi đếm trên bản đồ, thành phố bề ngang từ trung tâm ra sân bay chừng hai mươi cây số, từ đông sang tây chừng năm chục cây số mà có tới hơn hai trăm tuyến xe buýt. Loại xe buýt đi đường gần và các tuyến trong nội thành, hành khách có thể điện tử, như loại thẻ điện thoại công cộng, mỗi lần lên xe chỉ việc chìa thẻ trước hộp kiểm tra, thẻ sẽ bị trừ một số tiền tương ứng với một lần đi. Loại xe buýt đi đường dài, như tuyến du lịch lên núi Lão Sơn, du khách phải mua vé. Giá taxi và xe buýt ở Thanh Đảo cũng rẻ tương tự như ở Hà Nội. Chỉ cần năm tệ, bằng mười ngàn đồng của ta, là chu du được khắp thành phố. Một điều rất lý thú là đa phần các tài xế xe buýt và taxi ở Thanh Đảo là phụ nữ. Ai cũng to cao, bệ thế. Họ khiến tôi nghĩ đến Tôn Nhị Nương và Cố Đại Tẩu, hai nữ quái kiệt trong Thủy Hử. Lạ thật, ở cái vùng đất thần tiên này mà sao rất ít gặp người đẹp. Gương mặt phụ nữ thường cùng mô tuýp to bè, thô và nặng nề. Bù lại, họ có nước da tuyết vời,

trắng, hây hây, và một phom người lý tưởng, ai cũng cao trên mét bảy, chân dài, mỏng, ngực tràn đầy sắc dục, đúng như tên gọi cuốn tiểu thuyết “Mông to vú lớn” của Mạc Ngôn mà các nhà biên dịch của ta đã thanh tao hoá đi thành “Báu vật của đời”.

Những ngày lang thang trên xe buýt và đi bộ tới mức các ngón chân sưng tấy lên, phải bọc giấy mềm mới đi giày được, tôi phát hiện ra hai điều lạ lùng ở Thanh Đảo.

Thứ nhất là thành phố này không có xe rác, xe tải. Kì lạ, hàng trăm ngôi nhà cao tầng, biệt thự cùng nhất tề xây dựng, sửa chữa, đất, cát, vôi, vữa rác thải hàng núi mà sao tịnh không thấy một xe tải, xe vệ sinh nào chạy qua đường nhỉ? Tôi thử đi bộ tắt qua khu phố đang xây dựng gần đại lộ Hồng Kông. Những ngôi nhà hơn chục tầng đang được thi công hối hả. Hàng chục cần cẩu, hàng trăm công nhân đang làm việc, nhưng tất cả đều được giấu kín trong những tấm vải bạt che, ít ai biết. Vào quãng hai giờ sáng, không ngủ được, từ tầngg mười lăm khách sạn năm sao Regiency, tôi mở cửa sổ nhìn xuống đường - Và tôi đã hiểu ra. Bây giờ mới là kíp làm việc của xe tải, xe rác và những người lao công. Trong cái gió rét hun hút đới chí tuyến bắc đầu đông, tôi như nghe thấy tiếng chổi của chị lao công dưới đường phố kia. Ôi, hoá ra ở Thanh Đảo bây giờ vẫn như Hà Nội những năm sáu mươi của thế kỷ trước, người ta vẫn quét rác vào ban đêm. Bỗng nhớ câu thơ của Tố Hữu: “Đêm đêm, tiếng chổi tre, bên hè, chị quét...” đây là phát hiện và cảm hứng của nhà thơ về một thời. Bây giờ các đường phố ở ta, người ta quét vào ban ngày. Lúc nào đường cũng bụi mù. Khách đi đường như bị ném đất, ném rác vào mặt.

Điều kỳ lạ thứ hai là một tuần ở Thanh Đảo nhưng hầu như tôi khôn thấy cảnh sát. Hay là họ ăn mặc dân sự, cũng sovin, complê như khách bộ hành để dễ bề trà trộn, theo dõi người đi đường? Tôi lại nhớ Hà Nội đến nao lòng. Chúng ta đang hoang sắc phục chứ đâu có phải nghi trang như họ. Chí ít mỗi ngã ba ngã tư đường phố “cắm” vài bộ sắc phục màu vàng cho nó bề thế. Ấy vậy mà tình trạng vi phạm giao thông vẫn không sao kể xiết, có tăng bao nhiêu sắc phục màu vàng cũng không xuể. Nhiều khi các đồng

chí cảnh sát đành dùng kế mai phục. Cảnh đầu gấu, chuyên vượt ẩu, lạng lách gọi họ là các “anh hùng Núp”, bởi thỉnh thoảng từ đâu đó, họ bỗng hiện ra. Thế là một con gười vượt ẩu bị tóm gọn. Ở Thanh Đảo không có cảnh sát giao thông. Vì làm gì có xe máy, xe đạp để cho họ bắt? Tất cả các loại xe lưu thông trên đường phố đều chỉ phải tuân thủ theo luật giao thông và theo tín hiệu biển báo, đèn đường.

Có một lực lượng tham gia giữ trật tự giao thông và vệ sinh đường phố mà tôi gặp ở công viên Trung Sơn, dọc đại lộ Đông Hải ven bờ biển và một số đường phố lớn. Ấy là lực lượng hưu trí, tuổi trên sáu mươi. Họ mặc quần áo xanh rêu, khoác ghi lê vàng phản quang, đội mũ mỏ vịt màu đỏ, tay cầm cờ. Cứ hai, ba trăm mét lại có một người. Cũng với những người già, cả đàn ông và đàn bà, chắc hoàn cảnh khó khăn, hàng ngày cần mẫn đẩy xe cút kít đi nhặt rác, lá rụng trên cá thảm cỏ, đội quân thuộc diện xóa đói giảm nghèo này làm nhiệm vụ các vệ sinh viên, trật tự viên và nhiều khi kiêm cả nhiệm vụ của cảnh sát đô thị. Tĩnh không thấy các ông bà già ngồi ven hè phố bán chè chén, càng không hề thấy người bán vé số, cắt tóc, buôn bán vặt nhạn nhản bên hè đường như ta.

Có lẽ bởi một cách quản lý, điều hành đô thị như thế mà tôi có cảm giác một mét vuông đất ở bất cứ nơi nào của Thanh Đảo cũng có bàn tay chăm chút của con người. Chớm đông giá rét mà chỗ nào cũng mướt xanh thảm cỏ. Một cây non mới trồng cũng được quấn rơm chống rét từ gốc lên đến ngọn, được đỡ ba bề cọc chống cho khỏi đổ vì gió mạnh. Ngay như một mẫu thông tin kiểu “khoan bê tông”, “đào giếng khoan” của ta, cũng được quy định một cách chi tiết. Tôi chú ý tới những mảnh giấy, được in sẵn theo mẫu quy định, nhỏ xinh như nhãn vở học trò, dán rải rác dưới gót chân người đi bộ. Đó chính là những tờ thông tin: khoan bê tông, đào giếng, sửa nhà vệ sinh v.v... kèm theo các số điện thoại và địa chỉ cần giao dịch. Hoá ra cái nền tảng đô thị một trăm năm trước đã được con người thời hiện đại tiếp thu và nâng lên một tầm mới. Thú vị biết bao là được thả bộ dọc đường bờ biển, phóng tí tằm mắt qua biển Hoàng Hải và ngỡ như nhìn thấy đất nước Đại Hàn ở sau vùng nước mờ mịt kia. Khác hẳn với các đường phố

bờ biển của ta, đường chưa làm xong, các cơ quan, tư nhân đã xí phần, xây nhà nghỉ, biệt thự để giành giật mặt đường, mở quán kinh doanh, ở Thanh Đảo, hàng chục cây số dọc bờ biển, không một cơ quan, cá nhân nào được chiếm dụng mặt tiền. Tất cả chỉ được quyền xây dựng trong tường rào. Từ tường rào đến đường đi bộ, rồi đại lộ, là một thảm cỏ và dải cây xanh, điểm xuyết những tượng vườn, những cụm non bộ điệu dàng như muốn hút hồn người. Thả bộ dọc dải công viên biển dài hàng chục cây số ấy, khác nào đi giữa thiên đường. Câu hát dựa theo thơ của Trần Đăng Khoa cứ ngân lên: “Biển một bên và em một bên”. Không có em đã thấy sướng, có em chắc sẽ thành tiên. Thảo nào hàng trăm cặp tình nhân Thanh Đảo cứ đến mùa cưới là kéo nhau ra bờ biển để quay phim, chụp ảnh, ghi lại những khoảnh khắc hạnh phúc nhất của đời người.

Table of Contents

PHẦN 1 Thôn Quê Liệt Truyện

HỒI THỨ I

MÙA WORLD CUP VỀ LÀNG

HỒI THỨ II

ĐI LĨNH THƯỞNG

PHẦN II Thôn Quê Ký Sự

HỒI THỨ III

ĂN VÀ NHÀ NƯỚC

HỒI THỨ IV

TỪ ĐÌNH TẶC ĐẾN NẮP CÔNG TẶC

HỒI THỨ V

LỄU CHÔNG ĐI THI

HỒI THỨ VI

CUỖI BÒ ĐI TẬU VỢ CHO CON

HỒI THỨ VII

ĐI CHU ĐI MÁT XA

HỒI THỨ VIII

CHUYỆN KINH DỊ Ở LÀNG

HỒI THỨ IX

THÁM TỬ DÊ

Hồi Thứ X

THI SĨ LÀNG

HỒI THỨ XI

HOẠN THƯ THỜI HIỆN ĐẠI

HỒI THỨ XII

TÌNH YÊU MỘT THUỞ

HỒI THỨ XIII

LÊN CHÙA MƠ GẶP THỊ MẦU

HỒI THỨ XIV

TAY CHƠI NHÀ QUÊ

LÀNG TÔI

CHUYỆN THẬT NHƯ ĐÙA

LÀNG TÔI

BỐN LẦN MỖ, VẪN TỰ XÂY CẤT MỘT
NGÔI NHÀ

LÀNG TÔI

NHỮNG TỶ PHÚ ĐỒNG CHIÊM

LÀNG TÔI

NGƯỜI NÔNG DÂN CÓ MƯỜI BẰNG
DŨNG SĨ

PHẦN III Những Người Đã Gặp

NGUYỄN KHẮC KIÊN MỘT ĐỜI LÀM THỦY ĐIỆN

NGƯỜI XUYỀN QUA TẦNG ĐÁ GỐC

“CÔNG TỬ BẠC LIÊU” GỐC HÀ TÂY

TỶ PHÚ HẢI PHÒNG Ở MŨI CÀ MAU

CON TÀU TRẮNG

MỘT CÁNH BUỒM VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI

THỦY TẶC VÀ TRIỂN VỌNG VỀ NHỮNG VÙNG BIỂN

TRONG NHƯ NƯỚC LỌC!

NHỮNG ĐIỀU CHƯA BIẾT VỀ HAI VỢ CHỒNG CỦA KIẾN

TRÚC SỰ HUỲNH TẤN PHÁT

BÀ TIẾN SĨ CUA VÀ BÀ TIẾN SĨ ỐC

XUẤT KHẨU SỨC NGƯỜI GẶP GHÈNH MUÔN NỖI

MỐI TÌNH VIỆT - HOA VÀ CUỘC SĂN ĐÀU NGƯỜI Ở

SINGAPORE

PHẦN IV Những Vùng Đất Đã Qua

THƯƠNG NHỚ VÂN ĐỒN

MỘT NGÀY SÔNG GIANH

NƯỚC TA CÓ MỘT CÔN ĐẢO

MIẾU VẤN CỦA THĂNG LONG NGHÌN TUỔI

CHỨNG NHÂN CAM LỘ

CÁT BÀ - BỒNG LAI NGƯỜI TRẦN CHƯA THẤY
THANH ĐẢO THÀNH PHỐ BIỂN MỘNG MƠ